

PHỤ LỤC I
BIỂU TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ NGÀNH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số 77 /BC-STC ngày 25/01/2026 của Sở Tài chính)
Số liệu tổng hợp đến ngày 25/01/2026

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I	Bộ Tài chính (Văn bản số 888/BTC-QLQH ngày 23/01/2026)	
	1. Về bố cục Báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 Theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại điểm o khoản 2 Điều 27 của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan; nội dung việc xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, cần rà soát, sắp xếp lại toàn bộ bố cục của Báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Báo cáo) bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, báo cáo QHT sẽ được bố cục lại theo quy định hiện hành.
	2. Về nội dung Báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	
1	Nhận xét chung	
	Để hoàn thiện thêm, đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm và chỉnh lý Báo cáo theo hướng:	
	- Bổ sung ngắn gọn, rõ ràng các nội dung không có sự thay đổi hoặc vẫn được kế thừa từ các Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang và Quy hoạch tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập). Cần chỉ rõ các nội dung quy hoạch không thay đổi mà chỉ chỉnh lý tên địa danh sau sáp nhập	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, đơn vị lập Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ điều chỉnh cấu trúc nội dung theo hướng xác định các nội dung kế thừa từ 2 quy hoạch tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang trước sáp nhập, nội dung điều chỉnh 2 quy hoạch tỉnh cũ, và nội dung quy hoạch mới trong giai đoạn 2025-2030.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Bổ sung, làm rõ, hoàn thiện thêm các nội dung sau: (i) Đánh giá, phân tích làm nổi bật những nét đặc trưng, đặc thù của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập); (ii) Xác định đầy đủ những tồn tại, hạn chế khi triển khai các quy hoạch giai đoạn trước và quy hoạch của 02 tỉnh trước khi sáp nhập (Tuyên Quang, Hà Giang) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt[1]; những điểm nghẽn, mấu chốt của vấn đề cần được giải quyết sau khi sáp nhập 02 tỉnh trên; (iii) Bổ sung nội dung về vị thế, vai trò của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc và quốc gia; (iv) Rà soát, xem xét, luận chứng và lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá trọng tâm, rõ ràng; (iv) Hoàn thiện đầy đủ các nội dung còn trống trong Báo cáo; rà soát, bổ sung đầy đủ trích dẫn nguồn của các số liệu trong Báo cáo. Các nội dung này sẽ được góp ý rõ hơn, chi tiết và cụ thể tại các mục 2.3 đến mục 2.15 của văn bản này [1] Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, đơn vị lập Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã phân tích, đánh giá những nét đặc thù của tỉnh Tuyên Quang mới, sau sáp nhập, đồng thời đã đánh giá, xác định những tồn tại, hạn chế khi triển khai thực hiện các quy hoạch 2 tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang trong giai đoạn trước. Nội dung về vị thế, vai trò của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc và quốc gia đã được xác định là một hành lang quan trọng của vùng TDMNPB, kết nối vùng Tây Nam Trung Quốc với các tỉnh trung du miền núi phía Bắc và vùng ĐBSH. Trong đó quốc lộ 2, cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, Tuyên Quang Phú Thọ, Nội Bài - Lào Cai là trục kết nối chính. Tuyên Quang cũng có vai trò là tỉnh liên kết giữa khu vực Tây Bắc và Đông Bắc. Tiếp thu ý kiến góp ý, các nguồn số liệu trong báo cáo sẽ được trích dẫn đầy đủ.
	- Rà soát, cập nhật nội dung điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 252/2025/QH15; nội dung điều chỉnh các quy hoạch ngành đã được phê duyệt	Tiếp thu ý kiến góp ý, Điều chỉnh QHT Tuyên Quang đã kế thừa nội dung của các quy hoạch ngành cấp quốc gia.
	- Rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch bảo đảm tuân thủ quy định tại mục IX Phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP. Nội dung Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang phải được thể hiện đúng và đầy đủ trên hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đo đạc bản đồ	
2	Về căn cứ pháp lý	
	Đề nghị rà soát, bổ sung một số văn bản pháp luật có liên quan cần phải tuân thủ trong quá trình điều chỉnh quy hoạch; nghiên cứu bổ sung một số định hướng lớn có liên quan đến các ngành, lĩnh vực tương ứng, phù hợp với đặc thù tính chất và	Tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang sẽ cập nhật các căn cứ pháp lý theo ý kiến góp ý.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	điều kiện của tỉnh trong quá trình Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã được Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, cụ thể: - Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội; - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; - Nghị quyết số 66.3/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh; - Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch các ngành được ban hành sau ngày 08 tháng 12 năm 2023 mà hiện đang còn hiệu lực (ví dụ như: Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045; Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia...). Đồng thời, đề nghị rà soát, loại bỏ các văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực	
3	<i>Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Tuyên Quang</i>	
	Nội dung này trong Báo cáo chưa có đánh giá chung về điều kiện phát triển đặc thù và hạn chế của tỉnh Tuyên Quang sau khi sáp nhập. Đề nghị cần làm rõ theo các nội dung sau: - Đề nghị bổ sung phân tích khả năng khai thác sử dụng hợp lý vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, những lợi thế và bất lợi với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập). Tuyên Quang và Hà Giang (trước sáp nhập) là hai tỉnh láng giềng, có đường địa giới hành chính chung ở phía Bắc của Tuyên Quang và phía Nam của Hà Giang. Cả hai tỉnh có điều kiện địa hình, địa mạo tương đồng, đều thuộc vùng núi phía Bắc Việt Nam, có địa hình chủ yếu là đồi núi cao, hiểm trở và bị chia cắt mạnh; có sông Lô chảy qua cả 02 tỉnh; có nhiều nét tương đồng	Tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang sẽ bổ sung phân tích về những lợi thế và bất lợi với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập).

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	về tài nguyên rừng và khoáng sản; có tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú	
	- Đề nghị xác định rõ vị thế và vai trò của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc và trong vùng động lực phía Bắc theo Nghị quyết số 252/2025/QH15; bổ sung phân tích khả năng cạnh tranh và liên kết phát triển của tỉnh với tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ (sau sáp nhập)	Tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang sẽ bổ sung nội dung xác định vị thế và vai trò của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc và trong vùng động lực phía Bắc
	- Đề nghị rà soát, bổ sung phân tích cụ thể các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) trong thời kỳ quy hoạch	Tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang sẽ bổ sung phân tích các yếu tố điều kiện quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển của tỉnh Tuyên Quang.
	- Đề nghị bổ sung số liệu về tổng dân số của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập); phân tích vấn đề cơ cấu dân số vàng và già hóa dân số; tính đặc thù của lao động tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập)	Tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang sẽ bổ sung phân tích các yếu tố điều kiện phát triển của tỉnh Tuyên Quang về dân số, đặc thù lao động ...
	- Đề nghị bổ sung mức độ thụ hưởng về điều kiện xã hội của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập), so sánh với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Thủ đô và cả nước	Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị lập quy hoạch sẽ cân nhắc bổ sung nội dung này.
	- Đề nghị bổ sung phân tích đánh giá tổng thể các cơ hội, thách thức để làm rõ các lợi thế, đặc thù của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập)	Nội dung này đã được thể hiện trong BCTH Quy hoạch tỉnh.
4	<i>Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh</i>	
	- Đề nghị bổ sung phân tích về thực trạng tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng trưởng, quy mô GRDP, GRDP bình quân đầu người, chuyển dịch cơ cấu kinh tế) của 02 tỉnh (Tuyên Quang, Hà Giang) phân tích mối tương quan so sánh về quy mô nền kinh tế và tốc độ tăng trưởng GRDP giữa 02 tỉnh (trước khi sáp nhập) và các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc; từ đó nhận diện được sự khác biệt rõ nét về thực trạng phát triển kinh tế của 02 tỉnh này	Do đến nay tỉnh Tuyên Quang mới đã hình thành, việc phân tích theo các tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang cũ đã không còn phù hợp, vì vậy BC điều chỉnh Quy hoạch tỉnh sẽ không phân tích riêng từng tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang trước sáp nhập mà phân thực trạng sẽ phân tích tình hình thực hiện chung của cả 2 tỉnh, cơ bản không phân tích riêng.
	- Về thực trạng phát triển công nghiệp, đề nghị bổ sung: (i) Đánh giá về số lượng lao động, cơ sở sản xuất công nghiệp, năng suất lao động, trình độ khoa học công nghệ trong các phân ngành chủ chốt của tỉnh như công nghiệp chế biến lâm sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng,... để có cơ sở lựa chọn các ngành công	Tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang sẽ bổ sung phân tích về các nội dung thực trạng phát triển của tỉnh theo góp ý của Bộ.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ngành chủ lực tập trung phát triển trong kỳ quy hoạch; (ii) Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển công nghiệp; xác định vai trò của ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) trong thời kỳ quy hoạch để đề xuất chính sách phát triển phù hợp; (iii) Phân tích tình hình hoạt động của khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) trong đó làm rõ các vướng mắc, khó khăn, đóng góp của KCN, CCN trong giai đoạn 2021-2025 về thu hút đầu tư, đóng góp ngân sách, giải quyết việc làm, xây dựng nhà ở thiết chế công nhân, người lao động làm việc trong KCN, CCN ... có so sánh với các địa phương trong vùng, qua đó đề xuất các giải pháp giải quyết các vướng mắc trong giai đoạn tới; đồng thời làm cơ sở tính toán phương án phát triển và khả năng lấp đầy KCN, CCN trong giai đoạn 2021-2030 đảm bảo tính khả thi, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất; (iv) Tình hình triển khai các dự án vào khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy như tiến độ triển khai, tính chất, sự đồng bộ của hệ thống cơ sở hạ tầng tại khu kinh tế cửa khẩu này; (v) Về KCN Sơn Nam, tại Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập)[1], KCN Sơn Nam được xác định nằm trong khu vực tiềm năng khoáng sản theo Luật Khoáng sản và tỉnh đã có chủ trương dừng mở rộng và chuyển đổi KCN Sơn Nam thành đất sản xuất, do vậy, đề nghị bổ sung đánh thực trạng tình hình chuyển đổi KCN Sơn Nam thành đất sản xuất đến thời điểm hiện nay [1] Hoàn thiện theo Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025	
	- Về thực trạng phát triển nông nghiệp, đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá tiềm năng và lợi thế, liên kết sản xuất nông nghiệp hàng hoá theo các vùng sản xuất tập trung, sản xuất nông nghiệp an toàn và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập)	Tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang sẽ bổ sung phân tích về các nội dung thực trạng phát triển của tỉnh theo góp ý của Bộ.
	- Về thương mại, dịch vụ, du lịch, đề nghị: (i) Bổ sung một số nội dung như sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh; quy mô giá trị ngành lưu trú, dịch vụ du lịch; tính liên kết vùng trong du lịch; lực lượng lao động, các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thương mại, dịch vụ, du lịch; (ii) Phân tích kỹ hơn thực trạng ngành dịch vụ, so sánh với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Thủ đô	Tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang sẽ bổ sung phân tích về các nội dung thực trạng phát triển của tỉnh theo góp ý của Bộ.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về dân số, lao động, đề nghị rà soát, bổ sung đánh giá hiện trạng về lao động, việc làm và an sinh xã hội gắn với không gian phát triển hạ tầng và gắn với việc bố trí quỹ đất của tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang (trước sáp nhập) cho phát triển trong thời gian vừa qua	Tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang sẽ bổ sung phân tích về các nội dung về hiện trạng về lao động, việc làm và an sinh xã hội của tỉnh theo góp ý của Bộ.
	- Về hiện trạng phát triển giáo dục và đào tạo, đề nghị bổ sung đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng giảng viên, học sinh và sinh viên theo học tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) nhằm đảm bảo vị thế vai trò trung tâm của vùng về giáo dục và đào tạo	Tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang sẽ bổ sung đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng giảng viên, học sinh và sinh viên theo học tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập).
	- Về hiện trạng phát triển y tế, đề nghị bổ sung phân tích về năng lực cung ứng dịch vụ y tế theo từng lĩnh vực: Khám chữa bệnh và phục hồi chức năng, y tế dự phòng/y tế công cộng, kiểm nghiệm, dân số kế hoạch hóa gia đình... Đối với lĩnh vực khám chữa bệnh cần bổ sung phân tích khả năng đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) (số lượt khám bệnh, số lượt điều trị nội trú theo tuyến và theo từng chuyên khoa, tỷ lệ khám chữa bệnh đa tuyến ngoại tỉnh)	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, nội dung báo cáo Điều chỉnh QHT Tuyên Quang đã thể hiện các nội dung này, sẽ bổ sung phân tích thêm về năng lực cung ứng dịch vụ y tế theo từng lĩnh vực: Khám chữa bệnh và phục hồi chức năng, y tế dự phòng/y tế công cộng, kiểm nghiệm, dân số kế hoạch hóa gia đình.
	- Về hiện trạng sử dụng đất, đề nghị rà soát, tập trung đánh giá về tính hợp lý, hiệu quả của việc phân bổ, sử dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất của từng loại đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm sáng tỏ các vấn đề bất cập, hạn chế trong việc triển khai quy hoạch sử dụng đất của từng địa phương trước khi sáp nhập; các vấn đề trọng tâm cần giải quyết sau khi sáp nhập. Đồng thời, bổ sung đánh giá tiềm năng đất đai cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ,... của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập)	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã bổ sung nội dung đánh giá về đất đai, các hạn chế trong việc triển khai quy hoạch sử dụng đất của địa phương trong giai đoạn 2021-2025.
	- Về thực trạng hệ thống đô thị và nông thôn, đề nghị bổ sung đánh giá tổng quát những khó khăn, hạn chế và thiếu sót của hệ thống đô thị - nông thôn sau khi sáp nhập 02 tỉnh, phân tích nguyên nhân của những hạn chế thiếu sót nêu trên. Đồng thời, đề nghị bổ sung phân tích khả năng phát triển đô thị làm động lực để thúc đẩy phát triển của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập)	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã bổ sung nội dung đánh giá về đô thị.
	- Về thực trạng phát triển KCN và CCN, đề nghị cấu trúc lại nội dung thực trạng phát triển các khu chức năng đảm bảo tương thích theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017; bổ sung các thông tin chung về các KCN, CCN như: Tên, vị trí, quyết định phê duyệt, diện tích được phê duyệt, diện tích đất	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã bổ sung nội dung đánh giá về các khu chức năng, KCN, CCN.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	công nghiệp, diện tích đã triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng, diện tích đất đã giao cho nhà đầu tư, diện tích chưa triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng, ngành nghề hoạt động, tỷ lệ lấp đầy...	
	- Về hiện trạng hạ tầng giao thông, đề nghị bổ sung: (i) Số liệu để đánh giá hiện trạng, so sánh với 02 quy hoạch đã được phê duyệt[1], mức độ đáp ứng của nguồn vốn đầu tư so với nhu cầu vốn theo quy hoạch thời kỳ trước; (ii) Kết quả dự báo nhu cầu vận tải cho tất cả tuyến đường địa phương làm cơ sở quyết định quy mô, công suất, tiến trình đầu tư các công trình giao thông; (iii) Phân tích rõ hơn tính kết nối giữa các phương thức vận tải; kết nối với các địa phương, vùng lân cận; đánh giá tính kết nối các phương thức vận tải với các đô thị, các KCN, CCN hiện trạng và dự kiến tương lai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) để làm cơ sở cho việc đề xuất các tuyến đường mới [1] Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 và Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã bổ sung nội dung đánh giá về hiện trạng hạ tầng giao thông của tỉnh Tuyên Quang (bao gồm tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sáp nhập).
	- Về hạ tầng các công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai, đề nghị bổ sung đánh giá khả năng chống chịu thiên tai của hệ thống cơ sở hạ tầng; đánh giá tác động phát triển kinh tế - xã hội đến nguy cơ rủi ro thiên tai, như phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, đô thị hóa, các khu công nghiệp...	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã bổ sung đánh giá khả năng chống chịu thiên tai của hệ thống cơ sở hạ tầng; đánh giá tác động phát triển kinh tế - xã hội đến nguy cơ rủi ro thiên tai.
	- Về hạ tầng y tế, đề nghị bổ sung khả năng tiếp cận tới các dịch vụ y tế của người dân trong tỉnh sau sáp nhập về thời gian và khoảng cách theo từng tuyến; bổ sung phân tích dự báo về quy mô giường bệnh, nhu cầu nhân lực theo quy mô dân số và thực trạng, nhu cầu sử dụng đất cho các cơ sở y tế	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã bổ sung đánh giá về khả năng tiếp cận tới các dịch vụ y tế của người dân trong tỉnh sau sáp nhập
	- Về hạ tầng thương mại, đề nghị bổ sung: (i) Đánh giá về hiện trạng phát triển hệ thống cơ sở, dịch vụ khác phục vụ du lịch như: ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí...; (ii) Đánh giá về hiện trạng phát triển các trung tâm logistics, mạng lưới kho bãi hàng hóa; (iii) Đánh giá hiện trạng, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng hệ thống kho xăng dầu khí đốt trên địa bàn tỉnh; đồng thời, bổ sung nhu cầu về quy mô, sức chứa của hệ thống kho xăng dầu khí đốt trên địa bàn tỉnh	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng về hệ thống cơ sở, dịch vụ khác phục vụ du lịch.
	- Về thực trạng thoát nước, xử lý nước thải (XLNT) và chất thải rắn (CTR), đề nghị bổ sung bảng tổng hợp các trạm XLNT, CTR và quy mô công suất để đánh giá được tỷ lệ nước thải, CTR đã được thu gom và xử lý (đặc biệt là nước thải và CTR	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng về thoát nước, xử lý nước thải.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	sinh hoạt); bổ sung đánh giá công tác quản lý chất thải nguy hại để có cơ sở lập quy hoạch khu xử lý chất thải cho phù hợp; làm rõ quy hoạch các khu xử lý chất thải nguy hại (địa điểm, quy mô, phạm vi xử lý) bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường	
	- Về hạ tầng phòng cháy chữa cháy, đề nghị cập nhật hiện trạng về nguy cơ cháy nổ và hiện trạng hạ tầng phòng cháy, chữa cháy	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng về hạ tầng phòng cháy chữa cháy.
	- Về phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức, đề nghị nghiên cứu làm rõ thêm những hạn chế của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập), nổi bật là: (i) Vị trí địa lý do nằm gần các trung tâm kinh tế lớn, các cực tăng trưởng của cả nước nên tỉnh chịu áp lực cạnh tranh lớn từ các địa phương trong việc tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm của tỉnh. Khoảng cách từ Tuyên Quang đến Hà Nội, các cảng biển (Hải Phòng, Quảng Ninh), sân bay (Cát Bi, Hà Nội) lại xa hơn so với Thái Nguyên, Phú Thọ. Nếu không phát huy được thế mạnh, tạo ra lợi thế riêng biệt thì Tuyên Quang sẽ gặp nhiều bất lợi hơn so với các tỉnh lân cận trong thu hút đầu tư, du lịch, đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp; (ii) Kết cấu hạ tầng chưa được đồng bộ, liên kết vùng còn nhiều bất cập. Địa hình phức tạp, bị chia cắt lớn; quỹ đất phát triển hạn chế do thiên tai nên việc đầu tư xây dựng rất tốn kém; (iii) Quy mô kinh tế còn nhỏ, xuất phát điểm của nền kinh tế còn thấp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong các ngành kinh tế còn chậm, chưa rõ nét. Dư địa cho tăng trưởng dài hạn không còn nhiều (đặc biệt là trong sản xuất và phân phối điện), các ngành có tiềm năng như công nghiệp chế biến thì lại bị thiếu điện	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung phân tích về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức.
	- Về đánh giá thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt, đề nghị bổ sung đánh giá, phân tích về việc thực hiện các Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên các phương diện như đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu, kết quả thực hiện quy hoạch một số lĩnh vực quan trọng	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
5	<i>Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển</i>	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về quan điểm phát triển, đề nghị rà soát các quan điểm, mục tiêu tổng quát đảm bảo thống nhất với quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước tại các Nghị quyết của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo... từ đó chủ động, vận dụng linh hoạt đường lối, chủ trương, định hướng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn địa phương trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa và sự phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	Nghiên cứu, xem xét, bổ sung quan điểm phát triển tỉnh Tuyên Quang dựa trên chỉ đạo của đồng chí Tổng bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang ngày 14 tháng 8 năm 2025, đó là xây dựng lại chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tổng thể cho tỉnh Tuyên Quang mới một cách bài bản, khoa học và tầm nhìn dài hạn, nhằm phát huy giá trị cộng hưởng giữa các vùng và định hình vị thế mới của tỉnh trên bản đồ phát triển quốc gia; phát triển nông - lâm nghiệp hàng hóa theo chuỗi liên kết giá trị, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm; đồng thời xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực, đặc hữu; phát triển công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo; thu hút đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc gia Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, trung tâm thương mại - dịch vụ. Ngoài ra, đề nghị xem xét lồng ghép bổ sung thêm quan điểm có tính kế thừa những điểm ưu việt của Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang và Quy hoạch tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu thêm về nội dung quan điểm phát triển.
	- Về lựa chọn phương án và kịch bản phát triển, đề nghị bổ sung, tính toán dự kiến nhu cầu dân số, tốc độ đô thị hóa, nhu cầu vốn đầu tư đối với giai đoạn 2026-2030 và giai đoạn sau năm 2030 để đảm bảo nguồn lực thực hiện đối với quy hoạch. Việc lựa chọn kịch bản số 2 (phương án tăng trưởng 10,5%) cần phải được so sánh với 02 kịch bản còn lại (Kịch bản 1 – 9.5%, Kịch bản 3 – 11.5%); cần chỉ ra những hạn chế của kịch bản 1 và kịch bản 3 để từ đó có cơ sở thuyết phục trong việc lựa chọn phương án tăng trưởng ở kịch bản số 2. Ngoài ra, cần lưu ý, bổ sung đánh giá về tác động sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp)	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tính toán về dự kiến nhu cầu dân số, tốc độ đô thị hóa, nhu cầu vốn đầu tư đối với giai đoạn 2026-2030 và giai đoạn sau năm 2030 để đảm bảo nguồn lực thực hiện đối với quy hoạch.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trong việc tính toán và lựa chọn kịch bản tăng trưởng cho tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) cho giai đoạn 2026 - 2030	
	- Về mục tiêu cụ thể, đề nghị bổ sung: (i) Chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hóa, tốc độ tăng năng suất lao động, các mục tiêu cụ thể về kết cấu hạ tầng trong thời kỳ quy hoạch của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập); (ii) Bảng biểu để so sánh về các chỉ tiêu dự kiến điều chỉnh so với các chỉ tiêu được quy định trong Quyết định số 325/QĐ-TTg và Quyết định số 1339/QĐ-TTg, trong đó lưu ý bổ sung về chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hoá trong Báo cáo	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung về chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hóa, tốc độ tăng năng suất lao động, các mục tiêu cụ thể về kết cấu hạ tầng trong thời kỳ quy hoạch.
	- Về các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển của tỉnh, đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý lại theo hướng ngắn gọn, rõ ràng; nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ phát triển du lịch đi kèm với bảo tồn di sản địa chất – địa mạo, văn hóa, đa dạng sinh học. Việc gia tăng quy mô khách du lịch là cần thiết để phát triển kinh tế nhưng khả năng ảnh hưởng đến giá trị văn hóa của các dân tộc cũng cần được xem xét; cần phát triển đồng bộ, tương hỗ giữa các lĩnh vực như nghiên cứu, triển khai, giám sát các sản phẩm và dịch vụ du lịch, thu hút đầu tư, quảng bá, đào tạo nhân lực...	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung về ác nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển của tin, chỉnh lý lại theo hướng ngắn gọn.
6	<i>Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh</i>	
	Đề nghị nghiên cứu, lựa chọn các ngành trọng tâm tỉnh Tuyên Quang sẽ phát triển sau khi sáp nhập, tránh dàn trải nhiều ngành. Nội dung phân tích hướng phát triển các ngành, lĩnh vực cần phải đảm bảo yêu cầu đầy đủ các nội dung như: (i) Mục tiêu phát triển; (ii) Phương hướng phát triển; (iii) Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển; (iv) Các giải pháp thực hiện	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
7	<i>Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội</i>	
	- Đề nghị rà soát, bổ sung: (i) Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; (ii) Xây dựng phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng; (iii) Xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển; (iv) Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên phường, xã; (v) Lựa chọn phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên xã cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định tại	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	khoản 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP	
	- Đề nghị rà soát, sắp xếp nội dung này theo hướng đề xuất phân tiểu vùng (trong đó định vị cụ thể chức năng của từng tiểu vùng); sau đó, xác định đến các vấn đề khác như các cực tăng trưởng, các hành lang, vành đai, trục động lực (trong đó định vị cụ thể chức năng của từng cực tăng trưởng, hành lang, vành đai, trục động lực,...) để đảm bảo tính thống nhất trong các nội dung phương án bố trí tổ chức không gian kinh tế - xã hội liên quan khác	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung về các tiểu vùng.
	- Việc đề xuất phân các tiểu vùng cần dựa trên cơ sở về tính chất quan hệ chặt chẽ, ổn định, bền vững với nhau và chúng luôn luôn vận động tạo nên sự thay đổi có tính quy luật, từ đó tạo sự tương hỗ, cộng hưởng cùng phát triển. Quan trọng hơn là phải dựa trên các yếu tố chủ yếu tạo vùng gồm: Điều kiện tự nhiên; kinh tế; xã hội; dân cư; kết cấu hạ tầng và chính trị hành chính, được xác định theo phương pháp tiếp cận tổng hợp, dựa trên các đặc tính sau: (i) Tính đồng nhất về lãnh thổ; (ii) Tính hội tụ hoặc phân cực do mối quan hệ liên kết trong nội vùng quyết định; (iii) Tính chỉ đạo thống nhất (sự phân cấp quản lý hành chính hoặc sự phân chia các đơn vị chính trị hành chính; hoặc các cam kết có ý nghĩa chiến thuật giữa các đơn vị lãnh thổ với nhau); (iv) Tính cấu trúc tự nhiên theo quan niệm phong thổ học. Do đó, đề nghị tỉnh Tuyên Quang cân nhắc kỹ các yêu cầu này và bối cảnh thực tế của địa phương để nghiên cứu, xem xét thêm việc phân các tiểu vùng cho phù hợp. Trong đó chú ý, xem xét, bố trí phân vùng theo hướng phân các tiểu vùng gắn với lưu vực sông và trên nguyên tắc có quan hệ tương tác, có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu thêm về các tiểu vùng. .
	- Không gian phát triển của tỉnh đang được đề xuất tổ chức theo hướng: Một trục động lực – Hai cực tăng trưởng – Ba vùng kinh tế - Bốn hành lang phát triển – Năm trụ cột phát triển. Cần nghiên cứu, bổ sung: + Phân tích việc tổ chức phát triển các hành lang phát triển trên các phương diện: (i) Phạm vi; (ii) Tính chất; (iii) Định hướng phát triển + Việc tổ chức phát triển hành lang kinh tế của tỉnh cần nghiên cứu, bám theo các hành lang kinh tế quốc gia như hành lang kinh tế Bắc – Nam (trục kinh tế trung tâm) gắn kết với vùng Bắc Trung Bộ kết nối không gian biển (Thanh Hoá) đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển trong Quy hoạch vùng Trung du và miền núi	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung các nội dung về tổ chức Không gian phát triển của tỉnh, các hành lang kinh tế, các cực phát triển.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phía Bắc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024. + Cần nhấn mạnh thêm định vị hành lang bám theo Quốc lộ 279 (trục đường vành đai biên giới quan trọng (vành đai 2), nối liền các tỉnh miền núi phía Bắc), giúp kết nối các tỉnh miền núi phía Bắc với tỉnh Quảng Ninh tới các cụm cảng nước sâu Cái Lân, Lạch Huyện và các cửa khẩu Hoàn Mô - Móng Cái với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, tạo động lực phát triển du lịch, thương mại, kinh tế - xã hội. + Việc tổ chức không gian theo 2 cực tăng trưởng trong điều kiện khoảng cách chia cắt khá rộng do tính chất địa hình làm giảm tính hiệu quả của cực tăng trưởng nên đề nghị xem xét, cân nhắc nghiên cứu gợi ý bổ sung thêm theo hướng bổ sung 01 cực tăng trưởng tại trung điểm của 02 cực phát triển để khắc phục điểm hạn chế này	
8	<i>Phương án phát triển hệ thống đô thị và các khu chức năng trên địa bàn tỉnh</i>	
	a) Phương án phát triển đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ngày 24 tháng 12 năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị, có hiệu từ ngày 01/01/2026. Đề nghị căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) đảm bảo phù hợp với việc thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và không gây vướng mắc trong tổ chức thực hiện, nhất là việc triển khai các dự án đầu tư	Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã nghiên cứu xây dựng phương án phát triển hệ thống đô thị của tỉnh phù hợp với tiêu chuẩn phân loại đô thị quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 Ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
	b) Phương án phát triển KCN, CCN	
	- Sắp xếp, bố cục lại nội dung phương án phát triển KCN, CCN đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã bố cục nội dung về KCN, CCN phù hợp với khoản 6 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP.
	- Sau khi thực hiện sáp nhập các tỉnh và phân vùng lại, không gian công nghiệp – dịch vụ phía Đông vùng Trung du và miền núi phía Bắc bị thu hẹp đáng kể (do Bắc Giang sáp nhập với Bắc Ninh và thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng); trọng tâm không gian phát triển dịch chuyển rõ hơn về các cực trung tâm Thái Nguyên, Phú Thọ và các cực cửa khẩu Lào Cai, Lạng Sơn, đồng thời đặt ra yêu cầu mở rộng,	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu nội dung tương ứng theo ý kiến góp ý.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phân tán và tái định vị các hoạt động công nghiệp, logistics, dịch vụ chất lượng cao sang Sơn La, Tuyên Quang và các tỉnh khác. Vì vậy, cần định hướng phát triển các KCN mới có hạ tầng đồng bộ, các dự án điện gió phù hợp với điều kiện, lợi thế của từng địa phương tại các tỉnh Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La, Điện Biên	
	- Đề nghị rà soát, thống nhất lại số liệu về KCN, CCN và trên cơ sở đó đề nghị lập danh mục các KCN, CCN xác định: Tên, vị trí, quy mô diện tích từng KCN, CCN ở dạng bảng, gồm: (i) Danh mục các KCN, CCN đã quy hoạch thời kỳ trước (Quyết định phê duyệt); KCN, CCN giữ nguyên quy mô diện tích; KCN, CCN mở rộng quy mô diện tích; KCN, CCN thu hẹp quy mô diện tích; KCN, CCN đưa ra khỏi quy hoạch; (ii) Danh mục các KCN, CCN quy hoạch mới (sắp xếp thứ tự các KCN, CCN theo đơn vị hành chính cấp huyện); (iii) Danh mục các KCN, CCN đề xuất mở rộng, KCN, CCN thành lập mới	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã lập bảng phù hợp với ý kiến góp ý.
	- Về phương án phát triển hệ thống KCN: (i) Cần bổ sung làm rõ về hiện trạng sử dụng đất, luận chứng rõ về 01 KCN (KCN Yên Sơn) đề xuất mới giai đoạn 2021-2030 và việc tăng diện tích các KCN đã có tên trong quy hoạch tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang (trước sáp nhập) đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan; (ii) Việc phát triển KCN sẽ đi kèm với yêu cầu phát triển nhà ở cho công nhân trong KCN, đồng thời phải tính toán đến khả năng thu hút đầu tư cũng như thu hút lao động trên địa bàn tỉnh; (iii) Đề nghị lưu ý chỉ xác định phần diện tích của KCN để đưa vào trong danh mục, phương án phát triển KCN tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập). Đối với phần diện tích đô thị dịch vụ, đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đô thị và pháp luật khác có liên quan	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	- Về phương án phát triển CCN, đề nghị xem xét tính khả thi của việc đề xuất bổ sung mới 16 CCN với diện tích là 825ha; bổ sung số liệu đối với các CCN đề xuất mới, CCN tăng quy mô diện tích và CCN giảm quy mô diện tích, cần bổ sung làm rõ hiện trạng sử dụng đất, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất để quy hoạch CCN và đảm bảo các yêu cầu về quốc phòng, an	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ninh, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh	
	c) Về phương án phát triển khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	- Nội dung này chưa được thể hiện trong Báo cáo, đề nghị bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	- Về phương án phát triển sân gôn: Đề nghị bổ sung luận chứng về đề xuất các sân gôn mới, trong đó làm rõ số lượng các sân gôn đề xuất trong thời kỳ quy hoạch; đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội của các sân gôn hiện có trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) để đưa ra định hướng và giải pháp phát triển hệ thống sân gôn phù hợp của tỉnh, cũng như của vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Hiện trạng sử dụng đất, minh chứng danh mục sân gôn đề xuất mới đảm bảo đáp ứng quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn, Luật Đầu tư năm 2020 và tuân thủ quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng, đặc biệt là đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên để quy hoạch sân gôn	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
9	<i>Phương án phát triển kết cấu hạ tầng</i>	
	Trong năm 2024, 2025, nhiều quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, điều chỉnh sau thời điểm phê duyệt quy hoạch 02 tỉnh (Tuyên Quang, Hà Giang) như: Quy hoạch hệ thống du lịch, Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn, điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường bộ, mạng lưới đường sắt...; do đó, đề nghị cập nhật bổ sung các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mà chưa được thể hiện trong Quyết định số 325/QĐ-TTg và Quyết định số 1399/QĐ-TTg	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
9.1	<i>a) Phương án phát triển mạng lưới giao thông</i>	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về quan điểm, mục tiêu: (i) Cần thể hiện cụ thể quan điểm phát triển, mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 dựa trên các định hướng phát triển chung của quốc gia, của vùng, của ngành quốc gia và các đặc thù của tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập); (ii) Đề nghị bổ sung mục tiêu về tỷ lệ quỹ đất hạ tầng giao thông đường bộ so với quỹ đất xây dựng đô thị để làm căn cứ thực hiện trong quá trình triển khai các quy hoạch đô thị	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	- Bổ sung kết quả chính của công tác dự báo (đặc biệt là kết quả phân bổ nhu cầu vận tải) để làm căn cứ đề xuất phương án phát triển	
	- Về đường bộ, đề nghị bổ sung luận chứng việc đề xuất tuyến kết nối CT.15 với cửa khẩu quốc tế Lào Cai với chiều dài tuyến khoảng 125 km và quy mô 04 làn xe. Đối với các tuyến đường tỉnh, bổ sung chi tiết danh mục các tuyến đường được bổ sung, điều chỉnh so với quy hoạch giai đoạn trước, đồng thời làm rõ sự cần thiết bổ sung, quy mô quy hoạch tuyến đường bảo đảm phát huy hiệu quả của các tuyến đường đã được đầu tư, đặc biệt là các tuyến đường bộ quốc gia	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	- Về đường sắt, đề nghị bổ sung thêm luận chứng, tính khả thi cho việc đề xuất nghiên cứu xây dựng 01 tuyến đường sắt quốc gia Thái Nguyên – Tuyên Quang với chiều dài là 73 km, nối từ tuyến Hà Nội – Thái Nguyên đến tuyến Hà Nội – Lào Cai	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	- Về hàng không, đề nghị luận giải thêm đề xuất nghiên cứu sân bay lưỡng dụng dân sự - quốc phòng tại khu vực Phong Quang, cụ thể làm rõ về căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn và khả năng đáp ứng các điều kiện, nhất là sự phù hợp của chỉ tiêu sử dụng đất liên quan. Tương tự đối với đề xuất phương thức giao thông hàng không tầm thấp tại các khu vực có điều kiện phát triển phục vụ kinh tế - xã hội, du lịch, y tế, đây là một ý tưởng mới sáng tạo, có tính đột phá trong phát triển giao thông. Tuy nhiên, đề nghị luận giải thêm về cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn và khả năng đáp ứng các điều kiện, nhất là sự phù hợp của chỉ tiêu sử dụng đất liên quan	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
9.2	<i>b) Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện</i>	
	- Về hạ tầng điện, đề nghị bổ sung nội dung về phương án phát triển điện lực đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về hạ tầng năng lượng, đề nghị bổ sung định hướng phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) để cụ thể hoá Nghị quyết 70-NQ/TW năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
9.3	<i>c) Phương án phát triển thủy lợi, tưới tiêu và cấp thoát nước</i> Đề nghị rà soát, làm rõ nhiệm vụ của các hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau khi sáp nhập) đảm bảo được nhiệm vụ phục vụ đa mục tiêu cho nông nghiệp, công nghiệp, đô thị và dân sinh, đặc biệt là hạ tầng tiêu, thoát nước.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
9.4	<i>d) Phương án phát triển hạ tầng xử lý chất thải và nghĩa trang</i> Đề nghị làm rõ số lượng, quy mô điều chỉnh về phương án phát triển hạ tầng xử lý chất thải và nghĩa trang so với Quyết định số 325/QĐ-TTg; Quyết định số 1339/QĐ-TTg. Rà soát các cơ sở xử lý chất thải nguy hại đang hoạt động hoặc các dự án xử lý chất thải nguy hại đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư để bổ sung vào quy hoạch tỉnh. Chú trọng thêm các phương án cấp và thoát nước, xử lý nước thải cho các trung tâm (khu, cụm, làng nghề) công nghiệp và các khu chăn nuôi tập trung. Làm rõ và có lộ trình nâng cấp, cải tạo, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cho các đô thị và các khu xử lý chất thải rắn	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
9.5	<i>đ) Về hạ tầng thương mại, văn hoá, thể dục, thể thao</i>	
	- Rà soát, cập nhật các khu du lịch, khu thể dục thể thao, khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định ở quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc và quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch cập nhật nội dung điều chỉnh Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được lập	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	- Đề nghị bổ sung cơ sở xác định phương án quy hoạch kho xăng dầu, khí đốt của tỉnh Tuyên Quang (sau khi sáp nhập)	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
9.6	<i>e) Về hạ tầng giáo dục và đào tạo (GDĐT), giáo dục nghề nghiệp</i>	
	- Đề nghị làm rõ thêm định hướng điều chỉnh về phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) để cụ thể hoá chỉ đạo của Bộ	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Chính trị tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	
	- Bổ sung làm rõ phương án phát triển hạ tầng GDĐT của Tuyên Quang (sau sáp nhập) theo quy định pháp luật hiện hành về quy hoạch, bao gồm đầy đủ các cấp học cho từng địa bàn tỉnh theo quy định (loại hình, quy mô, địa điểm, không gian bố trí và nhu cầu sử dụng đất) và số lượng cơ sở giáo dục xác định đến năm 2025 và 2030 cần tương thích với dự báo tổng quy mô trẻ em, học sinh của từng địa bàn tỉnh,... đảm bảo phù hợp, gắn với định hướng, giải pháp phát triển GDĐT của tỉnh đề ra cũng như giải quyết được các bất cập, hạn chế, vướng mắc về thực trạng phát triển hạ tầng GDĐT của tỉnh đã nêu tại quy hoạch	
	- Đề nghị bổ sung làm rõ định hướng địa điểm bố trí, quy mô công trình, nhu cầu diện tích sử dụng đất đối với hạ tầng cơ sở giáo dục chuyên biệt cho người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập phục vụ phát triển giáo dục hòa nhập của tỉnh	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
9.7	<i>g) Về mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo</i> Đề nghị làm rõ định hướng điều chỉnh mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo để cụ thể hoá Nghị quyết 57-NQ/TW năm 2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập)	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
9.8	<i>h) Về mạng lưới hạ tầng y tế</i> Đề nghị làm rõ định hướng điều chỉnh phát triển mạng lưới cơ sở y tế để cụ thể hoá Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá nhằm tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đồng thời, rà soát, cập nhật cơ sở y tế cấp quốc gia, cấp vùng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) đã được xác định ở quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc và quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
10	<i>Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</i>	
	Đề nghị rà soát việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 66.3/2025/NQ-CP, đảm bảo không tạo ra các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các dự án khi điều chỉnh quy hoạch được thông qua	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
11	<i>Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i>	
	Đề nghị rà soát các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) để thống nhất nội dung với Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2024	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
12	<i>Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh</i>	
	- Đề nghị rà soát, cập nhật Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 16/7/2023, đảm bảo thống nhất giữa các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập); tránh tình trạng chồng lấn tọa độ, ranh giới với quy hoạch Trung ương; không chia nhỏ các mỏ, cụm mỏ, khu vực mỏ khoáng sản có triển vọng khai thác với quy mô sản xuất trong quy hoạch tỉnh	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	- Bổ sung các giải pháp xử lý vấn đề gây ảnh hưởng đến môi trường, nguồn nước, ô nhiễm bụi, nhiệt, tiếng ồn và các tác nhân từ hoạt động sản xuất công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản, đặc biệt đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập)	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
13	<i>Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra</i>	
	Rà soát, chỉnh sửa các nội dung về hiện trạng tài nguyên nước, xu thế diễn biến tài nguyên nước và những vấn đề nổi cộm về tài nguyên nước cần giải quyết trong kỳ quy hoạch; hiện trạng, nhu cầu sử dụng nước và những vấn đề mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước giữa các ngành dùng nước chính; chức năng của nguồn nước; lượng nước có thể khai thác, sử dụng; nhu cầu khai thác, sử dụng; lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng; nguồn nước dự phòng cấp nước cho sinh hoạt	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
14	<i>Về phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh</i>	
	Cập nhật các công trình, dự án phát triển trạm khí tượng thủy văn; các công trình dự án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu đã được xác định trong Quy hoạch mạng lưới trạm thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng về phát triển

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2024, Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2025	trạm khí tượng thủy văn; các công trình dự án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.
	- Rà soát, bổ sung loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn, như: Áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt...; đánh giá tác động của việc phát triển kinh tế - xã hội (tốc độ đô thị hóa nhanh, các khu dân cư tự phát, phát triển hạ tầng giao thông, khu công nghiệp,...) làm gia tăng rủi ro thiên tai; khả năng chống chịu của các công trình trước thiên tai, đặc biệt là hiện trạng cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai, giao thông, khu đô thị, khu dân cư,...	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
15	<i>Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch</i>	
	Đề nghị bổ sung nội dung về giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch đảm bảo quy định tại khoản 14 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Về nguồn kinh phí thực hiện quy hoạch: Theo Báo cáo điều chỉnh quy hoạch của tỉnh (điểm 1 Phần IV- trang 467), tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2026–2030 dự kiến đạt khoảng 282 nghìn tỷ đồng (tương đương 10,84 tỷ USD), trong đó: khu vực ngoài nhà nước chiếm khoảng 58–60%; khu vực nhà nước chiếm khoảng 38–40%. Đề nghị tỉnh xác định rõ cơ cấu nguồn vốn (vốn NSNN, vốn ngoài NSNN, vốn FDI, vốn hợp pháp khác – nếu có); trong đó đối với vốn NSNN, đề nghị làm rõ vốn NSTW và vốn NSDP. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nguồn vốn huy động thực hiện quy hoạch theo đúng quy định, phân kỳ theo từng giai đoạn và từng năm, đảm bảo phù hợp với nguồn lực.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu thêm về nội dung về giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.
16	VỀ HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ, CƠ SỞ DỮ LIỆU	
	Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch cần tuân thủ theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP và Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, đảm bảo thể hiện đúng, đầy đủ hiện trạng và các phương án quy hoạch	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung Phương hướng phát triển hạ tầng xã hội tương ứng.
17	VỀ DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sau khi hoàn thiện, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang quyết định việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 19 Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15. Đồng thời, nội dung phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang phải đảm bảo: (i) Thống nhất với báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang; (ii) Phải thể hiện được tính khái quát cao, đảm bảo ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng, không trùng lặp, hạn chế đưa các thông tin quá chi tiết, cụ thể để không gây các khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thực hiện quy hoạch; (iii) Phải đúng với thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản hành chính quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Nội dung Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang cần lưu ý không thể hiện quá chi tiết (nhất là các nội dung liên quan đến các thông số kỹ thuật) để “linh hoạt” trong quá trình chỉ đạo, điều hành và triển khai thực tiễn; đồng thời, phải được thể hiện đúng và đầy đủ trên hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đo đạc bản đồ	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	MỘT SỐ GÓP Ý KHÁC LIÊN QUAN	
	Cần rà soát kỹ lưỡng, sắp xếp nội dung, phần mục phù hợp quy định của pháp luật về quy hoạch; một số bảng biểu, số liệu trong Báo cáo chưa đánh số, không rõ nguồn gốc; đề nghị rà soát, bổ sung trích dẫn nguồn cung cấp và tài liệu tham khảo; rà soát, chỉnh sửa các lỗi chính tả trong Báo cáo; lược bỏ những nội dung không thật sự cần thiết đưa vào Báo cáo hoặc những nội dung không khớp với tên tiêu đề. Thống nhất cách ghi tài liệu tham khảo, trích dẫn nguồn tham khảo theo một mẫu nhất định	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	Các số liệu phân tích trong Báo cáo cần tuân theo nguyên tắc sau: (1) Lấy số liệu trong Niên giám Thống kê ban hành mới nhất; (2) Lấy số liệu của Cục thống kê cung cấp; (3) Trường hợp cả (1) và (2) không có thì lấy số liệu của các đơn vị liên quan. Đề nghị rà soát và bổ sung các thông tin thời kỳ, thời điểm nêu số liệu để nội dung Báo cáo được rõ ràng hơn	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.
	Căn cứ quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP, sau khi phê duyệt theo thẩm quyền, đề nghị UBND tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang cập nhập cơ sở dữ liệu về Hồ sơ điều chỉnh	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định.	
II	Bộ Quốc Phòng (Văn bản số 213/BQP-TM ngày 12/01/2026)	
1	1. UBND tỉnh Tuyên Quang lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch, phù hợp với không gian mới của tỉnh và phát huy tối đa hiệu quả việc tổ chức lại đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội và Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ. Về lĩnh vực quân sự, quốc phòng, thống nhất với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với quy mô diện tích 13.795,6 km ² .	
2	2. Để kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, đề nghị UBND tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp với Quân khu 2 rà soát, tích hợp Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; hợp phần Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội và các Quy hoạch khác liên quan đến quốc phòng vào Quy hoạch tỉnh. Khi triển khai các đề án, dự án cụ thể thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, bảo đảm không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của các đơn vị Quân đội trên địa bàn.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050
3	3. Giao Quân khu 2 chủ trì cùng các đơn vị Quân đội đóng quân trên địa bàn phối hợp với UBND tỉnh Tuyên Quang thực hiện nội dung trên. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền các đơn vị báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Quốc phòng.	
III	Bộ Tư pháp (Văn bản số 210/BTP-PLDSKT ngày 14/01/2026)	
1	Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang gửi lấy ý kiến, gồm: (i) Báo cáo điều chỉnh quy hoạch và phụ lục kèm theo; (ii) hệ thống sơ đồ, bản đồ về điều chỉnh quy hoạch, cơ bản đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 thì hồ sơ điều chỉnh quy hoạch phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch và hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang rà soát, bảo đảm thực hiện đúng việc đăng tải này.	Tiếp thu ý kiến góp ý, Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã được gửi lấy ý kiến theo đường link https://1drv.ms/f/c/d256cbe06c0ce72b/IgD3oBYVnf7oQKyOpja35useAfbKwvWRIsD_idubl5w6rNw?e=ZoKaZL ; Đồng thời được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang, có địa chỉ: “https://sotaichinh.tuyenquang.gov.vn/DetailView.aspx?NewsID=6811” ; theo đó đã đảm bảo theo quy định tại

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		điểm b khoản 7 Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15.
IV	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Văn bản số 102/QLĐĐ-QHGD ngày 15/01/2026)	
1	Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo các căn cứ theo quy định của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017, Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu; quy định của pháp luật đất đai; Nghị quyết số 66.2/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi) và các Nghị định hướng dẫn chi tiết về Luật Quy hoạch. Ngày 10 tháng 12 năm 2025, Quốc hội Khoá XV đã thông qua Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang rà soát để áp dụng đúng quy định của pháp luật về quy hoạch tại từng thời điểm và các quy định chuyên tiếp.	Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị lập Quy hoạch đã bám sát quy định của pháp luật để lập nội dung Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.
2	Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 243 Luật Đất đai sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 24 của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 về nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy định: “đ) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh”; tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, quy định: “b) ... các địa phương khi tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã”. Căn cứ các quy định nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định các chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ	Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị lập Quy hoạch đã phân bổ diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã để làm căn cứ thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương.	
3	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021- 2030 cần kiểm tra, rà soát đảm bảo nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch, như: thể hiện các dự án cấp quốc gia, danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện; phân tích, đánh giá về hiện trạng sử dụng đất, phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã và kiểm tra, rà soát đảm bảo nội dung định hướng sử dụng đất theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 110 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai), theo đó gồm: Định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đã được xác định; bảo đảm nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển; quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao và nhà ở xã hội; sơ đồ định hướng phân vùng tổng hợp sử dụng đất.	Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị lập Quy hoạch đã bám sát các quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia và cập nhật các dự án cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh, đảm bảo quy hoạch tỉnh đồng bộ với quy hoạch cấp cao hơn.
4	Về hiện trạng sử dụng đất: Đề nghị rà soát số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2024 để đảm bảo thống nhất với số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 của tỉnh Tuyên Quang sau khi sáp nhập, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được xây dựng dựa trên số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 của 2 tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
5	Rà soát thống nhất về địa điểm, diện tích đất, quy mô/tổng diện tích đất dự án trong các thành phần hồ sơ và hồ sơ với thực địa (như: báo cáo, bảng biểu, danh mục dự án, bản đồ).	Tiếp thu ý kiến góp ý

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
V	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Văn bản số 295/ BVHTTDL-KHTC ngày 20/01/2026)	
	1. Cơ bản thống nhất với dự thảo quy hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chủ trì, tổ chức lập quy hoạch.	
	2. Đề dự thảo hoàn thiện, đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu một số nội dung cụ thể như sau: 2.1. Về hồ sơ tài liệu: Hồ sơ xin ý kiến gồm có Thuyết minh báo cáo điều chỉnh Quy hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang lập, thiếu hồ sơ các bản vẽ quy hoạch và báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của Sở, ngành địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương liên kề theo quy định tại khoản 1 và 4 Điều 19 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung.	
	2.2. Về phần Căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung một số văn bản sau: - Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024. - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể. - Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch sẽ bổ sung các căn cứ pháp lý theo góp ý của Quý Bộ.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030.	
	2.3. Một số nội dung cần chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp và dự thảo Quyết định: Đề nghị bổ sung tại Phụ lục dự thảo Quyết định và dự thảo báo cáo tổng hợp phương án phát triển mạng lưới lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Dự thảo báo cáo cần nêu rõ nội dung, khối lượng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 so với trước điều chỉnh quy hoạch, trong đó có lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch sẽ nghiên cứu, cân nhắc về Phụ lục phương án phát triển lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch.
	2.4. Về lĩnh vực du lịch: - Tại mục c) Phát triển không gian du lịch (trang 19) của dự thảo Quyết định đề nghị rà soát lại vì trùng nhau về nội dung định hướng phát triển không gian du lịch. - Mục 1.2. Phát triển du lịch (trang 8) của dự thảo Quyết định đề nghị nghiên cứu, rà soát, kế thừa và định hướng mới về phương hướng phát triển du lịch đã được phê duyệt tại Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 và Quyết định số 1339/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang (cũ), tỉnh Hà Giang (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. - Đề nghị bổ sung các chỉ tiêu phát triển du lịch bao gồm: tổng lượt khách du lịch, trong đó khách quốc tế, khách nội địa, tổng thu du lịch, ngày lưu trú bình quân, chỉ tiêu bình quân, công suất sử dụng phòng, cơ sở lưu trú chất lượng cao (số buồng 4 -5 sao, resort sinh thái...); lao động phục vụ cho du lịch, tỷ lệ lao động qua đào tạo, mức độ số hóa dịch vụ du lịch và nhóm chỉ tiêu môi trường (giảm rác thải nhựa, tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải, nước thải tại điểm du lịch, tỷ lệ cơ sở áp dụng tiêu chí du lịch bền vững...). - Về định hướng sản phẩm: Tại dự thảo đã liệt kê các nhóm sản phẩm có lợi thế như du lịch lịch sử văn hoá, sinh thái nghỉ dưỡng, tâm linh lễ hội, cộng đồng, thể	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh về các nội dung Bộ đề cập như: các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển du lịch; định hướng sản phẩm, định hướng sản phẩm chủ lực, chuỗi dịch vụ ...

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thao mạo hiểm, khám phá..., đồng thời nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm. Đề nghị bổ sung và làm rõ: + Sản phẩm “chủ lực” có khả năng kéo dài thời gian lưu trữ (2 ngày/3 ngày) và tạo chi tiêu cao; + Các sản phẩm trải nghiệm theo mùa (mùa lễ hội, mùa lòng hồ, mùa trải nghiệm nông nghiệp, mùa nghỉ dưỡng suối khoáng...). + Chuỗi dịch vụ bắt buộc để phát triển sản phẩm (lưu trú - vận chuyển - trải nghiệm - ẩm thực - mua sắm - sự kiện đêm), tránh tình trạng sản phẩm chỉ dừng ở “điểm tham quan”.	
	- Về định hướng thị trường: Đề nghị cụ thể hóa các thị trường mục tiêu, trong đó ưu tiên: + Thị trường nội địa cuối tuần/đợt ngắn (gia đình, nhóm bạn, MICE nhỏ); + Phân khúc nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe tại khu suối khoáng; + Phân khúc trải nghiệm sinh thái, cộng đồng, khám phá văn hóa dân tộc của người địa phương. + Phân khúc giáo dục di sản, về nguồn, học tập lịch sử gần không gian ATK.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh nội dung về các thị trường khách mục tiêu, các phân khúc, loại hình du lịch.
	- Về giải pháp hạ tầng, đầu tư và cơ chế thực hiện: + Hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ: Đề nghị nhấn mạnh đồng bộ hóa hạ tầng tiếp cận các khu, điểm du lịch (giao thông kết nối, bãi đỗ, nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn, biển chỉ dẫn đồng nhất), hạ tầng số tại điểm đến (wifi/4G/5G, bản đồ số, mã QR thuyết minh), và các dịch vụ thiết yếu (cứu hộ-y tế, an ninh, điểm thông tin du khách). Nội dung “đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý và quảng bá” đã có trong hồ sơ; cần cụ thể hóa thành danh mục nhiệm vụ/đề án để triển khai. + Bảo vệ môi trường và quản trị bền vững: Đề nghị cụ thể hóa bằng các công cụ quản trị: (i) xác định sức chứa đối với khu nhạy cảm; (ii) cơ chế quản lý rác thải - nước thải tại điểm du lịch cộng đồng; (iii) tiêu chí kiến trúc cảnh quan/hạn chế bê tông hóa đối với khu sinh thái; (iv) cơ chế chia sẻ lợi ích cho cộng đồng địa phương để bảo đảm “cộng đồng là chủ thể” và duy trì chất lượng sản phẩm. - Theo Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Tuyên Quang có 3 địa điểm tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia: (1) Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn; (2) Tân Trào; (3) Na Hang - Lâm	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập báo cáo sẽ rà soát, bổ sung hạ tầng hỗ trợ cho phát triển du lịch ở địa phương. Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập báo cáo sẽ bổ sung các giải pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động du lịch.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bình, do đó đề nghị bổ sung lộ trình và nhóm tiêu chí để đáp ứng các điều kiện công nhận thành Khu Du lịch quốc gia trong giai đoạn quy hoạch. Đồng thời tập trung vào các giải pháp phát triển du lịch như: nhóm dự án ưu tiên (hạ tầng, dịch vụ, bảo tồn...) để nâng cấp chất lượng điểm đến, tăng thời gian lưu trú và chi tiêu của khách du lịch.	
	2.5. Về văn hóa, thể thao: - Tiêu mục 1.2.2. Định hướng phát triển du lịch (trang 53), cần đưa ra yêu cầu “tính toán sức tải của các di sản văn hóa” để bảo đảm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, cảnh quan văn hóa và không gian văn hóa liên quan theo hướng phát triển bền vững, phục vụ khai thác, phát triển du lịch. - Điểm a.7). Bảo tồn, bảo tàng (trang 74), đề nghị xem xét: + Điều chỉnh số di tích được bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo trong một năm nhằm phát huy giá trị di tích và phục vụ phát triển du lịch; + Bổ sung nội dung về di sản tư liệu, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia để phù hợp với quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2024; + Bổ sung đánh giá hoạt động các bảo tàng trong vùng, thực trạng và phương hướng việc bảo vệ, phát huy các bảo vật quốc gia, hiện vật bảo tàng; đánh giá hiện trạng và phương hướng phát huy giá trị các Di sản tư liệu đã được ghi danh, kiểm kê; + Bổ sung di sản tư liệu, các loại hình kiểm kê về di sản văn hóa (di tích, di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu...); + Bổ sung quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt, cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh, quy hoạch khảo cổ; kế hoạch xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ nghệ nhân đối với di sản văn hóa phi vật thể; bổ sung nội dung tập trung nguồn lực thực hiện các dự án liên quan đến bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di tích hỗn hợp, di sản thế giới, di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu, phát triển bảo tàng... theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; đồng thời, cập nhật, bổ sung Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025; Quyết định số 1228/QĐ-TTg ngày 24/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu, chỉnh sửa lại nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	của Đảng, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình. - Bảng 8 (trang 109), đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến di sản tư liệu, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. - Mục 1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông (trang 110), đối với mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, cảng hàng không, sân bay, cảng cạn... cần rà soát, bảo đảm việc triển khai các dự án nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể và không gian văn hóa có liên quan, thực hiện theo đúng quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2024 và Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 và Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ. - Việc điều chỉnh Quy hoạch đối với các ngành, lĩnh vực khác, đề nghị bổ sung lưu ý việc xây dựng công trình, thực hiện các hoạt động trong phạm vi khoanh vùng khu vực bảo vệ II của di tích, vùng đệm của khu vực di sản thế giới và ngoài phạm vi các khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích, di sản thế giới phải bảo đảm phù hợp với pháp luật về di sản văn hóa, tuân thủ quy định, hướng dẫn của UNESCO.	
	- Trong nội dung dự thảo Quy hoạch, đề nghị xem xét, rà soát không sử dụng cụm từ “tâm linh” mà thay bằng cụm từ “tín ngưỡng”; rà soát các đơn vị hành chính để phù hợp với chính quyền 02 cấp hiện nay (huyện Na Hang...). - Đề nghị đơn vị chủ trì điều chỉnh nội dung Quy hoạch quan tâm lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn của tỉnh Tuyên Quang mới, trên cơ sở sáp nhập Tuyên Quang và Hà Giang (cũ), trong đó cần lưu ý sự đa dạng văn hóa các dân tộc, bảo tồn bản sắc nghệ thuật truyền thống gắn với không gian văn hóa vùng cao và trung du. Có định hướng khai thác chất liệu văn hóa truyền thống và các giá trị văn hóa thể hiện bản sắc tộc người vào các hoạt động biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị cũng như biểu diễn phục vụ nhân dân trong tỉnh. Quy hoạch phải bảo đảm phân bố hợp lý thiết chế văn hóa, đơn vị nghệ thuật, điểm biểu diễn giữa vùng đô thị và vùng sâu, vùng xa; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nghệ sĩ trẻ là người dân tộc thiểu số. Đồng thời cần gắn nghệ thuật biểu diễn với du lịch, chuyển đổi số, xã hội hóa	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ chỉnh sửa lại các cụm từ phù hợp hơn trong báo cáo quy hoạch.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	hoạt động nghệ thuật, nâng cao đời sống tinh thần nhân dân và hiệu quả quản lý nhà nước. Bổ sung nội dung đề xuất chính sách đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ làm việc trong lĩnh vực quản lý văn hóa có chuyên môn phù hợp để nâng cao năng lực quản lý nghệ thuật biểu diễn trong bối cảnh địa bàn rộng hơn, đa dạng hơn. Đồng thời, có cơ chế khuyến khích xã hội hóa, thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật.	
	- Tại mục 5. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao (trang 20) của dự thảo Quyết định đề nghị rà soát lại mục tiêu “tối thiểu 70% số đơn vị hành chính cấp xã, phường có Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên...” theo đúng quy định về tên gọi thiết chế văn hóa, thể thao.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập Quy hoạch sẽ rà soát lại mục tiêu về chỉ tiêu như Bộ đã nêu và chỉnh sửa lại cho phù hợp.
VI	Bộ Nội vụ (Văn bản số 612/BNV-CQĐP ngày 22/01/2026)	
1	Về vấn đề chung	
	Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Tuyên Quang được hình thành trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập tỉnh Tuyên Quang (cũ) và tỉnh Hà Giang nên đã có sự thay đổi căn bản về vị trí địa lý, diện tích tự nhiên, quy mô và không gian phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, Bộ Nội vụ thống nhất đối với căn cứ và sự cần thiết lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh). Đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang xác định rõ hơn những nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá, tập trung khai thác tối đa dư địa phát triển, lợi thế, tiềm năng và vị thế mới của tỉnh Tuyên Quang sau sáp nhập	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, có xác định rõ, cụ thể hơn về nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá, tập trung khai thác tối đa dư địa phát triển, lợi thế, tiềm năng và vị thế mới.
2	Về vấn đề cụ thể	
2.1	a) Về phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã ban hành 03 Kết luận liên quan trực tiếp đến công tác quy hoạch và phát triển đô thị. Trong đó, Trung ương nhấn mạnh yêu cầu đổi mới mạnh mẽ tư duy về công tác quy hoạch đô thị; yêu cầu các địa phương khẩn trương rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn. Việc điều chỉnh phải bảo đảm tối ưu hóa không gian phát triển phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; tăng cường kết nối giữa đô thị với nông thôn và với các hạ tầng giao thông chiến lược. Định hướng các đô thị đóng vai trò trung	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, định hướng phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang đã định hướng theo tiêu chuẩn phân loại đô thị quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. Các đơn vị hành chính khác được phân loại phù hợp với quy định của Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tâm, thúc đẩy liên kết vùng và hội nhập quốc tế; chú trọng bảo tồn bản sắc văn hoá, nhân rộng mô hình đô thị xanh, sinh thái theo hướng “làng trong phố - phố trong làng”. Theo đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cập nhật, bám sát chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại các Kết luận nêu trên để bổ sung, hoàn thiện phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn trong Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Bên cạnh đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang rà soát, cập nhật các nội dung về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đô thị tại Phụ lục I (Phương hướng phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) của Báo cáo tóm tắt và phần III (Hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng) của Báo cáo tổng hợp, phù hợp với quy định của Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị	ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính
2.2	b) Về phương án quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh Tuyên Quang	
	Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang bổ sung đánh giá tác động và xác định rõ phương án sắp xếp, sử dụng, phương án xử lý trụ sở công dân dư sau khi xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh Tuyên Quang nhằm đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và khả thi trong việc tái cơ cấu hạ tầng trụ sở làm việc gắn với lộ trình hình thành trung tâm tỉnh lỵ mới	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, UBND tỉnh Tuyên Quang sẽ bổ sung định hướng xử lý trụ sở công dân dư sau khi xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh Tuyên Quang nhằm đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và khả thi trong việc tái cơ cấu hạ tầng trụ sở làm việc gắn với lộ trình hình thành trung tâm tỉnh lỵ mới
2.3	c) Về các nội dung khác	
	Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát, chỉnh lý, loại bỏ các nội dung, thuật ngữ có liên quan đến định danh hành chính “cấp huyện” tại Phụ lục IV (Phương án phát triển mạng lưới đường bộ tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) và các nội dung liên quan tại Báo cáo tóm tắt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để đảm bảo tính thống nhất với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Bên cạnh đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang rà soát và đảm bảo tính thống nhất về số lượng đô thị và đơn vị hành chính cấp xã giữa Báo cáo tóm tắt và Báo cáo tổng hợp điều chỉnh Quy hoạch tỉnh nêu trên.	Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị lập quy hoạch sẽ rà soát, thống nhất nội dung giữa các báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, dự thảo quyết định.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
VII	Bộ Y tế (Văn bản số 425/BYT-KHTC ngày 22/01/2026)	
1	Một số ý kiến chung	
1.1	Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 30/11/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tại các Quyết định nêu trên, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mục tiêu của từng lĩnh vực trong Quy hoạch. Vì vậy, khi thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch, tỉnh Tuyên Quang nên bám sát các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để rà soát, đánh giá và đề xuất các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mục tiêu của từng lĩnh vực trong thời gian tới để bảo đảm tính liên tục, khả thi.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch sẽ bám sát các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để rà soát, đánh giá và đề xuất các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mục tiêu của từng lĩnh vực trong thời gian tới
1.2	Trong thời gian vừa qua, có nhiều các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đối với mọi mặt của đời sống xã hội đã được Ban Soạn thảo việc dẫn để tham chiếu thực hiện. Tuy nhiên, để bảo đảm tính thống nhất, Ban Soạn thảo nên nghiên cứu viết rõ đầy đủ số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản, rồi sau đó là cách viết tắt văn bản để người đọc không bị nhầm lẫn giữa các văn bản đã được ban hành trong các thời điểm khác nhau.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch sẽ rà soát các văn bản được nêu trong nội dung và bổ sung số hiệu văn bản nhằm tránh nhầm lẫn giữa các văn bản có tên tương đồng nhau.
2	2. Về dự thảo Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch:	
2.1	2.1. Phần I: Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện của tỉnh Tuyên Quang: đề nghị cân nhắc bổ sung một số yếu tố đặc thù đối với ngành y tế (Mục II).	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch sẽ bổ sung một số yếu tố đặc thù với ngành y tế.
2.2	Đánh giá thực trạng phát triển tỉnh Tuyên Quang - Mục 6.1. Thực trạng phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân (trang 79): + Đề nghị rà soát lại số liệu tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân, tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân. Theo niên giám thống kê năm 2024 số giường bệnh của tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang lần lượt là 3140 và 2518 giường, dân số 2 tỉnh lần lượt là 820,3 và 911,4 nghìn người. + Các mục tiêu, chỉ tiêu, số liệu về y tế và sức khỏe được so sánh giữa toàn quốc với số liệu của ngành y tế tỉnh Tuyên Quang và so sánh với các mục tiêu, chỉ tiêu đã được Đảng, Quốc hội và Chính phủ phê duyệt và theo báo cáo ngày 12/12/2025 của Bộ Y tế về kết quả ước thực hiện kế hoạch năm 2025 của Ngành Y tế: tỷ lệ dân	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch sẽ rà soát lại số liệu về y tế của tỉnh. Số liệu y tế giữa ngành y tế và NGTK tỉnh có thể có sự khác nhau do các nguồn số liệu có thể khác nhau và khác về cách tính giường bệnh. Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch sẽ rà soát so sánh số liệu kết quả thực hiện ngành y tế và chỉ tiêu phát triển ngành y tế quốc gia.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,15%, số bác sỹ trên vạn dân đạt 15 bác sỹ, số giường bệnh trên vạn dân đạt 34,5 giường. Chi tiết tại phụ lục đính kèm để Ban Soạn thảo tham khảo, sửa đổi, bổ sung.	
2.3	Mục II.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng y tế, cơ sở bảo trợ xã hội (trang 129): Đề nghị bổ sung chi tiết cơ cấu tổ chức bộ máy ngành y tế của Tuyên Quang và thực trạng của các cơ sở y tế hiện nay. Đề nghị ban soạn thảo lưu ý theo Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 15 thì kể từ ngày 01/07/2025 toàn bộ tỉnh Tuyên Quang có 124 đơn vị hành chính cấp xã (117 xã và 07 phường). Như vậy, theo Thông tư 43/2025/TT-BYT thì hiện nay tỉnh Tuyên Quang có 124 trạm y tế xã, phường, số các cơ sở còn lại được gọi là các điểm trạm.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch sẽ
	Phần III: Các phương án điều chỉnh quy hoạch và phát triển tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030 (bảng kèm theo) Đề nghị Ban Soạn thảo rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu đã được phê duyệt tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ so với các chỉ tiêu đã đạt được hiện nay và so với các chỉ tiêu của cả nước để xác định cho phù hợp, bảo đảm tính khả thi.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đang thu thập bổ sung so sánh số liệu thực trạng và mục tiêu Quy hoạch.
2.4	Mục VII.1. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng y tế - chăm sóc sức khỏe, bảo trợ xã hội (trang 356): + Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Theo nghị quyết của Bộ Chính trị: “Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất một bệnh viện đạt cấp chuyên sâu; có bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa. Phát triển các cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống dịch vụ phục hồi chức năng; kết hợp hiệu quả giữa các cơ sở y tế và các cơ sở chăm sóc người cao tuổi”; một số nội dung về y tế và chăm sóc sức khỏe cũng đã được đề cập trong Nghị quyết số 72-NQ/TW: nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định, rà soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng môi trường sống, học tập, làm việc, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế,...; tăng cường kết hợp quân dân y, y tế công	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung quy hoạch xây dựng Bệnh viện lão khoa, cơ sở dưỡng lão, xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định để rà soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng môi trường sống, học tập, làm việc, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	an để đáp ứng kịp thời các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng và chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát huy tiềm năng và thế mạnh của y dược học cổ truyền,... Đề nghị Ban Soạn thảo căn cứ vào báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 để bổ sung, làm rõ các nhiệm vụ giải pháp triển khai thực hiện các chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Quốc hội và Chính phủ.	
2.5	Đề cụ thể hoá Nghị quyết số 72-NQ/TW về nâng cao chất lượng, hiệu quả y tế cơ sở, Quốc hội 15 đã ban hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân và Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035. Bộ Y tế đề nghị rà soát, bổ sung và nhiệm vụ và làm rõ các giải pháp để triển khai tăng cường công tác y tế cơ sở và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển ngay sau khi có Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi. + Trên cơ sở đánh giá về thực trạng các cơ sở y tế hiện nay, đề nghị ban soạn thảo rà soát, cân nhắc các dự án phát triển cơ sở y tế để tránh dàn trải, lãng phí. + Về tạo điều kiện khuyến khích đầu tư các Bệnh viện ngoài công lập: đề nghị cân nhắc đưa xuống mục nhóm các giải pháp chủ yếu vì theo quy định tại Luật Quy hoạch năm 2025 thì hiện nay quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế đã sửa đổi thành quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế công lập.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã rà soát việc quy hoạch cơ sở y tế, do nhu cầu sau điều chỉnh, sáp nhập địa giới hành chính lớn, địa bàn cấp xã đã được mở rộng, quy mô dân số lớn hơn trước; vì vậy việc đầu tư xây dựng mở rộng, cải tạo cơ sở y tế tại khu vực trung tâm các xã mới là hết sức cần thiết, một phần do các cơ sở cũ được chuyển đổi công năng.
3	Về dự thảo Quyết định điều chỉnh quy hoạch - Rà soát, sử dụng thống nhất trong dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chính quyền địa phương hai cấp không còn thị trấn, thị xã, cấp huyện. - Mục VI.1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế (trang 22) nghiên cứu, bổ sung: Xây dựng, phát triển cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản. - Mục VI.6. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội, bảo trợ xã hội (trang 24-25) nghiên cứu, bổ sung: Xây dựng, phát triển các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em. - Đề nghị Ban soạn thảo rà soát, thống nhất với báo cáo điều chỉnh quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung nội dung phát triển khoa Sản - Nhi thuộc Bệnh viện tỉnh và hạng mục xây dựng, phát triển cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản đồng bộ với việc đầu tư, nâng cấp, nâng cao năng lực của đơn vị.
4	Một số ý kiến góp ý khác	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4.1	Đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch để bảo đảm thực hiện hiệu quả Quy hoạch sau điều chỉnh - Huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch, cơ cấu lại và sử dụng hiệu quả nguồn chi đầu tư công; đẩy mạnh thực hiện phương thức đối tác công - tư; đầu tư tư nhân; thu hút đầu tư nước ngoài... - Xây dựng, hoàn thiện và thi hành nghiêm thể chế pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quy hoạch; cơ chế, chính sách đặc thù về y tế; tiếp tục hoàn thiện thể chế điều phối vùng. - Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đổi mới chính sách thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ ở các khu vực có khó khăn, nhất là khu vực có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. - Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế, đặc biệt trong khu vực ASEAN; hợp tác phòng, chống bệnh dịch lây truyền qua đường biên giới.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung, điều chỉnh nội dung vào phần về giải pháp của ngành y tế.
4.2	Bộ Y tế cung cấp thêm một số các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Ngành Y tế để Ban Soạn thảo tham khảo Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững; tập trung nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ tuyến trung ương, tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi mô hình bệnh tật và bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân; thu hẹp khoảng cách về các chỉ số sức khỏe, y tế giữa các địa bàn, các nhóm dân tộc. Xây dựng một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đảm nhận chức năng vùng; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu, hiện đại; phát triển dịch vụ y tế kỹ thuật cao. Tổ chức lại, củng cố và nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng đủ mạnh để mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng, nhất là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao dinh dưỡng và tầm vóc người Việt Nam. Phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hoá dân số.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp mà Bộ Y tế cung cấp thêm tại mục nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4.3	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ miễn, giảm chi phí cho một số đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế trong khám bệnh, chữa bệnh. Mở rộng hoạt động khám, chữa bệnh từ xa, kịp thời hỗ trợ cho tuyến dưới; tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình bệnh viện vệ tinh, giảm tải cho bệnh viện tuyến trên. Bảo đảm cho mọi người dân được khám sức khỏe định kỳ ít nhất mỗi năm một lần. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế; mỗi người dân được lập sổ sức khỏe điện tử, kết nối đồng bộ, quản lý dữ liệu sức khỏe theo vòng đời. Đẩy mạnh xã hội hoá, đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư cho y tế phát triển.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp mà Bộ Y tế cung cấp thêm tại mục nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
4.4	Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng; dự báo, giám sát và phát hiện sớm dịch bệnh, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh; bảo đảm an ninh y tế, ứng phó với các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, nâng cao năng lực quản lý môi trường y tế, các bệnh không lây nhiễm, rối loạn sức khỏe tâm thần. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát an toàn thực phẩm.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp mà Bộ Y tế cung cấp thêm tại mục nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
4.5	Phân đấu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; huy động mọi nguồn lực để tăng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo lộ trình đối với một số nhóm đối tượng chính sách. Xây dựng chính sách, mở rộng quyền lợi bảo hiểm y tế phù hợp với sự thay đổi mô hình bệnh tật, già hoá dân số và nguồn lực bảo hiểm y tế. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách tài chính về y tế để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh. Nâng cao chất lượng đào tạo, chỉ đạo tuyến, phát triển nguồn nhân lực y tế ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực. Ưu tiên phát triển công nghiệp dược, dược liệu và thiết bị y tế trong nước.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp mà Bộ Y tế cung cấp thêm tại mục nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
4.6	Phát triển toàn diện y dược học cổ truyền, tăng cường kết hợp y dược học cổ truyền với y dược học hiện đại trong đào tạo nhân lực y tế, phòng bệnh và khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng. Nghiên cứu về các bài thuốc dân gian, phát triển các phương pháp chữa bệnh hiệu quả bằng y dược cổ truyền; có cơ chế đặc thù phát huy mạnh mẽ y học cổ truyền và công nghiệp dược liệu.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp mà Bộ Y tế cung cấp thêm tại mục nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
4.7	Tăng cường kết hợp quân dân y, y tế công an, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp mà Bộ Y tế cung cấp thêm tại mục nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4.8	Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển nhằm nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về tâm vóc, tuổi thọ, thể chất và tinh thần; có chính sách để duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng. Chú trọng chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em. Có chính sách thích ứng với già hóa dân số; khuyến khích các cặp vợ chồng sinh con để đạt mức sinh thay thế bền vững.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp mà Bộ Y tế cung cấp thêm tại mục nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
4.9	Đề bảo đảm đồng bộ nội dung và số liệu trong các tài liệu kèm theo hồ sơ, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát, nghiên cứu sửa đổi bổ sung tài liệu điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý, UBND tỉnh Tuyên Quang sẽ chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát, nghiên cứu sửa đổi bổ sung tài liệu điều chỉnh quy hoạch theo quy định.
VIII	Bộ Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 399/BKHCN-HVCL ngày 22/01/2026)	
	1. Về căn cứ pháp lý và sự phù hợp với Luật Quy hoạch Đề nghị xem xét, cập nhật một số căn cứ pháp lý có liên quan đến điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật Viễn thông; Luật Công nghiệp công nghệ số; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030,... ;	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	2.1. Về Quan điểm và Mục tiêu a. Về quan điểm phát triển: Đề nghị xem xét, bổ sung quan điểm: Phát triển KHCN, ĐMST và CDS là đột phá chiến lược trong phát triển KT-XH, tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Lấy KHCN, ĐMST làm động lực chủ yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; CDS làm động lực, nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số nhằm cụ thể hóa quyết tâm tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 57). Đề nghị nhấn mạnh hơn vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt, xuyên suốt trong toàn bộ thời kỳ quy hoạch; bảo đảm phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	b. Về mục tiêu phát triển:	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, bổ sung chỉ tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bám sát theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, cũng như các mục tiêu đã được đề ra cho tỉnh trong chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	- Tại Mục 2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể (trang 4-5) đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm một số nội dung sau: + Đề nghị nghiên cứu bổ sung một số mục tiêu cụ thể, có các chỉ tiêu định lượng liên quan đến KHCN, ĐMST, phù hợp với điều kiện của tỉnh (ví dụ: mức độ ứng dụng KHCN, ĐMST trong sản xuất nông nghiệp; gắn các mục tiêu về KHCN, ĐMST với mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao đời sống người dân, đặc biệt là tại vùng sâu, vùng xa, biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số).	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	- Dự thảo Quy hoạch đã xác định KHCN, ĐMST và CDS là động lực chính, giải pháp đột phá. Tuy nhiên, các chỉ tiêu định lượng còn khá khiêm tốn so với mục tiêu quốc gia tại Nghị quyết 57-NQ/TW, do đó đề nghị cân nhắc, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung sau: + Chỉ tiêu về kinh tế số: Đề nghị xem xét nâng cao chỉ tiêu kinh tế số đề ra đến năm 2030: Tuyên Quang đang đặt mục tiêu kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP vào năm 2030. Trong khi đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đặt ra mục tiêu quốc gia đến năm 2030, Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP. Do đó, để đảm bảo góp phần thực hiện mục tiêu về kinh tế số của quốc gia, đề nghị tỉnh Tuyên Quang nên cân nhắc nâng chỉ tiêu này lên để tiệm cận với mục tiêu quốc gia (30%) và đồng thời phù hợp với xu thế điều chỉnh Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Bộ Tài chính đã gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương) đã đề ra “Tỷ trọng kinh tế số chiếm 30% tổng sản phẩm vùng (GRDP)”, phù hợp với các mục tiêu đã được đề ra cho tỉnh trong chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về chỉ tiêu đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP): Đề nghị xem xét bổ sung chỉ tiêu này vào dự thảo Quyết định. Tại dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch đã đề ra TFP đóng góp vào tăng trưởng kinh tế đạt > 40%. Tuy nhiên, tại Nghị quyết 57 đã đề ra đến năm 2030, đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%. Do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh tăng chỉ tiêu này cho phù hợp để phản ánh đúng định hướng mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất và công nghệ của quốc gia, của vùng và của tỉnh. Đồng thời xem xét bổ sung chỉ tiêu về tỷ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển (R&D) trên GRDP để đảm bảo nguồn lực thực hiện mục tiêu này.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	+ Về chỉ tiêu về nhân lực khoa học và công nghệ: Tại Nghị quyết 57 đặt mục tiêu nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người/vạn dân. Tuy nhiên tại dự thảo Quyết định Tuyên Quang đang đặt mục tiêu > 7 người/vạn dân, do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh tăng chỉ tiêu này cho phù hợp với mục tiêu chung của cả nước, đồng thời xem xét bổ sung lộ trình tăng cường đào tạo và thu hút nhân tài cho tỉnh.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	Ngoài ra, một số mục tiêu, nhiệm vụ còn mang tính định hướng, phạm vi rộng, chưa gắn chặt với điều kiện thực tế về trình độ KHCN, nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và năng lực hấp thụ công nghệ của địa phương. Do đó, đề nghị xem xét thêm về tính khả thi của các chỉ tiêu đề ra. Một số nội dung ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số toàn diện được đặt ra đồng thời nhưng chưa làm rõ lộ trình, thứ tự ưu tiên và nguồn lực bảo đảm thực hiện.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	2.2. Về Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá thời kỳ quy hoạch (mục 4 – trang 5,6) - Đối với các đột phá phát triển (1) Chuyển đổi số và cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, đề nghị xem xét bổ sung nội dung về tăng cường “Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo PII tỉnh”, đề nhằm theo dõi, đánh giá phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; để cụ thể hóa quyết tâm tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. - Đối với đột phá số (3) Phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ và du lịch là lĩnh vực kinh tế mũi nhọn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đề nghị xem xét bổ sung nội dung về tăng cường phát triển CDS cửa khẩu, thương mại, du lịch số để mở rộng thông thương rút ngắn thời gian thông quan, tạo điều kiện thuận lợi, thu hút nguồn lực; Ưu tiên phát triển các nền tảng số thương mại điện tử, nền tảng số	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	quản lý các cơ sở cung cấp dịch vụ lưu trú, nền tảng số ngành thuế,... để tăng sức thu hút và minh bạch hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch của tỉnh.	
	2.3. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng (trang 7) Đề nghị cân nhắc, bổ sung một số nội dung tại mục 3. Về Ứng dụng công nghệ trong các ngành quan trọng mà tỉnh đã đề ra trong dự thảo điều chỉnh quy hoạch, cụ thể như sau: - Lâm nghiệp và Nông nghiệp: Tuyên Quang có thế mạnh về kinh tế rừng. Cần cân nhắc đưa vào Dự thảo Quy hoạch việc ứng dụng công nghệ sinh học thế hệ mới, công nghệ gen trong chọn tạo giống và công nghệ viễn thám (GIS) trong quản lý rừng bền vững một cách mạnh mẽ hơn. - Công nghiệp Chế biến: bổ sung định hướng rõ việc chuyển dịch từ gia công sang làm chủ các công đoạn có giá trị gia tăng cao thông qua tự động hóa và trí tuệ nhận tạo (AI). - Du lịch: Phát triển du lịch thông minh không chỉ là website hay ứng dụng mà là hệ sinh thái trải nghiệm số (VR/AR) gắn với bảo tồn di sản văn hóa đặc sắc của tỉnh.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	2.4. Về phương hướng phát triển: Tại mục 3. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (trang 23) – thuộc mục VI. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội: a. Về Phương án phát triển thông tin và truyền thông, đề nghị xem xét: - Chuyển các nội dung phương án phát triển thông tin và truyền thông, bao gồm: Bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kinh tế số,... thành một mục riêng về “Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông”, đồng thời chuyển lên mục V. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (trang 20)	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	- Đề nghị bổ sung nội dung về phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động: Đề nghị rà soát, bổ sung các định hướng, nhiệm vụ liên quan đến phát triển hạ tầng viễn thông thụ động (là công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm nhà, trạm, cột ăng ten, cột treo cáp, cống, bể, ống cáp, hào, tuy nèn kỹ thuật và công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan khác để lắp đặt thiết bị phục vụ viễn thông) trong các nội dung liên quan đến quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật của tỉnh, bảo đảm đáp ứng các nguyên tắc đã được quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Viễn thông, cụ thể: + Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm công trình giao thông, cột điện, đường điện, tuyến cấp nước, thoát nước, chiếu sáng công cộng và các công trình	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	hạ tầng kỹ thuật khác phải được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật có liên quan để bảo đảm việc lắp đặt, bảo vệ đường truyền dẫn, công trình viễn thông. + Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là nội dung phải có khi thiết kế cơ sở hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.	
	+ Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm gửi thông tin về dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cho cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông hoặc cơ quan chuyên môn về viễn thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thông báo cho các doanh nghiệp viễn thông đăng ký tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật của chủ đầu tư.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	- Rà soát, bổ sung các nội dung đã được nêu tại Mục 3 Nghị định 163/2024/NĐ-CP và các quy định có liên quan, cụ thể: + Phải đảm bảo sự kết nối, thống nhất giữa các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giữa các tỉnh; đáp ứng yêu cầu về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, giữa các ngành đồng thời đáp ứng yêu cầu kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn. + Định kỳ, thường xuyên tổ chức làm việc, xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn từ đó xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung và quy mô phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động nhằm triển khai các biện pháp hỗ trợ, bảo đảm tính đồng bộ giữa các kế hoạch phát triển hạ tầng của địa phương (nguồn lực nhà nước) và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động của doanh nghiệp (do doanh nghiệp đầu tư), bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	Trên cơ sở nội dung trên, đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát bổ sung đầy đủ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào dự thảo hồ sơ điều chỉnh đảm bảo phù hợp với điều kiện của địa phương và định hướng của quốc gia về thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trong giai đoạn sắp tới. - Đề nghị xem xét bổ sung một số nội dung sau để nhằm đảm bảo triển khai các định hướng của Đảng và Nhà nước về hạ tầng số phải được ưu tiên đầu tư, hiện đại hóa và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm quốc phòng an ninh:	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	+ Xây dựng, hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch tỉnh kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tại tỉnh phải sẵn sàng không gian, vị trí cho phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động (4G/5G), hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu,...).	
	+ Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc, tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng số tại địa phương; xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác. + Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần, chính quyền tỉnh, y tế và giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	b. Phương hướng phát triển mạng lưới Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - Đề nghị xem xét bổ sung phương hướng phát triển một số lĩnh vực khác thuộc nội hàm khoa học và công nghệ, bao gồm: Đổi mới và chuyển giao công nghệ; Bảo đảm an toàn bức xạ và ứng dụng năng lượng nguyên tử, đồng vị phóng xạ; Khởi nghiệp và Phát triển thị trường khoa học, công nghệ; Khu công nghệ cao,... để đảm bảo đầy đủ nội hàm lĩnh vực KHCN. - Đề nghị rà soát, bổ sung và làm rõ hơn nội dung phát triển hạ tầng KHCN, ĐMST, trong đó đối với hoạt động đổi mới sáng tạo, đề nghị chú trọng: + Làm nổi bật vai trò khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với các trụ cột phát triển của tỉnh (công nghiệp chế biến, nông nghiệp hàng hóa, kinh tế cửa khẩu). + Bổ sung cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ. + Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng bộ, lấy doanh nghiệp, tài sản trí tuệ và công nghệ làm nền tảng; tăng cường liên kết với các trung tâm đổi mới sáng tạo lớn trong khu vực.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	- Đề nghị rà soát, bổ sung định hướng phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trong đó xác định rõ vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức KHCN, cơ sở đào tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ ĐMST. - Đề nghị rà soát, bổ sung định hướng quy hoạch và đầu tư hạ tầng đổi mới sáng tạo, như: Trung tâm đổi mới sáng tạo, không gian hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cơ	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	sở ương tạo công nghệ, phòng thí nghiệm dùng chung, gắn với hạ tầng chuyển đổi số của tỉnh. - Làm rõ khả năng liên kết, kết nối hạ tầng đổi mới sáng tạo của tỉnh với mạng lưới đổi mới sáng tạo vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Quốc gia.	
	- Đề nghị bổ sung, cụ thể hóa thêm các nội dung định hướng liên quan đến vai trò của các doanh nghiệp KH&CN, như: + Phát triển doanh nghiệp KH&CN gắn với: (i) Nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản; (ii) Công nghiệp chế biến sâu khoáng sản; (iii) Năng lượng tái tạo, công nghệ môi trường; (iv) Chuyển đổi số, kinh tế số. + Coi doanh nghiệp KH&CN là đầu mối chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ, không chỉ là “đối tượng thụ hưởng chính sách”.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	2.5. Về giải pháp thực hiện quy hoạch Đề nghị bổ sung nội dung: Ưu tiên bố trí ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phấn đấu đạt tối thiểu 3% tổng chi ngân sách địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; - Đề nghị bổ sung giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ, nghiên cứu – phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. - Nghiên cứu, bổ sung giải pháp và phương án về xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn tại địa phương, xác định được công nghệ cốt lõi có thể tạo đột phá, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. - Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với doanh nghiệp, viện, trường trong nước và nước ngoài về KHCN, ĐMST&CDS phù hợp với đặc thù, tiềm năng, thế mạnh của địa phương.	
	2.6. Về danh mục phương án phát triển tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn 2050 Vì đây là quy hoạch điều chỉnh để đáp ứng tình hình thực tế mới sau sáp nhập tỉnh Hà Giang và tỉnh Tuyên Quang và thực thi các chủ trương định hướng mới của Đảng và Nhà nước, do đó đề nghị xem xét kế thừa/điều chỉnh các nhiệm vụ, danh mục dự án ưu tiên đầu tư về thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ tại Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang (cũ) thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 và	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tại Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang (cũ) thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo hướng: - Đề nghị bổ sung cụ thể các danh mục phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông vào Phụ lục Quyết định, đây là các căn cứ để triển khai các định hướng, mục tiêu, giải pháp về thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh đã đề ra trong điều chỉnh Quy hoạch.	
	- Đề nghị bổ sung cụ thể các danh mục Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ vào Phụ lục Quyết định, đây là các căn cứ để triển khai các định hướng, mục tiêu, giải pháp về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
	3. Đối với báo cáo tổng hợp Về hiện trạng phát triển: Phần nội dung về đánh giá hiện trạng trong báo cáo tổng hợp Quy hoạch còn sơ sài, chưa thực sự đảm bảo các sở cứ để xem xét, đánh giá đề xuất nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch của tỉnh trong giai đoạn tới. - Đề nghị tách nội dung phần IV. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (trang 112) thành 2 phần riêng biệt “Đánh giá hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật” và “Đánh giá hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội” để đảm bảo kết cấu báo cáo cho phù hợp và đồng bộ với quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia. - Tại mục 5. Hiện trạng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (trang 128), nội dung về thông tin và truyền thông còn rất sơ sài; chưa có các nội dung đánh giá về hiện trạng phát triển KHCN, ĐMST, do đó đề nghị Đơn vị soạn thảo xem xét bổ sung: + Đối với hiện trạng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông: đề nghị bổ sung mục nội dung về hiện trạng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, trong đó bao gồm: Hạ tầng bưu chính; Hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng số; Hạ tầng Internet vạn vật (IoT); Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng viễn thông thụ động; hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kinh tế số,... trên địa bàn tỉnh để làm sở cứ đề xuất phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông giai đoạn đến năm 2030 trong điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang. + Đối với hiện trạng phát triển KHCN, ĐMST: Đề nghị Đơn vị soạn thảo bổ sung hiện trạng phát triển các lĩnh vực thuộc nội hàm KHCN trên địa bàn tỉnh, bao gồm:	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đổi mới và chuyển giao công nghệ; Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Sở hữu trí tuệ; Bảo đảm an toàn bức xạ và ứng dụng năng lượng nguyên tử, đồng vị phóng xạ; Khởi nghiệp và Phát triển thị trường khoa học, công nghệ; Khu công nghệ cao,... để đảm bảo đầy đủ nội hàm lĩnh vực KHCN, đồng thời làm sở cứ để xuất cho phương án phát triển KHCN của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh	
	4. Một số góp ý khác Đề nghị cơ quan soạn thảo, xây dựng Quy hoạch điều chỉnh tổ chức làm việc, tiếp thu ý kiến của các doanh nghiệp viễn thông, KHCN trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm tính khả thi, đồng bộ khi triển khai Quy hoạch. Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, theo đó, các nội dung về công nghiệp CNTT được bãi bỏ và thay thế bằng công nghiệp công nghệ số. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo sửa đổi các nội dung về công nghiệp CNTT thành công nghiệp công nghệ số tại các nội dung trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngoài ra, đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát thể thức văn bản và cách đánh số thứ tự các mục bảo đảm thống nhất, đúng quy định.	Tiếp thu góp ý của Bộ, cơ quan lập quy hoạch sẽ nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa nội dung tương ứng trong báo cáo Quy hoạch tỉnh.
VI	Bộ Công Thương (Công văn số 475/BCT-KHTC ngày 22/01/2026)	
	Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là nhiệm vụ cần thiết nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về quy hoạch, phù hợp với các yêu cầu đặt ra sau khi hợp nhất tỉnh Hà Giang (cũ) và tỉnh Tuyên Quang (cũ), tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, trong đó có nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập kinh tế quốc tế. Do đó cần đảm bảo nguyên tắc này trong quá trình điều chỉnh quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã thống nhất cập nhật nội dung, tên gọi, địa danh theo đơn vị hành chính mới sau sáp nhập, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.
	Đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo Cơ quan lập quy hoạch và Tư vấn lập quy hoạch rà soát nội dung và trình tự, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH15 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 và quy định của pháp luật khác có liên quan, Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ; Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ và các quy định có liên quan; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, kế thừa và liên tục	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã cập nhật ào đảm tuân thủ quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH15 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 và quy định của pháp luật khác có liên quan, Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ; Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trong hệ thống quy hoạch; các nội dung điều chỉnh không làm ảnh hưởng đến việc triển khai các dự án đã được xác định trong các quy hoạch ngành quốc gia.	
	Để bảo đảm việc điều chỉnh quy hoạch được xem xét toàn diện, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát các quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực công thương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh; làm rõ các nội dung kế thừa, không điều chỉnh, các nội dung cần thiết phải điều chỉnh và cơ sở điều chỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc và các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan; làm rõ mối liên kết giữa cấu trúc phát triển theo trục - cực - hành lang - vùng với tổ chức không gian công nghiệp, năng lượng, thương mại - dịch vụ, đô thị và logistics của Tỉnh.	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đang tiếp tục cập nhật các quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực công thương
	Cơ quan lập quy hoạch, đơn vị tư vấn rà soát kỹ lưỡng các nội dung Hồ sơ Quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và không làm ảnh hưởng đến việc triển khai các đề án/dự án nêu trên và các đề án/dự án khác theo các Chiến lược, Quy hoạch, Kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt liên quan đến lĩnh vực công thương; đồng thời, tuân thủ các quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng,... và pháp luật khác liên quan.	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đang tiếp tục cập nhật đồng bộ, thống nhất và không làm ảnh hưởng đến việc triển khai các đề án/dự án
	a) Về phát triển công nghiệp, năng lượng, thương mại	
	- Đối với công nghiệp: Việc hợp nhất tỉnh Hà Giang (cũ) và tỉnh Tuyên Quang (cũ) mở ra dư địa tổ chức lại không gian công nghiệp của Tỉnh, trong đó: (i) với quỹ đất lớn hơn, nguồn nguyên liệu lớn hơn thì Công nghiệp vẫn tiếp tục xác định là ngành động lực; (ii) với độ che phủ rừng trên 65% tiếp tục tập trung và ngành chế biến nông sản, chế biến gỗ (trước đây Tuyên Quang đã là trung tâm chế biến gỗ, giờ thêm nguồn nguyên liệu của Hà Giang thì ngành này càng phải đẩy mạnh, nhưng cần tập trung vào việc tăng giá trị gia tăng như vào các sản phẩm có giá trị cao, có khả năng xuất khẩu như gỗ tinh chế, viên nén năng lượng để xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, EU; (iii) sự kết nối giữa khu vực đô thị - dịch vụ với các vùng nguyên liệu nông - lâm sản hàng hóa và khu vực cửa khẩu, biên giới. Trên nền tảng này, phát triển công nghiệp cần chú trọng kết hợp giữa các vùng công nghiệp gắn với đô thị - dịch vụ với không gian công nghiệp gắn với nông - lâm sản và thương mại biên giới, hình thành tổ hợp công nghiệp đa dạng, bao gồm công nghiệp chế biến nông - lâm sản, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sạch và công nghiệp gắn với du lịch - dịch	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã có định hướng đối với ngành công nghiệp chế biến gỗ, trong đó định hướng mở rộng quy mô ở mức hợp lý, đồng thời kéo dài chuỗi giá trị, phát triển sản phẩm mới từ nguyên liệu gỗ, mở rộng thị trường.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	vụ; (iv) ưu tiên các ngành có khả năng tham gia chuỗi giá trị khu vực và nâng cao giá trị gia tăng trong giai đoạn điều chỉnh quy hoạch.	
	- Đối với năng lượng: Tiếp tục duy trì và tối ưu hóa các nhà máy thủy điện hiện có, đồng thời phát triển các dự án thủy điện gắn với bảo vệ môi trường; Tận dụng vỏ bào, mùn cưa từ công nghiệp gỗ để phát triển các nhà máy điện sinh khối, góp phần thực hiện mục tiêu Net Zero. Phát triển năng lượng gắn liền với tổ chức không gian công nghiệp - đô thị của Tỉnh, khuyến khích các mô hình tiêu thụ năng lượng tại chỗ nhằm giảm tổn thất truyền tải và hỗ trợ chuyển đổi xanh trong sản xuất và dịch vụ. Đối với hệ thống điện phân tán, đề nghị nghiên cứu cơ chế khuyến khích điện mặt trời áp mái trên các công trình công nghiệp, thương mại, dịch vụ và dân dụng; đồng thời nghiên cứu mô hình điện rác gắn với xử lý chất thải đô thị theo hướng bền vững và phù hợp với xu hướng xanh hóa chuỗi cung ứng. Ngoài ra, đề nghị làm rõ phương án bảo đảm cung cấp điện cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch và dịch vụ, phù hợp với tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và lộ trình phát triển lưới điện truyền tải - phân phối.	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã rà soát, lựa chọn, lập danh sách các thủy điện vào quy hoạch, đảm bảo khai thác bền vững nguồn tài nguyên nước và năng lượng. Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã có định hướng phát triển ngành năng lượng, trong đó có năng lượng mặt trời, điện mặt trời mái nhà. Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã bổ sung các TBA 22kV cho các khu, cụm công nghiệp, đồng thời lưới 110kV quốc gia trên địa bàn tỉnh cũng được bổ sung, tăng công suất truyền tải, cơ bản đảm bảo cấp đủ điện trong trường hợp phụ tải tăng thêm tại các KCN, CCN.
	- Đối với thương mại: Đề nghị nghiên cứu cấu trúc không gian thương mại phù hợp với quy mô kinh tế và tổ chức không gian phát triển của Tỉnh sau hợp nhất; bảo đảm phân bố hợp lý giữa khu vực đô thị, trung tâm dịch vụ - du lịch và vùng sản xuất nông - lâm sản; Việc sáp nhập và mở rộng không gian đô thị, là cơ sở để phát triển thương mại dịch vụ theo hướng hiện đại; đồng thời nhờ mạng lưới cao tốc, Tuyên Quang có tiềm năng xây dựng các trung tâm logistics, kho bãi trung chuyển hàng hóa giữa các tỉnh miền núi phía Bắc và vùng đồng bằng. Do vậy, đề nghị làm rõ mối liên kết thương mại với công nghiệp, logistics, du lịch và các dịch vụ khác theo đúng định hướng Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; phát triển thương mại hiện đại, thương mại số và thương mại gắn với du lịch - văn hóa; thúc đẩy tiêu thụ nông - lâm sản hàng hóa, giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc.	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã xây dựng định hướng phát triển thương mại theo hướng đẩy mạnh các loại hình thương mại hiện đại như TTTM, siêu thị, siêu thị chuyên doanh, thương mại điện tử ... Đồng thời nâng cấp, cải tạo chợ truyền thống đảm nơi kinh doanh cho nhân dân địa phương.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đối với thương mại biên giới, với lợi thế sở hữu Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy cần phát triển hạ tầng kho bãi, logistics gắn với cửa khẩu để thúc đẩy giao thương với thị trường Trung Quốc. Theo đó, đề nghị làm rõ liên kết thương mại - logistics biên giới và các hành lang giao thương kết nối với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; đồng thời nghiên cứu giải pháp huy động nguồn lực đầu tư cho hạ tầng logistics quy mô phù hợp, gắn với yêu cầu chuyển đổi xanh và chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại.	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã có định hướng về nâng cấp cửa khẩu biên giới nhằm thúc đẩy giao thương với thị trường Trung Quốc.
	b) Về các phương án phát triển hạ tầng * Đối với phương án phát triển điện lực Đề nghị làm rõ các phương án phát triển nguồn và lưới điện phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025). Đối với các dự án nguồn điện có quy mô thuộc phạm vi Quy hoạch tỉnh đề nghị cập nhật và tuân thủ theo các dự án đã được tỉnh Hà Giang (cũ) và tỉnh Tuyên Quang (cũ) gửi Bộ Công Thương theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025, bảo đảm phù hợp với tổng công suất phân bổ theo từng loại hình nguồn điện cho tỉnh Hà Giang (cũ) và tỉnh Tuyên Quang (cũ). Rà soát, bổ sung đầy đủ phương án đấu nối các dự án nguồn điện có trong danh mục quy hoạch thuộc phạm vi hồ sơ ĐCQH.	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã lập danh sách các thủy điện nhỏ và các nguồn điện khác và bổ sung đầy đủ phương án đấu nối.
	Theo quy định của pháp luật về điện lực, quy hoạch, xây dựng, đất đai để bảo đảm triển khai các dự án phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo các Sở ngành có liên quan trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác như quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cần thể hiện hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật về điện lực, tổ chức không gian triển khai thực hiện các công trình điện, quỹ đất để làm cơ sở thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện theo các Quy hoạch đã duyệt nêu trên. Để có cơ sở kết quả tính toán, đề xuất các giải pháp phù hợp bảo đảm không làm quá tải lưới điện, ảnh hưởng đến vận hành an toàn, ổn định của hệ thống điện khu vực, đề nghị làm rõ hơn kết quả tính toán cân bằng công suất ở các cấp điện áp 500 kV, 220 kV và 110 kV trên địa phận tỉnh Tuyên Quang và khu vực lân cận bảo đảm	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã lập sơ đồ phương án hạ tầng kỹ thuật, trong đó có thể hiện mạng lưới cấp điện của tỉnh. Nội dung về đất đai

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phù hợp với lưới điện hiện hữu và định hướng phát triển mạng lưới cấp điện của tỉnh.	
	* Đối với phương án phát triển cụm công nghiệp Đề nghị làm rõ phương án phân bố không gian công nghiệp theo các trục, cực và hành lang phát triển của Tỉnh, gắn với quá trình đô thị hóa và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông - logistics, bảo đảm tính đồng bộ, tránh phát triển dàn trải và sử dụng kém hiệu quả quỹ đất công nghiệp. Đồng thời, nghiên cứu cơ chế liên kết giữa các khu, cụm công nghiệp với hệ thống logistics, kho bãi phục vụ nông sản, bảo đảm khả năng kết nối thông suốt giữa trung tâm sản xuất, vùng nguyên liệu và đầu mối vận tải theo định hướng Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Bên cạnh đó, đề nghị định hướng phát triển công nghiệp theo chiều sâu, có trọng tâm, tạo dư địa hình thành các khu công nghiệp quy mô phù hợp với lợi thế so sánh của Tỉnh và chuỗi giá trị tiểu vùng; nghiên cứu tiêu chí đánh giá hiệu quả đất công nghiệp và cơ chế thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên dự án công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường. Đề nghị bổ sung, làm rõ cơ sở điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp; hiện trạng đất đai, ngành nghề hoạt động, khả năng thu hút chủ đầu tư hạ tầng và doanh nghiệp đối với các cụm công nghiệp dự kiến điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; đồng thời rà soát hồ sơ pháp lý và phương án xử lý đối với các cụm công nghiệp dự kiến rút khỏi quy hoạch hoặc điều chỉnh giảm quy mô, bảo đảm tính khả thi và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư và doanh nghiệp thứ cấp đang hoạt động (nếu có). Rà soát thống nhất, chuẩn xác thông tin và số liệu về khu, cụm công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong toàn bộ hồ sơ điều chỉnh quy hoạch. Cụ thể: - Đề nghị thuyết minh làm rõ hơn cơ sở đề xuất Phương án phát triển CCN giai đoạn 2021-2030 (từ 40 CCN với tổng diện tích 1.595 ha theo Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang cũ và tỉnh Hà Giang cũ đã được phê duyệt trước đây lên 45 CCN với tổng diện tích 2.351 ha theo phương án điều chỉnh). Đối với các CCN dự kiến rút khỏi quy hoạch (Bảng 21 trang 284 - 285 Dự thảo Báo cáo), đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng, hiệu quả đầu tư của từng CCN, căn cứ đề xuất, có phương án chuyển đổi CCN khả thi, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư và các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN (nếu có).	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã lập sơ đồ tổ chức không gian phân bố công nghiệp, trong đó có thể hiện các KCN, CCN, khu kinh tế, khu logistics. Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ bổ sung thêm thuyết minh về phân bố không gian công nghiệp theo các trục, cực và hành lang phát triển theo ý kiến góp ý của Quý Bộ.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Rà soát thống nhất, chuẩn xác thông tin và số liệu về khu, cụm công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong toàn bộ hồ sơ điều chỉnh quy hoạch. Cụ thể: - Đề nghị thuyết minh làm rõ hơn cơ sở đề xuất Phương án phát triển CCN giai đoạn 2021-2030 (từ 40 CCN với tổng diện tích 1.595 ha theo Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang cũ và tỉnh Hà Giang cũ đã được phê duyệt trước đây lên 45 CCN với tổng diện tích 2.351 ha theo phương án điều chỉnh). Đối với các CCN dự kiến rút khỏi quy hoạch (Bảng 21 trang 284 - 285 Dự thảo Báo cáo), đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng, hiệu quả đầu tư của từng CCN, căn cứ đề xuất, có phương án chuyển đổi CCN khả thi, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư và các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN (nếu có). - Tại Phụ lục III kèm theo Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh “Danh mục CCN tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, đề nghị bổ sung thông tin về diện tích trước điều chỉnh và sau điều chỉnh, bổ sung thông tin các CCN rút khỏi quy hoạch. - Về giải pháp, nguồn lực và tổ chức thực hiện tại phần V Dự thảo Báo cáo (trang 467): Đối với dự án hạ tầng CCN, đề nghị bổ sung một số giải pháp phát triển CCN giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050, nhất là giải pháp bảo vệ môi trường tại các CCN (ưu tiên đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung của các CCN đã đi vào hoạt động).	Tiếp thu ý kiến góp ý, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ bổ sung bổ sung đánh giá hiện trạng, hiệu quả đầu tư của từng CCN, căn cứ đề xuất, có phương án chuyển đổi CCN khả thi, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư và các doanh nghiệp thứ cấp Tiếp thu ý kiến góp ý, Phụ lục III sẽ được bổ sung thông tin về diện tích CCN trước điều chỉnh và sau điều chỉnh.
	* Đối với phương án phát triển hạ tầng thương mại Đề nghị làm rõ sự thay đổi về quy mô, số lượng và phân bố hạ tầng thương mại trên địa bàn Tỉnh trong giai đoạn sau hợp nhất. Đồng thời, rà soát việc triển khai các danh mục, chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực thương mại đã được phê duyệt trước đây, bảo đảm tính kế thừa và đồng bộ với phương án Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ quỹ đất dành cho thương mại - dịch vụ trong cơ cấu đất phi nông nghiệp và bổ sung các chỉ tiêu kinh tế liên quan đến thương mại - dịch vụ gắn với tiêu thụ nông - lâm sản, du lịch và dịch vụ đô thị. Ngoài ra, rà soát việc bố trí các khu dịch vụ, thương mại bảo đảm phù hợp với phân bố dân cư, trung tâm du lịch và cửa khẩu; gắn với quy hoạch giao thông, quy hoạch sử dụng đất và các hành lang liên kết vùng, nhằm nâng cao hiệu quả lưu thông hàng hóa và phát triển thương mại hiện đại của Tỉnh.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
X	Bộ Dân tộc và Tôn giáo (Văn bản số 165/BDTTG-KHTC ngày 22/01/2026)	
	1. Về Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi xin ý kiến đã bảo đảm đủ thành phần theo quy định tại Khoản 8, Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15; - Báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch và các tài liệu liên quan được chuẩn bị bảo đảm chất lượng yêu cầu.	Tiếp thu ý kiến góp ý.
	2. Về nội dung Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang 2.1. Phần Mở đầu Tại mục I. Các căn lập quy hoạch (từ trang 8-10): Đề nghị rà soát một số nội dung sau: - Nghiên cứu, bổ sung Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về phê duyệt quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Lược bỏ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ do đã hết hiệu lực theo khoản 5 Điều 57 Luật Quy hoạch năm 2025.	Tiếp thu ý kiến góp ý, nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ được rà soát, bổ sung, cập nhật các văn bản pháp lý mới ban hành.
	2.2. Phần I. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh. - Tại mục II về điều kiện dân số, văn hóa, lao động xã hội: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các yếu tố về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo do Tuyên Quang là tỉnh miền núi, biên giới phía Bắc với 71,04% đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Tỉnh có nhiều cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; nhiều lễ hội gắn với các cơ sở tín ngưỡng, nhất là ở vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ được rà soát, bổ sung các yếu tố về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo
	- Tại mục II.2 về thực trạng nguồn nhân lực, lao động (trang 30-31): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thông tin, số liệu về cơ cấu lao động có việc làm, tỷ lệ lao động qua	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung thông tin, số liệu

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	đào tạo nói chung, mức độ đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian vừa qua; dự báo về lực lượng lao động, cung - cầu lao động, nhu cầu về nhân lực cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có trình độ kỹ năng nghề cao trong thời kỳ quy hoạch.	về cơ cấu lao động có việc làm, tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung, mức độ đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh tại mục nội dung tương ứng.
2.3	2.3. Phần II. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung đánh giá về công tác dân tộc, tôn giáo; trong đó tập trung vào một số nội dung sau: + Đối với công tác dân tộc: Bổ sung đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án về phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án khác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; đặc biệt, các hoạt động văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đã góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa, phát huy giá trị di sản, thúc đẩy phát triển du lịch, tạo sự đoàn kết trong cộng đồng và đóng góp tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cập nhật số liệu về dân tộc thiểu số theo số liệu tổng điều tra năm 2024 do Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê thực hiện như sau: Tổng số dân tộc thiểu số là 1.227.776 người, chiếm 71,04% dân số, trong đó: Tày 419.254 người, chiếm 34,15%; Mông 305.540 người chiếm 24,89%; Nùng 114.849 người, chiếm 9,35% Dao 241.926 người, chiếm 19,7% và một số dân tộc khác như Sán Chay, Giáy, Sán Dìu ...	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.
	+ Đối với công tác tôn giáo: Bổ sung đánh giá thực trạng về công tác tôn giáo (có thông tin, số liệu minh họa cụ thể về số lượng tôn giáo, số lượng chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo, đất tôn giáo...); các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án về công tác tôn giáo đã triển khai trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh; các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn; các lễ hội gắn với các cơ sở tín ngưỡng, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khái quát về các đặc trưng, văn hóa vật thể và phi vật thể về tôn giáo và tín ngưỡng trong phạm vi tỉnh để làm cơ sở cho quy hoạch không gian, bố trí đất đai cho lĩnh vực tôn giáo và tín ngưỡng của người dân....	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2.4	2.4 Phần III. Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. a) Về quan điểm (từ trang 145-146): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quan điểm về “phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi” để thể hiện đúng vị trí chiến lược của công tác dân tộc trong định hướng phát triển của tỉnh.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.
	b) Về mục tiêu phát triển (từ trang 172-173): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung mục tiêu về chuyển dịch cơ cấu lao động (tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp).	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung về chuyển dịch cơ cấu lao động (tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp) mục nội dung tương ứng.
	c) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực (từ trang 179-263): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung phương hướng phát triển như sau: “Tăng cường liên kết vùng, nhất là với các tỉnh lân cận để hình thành các chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong và ngoài nước, đồng bộ từ trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm...; xây dựng các sản phẩm du lịch mang thương hiệu của tỉnh”.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.
	d) Phương hướng phát triển hạ tầng xã hội: - Về giáo dục đào tạo (từ trang 221-231): Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn định hướng phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển nhân lực vùng đồng bào DTTS, miền núi; thu hẹp khoảng cách vùng, miền về kinh tế, văn hóa, xã hội. Bổ sung nhiệm vụ về triển khai Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045” theo Quyết định số 2776/QĐ-TTg ngày 24/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ; hoàn thành việc xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp ở các xã biên giới. - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung định hướng về công tác dân tộc, tôn giáo như sau: Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, pháp luật về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; thực hiện tốt mục tiêu đại đoàn kết toàn dân tộc. Trọng tâm là Chiến lược công tác dân tộc, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2035 nhằm không ngừng nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung nội dung theo góp ý của Bộ tại mục nội dung tương ứng về Nông thôn mới, dân tộc tôn giáo, giảm nghèo... (do nội dung Phương hướng phát triển hạ tầng xã hội sẽ tập trung chỉ nêu về xây dựng hạ tầng, công trình; nội dung về định hướng phát triển sẽ được nêu tại mục riêng về định hướng phát triển.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; góp phần củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chủ động xây dựng kịch bản, phương án bảo đảm an sinh xã hội đối với người nghèo, các đối tượng yếu thế và người dân trên địa bàn để kịp thời ứng phó khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra, nhất là ở vùng miền núi, vùng xa. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người dân; bảo đảm các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng quy định của pháp luật, hiến chương và điều lệ đã được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị tốt đẹp của các tôn giáo và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước (nguồn lực về vật chất, tinh thần, con người...). Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tôn giáo của các tổ chức, cá nhân để chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng các cơ sở thờ tự, tôn giáo; rà soát, quy hoạch, bố trí đất dành cho tôn giáo, tín ngưỡng đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, đúng mục đích sử dụng, phù hợp với quy hoạch chung và có sự hài hòa giữa sinh hoạt tôn giáo và phát triển kinh tế - xã hội.	
	2.5. Phần IV. Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện Quy hoạch Tại mục 2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực (trang 471), đề nghị nghiên cứu bổ sung: Bên cạnh các giải pháp đào tạo, thu hút nhân lực chất lượng cao, cần tăng cường vai trò điều tiết, quản lý cung - cầu lao động; chú trọng đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ việc làm, thực hiện tốt vai trò kết nối người lao động với người sử dụng lao động; tăng cường liên kết thị trường lao động của tỉnh với các tỉnh trong vùng và các địa phương có nguồn nhân lực chất lượng cao... Có giải pháp (tổ chức các phiên giao dịch việc làm) để thu hút, sử dụng hiệu quả lực lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài về nước vì đây là lực lượng có sẵn kinh nghiệm, kỹ năng, trình độ, tác phong công nghiệp..., có thể đáp ứng ngay yêu cầu của nhà đầu tư. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm theo Quyết định 2776/QĐ-TTg ngày 24/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
3	3. Về sự phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia Hiện nay, Bộ Tài chính đang lập quy hoạch điều chỉnh các vùng. Do các quy hoạch điều chỉnh cùng được tiến hành lập đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang rà soát kỹ để đảm bảo nội dung quy hoạch điều chỉnh tỉnh phù hợp, thống nhất với quy hoạch Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, tránh việc phải điều chỉnh lại ngay sau khi hai quy hoạch được phê duyệt.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang bám sát các quy hoạch vùng để nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.
VIII	Bộ Dân tộc và Tôn giáo (Văn bản số 165/BDTTG-KHTC ngày 22/01/2026)	
	1. Về Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi xin ý kiến đã bảo đảm đủ thành phần theo quy định tại Khoản 8, Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15; - Báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch và các tài liệu liên quan được chuẩn bị bảo đảm chất lượng yêu cầu.	Tiếp thu ý kiến góp ý.
	2. Về nội dung Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang 2.1. Phần Mở đầu Tại mục I. Các căn lập quy hoạch (từ trang 8-10): Đề nghị rà soát một số nội dung sau: - Nghiên cứu, bổ sung Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016; Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về phê duyệt quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Lược bỏ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ do đã hết hiệu lực theo khoản 5 Điều 57 Luật Quy hoạch năm 2025.	Tiếp thu ý kiến góp ý, nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ được rà soát, bổ sung, cập nhật các văn bản pháp lý mới ban hành.
	2.2. Phần I. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh. - Tại mục II về điều kiện dân số, văn hóa, lao động xã hội: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các yếu tố về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo do Tuyên Quang là tỉnh miền núi, biên giới phía Bắc với 71,04% đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ được rà soát, bổ sung các yếu tố về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tỉnh có nhiều cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; nhiều lễ hội gắn với các cơ sở tín ngưỡng, nhất là ở vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua.	
	- Tại mục II.2 về thực trạng nguồn nhân lực, lao động (trang 30-31): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thông tin, số liệu về cơ cấu lao động có việc làm, tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung, mức độ đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian vừa qua; dự báo về lực lượng lao động, cung - cầu lao động, nhu cầu về nhân lực cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có trình độ kỹ năng nghề cao trong thời kỳ quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung thông tin, số liệu về cơ cấu lao động có việc làm, tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung, mức độ đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh tại mục nội dung tương ứng.
2.3	2.3. Phần II. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung đánh giá về công tác dân tộc, tôn giáo; trong đó tập trung vào một số nội dung sau: + Đối với công tác dân tộc: Bổ sung đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án về phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án khác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; đặc biệt, các hoạt động văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đã góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa, phát huy giá trị di sản, thúc đẩy phát triển du lịch, tạo sự đoàn kết trong cộng đồng và đóng góp tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cập nhật số liệu về dân tộc thiểu số theo số liệu tổng điều tra năm 2024 do Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê thực hiện như sau: Tổng số dân tộc thiểu số là 1.227.776 người, chiếm 71,04% dân số, trong đó: Tày 419.254 người, chiếm 34,15%; Mông 305.540 người chiếm 24,89%; Nùng 114.849 người, chiếm 9,35% Dao 241.926 người, chiếm 19,7% và một số dân tộc khác như Sán Chay, Giáy, Sán Dìu ...	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.
	+ Đối với công tác tôn giáo: Bổ sung đánh giá thực trạng về công tác tôn giáo (có thông tin, số liệu minh họa cụ thể về số lượng tôn giáo, số lượng chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo, đất tôn giáo...); các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án về công tác tôn giáo đã triển khai trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh; các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn; các lễ hội gắn với các cơ sở tín ngưỡng, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khái quát về các đặc trưng, văn hóa vật	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thể và phi vật thể về tôn giáo và tín ngưỡng trong phạm vi tỉnh để làm cơ sở cho quy hoạch không gian, bố trí đất đai cho lĩnh vực tôn giáo và tín ngưỡng của người dân....	
2.4	2.4 Phần III. Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. a) Về quan điểm (từ trang 145-146): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quan điểm về “phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi” để thể hiện đúng vị trí chiến lược của công tác dân tộc trong định hướng phát triển của tỉnh.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.
	b) Về mục tiêu phát triển (từ trang 172-173): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung mục tiêu về chuyển dịch cơ cấu lao động (tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp).	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung về chuyển dịch cơ cấu lao động (tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp) mục nội dung tương ứng.
	c) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực (từ trang 179-263): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung phương hướng phát triển như sau: “Tăng cường liên kết vùng, nhất là với các tỉnh lân cận để hình thành các chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong và ngoài nước, đồng bộ từ trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm...; xây dựng các sản phẩm du lịch mang thương hiệu của tỉnh”.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.
	d) Phương hướng phát triển hạ tầng xã hội: - Về giáo dục đào tạo (từ trang 221-231): Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn định hướng phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển nhân lực vùng đồng bào DTTS, miền núi; thu hẹp khoảng cách vùng, miền về kinh tế, văn hóa, xã hội. Bổ sung nhiệm vụ về triển khai Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045” theo Quyết định số 2776/QĐ-TTg ngày 24/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ; hoàn thành việc xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp ở các xã biên giới. - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung định hướng về công tác dân tộc, tôn giáo như sau: Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, pháp luật về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; thực hiện tốt mục tiêu đại đoàn kết toàn dân tộc. Trọng tâm là Chiến lược công tác dân tộc, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung nội dung theo góp ý của Bộ tại mục nội dung tương ứng về Nông thôn mới, dân tộc tôn giáo, giảm nghèo... (do nội dung Phương hướng phát triển hạ tầng xã hội sẽ tập trung chỉ nêu về xây dựng hạ tầng, công trình; nội dung về định hướng phát triển sẽ được nêu tại mục riêng về định hướng phát triển.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2035 nhằm không ngừng nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; góp phần củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chủ động xây dựng kịch bản, phương án bảo đảm an sinh xã hội đối với người nghèo, các đối tượng yếu thế và người dân trên địa bàn để kịp thời ứng phó khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra, nhất là ở vùng miền núi, vùng xa. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người dân; bảo đảm các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng quy định của pháp luật, hiến chương và điều lệ đã được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị tốt đẹp của các tôn giáo và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước (nguồn lực về vật chất, tinh thần, con người...). Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tôn giáo của các tổ chức, cá nhân để chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng các cơ sở thờ tự, tôn giáo; rà soát, quy hoạch, bố trí đất dành cho tôn giáo, tín ngưỡng đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, đúng mục đích sử dụng, phù hợp với quy hoạch chung và có sự hài hòa giữa sinh hoạt tôn giáo và phát triển kinh tế - xã hội.	
	2.5. Phần IV. Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện Quy hoạch Tại mục 2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực (trang 471), đề nghị nghiên cứu bổ sung: Bên cạnh các giải pháp đào tạo, thu hút nhân lực chất lượng cao, cần tăng cường vai trò điều tiết, quản lý cung - cầu lao động; chú trọng đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ việc làm, thực hiện tốt vai trò kết nối người lao động với người sử dụng lao động; tăng cường liên kết thị trường lao động của tỉnh với các tỉnh trong vùng và các địa phương có nguồn nhân lực chất lượng cao... Có giải pháp (tổ chức các phiên giao dịch việc làm) để thu hút, sử dụng hiệu quả lực lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài về nước vì đây là lực lượng có sẵn kinh nghiệm, kỹ năng, trình độ, tác phong công nghiệp..., có thể đáp ứng ngay yêu cầu của nhà đầu tư. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ngành, lĩnh vực trọng điểm theo Quyết định 2776/QĐ-TTg ngày 24/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.	
3	3. Về sự phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia Hiện nay, Bộ Tài chính đang lập quy hoạch điều chỉnh các vùng. Do các quy hoạch điều chỉnh cùng được tiến hành lập đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang rà soát kỹ để đảm bảo nội dung quy hoạch điều chỉnh tỉnh phù hợp, thống nhất với quy hoạch Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, tránh việc phải điều chỉnh lại ngay sau khi hai quy hoạch được phê duyệt.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Dân tộc và tôn giáo, đơn vị lập quy hoạch đang bám sát các quy hoạch vùng để nghiên cứu, bổ sung tại mục nội dung tương ứng.
XI	Thanh tra Chính phủ (Văn bản số 153/TTCP-C.I ngày 19/01/2026)	
	Không có ý kiến tham gia đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh và không cử thành viên tham dự Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.	
XII	Bộ Xây dựng (Văn bản số/BXD-QHKT ngày/01/2026)	
1	Về căn cứ lập quy hoạch	
	Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang lập Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh căn cứ trên cơ sở Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/06/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025 là có cơ sở. Hồ sơ cần rà soát lại tính đồng bộ giữa các số liệu của hai tỉnh cũ (Tuyên Quang và Hà Giang) để bảo đảm thống nhất về mốc thời gian và phương pháp thống kê.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã sử dụng dữ liệu gộp 2 tỉnh cũ để xây dựng cả nội dung hiện trạng và phương án phát triển của tỉnh, đồng thời đã áp dụng theo đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp đơn vị hành chính.
	Đề nghị bổ sung căn cứ các văn bản chỉ đạo về công tác phát triển đô thị gồm Kết luận số 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị và Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW; đồng thời, căn cứ Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh để làm cơ sở xác định các mục tiêu phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh Tuyên Quang bổ sung các căn cứ kết luận, Nghị định theo ý kiến góp ý vào mục căn cứ pháp lý.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đề nghị bổ sung, rà soát các quy hoạch có liên quan để bảo đảm việc đánh giá tiềm năng, động lực phát triển và định hướng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang (mới) phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước gồm Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 11/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thông qua tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội; Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch ngành lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, điện lực, năng lượng, quốc phòng, an ninh, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường... có liên quan đến phát triển của tỉnh Tuyên Quang (mới) từ nay đến 2030.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, quá trình lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã có nghiên cứu, cập nhật các định hướng, yêu cầu phát triển của các quy hoạch cấp cao hơn và cập nhật, kế thừa vào nội dung báo cáo tổng hợp QHT.
	Theo hồ sơ, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện trên phạm vi là toàn bộ không gian tỉnh Tuyên Quang sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (gồm tỉnh Hà Giang cũ và tỉnh Tuyên Quang cũ đã có các quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 và Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023). Do đó, hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch cần làm rõ các nội dung kế thừa, điều chỉnh, bổ sung mới (do sáp nhập không gian; phân vùng phát triển; đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng) so với quy hoạch tỉnh Hà Giang, quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã được phê duyệt nêu trên. Đồng thời, rà soát các mục tiêu, nội dung để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, kế thừa, ổn định trong hệ thống quy hoạch quốc gia khi lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang, phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, nội dung dung quy hoạch tỉnh Tuyên Quang mới cơ bản đã thực hiện theo hướng có xác định nội dung giữ nguyên, nội dung, nội dung điều chỉnh, nội dung bổ sung, có danh sách các công trình theo từng ngành, lĩnh vực.
2	Nội dung điều chỉnh quy hoạch	
	1. Về đánh giá hiện trạng	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Theo Bảng 5 (trang 104) về hiện trạng đô thị tỉnh Tuyên Quang sau sáp nhập tỉnh và điều chỉnh địa giới hành chính tại Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh có 27 đô thị. Tuy nhiên, tại mục 1 Mục III (trang 104) về hiện trạng phát triển hệ thống đô thị có 29 đô thị. Do đó, đề nghị rà soát, bảo đảm sự thống nhất đối với số lượng đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đồng thời, đề nghị bổ sung số liệu về tỉ lệ đô thị hóa hiện trạng tỉnh Tuyên Quang sau khi sáp nhập. Tính toán, bổ sung các chỉ tiêu, số liệu hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại các Quy chuẩn của Bộ Xây dựng làm cơ sở đánh giá, định hướng cho quy hoạch. Lưu ý các số liệu hiện trạng hạ tầng kỹ thuật cần được tổng hợp theo địa bàn tỉnh Tuyên Quang mới. Bổ sung đánh giá tổng thể về giao thông kết nối của tỉnh mới sau khi sáp nhập; làm rõ tác động, bất cập mới phát sinh trong tổ chức mạng lưới giao thông; khả năng liên kết vùng và các khu vực cửa khẩu với Trung Quốc; đánh giá về giao thông công cộng, bãi đỗ xe, bến xe khách đối với thực trạng hạ tầng giao thông (về tính kết nối, năng lực vận chuyển, hiệu quả khai thác). Bổ sung đánh giá chất lượng, trữ lượng nguồn nước mặt, nước ngầm đang được khai thác, sử dụng phục vụ cho mục đích sinh hoạt, công nghiệp để có cơ sở đánh giá khả năng khai thác, thực hiện phân vùng và bảo vệ nguồn nước.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ rà soát lại số liệu về thực trạng đô thị của tỉnh Tuyên Quang, bổ sung tỷ lệ đô thị hoá của tỉnh sau sáp nhập, bổ sung chỉ tiêu về hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhằm nhìn nhận rõ hơn thực trạng đô thị sau khi sáp nhập tỉnh. Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ bổ sung đánh giá tổng thể về giao thông kết nối của tỉnh mới sau khi sáp nhập, đánh giá về giao thông công cộng, bãi đỗ xe, bến xe khách. Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ bổ sung đánh giá chất lượng, trữ lượng nguồn nước mặt, nước ngầm đang được khai thác, sử dụng phục vụ cho mục đích sinh hoạt, công nghiệp theo ý kiến góp ý.
	2. Về quan điểm, mục tiêu điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang Về quan điểm, điều chỉnh quy hoạch cần nhấn mạnh hơn các động lực mới như phát triển kinh tế lâm nghiệp theo chuỗi giá trị bền vững; du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn; phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp sạch phù hợp với điều kiện địa phương; chuyển đổi số trong quản lý đô thị, nông thôn và cung cấp dịch vụ công. Làm rõ vai trò của hệ thống đô thị và các khu vực động lực trong việc dẫn dắt phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đề nghị rà soát, bám sát mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030; cân bổ sung phân tích, làm rõ hơn lợi thế phát triển và vai trò của tỉnh (sau khi sáp nhập) trong vùng Đông Bắc bộ. Phân tích, đánh giá và xác định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các lợi thế và đặc thù của tỉnh trong khu vực phía Đông Bắc bộ nhằm bảo đảm các mục tiêu và phương hướng phát triển đề ra.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ nhấn mạnh quan điểm về điều chỉnh quy hoạch nhằm khơi dậy các động lực phát triển kinh tế mới, nhằm tạo đột phá thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số. Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh đã bám sát quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030. Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh đã phân tích về các lợi thế, đặc thù của tỉnh, trên cơ sở đó xác định định hướng phát huy, khai thác.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
3	Về định hướng phát triển hệ thống đô thị	
	3.1. Về chỉ tiêu đô thị hóa, phương hướng phát triển hệ thống đô thị Về chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa: Tại điểm a mục 1.2 (trang 265 của Báo cáo có đặt mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt trên 35% và đến năm 2050 đạt trên 50% với 22 đô thị (trong đó có 02 đô thị loại II và 20 đô thị loại III); Hiện nay, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 15 đã ban hành Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 về phân loại đô thị. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chuyển tiếp hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh theo đúng Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. Về định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh: Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch căn cứ nội dung quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 để rà soát, định hướng phát triển mạng lưới đô thị của tỉnh theo các tiêu chí về vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; mức độ đô thị hóa; và trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị được quy định tại Nghị quyết số 111/2022/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 15, bảo đảm phát triển hiệu quả và bền vững các đô thị. Về hai cực phát triển (Tuyên Quang - Hà Giang cũ), đề nghị làm rõ sự phân công chức năng cụ thể giữa hai cực này để tránh sự trùng lặp trong đầu tư hạ tầng logistics và dịch vụ công nghiệp, dẫn đến lãng phí nguồn lực và cạnh tranh nội bộ.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh đã cập nhật sử dụng tiêu chí theo đúng Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của UB Thường vụ Quốc hội để định hướng phát triển đô thị. Tuy nhiên, đơn vị lập quy hoạch sẽ nghiên cứu sâu thêm và rà soát lại nội dung về định hướng phát triển đô thị.
	3.2. Về định hướng mô hình phát triển đô thị và định hướng phát triển đô thị thông minh, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu Về phát triển đô thị thông minh: Báo cáo đặt mục tiêu phát triển đô thị thông minh vệ tinh tại Tuyên Quang, Hà Giang, Nà Hang, Bắc Quang, Quản Bạ vv... Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển phát triển thông minh trong quá trình xây dựng phát triển đô thị thông minh; nghiên cứu để thực hiện lồng ghép nội dung phát triển đô thị thông minh khi lập hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị theo văn bản số 14402/BXD-QHKT ngày 02/12/2025 của Bộ Xây dựng về việc triển khai quy hoạch đô thị thông minh để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả đầu tư.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ rà soát lại khả năng hình thành các đô thị thông minh, lựa chọn đô thị thực hiện xây dựng đô thị thông minh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Về phát triển đô thị tăng trưởng xanh: Hiện nay, Chính phủ đang chỉ đạo nghiên cứu ban hành quy định về phát triển đô thị tăng trưởng xanh. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo chú trọng việc rà soát, lồng ghép các mục tiêu phát triển đô thị tăng trưởng xanh trong quá trình nghiên cứu, triển khai lập quy hoạch tỉnh; đặc biệt đối với nội dung phương hướng phát triển hệ thống đô thị.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ nghiên cứu lồng ghép định hướng, tiêu chí đô thị xanh trong xây dựng các đô thị.
	Về phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu: Hiện nay, Chính phủ đang nghiên cứu ban hành quy định về phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu; trước các tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát và bổ sung, lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình nghiên cứu, triển khai lập quy hoạch tỉnh.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ nghiên cứu lồng ghép định hướng, tiêu chí đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu vào quá trình xây dựng các đô thị theo quy hoạch.
4	Về phương án phát triển nhà ở	
	4.1. Bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở Theo các quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 243 Luật Đất đai năm 2024) quy định cụ thể các nội dung của quy hoạch tỉnh; điểm a khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 110 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai); khoản 6 Điều 5 Luật Nhà ở năm 2023 quy định việc quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, đề nghị UBND tỉnh Tuyên Quang rà soát các nội dung sau: - Hiện nay, tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) chưa phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở mới mà đang tiếp tục sử dụng chương trình phát triển nhà ở của tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập)¹ và tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập)² và đã xác định quỹ đất để phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030 là khoảng 2.600 ha³, trong đó diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội tại tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập) khoảng 6.85 ha⁴. - Trong đề xuất điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang, tại chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp (mục 2, phần IX, trang 462 Báo cáo tổng hợp) đã nêu đất ở đến năm 2030 được điều chỉnh thành: 14.936 ha đất ở tại nông thôn (tăng 852 ha so với chỉ tiêu được duyệt) và 3.641 ha đất ở tại đô thị (không thay đổi so với chỉ tiêu	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ rà soát lại chỉ tiêu đất ở và mục tiêu phát triển nhà ở, trong đó có nhà ở xã hội.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	được duyệt); tuy nhiên chưa có thông tin về chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và thông tin về quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở xã hội.	
	- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang rà soát, bổ sung, chịu trách nhiệm về nội dung này bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở xã hội thì phải bảo đảm mục tiêu phát triển nhà ở xã hội của tỉnh trong đề án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030.	
	4.2. Về chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang rà soát định hướng phát triển nhà ở trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang, bảo đảm đáp ứng đủ nhu cầu thực tế nhà ở về: số lượng, chất lượng, loại hình nhà ở trong giai đoạn quy hoạch. Trường hợp quy hoạch tỉnh Tuyên Quang được phê duyệt điều chỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo rà soát, đánh giá sự phù hợp của chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 460/QĐ-UBND và Quyết định số 2435/QĐ-UBND với quy hoạch tỉnh đã được điều chỉnh và điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh trong trường hợp thuộc diện phải điều chỉnh theo quy định của pháp luật nhà ở.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ rà soát lại chỉ tiêu, định hướng về phát triển nhà ở.
5	Về phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật	
	Về giao thông: đề nghị cần bổ sung, làm rõ tính hợp lý của hệ thống giao thông đã được quy hoạch đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang sau sáp nhập; làm rõ giải pháp cải tạo nâng cấp chất lượng hệ thống giao thông đô thị bảo đảm nét nổi đồng bộ trong và ngoài tỉnh, các khu vực cửa khẩu với Trung Quốc, bổ sung phương án phát triển hệ thống bãi đỗ xe, nhu cầu giao thông công cộng làm cơ sở đề xuất hình thức giao thông phù hợp.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ bổ sung mục tiêu, giải pháp cải tạo nâng cấp chất lượng hệ thống giao thông đô thị kết nối đồng bộ trong và ngoài tỉnh, các khu vực cửa khẩu với Trung Quốc, sẽ bổ sung phương án phát triển hệ thống bãi đỗ xe, giao thông công cộng.
	Về thông tin liên lạc: bổ sung định hướng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông (các dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư); bổ sung giải pháp kết hợp công nghệ thông tin với việc quảng bá, phát triển các dịch vụ liên quan đến phát triển du lịch.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ nghiên cứu bổ sung định hướng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Về cấp nước: bổ sung đánh giá trữ lượng, giải pháp bảo đảm chất lượng, an ninh nguồn nước cho người dân, đặc biệt là nước sạch nông thôn; tính toán khả năng của các nguồn nước mặt phục vụ nhu cầu cấp nước theo các mùa (đặc biệt là mùa khô). Về thoát nước mưa, nước thải: bổ sung phương án phát triển hệ thống thoát nước trên cơ sở cập nhật kịch bản của biến đổi khí hậu, mưa lũ; xác định rõ các khu vực ngập úng, khu vực có nguy cơ lũ, sạt lở, bổ sung phân vùng thoát nước và xử lý nước thải.	
	Về một số nội dung khác	
	Về định hướng phát triển các đô thị du lịch (Đô thị Lâm Bình, Đô thị Na Hang, Đô thị Hoàng Su Phì, Đô thị Đồng Văn, Đô thị Mèo Vạc,...), đề nghị bổ sung các quy định kiểm soát đặc thù về tổ chức không gian, chiều cao, mật độ xây dựng và hình thái kiến trúc.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ nghiên cứu bổ sung định hướng quy định kiểm soát đặc thù về tổ chức không gian, chiều cao, mật độ xây dựng và hình thái kiến trúc.
	Về tổ chức thực hiện, nghiên cứu bổ sung cơ chế giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện hàng năm các chỉ số hạ tầng đô thị đồng bộ (tỷ lệ đô thị hóa, kết nối hạ tầng kỹ thuật) để bảo đảm mục tiêu khả thi, phù hợp năng lực huy động nguồn lực.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ nghiên cứu bổ sung cơ chế giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện hàng năm các chỉ số hạ tầng đô thị đồng bộ.
	Rà soát hệ thống bản đồ quy hoạch, bản vẽ bảo đảm thống nhất với nội dung trong Thuyết minh và tuân thủ về thành phần bản đồ, quy cách thể hiện bản đồ theo quy định của pháp luật về quy hoạch; đồng thời, bảo đảm hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch đáp ứng yêu cầu về cơ sở dữ liệu quy hoạch để cung cấp thông tin, chia sẻ trong quản lý giữa các ngành, các cấp quản lý tại tỉnh và cả nước.	Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, đơn vị lập quy hoạch tỉnh sẽ bổ sung, hoàn thiện hệ thống sơ đồ quy hoạch, bản vẽ cho thống nhất với nội dung trong Thuyết minh và theo đúng quy định về bản đồ.
XIII	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số/BGDDT-KHTC ngày/01/2026)	
	1. Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 5 trang 74): - Đối với nội dung về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên: Đề nghị rà soát, cập nhật đầy đủ số liệu, thông tin về thực trạng giáo dục và đào tạo (tiếp cận giáo dục, chất lượng giáo dục và điều kiện đảm bảo chất lượng) đầy đủ các cấp học theo quy định và phù hợp với phạm vi địa bàn tỉnh Tuyên Quang sau sáp nhập (bao gồm địa bàn tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước đây); bổ sung đánh giá toàn diện các kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân làm cơ sở đề xuất mục tiêu, phương án và giải pháp phát triển trong giai đoạn quy hoạch. Đồng thời, đề nghị làm rõ các vấn đề trọng tâm, các điểm nghẽn cần ưu tiên giải quyết đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đối với nội dung về giáo dục nghề nghiệp: Đề nghị bổ sung đánh giá tình hình tuyển sinh thực tế trong giai đoạn 2021-2025 của các cơ sở trên địa bàn tỉnh so với quy mô đào tạo thiết kế, kết quả đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; bổ sung nội dung tỷ lệ lao động qua đào tạo tính chung cho cả lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	
	- Đề nghị bổ sung đánh giá kết quả triển khai Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo kể từ khi được phê duyệt đến nay (trong đó phân tích cụ thể kết quả rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục và kết quả thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa).	
	2. Về hiện trạng sử dụng đất (Mục II trang 95): Đề nghị bổ sung làm rõ thêm tính hợp lý, hiệu quả sử dụng đất và tiềm năng đất đai dành cho giáo dục và đào tạo; bổ sung đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu đất giáo dục và đào tạo so với quy hoạch được duyệt để làm cơ sở cho định hướng/phương án quy hoạch đất trong giai đoạn tới.	
	3. Về thực trạng phát triển và bố trí không gian lãnh thổ theo các khu chức năng (Mục 3 trang 105): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung làm rõ thêm hiện trạng hạ tầng khu chức năng đào tạo – nghiên cứu đã được hình thành trên địa bàn tỉnh; bổ sung thông tin, số liệu, đánh giá về hiện trạng mạng lưới, phân bố không gian; quy mô, năng lực, mức độ sử dụng đất; chất lượng cơ sở vật chất, hạ tầng; nguồn nhân lực và năng lực đào tạo – nghiên cứu; liên kết với phát triển kinh tế – xã hội; hiệu quả hoạt động và đóng góp. Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu bổ sung đánh giá tồn tại, hạn chế và nguyên nhân tồn tại, hạn chế và sự phù hợp với các chủ trương, định hướng chung (Ví dụ: Phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch ngành giáo dục và đào tạo, quy hoạch ngành khoa học và công nghệ và các chủ trương lớn như đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tự chủ đại học...).	
	4. Về hiện trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 6 trang 127): - Nội dung đánh giá thực trạng còn sơ lược. Đề nghị bổ sung kết quả mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp học để minh chứng cho đánh giá “Mạng lưới cơ sở giáo dục cơ bản đã được sắp xếp theo hướng đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả” bằng số liệu cụ thể, có so sánh kết quả thực hiện năm 2025 với năm 2021; bổ sung số liệu	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thực trạng, nhận định, đánh giá về mạng lưới và phân bố cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sau sáp nhập (bao gồm địa bàn tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước đây) và có so sánh với vùng làm cơ sở đánh giá sự phát triển của giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang và tính liên kết vùng, đồng thời làm cơ sở xác định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang; bổ sung đánh giá mức độ phù hợp của mạng lưới các cơ sở giáo dục với phân bố dân cư, đô thị và khu kinh tế; về quy mô tiếp nhận và khả năng tiếp cận của người học; tình trạng quá tải hoặc dư thừa cục bộ; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, hiệu quả sử dụng đất giáo dục và đào tạo theo các quy hoạch được duyệt; khả năng gắn kết với khu nghiên cứu, khu công nghiệp, doanh nghiệp và nhu cầu nhân lực địa phương; bảo đảm tính đồng bộ, liên thông với quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch ngành có liên quan. Đồng thời, đề nghị rà soát, cập nhật các phân tích, đánh giá để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay.	
	- Đối với hạ tầng giáo dục thường xuyên: Theo quy định cơ sở giáo dục thường xuyên gồm trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Vì vậy, rà soát nội dung cơ sở giáo dục thường xuyên bảo đảm đúng quy định.	
	- Về hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học đề nghị bổ sung nội dung về diện tích đất (gồm cả diện tích xây dựng) của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; đồng thời bổ sung đánh giá về việc bố trí diện tích đất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học so với yêu cầu về điều kiện bảo đảm chất lượng, yêu cầu quy hoạch của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025; bổ sung chi tiết loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: công lập, ngoài công lập.	
	5. Về xây dựng các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển tỉnh (Mục 2 trang 151): Đề nghị bổ sung làm rõ yêu cầu về nguồn nhân lực và đào tạo tương ứng với từng kịch bản; bổ sung dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo tương ứng với từng kịch bản phát triển, làm cơ sở xây dựng phương án đào tạo, thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng, bảo đảm khả thi và thực hiện được các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra tại quy hoạch.	
	6. Về xác định các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá trong giai đoạn điều chỉnh quy hoạch (Mục II trang 177):	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đề nghị rà soát, cập nhật nội dung liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 71-NQ/TW và chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết 281/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.	
	7. Về phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (Mục III trang 179): Đề nghị bổ sung làm rõ vai trò của không gian hạ tầng giáo dục và đào tạo như một cấu phần chiến lược trong tổ chức không gian phát triển tỉnh. Định hướng tổ chức không gian kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo cần được xem xét đi trước một bước, để dẫn dắt phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu định hướng phát triển mô hình trường học thông minh, hạ tầng số dùng chung, gắn kết không gian vật chất với không gian số sẽ góp phần giảm áp lực đầu tư dàn trải về đất đai, cơ sở vật chất và phù hợp với tinh thần đột phá về giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 71-NQ/TW.	
	8. Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 5 trang 227): - Đề nghị rà soát, biên tập phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng bám sát các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 71-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2025, Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) năm 2025; Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) năm 2025, Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để cụ thể hóa mục tiêu của các cấp học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang bảo đảm cụ thể hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước. Định hướng phát triển giáo dục của tỉnh cần bảo đảm giáo dục và đào tạo thực sự là nền tảng cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, phù hợp định hướng phát triển bền vững của tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn tới và cần lượng hóa bằng các mục tiêu, chỉ tiêu rõ ràng nhằm nâng cao tính khả thi và hiệu quả triển khai (Ví dụ: Cần xác định phát triển giáo dục là nền tảng đối với tỉnh Tuyên Quang, mục tiêu quy hoạch giáo dục không	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	chỉ dừng ở việc đáp ứng nhu cầu học tập mà còn cần gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành chủ lực và tiềm năng của tỉnh; gắn đào tạo với phát triển công nghiệp, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực,...). Ngoài ra, định hướng cần bao hàm các yếu tố về phát triển khoa học kỹ thuật, tiến bộ công nghệ, trí tuệ nhân tạo,...	
	- Đối với giáo dục nghề nghiệp: Đề nghị rà soát lại mục tiêu xây dựng “Trường Cao đẳng nghề Tuyên Quang thành trường nghề chất lượng cao và có một số nghề trọng điểm đạt trình độ ngang tầm các nước phát triển trong khu vực” để phù hợp với định hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp tại Nghị quyết số 71-NQ/TW “đầu tư hiện đại cho một số trường cao đẳng chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế” và quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) năm 2025. Đề nghị chuyển mục tiêu lao động qua đào tạo về mục tiêu chung của lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Chuyển mục tiêu tỷ lệ lao động có trình độ đại học trở lên đạt 24% về mục giáo dục đại học.	
	- Đề nghị bổ sung giải pháp đặc thù về đội ngũ nhà giáo nhằm đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp đối với các trường ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (Ví dụ: Có cơ chế đặc thù về nhà ở công vụ, hợp đồng hoặc luân chuyển, điều động, biệt phái giáo viên,...).	
	9. Về phương hướng phát triển khu chức năng (Mục VI trang 286): Đề nghị nghiên cứu bổ sung định hướng, phương án tổ chức không gian các khu chức năng đào tạo – nghiên cứu (Ví dụ: Khu đại học, khu nghiên cứu, khu thực nghiệm, trung tâm đổi mới sáng tạo), bảo đảm sử dụng đất hiệu quả, có khả năng mở rộng dài hạn; bổ sung xác định rõ các lĩnh vực đào tạo mũi nhọn, các chuỗi giá trị kinh tế phục vụ và mô hình phát triển tổng thể (Ví dụ: Hệ sinh thái đại học – nghiên cứu – đổi mới sáng tạo – khởi nghiệp) để tăng khả năng thu hút đầu tư chiến lược; bổ sung làm rõ mô hình phát triển, định hướng phân khúc đầu tư ưu tiên và cơ chế liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Ngoài ra, đề nghị bổ sung làm rõ cơ chế thu hút, đãi ngộ và chính sách nhà ở công vụ để thu hút đội ngũ giảng viên, nhà khoa học trình độ cao (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ) về làm việc và định cư lâu dài, nhằm hiện thực hóa mục tiêu đề ra.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	10. Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 2 trang 361): 10.1. Đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên: - Đề nghị rà soát, làm rõ thêm phương án chi tiết phát triển hạ tầng, mạng lưới giáo dục cụ thể cho từng địa bàn tỉnh (số lượng, loại hình, quy mô, không gian bố trí và nhu cầu sử dụng đất) để bảo đảm phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bổ sung các tiêu chí, chỉ số và phương pháp đánh giá được sử dụng trong quá trình xây dựng và điều chỉnh quy hoạch đối với lĩnh vực giáo dục để bảo đảm tính minh bạch, khách quan và khả năng theo dõi, đánh giá trong quá trình triển khai. Ngoài ra, đề nghị bổ sung nghiên cứu thêm một số dự báo về quy mô, cơ cấu dân số theo độ tuổi, dự báo về mạng lưới trường lớp, quỹ đất dành cho trường học,... để làm căn cứ, cơ sở tính toán, xác định nhu cầu phát triển của hệ thống hạ tầng giáo dục và đào tạo, nhu cầu sử dụng đất và đề xuất phương án điều chỉnh quy hoạch phù hợp.	
	- Phương án quy hoạch mạng lưới trường mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên cần thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Công văn 6165/BGDĐT-GDPT ngày 02/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sắp xếp, tổ chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp.	
	- Đề nghị bổ sung làm rõ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo để đáp ứng mục tiêu quy hoạch; bổ sung dự báo nhu cầu về số lượng và cơ cấu giáo viên cho từng cấp học theo định hướng phát triển các khu, cụm công nghiệp và đô thị hóa nhanh của tỉnh. Bên cạnh đó, đề nghị bổ sung lộ trình sắp xếp, bố trí và ổn định đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, đảm bảo quyền lợi và định biên người làm việc theo quy định; bổ sung kế hoạch cụ thể thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trong đó tập trung ưu tiên nguồn lực cho cấp mầm non và tiểu học để khắc phục tỷ lệ đạt chuẩn còn thấp; bổ sung có cơ chế đặc thù về nhà ở công vụ, hợp đồng hoặc luân chuyển, điều động, biệt phái giáo viên... để khắc phục tình trạng thừa thiếu cục bộ đội ngũ nhà giáo.	
	10.2. Đối với giáo dục nghề nghiệp:	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đề nghị rà soát nội dung phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm phù hợp với quy định Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) vừa được Quốc hội khóa XV chính thức thông qua ngày 10/12/2025 và định hướng sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo theo định hướng của Ban chỉ đạo Trung ương về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục nghề nghiệp cần gắn với chiến lược phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm định hướng, tổ chức không gian giáo dục nghề nghiệp gắn với các khu nông nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch, trung tâm logistics,..., bảo đảm liên kết chặt chẽ với nhu cầu thị trường lao động; định hướng tới sẽ hình thành các cụm, trung tâm đào tạo – thực hành – đổi mới sáng tạo, tăng cường liên kết, liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, tránh phân tán không gian giáo dục nghề nghiệp nhỏ lẻ, kém hiệu quả đầu tư; cải cách, hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW và các văn bản liên quan của Đảng và Nhà nước hiện nay.	
	- Đề nghị chuyển nội dung đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp về mục giáo dục thường xuyên.	
	- Đối với xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, đề nghị xác định cụ thể định hướng khuyến khích, thu hút đầu tư để hình thành cụ thể số cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và theo loại hình cơ sở (trường cao đẳng, trường trung cấp, trường trung học nghề, trung tâm giáo dục nghề nghiệp).	
	- Đề nghị bổ sung phương hướng hình thành và phát triển các trường Trung học nghề theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) năm 2025.	
	10.3. Đối với giáo dục đại học: - Đề nghị bổ sung, làm rõ mối quan hệ gắn kết giữa định hướng phát triển hạ tầng giáo dục đại học với định hướng phát triển các ngành kinh tế chủ lực, ngành có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh của tỉnh Tuyên Quang. Quy hoạch cần xác định rõ giáo dục đại học là một trong những động lực phát triển của tỉnh, có vai trò cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo tri thức, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và lan tỏa phát triển theo chuỗi liên kết đại học – doanh nghiệp – đô thị sáng tạo; đáp ứng nhu cầu phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Đồng thời, cần tăng cường định hướng liên	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	kết giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục đại học cần bám sát các chủ trương về tự chủ đại học, chuyển đổi số, giáo dục mở và học tập suốt đời; nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển mô hình đại học thông minh, hạ tầng số dùng chung, gắn kết hài hòa giữa không gian vật chất và không gian số, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, giảm áp lực đầu tư dàn trải về đất đai, cơ sở vật chất, phù hợp với tinh thần đổi mới, đột phá về giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 71-NQ/TW.	
	- Đề nghị bổ sung, làm rõ quỹ đất dành cho phát triển hạ tầng giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh; nguyên tắc bố trí, khả năng mở rộng trong dài hạn và hiệu quả sử dụng đất. Quy hoạch cần xem xét hạ tầng giáo dục và đào tạo như một cấu phần chiến lược trong tổ chức không gian phát triển tỉnh, có tính đi trước một bước nhằm dẫn dắt phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Bên cạnh đó, đề nghị nghiên cứu đặt hạ tầng giáo dục đại học trong tổng thể cấu trúc phát triển không gian, kinh tế và đô thị của tỉnh như một cực thu hút đầu tư; tạo điều kiện thu hút các trường đại học, viện nghiên cứu lớn đầu tư, mở phân hiệu, cơ sở đào tạo hoặc trung tâm nghiên cứu – đào tạo gắn với khu công nghiệp, khu công nghệ cao và các hành lang phát triển.	
	- Đề nghị bổ sung làm rõ các điều kiện thực hiện phương án quy hoạch, bao gồm nguồn lực đầu tư, cơ chế huy động xã hội hóa, hợp tác công – tư và lộ trình triển khai theo từng giai đoạn, nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của quy hoạch. Đồng thời, bổ sung làm rõ cơ chế thu hút, đãi ngộ và chính sách hỗ trợ (trong đó có chính sách nhà ở công vụ, điều kiện làm việc, môi trường nghiên cứu,...) nhằm thu hút đội ngũ giảng viên, nhà khoa học trình độ cao về làm việc và gắn bó lâu dài tại tỉnh Tuyên Quang, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.	
	11. Về điều chỉnh sử dụng đất đến năm 2030 (Mục IX trang 473): - Đề nghị bổ sung định hướng sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy định chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cụ thể: “Ưu tiên dành quỹ đất sạch, cho phép chuyển đổi linh hoạt mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục; tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án giáo dục, đào tạo. Không thu tiền sử dụng đất, giảm	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Ưu tiên dành trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục; cho phép áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thực.” (mục 2, phần III, Nghị quyết số 71-NQ/TW), Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội khóa XV) và các quy định về pháp luật đất đai khác có liên quan. Phương án, định hướng bố trí quỹ đất cho giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026–2030 cần bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định hiện hành và đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục trong bối cảnh gia tăng dân số cơ học và quá trình sáp nhập đơn vị hành chính. Ngoài ra, đề nghị bổ sung thuyết minh làm rõ thêm phương pháp tính toán, xác định nhu cầu quỹ đất bổ sung cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm phù hợp quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các văn bản pháp luật có liên quan.	
	12. Đề nghị bổ sung thông tin về danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch trong đó có các dự án ưu tiên đầu tư thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định.	
	13. Về giải pháp về phát triển nguồn nhân lực (Mục 2 trang 485): Đề nghị bổ sung giải pháp nhà nước thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo với các cơ sở giáo dục và đào tạo không phân biệt hình thức sở hữu.	
XIV	Bộ Ngoại giao (Văn bản số/BNG-NGKT ngày/01/2026)	
XV	Bộ Công an (Văn bản số/BCA-..... ngày/01/2026)	

PHỤ LỤC II
BIỂU TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC TỈNH LIỀN KỀ
(Kèm theo Báo cáo số 77/BC-STC ngày 25/01/2026 của Sở Tài chính)
Số liệu tổng hợp đến ngày 25/01/2026

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I	Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ (Văn bản số 266/STC-THQH ngày 13/01/2026)	
1	Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt, trục kinh tế trung tâm của tỉnh Phú Thọ kết nối từ Tuyên Quang qua phường Việt Trì đến phường Hòa Bình và tiếp đến Thanh Hóa, đi theo tuyến đường Hồ Chí Minh (mở rộng) và các tuyến Quốc lộ 32, 32B, 32C, 21, 70B,...có định hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kết hợp với công nghiệp chế biến nông – lâm sản. Đồng thời hành lang kinh tế Phú Thọ - Tuyên Quang đã được xác định trong điều chỉnh Quy hoạch vùng Trung du miền núi phía Bắc (dự thảo). Đề nghị UBND tỉnh Tuyên Quang nghiên cứu, xem xét rà soát định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực tại khu vực tiếp giáp với trục kinh tế trung tâm của tỉnh Phú Thọ nêu trên đảm bảo tính phù hợp, thống nhất với định hướng phát triển tại khu vực tỉnh Phú Thọ nhằm tăng cường tính kết nối, phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của hai tỉnh.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang cũng đã xác định khu vực dọc hành lang kinh tế Phú Thọ-Tuyên Quang, khu vực dọc cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ, Tuyên Quang - Hà Giang là trục kinh tế quan trọng hàng đầu của tỉnh; vì vậy tỉnh Tuyên Quang đã có định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực tại khu vực tiếp giáp này, trong đó sẽ có liên kết mạnh với trục kinh tế trung tâm của tỉnh Phú Thọ tạo thành trục kinh tế liên tỉnh liên hoàn thúc đẩy KT-XH hai bên.
2	Về định hướng hạ tầng giao thông kết nối Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050 và các quy hoạch xây dựng tại các khu vực tiếp giáp với tỉnh Tuyên Quang đã được phê duyệt, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có các tuyến đường giao thông tiếp giáp với tỉnh Tuyên Quang bao gồm: - Tuyến QL.2D kết nối với tuyến đường Vĩnh Ninh - Đạo Trù tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) với quy mô quy mô tối thiểu cấp IV, 2 - 4 làn xe; - Tuyến QL.2C với quy mô đường cấp III, tối thiểu 2 làn xe, đoạn ngoài đô thị lộ giới quản lý 42m, đoạn trong đô thị theo quy hoạch đô thị và nông thôn được duyệt; - ĐT.310, quy mô đường cấp II, 6 làn xe, đoạn ngoài đô thị lộ giới quản lý 63m, đoạn trong đô thị theo QH đô thị được duyệt; - Tuyến ĐT.307, quy mô tối thiểu 02 làn xe, đoạn ngoài đô thị lộ giới quản lý 42m, đoạn trong đô thị theo QH đô thị được duyệt;	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã xác định các tuyến liên kết liên tỉnh, bao gồm các tuyến như Quý Sở nêu. UBND tỉnh Tuyên Quang sẽ rà soát lại đảm bảo các tuyến đường kết nối 2 tỉnh có sự liên thông, đồng bộ về cấp kỹ thuật nhằm thúc đẩy giao thông, thương mại dịch vụ liên tỉnh phát triển thuận lợi.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- ĐT.307C có quy mô mặt cắt ngang 36,5m; - Tuyến đê tả sông Lô có quy mô mặt cắt ngang 11m; - Tuyến QL.2, quy mô đường cấp III, từ 2 đến 6 làn xe; - Đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ có quy mô tối thiểu 4 làn xe; - ĐT.314E, đi qua cầu Kim Xuyên, có quy mô đường cấp III. Đề nghị UBND tỉnh Tuyên Quang rà soát, xác định quy mô, cấp hạng kỹ thuật các tuyến giao thông kết nối với tỉnh Phú Thọ nêu trên bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ về tiêu chuẩn kỹ thuật tại khu vực giáp ranh nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của hai tỉnh	
3	Về định hướng quy hoạch sử dụng đất tại khu vực giáp ranh với tỉnh Tuyên Quang: Theo các quy hoạch đô thị và nông thôn tại các khu vực tiếp giáp với tỉnh Tuyên Quang đã được phê duyệt, định hướng sử dụng đất tại các khu vực giáp ranh với tỉnh Tuyên Quang chủ yếu là đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp và một phần đất phát triển du lịch, cụ thể: - Khu vực xã Đạo Trù, xã Yên Dương, huyện Tam Đảo cũ: Phát triển du lịch tại khu vực hồ Vĩnh Thành, còn lại là đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp. - Khu vực xã Yên Dương, huyện Tam Đảo cũ: đất phát triển nông nghiệp. - Khu vực xã Quang Sơn, xã Ngọc Mỹ, huyện Lập Thạch cũ: đất phát triển lâm nghiệp. - Khu vực xã Lãng Công, xã Quang Yên, xã Bạch Lưu, huyện Sông Lô cũ: Phát triển du lịch tại khu vực hồ Suối Sỏi, còn lại là đất phát triển lâm, nông nghiệp. - Khu vực giáp ranh thuộc huyện Hạ Hòa, huyện Đoan Hùng, Phú Ninh cũ, ngoài KCN Đoan Hùng (đang triển khai), còn lại là đất lâm nghiệp, nông nghiệp. Đề nghị UBND tỉnh Tuyên Quang xem xét, rà soát định hướng sử dụng đất của tỉnh tại các khu vực giáp ranh với tỉnh Phú Thọ nêu trên đảm bảo phù hợp, thống nhất với định hướng sử dụng đất của tỉnh Phú Thọ đã được duyệt.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, nội dung về sử dụng đất khu vực các xã giáp ranh giữa 2 tỉnh sẽ được rà soát và điều chỉnh (nếu có).
IV	Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (Văn bản số 586/STC-KTXH ngày 21/01/2026)	
1	1. Tỉnh Thái Nguyên cơ bản nhất trí với các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở.
2	2. Để hoàn thiện, đảm bảo tính chất kết nối liên vùng, các xã giáp ranh giữa 02 tỉnh, tỉnh Thái Nguyên đề nghị xem xét, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2.1	2.1. Tại điểm 4, mục III về các hành lang kinh tế (trang 178) có dự thảo “Hành lang kết nối ngang: Bám theo Quốc lộ 279 kết nối với các tỉnh Lào Cai, Cao Bằng” Đề nghị xem xét, chỉnh sửa “Hành lang kết nối ngang: Bám theo Quốc lộ 279 kết nối với các tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên”. Lý do: Theo dự thảo điều chỉnh Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, 1 trong 4 hành lang kinh tế vùng đó là “Hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Lào Cai - Tuyên Quang - Thái Nguyên - Lạng Sơn hình thành và phát triển dựa trên tuyến Quốc lộ 279”.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, nội dung về tuyến 279 đã được điều chỉnh sửa đổi.
2.2.	Tại Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông đường bộ (từ trang 306), đề nghị bổ sung các tuyến đường sau cụ thể: - Bổ sung tuyến cao tốc Thái Nguyên - Tuyên Quang có tổng chiều dài 70Km (trong đó tỉnh Thái Nguyên dài khoảng 30Km); điểm đầu tại nút giao với đường cao tốc CT.07 tại lý trình Km78+00, tỉnh Thái Nguyên; điểm cuối tại nút giao với đường cao tốc CT.15 tại lý trình Km0+00, tỉnh Tuyên Quang. (Tuyến cao tốc này đã được UBND tỉnh Lào Cai có Văn bản gửi Bộ Xây dựng đề xuất bổ sung quy hoạch tuyến cao tốc Sơn La - Lào Cai - Tuyên Quang - Thái Nguyên). - Điều chỉnh QL.280 để bổ sung đoạn qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở nâng cấp ĐT.257 (tỉnh Thái Nguyên), tại Tuyên Quang điều chỉnh điểm đầu từ điểm đầu giao QL.279, xã Nà Hang sang QL 3C tại xã nam Cường tỉnh Thái Nguyên. - Bổ sung tuyến đường kết nối với tỉnh ĐT 259B tại xã Nghĩa Tá, tỉnh Thái Nguyên quy mô cấp IV. - Bổ sung tuyến đường kết nối với tỉnh ĐT 257C tại xã Nam Cường, tỉnh Thái Nguyên quy mô cấp V. - Bổ sung tuyến đường kết nối với tỉnh ĐT 258D tại xã Cao Minh, tỉnh Thái Nguyên quy mô cấp V. - Bổ sung tuyến đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái theo điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 2404/QĐ-TTg ngày 29/10/2025.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, nội dung về các tuyến đường như ý kiến góp ý của Quý Sở sẽ được cân nhắc, bổ sung vào nội dung điều chỉnh QHT Tuyên Quang nhằm tăng cường kết nối giao thông, thúc đẩy giao thương liên tỉnh.
III	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai (Văn bản số 335/STC-THQH ngày 20/01/2026)	
1	Về bố cục, thành phần hồ sơ, nội dung thuyết minh báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã bám sát các nội dung chủ yếu được quy định cho quy hoạch tỉnh theo các quy định hướng dẫn hiện hành; các biểu	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	số liệu đã cơ bản ghi đầy đủ nguồn cung cấp số liệu; bố cục rõ ràng, mạch lạc, thuận lợi cho công tác kiểm tra, rà soát, thực hiện.	
2	Đối với sơ đồ phương án sử dụng đất kèm theo hồ sơ xin ý kiến đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát và lược bỏ các dữ liệu bị trùng đề nhiều dẫn đến không xác định được thông tin về phương án quy hoạch tại nhiều vị trí. Nội dung này cần thực hiện theo quy định tại Phụ Lục I ban hành kèm Thông tư số 03/2023/TT-BKHĐT ngày 20/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, các sơ đồ, bản đồ sẽ được chỉnh sửa theo đúng quy chuẩn, quy định đối với công tác bản đồ.
3	Nhất trí với sự cần thiết điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang trong bối cảnh thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Hồ sơ đã viện dẫn tương đối đầy đủ các căn cứ pháp lý hiện hành liên quan đến quy hoạch, đầu tư, đầu thầu, bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc lập và điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong giai đoạn chuyển tiếp khi Luật Quy hoạch (sửa đổi) chưa có hiệu lực thi hành.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở
4	Đề nghị cơ quan chủ trì tiếp tục rà soát, cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành (nếu có) liên quan trực tiếp đến các ngành, lĩnh vực được điều chỉnh trong Quy hoạch để bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất của hệ thống căn cứ pháp lý, không sử dụng căn cứ là các văn bản hết hiệu lực thi hành. Ví dụ: + Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 đã hết hiệu lực thi hành từ ngày 16/6/2025 do Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 thay thế. + Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2023 đã hết hiệu lực kể từ ngày 11/12/2025 theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 263/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội khóa XIV và khóa XV về giám sát chuyên đề và chất vấn. + Tại dự thảo có căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật. Tuy nhiên, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 sẽ hết hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026 do được thay thế bởi Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025. - Đề nghị chỉnh sửa kỹ thuật soạn thảo văn bản đảm bảo phù hợp quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Công tác văn thư.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ tiếp tục rà soát, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, trong đó có các văn bản như Quý Sở góp ý.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
5	2.2. Về nội dung điều chỉnh và tính liên kết vùng: Nhất trí với định hướng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, đồng thời bảo đảm sự kết nối, đồng bộ với Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch của các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và khả thi của Quy hoạch trong quá trình tổ chức thực hiện, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, làm rõ một số nội dung liên quan đến tính liên kết vùng và nội dung điều chỉnh Quy hoạch, cụ thể: (1) Về tính liên kết vùng: - Về kết cấu hạ tầng giao thông đề nghị tỉnh Tuyên Quang quan tâm, làm rõ thêm tính đồng bộ trong việc phát triển các hạ tầng giao thông trọng điểm kết nối giữa hai tỉnh trong hồ sơ quy hoạch, cụ thể: + Tuyến đường bộ cao tốc CT.12: Kết nối từ cao tốc CT.15 (tại xã Bắc Quang, Tuyên Quang) đến cao tốc CT.05 (tại nút giao cảng hàng không Sa Pa, xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai) và đến tỉnh Lai Châu với quy mô 4 làn xe, chiều dài khoảng 125 km (rà soát thống nhất giữa thuyết minh và danh mục theo danh mục ưu tiên là 108 km; hướng tuyến theo Quy hoạch tỉnh Lào Cai gửi kèm theo). + Quốc lộ 279: Trục vành đai kết nối Tuyên Quang với Lào Cai, cần được nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi để đảm bảo giao thương thông suốt. + Ngày 09/10/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã có Văn bản số 2889/UBND-XD gửi Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính về việc đề nghị bổ sung quy hoạch tuyến đường bộ cao tốc Sơn La - Lào Cai - Phú Thọ - Tuyên Quang - Thái Nguyên. Do vậy, đối với phương án phát triển mạng lưới giao thông đường bộ cao tốc đề nghị UBND tỉnh Phú Thọ nghiên cứu bổ sung quy hoạch tuyến đường bộ cao tốc Sơn La - Lào Cai - Phú Thọ - Tuyên Quang - Thái Nguyên vào nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh (có sơ bộ hướng tuyến gửi kèm theo)	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ rà soát lại số liệu về chiều dài các tuyến đường. Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ nghiên cứu nội dung về tuyến cao tốc liên tỉnh này và cân nhắc cùng đưa vào quy hoạch tỉnh.
6	Đối chiếu các khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai và quy hoạch các loại khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì khu vực giáp ranh giữa tỉnh Lào Cai và Tuyên Quang hiện nay có các mỏ khoáng sản: (i) Mỏ cát, sỏi trên sông Chảy, xã Thác Bà đã được UBND tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) cấp phép khai thác khoáng sản cho Công ty CP khai thác chế biến khoáng sản Trường Phát số 1639/GP-UBND ngày 07/10/2010, thời hạn khai thác đến ngày 07/10/2027 (Có giấy phép kèm theo); (ii) Mỏ Thạch Anh xã Bản Liền, xã Bản Liền, huyện Bắc Hà (nay là xã Bản Liền, tỉnh Lào Cai) được Quy hoạch tại Phụ lục	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ rà soát các mỏ khoáng sản giáp ranh giữa 2 tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	VI.28 theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1626/QĐ- TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị đơn vị soạn thảo tiếp tục bổ sung vào Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với phần diện tích thuộc địa giới hành chính tỉnh Tuyên Quang.	
7	- Về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: đề nghị làm rõ hơn định hướng phát triển không gian kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; bảo đảm nguyên tắc phát triển bền vững, bao trùm, thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu (giao thông, nước sinh hoạt, điện, y tế, giáo dục, chuyển đổi số) gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Gắn phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; khai thác tiềm năng du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, sinh thái phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã làm rõ, có định hướng rõ ràng cho các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn.
8	(2) Về chi tiết nội dung điều chỉnh trong báo cáo tổng hợp: - Tại dự thảo có một số cụm từ viết chưa thống nhất, ví dụ: “KKTCK quốc gia Thanh Thủy”, “KKTCK quốc tế Thanh Thủy” (tại trang 18),... - Đề nghị sửa đổi tiêu đề các mục “Thông tin - truyền thông, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo” thành “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” (Ví dụ: Tại trang 128, 257, 328...). Lý do: Để phù hợp và sử dụng thống nhất trong Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; định hướng điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ rà soát lại tên gọi, tên của các mục.
9	Tại trang 196: Sản phẩm du lịch lịch sử - văn hóa: Đề nghị có phương án khai thác các tuyến du lịch liên tỉnh theo Quốc lộ 37 với các địa danh gắn liền với chiến dịch Điện Biên Phủ thuộc các tỉnh: Thái Nguyên - Tuyên Quang - Lào Cai - Sơn La - Điện Biên (Đèo Khế, bến Hiên, Bến Âu Lâu, Đèo Lũng Lô, Ngã ba Cò Nòi, Di tích Nhà tù Sơn La, Đèo Pha Đin, Điện Biên Phủ...).	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã có xác định hệ thống các điểm đến du lịch về nguồn, du lịch lịch sử trên địa bàn tỉnh.
10	Tại trang 197: Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng: Đề nghị có phương án kết nối tour, tuyến với các tỉnh lân cận để phát huy lợi thế của các địa phương, như: + Đi bộ, leo núi tại địa bàn các tỉnh: Tuyên Quang, Lào Cai, Phú Thọ...	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đã xác định xây dựng, mở rộng các tuyến đường liên tỉnh kết nối đến các tỉnh lân cận như Lào

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	+ Thể thao mạo hiểm (lượn dù, vượt thác) ở Na Hang - Lâm Bình (Tuyên Quang), Chí Đạo (Phú Thọ), Chiềng Hặc (Sơn La), Cao Phạ (Lào Cai), Sa Pa, Bát Xát (Lào Cai). + Du lịch sinh thái tìm hiểu đa dạng sinh học các vườn quốc gia, khu bảo tồn (Na Hang - Lâm Bình, Mù Cang Chải, Hoàng Liên...). + Trải nghiệm cảnh quan hùng vĩ (núi, sông, thác, ghềnh): Hồ Núi Cốc, hồ Ba Bể, hồ Na Hang, hồ Thác Bà...	Cai, Phú Thọ, Thái Nguyên là giải pháp cơ bản nhất để thúc đẩy liên kết hình thành các tour tuyến du lịch liên tỉnh.
11	Về tổ chức thực hiện Quy hoạch: Đề nghị bổ sung, nhấn mạnh cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường công tác giám sát, đánh giá, kịp thời điều chỉnh các nội dung chưa phù hợp với thực tiễn.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ bổ sung nội dung này vào giải pháp phát triển du lịch.
12	Tại Phụ lục XI về định hướng sử dụng đất tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025 – 2030 đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất của đầu kỳ quy hoạch do đây là sản phẩm của điều chỉnh quy hoạch tỉnh có giai đoạn là 10 năm tầm nhìn 30 năm. Ngoài ra, cần bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cho từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại điểm b khoản 3, Điều 12, Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai có hiệu lực của điều khoản này từ ngày 11/12/2025.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ bổ sung chỉ tiêu theo đúng quy định.
13	Ngoài ra, hiện nay một số quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng đang triển khai lập điều chỉnh, đề nghị tỉnh Tuyên Quang kịp thời cập nhật các nội dung điều chỉnh quy hoạch cấp trên để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ theo quy định.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang sẽ bám sát các quy hoạch cấp quốc gia để điều chỉnh vào Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang cho phù hợp.
14	Về phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực, đề nghị nghiên cứu bổ sung một tiểu mục riêng về: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”. Lý do: để logic với Báo cáo điều chỉnh quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến của Quý Sở, đơn vị lập quy hoạch đã bổ sung nội dung Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang.
IV	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng (Văn bản số 205/STC-TH ngày 16/01/2026)	
1	Ủy ban nhân dân xã Quảng Lâm, tỉnh Cao Bằng có góp ý bổ sung một số nội dung như sau: “1. Về giao thông - Đường GTNT Khau Củng - Phiêng Mường - Nà Húc (Yên phong – Hà Giang (nay là xóm Nà Húc, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang) có chiều dài 6km loại đường cấp phối.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó đã bổ sung làm rõ thông tin về tuyến “Đường GTNT Khau Củng - Phiêng Mường - Nà Húc (Yên phong – Hà Giang (nay là xóm Nà Húc, xã Bắc

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Mê, tỉnh Tuyên Quang) có chiều dài 6km loại đường cấp phối.”
2	- Đường nối QL34 - xã Quảng Lâm, tỉnh Cao Bằng - xã Du Già, tỉnh Tuyên Quang có chiều dài 30km, trong đó có 14 km đường bê tông xi măng, 16 km đường cấp phối.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó đã bổ sung làm rõ Đường nối QL34 - xã Quảng Lâm, tỉnh Cao Bằng - xã Du Già, tỉnh Tuyên Quang có chiều dài 30km, trong đó có 14km đường bê tông xi măng, 16 km đường cấp phối.
3	2. Về du lịch Điểm du lịch Thác Ba Tiên, xã Du Già, tỉnh Tuyên Quang giáp với xã Quảng Lâm. Trong giai đoạn 2026-2030 xã Quảng Lâm có quy hoạch khu du lịch cây Chò chỉ, Thác Thạch Lâm, đồi cỏ Phiêng Mường. Việc hình thành và phát triển các điểm du lịch nêu trên tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng các tuyến, tua du lịch liên vùng giữa xã Quảng Lâm, tỉnh Cao Bằng và xã Du Già, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, xã Quảng Lâm rất mong tỉnh Tuyên Quang quan tâm, xem xét bổ sung điểm du lịch Thác Ba Tiên vào quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch của địa phương, nhằm kết nối đồng bộ các điểm du lịch giáp ranh, tạo sản phẩm du lịch liên hoàn, giúp du khách có thể trải nghiệm theo tua, góp phần thu hút khách du lịch, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội khu vực biên giới, vùng giáp ranh giữa hai tỉnh.”	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó đã bổ sung định hướng về phát triển du lịch khu vực giáp ranh hai tỉnh.

PHỤ LỤC III
BIỂU TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN GÓP Ý
CỦA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC, CÁC SỞ, BAN, NGÀNH; CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số 77/BC-STC ngày 25/01/2026 của Sở Tài chính)
Số liệu tổng hợp đến ngày 25/01/2026

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (Văn bản số 329/MTTQ-BTT ngày 13/01/2026)	
	1. Tại phần III. Phương hướng phát triển ngành quan trọng; phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội, mục 1.2. Phát triển Du lịch: Việc định hướng đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, kết nối các di sản như Tân Trào, Na Hang - Lâm Bình với Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn. Cần quy định rõ về việc bảo tồn nguyên trạng kiến trúc, văn hóa bản địa tại các Làng văn hóa du lịch, tránh bê tông hóa hoặc thương mại hóa quá mức làm mất bản sắc, ảnh hưởng đến không gian văn hóa của cộng đồng.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó đã làm rõ về việc bảo tồn nguyên trạng kiến trúc, văn hóa bản địa tại các Làng văn hóa du lịch, tránh bê tông hóa hoặc thương mại hóa quá mức làm mất bản sắc, ảnh hưởng đến không gian văn hóa của cộng đồng.
	2. Tại phần IX. Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: Theo Phụ lục 3.2, tỉnh tiếp tục duy trì và cấp phép mới cho rất nhiều điểm mỏ (sắt, mangan, chì, kẽm, vật liệu xây dựng...). Ủy ban MTTQ tỉnh đề nghị phải có cam kết mạnh mẽ về bảo vệ môi trường. Đặc biệt, không quy hoạch các mỏ khoáng sản, vật liệu xây dựng gần khu dân cư, trường học, các điểm du lịch tâm linh, di tích lịch sử và các khu vực có nguy cơ sạt lở cao.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó không quy hoạch các mỏ khoáng sản, vật liệu xây dựng gần khu dân cư, trường học, các điểm du lịch tâm linh, di tích lịch sử và các khu vực có nguy cơ sạt lở cao.
II	Sở Công Thương (Văn bản số 144/SCT-KHTH ngày 13/01/2026)	
1	Về báo cáo điều chỉnh quy hoạch	
a	Về lĩnh vực công nghiệp	
	Tại trang 177, khổ thứ nhất, điểm a, mục 1.2 Mục tiêu tổng quát "Đến năm 2030, ngành công nghiệp phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; hình thành và phát triển một số các cụm liên kết	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa đổi bổ sung như sau: Đến năm 2030, ngành công nghiệp phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ngành công nghiệp có tính chuyên môn hóa cao, có năng lực cạnh tranh cao, trọng tâm là cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim." Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: Đến năm 2030, ngành công nghiệp phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; hình thành và phát triển ngành công nghiệp có tính chuyên môn hóa cao, có năng lực cạnh tranh cao. Trọng tâm là ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; đi đôi với phát triển vùng nguyên liệu, ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ."	cấu lao động; hình thành và phát triển ngành công nghiệp có tính chuyên môn hóa cao, có năng lực cạnh tranh cao. Trọng tâm là ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; đi đôi với phát triển vùng nguyên liệu, ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ
	Tại trang 178, điểm (4), mục b, phần 1.2 Mục tiêu cụ thể Đến năm 2030: (4) Hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên ngành (chế biến nông sản, thực phẩm; dệt may hoàn tất sản phẩm; chế biến gỗ và lâm sản; công nghiệp hỗ trợ...) và cụm liên kết ngành, liên kết vùng trong và ngoài tỉnh. Đề nghị bổ sung, sửa đổi cho đúng phân ngành trong lĩnh vực công nghiệp, thành như sau: " (4) Hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên ngành (chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến gỗ và lâm sản, dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ) và cụm liên kết ngành, liên kết vùng trong và ngoài tỉnh."	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa đổi bổ sung như sau: điểm (4), mục b, phần 1.2 Mục tiêu cụ thể Đến năm 2030: (4) Hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên ngành (chế biến nông sản, thực phẩm; dệt may hoàn tất sản phẩm; chế biến gỗ và lâm sản; công nghiệp hỗ trợ...) và cụm liên kết ngành, liên kết vùng trong và ngoài tỉnh. Đề nghị bổ sung, sửa đổi cho đúng phân ngành trong lĩnh vực công nghiệp, thành như sau: " (4) Hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên ngành (chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến gỗ và lâm sản, dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ) và cụm liên kết ngành, liên kết vùng trong và ngoài tỉnh."
	Tại trang 178, điểm c, mục 1.2 "c) Tầm nhìn đến năm 2030" Đề nghị sửa thành "c) Tầm nhìn đến năm 2050"	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành "c) Tầm nhìn đến năm 2050"

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tại trang 178, gạch đầu dòng thứ 2, mục 1.3. Phương hướng phát triển công nghiệp "- Phát triển một số các cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim tạo nền tảng để phát triển các ngành công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới giai đoạn sau năm 2030." Đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau: "- Phát triển ngành công nghiệp: Chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; đi đôi với phát triển vùng nguyên liệu, ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, thu hút các sản phẩm chế tạo sau luyện kim tạo nền tảng để phát triển các ngành công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT (hệ thống các thiết bị có khả năng kết nối và trao đổi dữ liệu qua mạng internet mà không cần sự can thiệp của con người), năng lượng sạch, pin thế hệ mới giai đoạn sau năm 2030."	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa đổi như sau: Phát triển ngành công nghiệp: Chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; đi đôi với phát triển vùng nguyên liệu, ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, thu hút các sản phẩm chế tạo sau luyện kim tạo nền tảng để phát triển các ngành công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT (hệ thống các thiết bị có khả năng kết nối và trao đổi dữ liệu qua mạng internet mà không cần sự can thiệp của con người), năng lượng sạch, pin thế hệ mới giai đoạn sau năm 2030
	Tại trang 178, gạch đầu dòng thứ 2, mục, 1.3.1. Phương hướng chung về phát triển công nghiệp: "- Phát triển một số các cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim tạo nền tảng để phát triển các ngành công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới giai đoạn sau năm 2030." Đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau: "- Phát triển một số ngành công nghiệp: Chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; đi đôi với phát triển vùng nguyên liệu, ưu tiên	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: Phát triển một số ngành công nghiệp: Chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; đi đôi với phát triển vùng nguyên liệu, ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, thu hút các sản phẩm chế tạo sau luyện kim tạo nền tảng để phát triển các ngành công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT (hệ thống các thiết bị có khả năng kết nối và trao đổi dữ liệu qua mạng internet mà không cần sự can thiệp của con người), năng lượng sạch, pin thế hệ mới giai đoạn sau năm 2030

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, thu hút các sản phẩm chế tạo sau luyện kim tạo nền tảng để phát triển các ngành công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT (hệ thống các thiết bị có khả năng kết nối và trao đổi dữ liệu qua mạng internet mà không cần sự can thiệp của con người), năng lượng sạch, pin thế hệ mới giai đoạn sau năm 2030."	
	Tại điểm 3. Phương hướng phát triển cụm công nghiệp (trang 282-289), đề nghị điều chỉnh lại như sau: 3.1. Giữ nguyên các cụm công nghiệp hiện có trong Phương án phát triển các ngành công nghiệp và hệ thống cụm công nghiệp tỉnh Hà Giang (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp và làng nghề tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Giữ nguyên quy mô diện tích, địa điểm đối với 24 CCN với tổng diện tích là 1.210,3 ha. Đây là các CCN cơ bản có lợi thế về giao thông, nguồn điện, nước và đã có một số nhà đầu tư hạ tầng đăng ký nghiên cứu đầu tư.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: Giữ nguyên các cụm công nghiệp hiện có trong Phương án phát triển các ngành công nghiệp và hệ thống cụm công nghiệp tỉnh Hà Giang (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp và làng nghề tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Giữ nguyên quy mô diện tích, địa điểm đối với 24 CCN với tổng diện tích là 1.210,3 ha. Đây là các CCN cơ bản có lợi thế về giao thông, nguồn điện, nước và đã có một số nhà đầu tư hạ tầng đăng ký nghiên cứu đầu tư.
	3.2. Đưa ra khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Đưa ra khỏi quy hoạch tỉnh các cụm công nghiệp có quy mô diện tích, địa điểm đối với 10 CCN với tổng diện tích là 135 ha	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: Đưa ra khỏi quy hoạch tỉnh các cụm công nghiệp có quy mô diện tích, địa điểm đối với 10 CCN với tổng diện tích là 135 ha
	Điều chỉnh tăng, giảm diện tích cụm công nghiệp để tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Điều chỉnh tăng diện tích Cụm công nghiệp Đức Ninh từ 25 ha lên thành 75 ha; Cụm công nghiệp Sơn Nam từ 50 ha lên thành 70 ha; Cụm công nghiệp Nam Quang từ 35 ha lên thành 50 ha; Cụm công nghiệp Phú Thịnh từ 35 ha lên thành 75 ha; điều chỉnh giảm diện tích	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: Điều chỉnh tăng, giảm diện tích cụm công nghiệp để tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Điều chỉnh tăng diện tích Cụm công nghiệp Đức Ninh từ 25 ha lên thành 75 ha; Cụm công nghiệp Sơn Nam từ 50 ha lên thành 70 ha; Cụm công nghiệp Nam Quang từ 35 ha lên thành 50 ha; Cụm công nghiệp Phú

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Cụm công nghiệp Phúc Ứng 2 từ 60 ha xuống thành 48 ha; Cụm công nghiệp Trung Môn từ 30 ha xuống thành 15,8 ha; điều chỉnh giảm diện tích và địa điểm quy hoạch (từ thôn Trung Sơn thành thôn Tân Phong) Cụm công nghiệp Trung Thành từ 50 ha xuống thành 30 ha để bổ sung, tích hợp trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh.	Thỉnh từ 35 ha lên thành 75 ha; điều chỉnh giảm diện tích Cụm công nghiệp Phúc Ứng 2 từ 60 ha xuống thành 48 ha; Cụm công nghiệp Trung Môn từ 30 ha xuống thành 15,8 ha; điều chỉnh giảm diện tích và địa điểm quy hoạch (từ thôn Trung Sơn thành thôn Tân Phong) Cụm công nghiệp Trung Thành từ 50 ha xuống thành 30 ha để bổ sung, tích hợp trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh.
	3.4. Bổ sung thêm các cụm công nghiệp chưa có trong Phương án phát triển các ngành công nghiệp và hệ thống cụm công nghiệp tỉnh Hà Giang (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp và làng nghề tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Bổ sung 17 cụm công nghiệp, tổng diện tích 900 ha để tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: Bổ sung 17 cụm công nghiệp, tổng diện tích 900 ha để tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
	Tại mục 1.3.3. (trang 181)Về phương hướng lựa chọn dự án đầu tư công nghiệp: "Các dự án đầu tư được xem xét chấp thuận khi đáp ứng các tiêu chí sau: Phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược phát triển quốc gia, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quốc gia trên địa bàn tỉnh; phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh; phù hợp, đồng bộ được với các dự án đã quy hoạch ở cấp cao hơn. 1) Về quy mô vốn đầu tư: Tiếp tục nghiên cứu quy định áp dụng suất vốn đầu tư tối thiểu đối với các dự án có sử dụng đất (các dự án thuê đất trực tiếp của Nhà nước) phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và các quy định của pháp luật theo hướng ưu tiên các dự án có suất đầu tư vốn lớn, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về suất đầu tư tối thiểu đối với từng lĩnh vực cụ thể. 2) Về năng lực của nhà đầu tư: Không xem xét chấp thuận đối với các	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: Về phương hướng lựa chọn dự án đầu tư công nghiệp: "Các dự án đầu tư được xem xét chấp thuận khi đáp ứng các tiêu chí sau: Phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược phát triển quốc gia, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quốc gia trên địa bàn tỉnh; phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh; phù hợp, đồng bộ được với các dự án đã quy hoạch ở cấp cao hơn. 1) Về quy mô vốn đầu tư: Tiếp tục nghiên cứu quy định áp dụng suất vốn đầu tư tối thiểu đối với các dự án có sử dụng đất (các dự án thuê đất trực tiếp của Nhà nước) phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và các quy định của pháp luật theo hướng ưu tiên các dự án có suất đầu tư vốn lớn, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về suất đầu tư tối thiểu đối với từng lĩnh vực cụ thể. 2) Về năng lực của nhà đầu tư: Không xem xét chấp thuận đối với các nhà đầu tư không giải trình được khả năng tài chính, không chấp hành

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nhà đầu tư không giải trình được khả năng tài chính, không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước nếu đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Ngoài ra, ưu tiên các nhà đầu tư có kinh nghiệm triển khai hiệu quả các dự án tương tự. 3) Về lao động sử dụng: Ưu tiên thu hút đầu tư sử dụng lao động hiệu quả, sử dụng lao động là người địa phương và lao động qua đào tạo. Việc thẩm định dự án phải xem xét đến hiệu suất sử dụng lao động (đáp ứng yêu cầu tại bộ tiêu chí). 4) Về hiệu quả kinh tế - xã hội: Các dự án được xem xét chấp thuận phải được đánh giá là có hiệu quả kinh tế - xã hội (trên các mặt: Đóng góp cho ngân sách, hiệu quả sử dụng đất). 5) Về công nghệ, môi trường: Các dự án phải sử dụng công nghệ tiên tiến, ít tác động xấu tới môi trường; không sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định pháp luật.	đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước nếu đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Ngoài ra, ưu tiên các nhà đầu tư có kinh nghiệm triển khai hiệu quả các dự án tương tự. 3) Về lao động sử dụng: Ưu tiên thu hút đầu tư sử dụng lao động hiệu quả, sử dụng lao động là người địa phương và lao động qua đào tạo. Việc thẩm định dự án phải xem xét đến hiệu suất sử dụng lao động (đáp ứng yêu cầu tại bộ tiêu chí). 4) Về hiệu quả kinh tế - xã hội: Các dự án được xem xét chấp thuận phải được đánh giá là có hiệu quả kinh tế - xã hội (trên các mặt: Đóng góp cho ngân sách, hiệu quả sử dụng đất). 5) Về công nghệ, môi trường: Các dự án phải sử dụng công nghệ tiên tiến, ít tác động xấu tới môi trường; không sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định pháp luật.
	Tại trang 348, phần III, mục VII, ý 1, ý 1.3, điểm c Phương hướng phát triển kho khí hóa lỏng, cơ sở kinh doanh khí: "Thu hút đầu tư, hình thành 02 kho chứa chai tập trung với công suất từ 3.000-5.000 chai/kho, vị trí dự kiến tại đô thị Hà Giang và khu vực Bắc Quang. Giai đoạn sau năm 2030: Thu hút đầu tư, xây mới tối thiểu 01 trạm chiết nạp khí hóa lỏng với quy mô dự kiến từ 2.000 - 4.000 tấn/năm và 01 kho chứa chai tập trung với công suất từ 3.000-5.000 chai/kho tại khu vực Bắc Quang. Đầu tư xây dựng mới cơ sở chiết nạp LPG có quy mô công nghiệp tại các xã/phường có nhu cầu, đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật." Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "- Thu hút đầu tư, hình thành các kho chứa chai LPG tập trung với công suất từ 3.000 – 5.000 chai/kho, phân bố phù hợp với điều kiện phát triển đô thị và khu vực kinh tế trên địa bàn tỉnh. - Giai đoạn 2026 – 2030: Thu hút đầu tư, xây dựng mới các trạm chiết nạp khí hóa lỏng (LPG) tại các khu, cụm công nghiệp và các xã, phường trên địa bàn tỉnh có nhu cầu và đủ điều kiện.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: Thu hút đầu tư, hình thành các kho chứa chai LPG tập trung với công suất từ 3.000 – 5.000 chai/kho, phân bố phù hợp với điều kiện phát triển đô thị và khu vực kinh tế trên địa bàn tỉnh. - Giai đoạn 2026 – 2030: Thu hút đầu tư, xây dựng mới các trạm chiết nạp khí hóa lỏng (LPG) tại các khu, cụm công nghiệp và các xã, phường trên địa bàn tỉnh có nhu cầu và đủ điều kiện. -Giai đoạn sau năm 2030: Tiếp tục thu hút đầu tư, xây dựng mới tối thiểu 01 trạm chiết nạp khí hóa lỏng (LPG) với quy mô dự kiến từ 2.000 – 4.000 tấn/năm và tối thiểu 01 kho chứa chai LPG tập trung với công suất từ 3.000 – 5.000 chai/kho trên địa bàn xã Bắc Quang, Tân Trịnh, Mỹ Lâm, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hoá; đồng thời tiếp tục khuyến khích đầu tư xây dựng mới các cơ sở chiết nạp LPG có quy mô công nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp và các xã, phường trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đáp ứng nhu cầu thị trường và các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật."

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	-Giai đoạn sau năm 2030: Tiếp tục thu hút đầu tư, xây dựng mới tối thiểu 01 trạm chiết nạp khí hóa lỏng (LPG) với quy mô dự kiến từ 2.000 – 4.000 tấn/năm và tối thiểu 01 kho chứa chai LPG tập trung với công suất từ 3.000 – 5.000 chai/kho trên địa bàn xã Bắc Quang, Tân Trinh, Mỹ Lâm, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hoá; đồng thời tiếp tục khuyến khích đầu tư xây dựng mới các cơ sở chiết nạp LPG có quy mô công nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp và các xã, phường trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đáp ứng nhu cầu thị trường và các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật."	
b	Về Lĩnh vực năng lượng	
	Tại trang 113, phần II, Mục IV, ý 2.1.1. Nguồn điện, đề nghị chỉnh sửa thành: “2.1.1. Nguồn điện Nguồn cấp phát lên lưới điện 110, 220kV trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gồm các Nhà máy phát điện, các TBA 220kV, cụ thể như sau: - Trạm biến áp 220kV: 07 trạm, tổng dung lượng: 1.290MVA. - Hiện nay có 53 nhà máy điện, tổng công suất 1.318 MW, trong đó: 52 nhà máy thủy điện, tổng công suất 1.293 MW, 01 nhà máy điện sinh khối, công suất 25 MW. Các nhà máy cung cấp cho lưới điện Quốc gia khoảng 5 tỷ kWh/năm, đóng góp quan trọng vào việc giữ vững an ninh năng lượng Quốc gia và nộp ngân sách nhà nước khoảng 1.000 tỷ đồng/năm. Các nhà máy trên còn tạo việc làm ổn định cho hàng nghìn lao động, tích cực tham gia đóng góp xây dựng các công trình công ích như giao thông nông thôn, trường học,... trên địa bàn tỉnh. Thủy điện Tuyên Quang, thủy điện Chiêm Hóa, Thủy điện Nho Quế ... là điểm du lịch hấp dẫn, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước tham quan mỗi năm; là môi trường thuận lợi cho phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, góp phần đảm bảo an sinh xã hội của nhân dân trên địa bàn.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: Nguồn cấp phát lên lưới điện 110, 220kV trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gồm các Nhà máy phát điện, các TBA 220kV, cụ thể như sau: - Trạm biến áp 220kV: 07 trạm, tổng dung lượng: 1.290MVA. - Hiện nay có 53 nhà máy điện, tổng công suất 1.318 MW, trong đó: 52 nhà máy thủy điện, tổng công suất 1.293 MW, 01 nhà máy điện sinh khối, công suất 25 MW. Các nhà máy cung cấp cho lưới điện Quốc gia khoảng 5 tỷ kWh/năm, đóng góp quan trọng vào việc giữ vững an ninh năng lượng Quốc gia và nộp ngân sách nhà nước khoảng 1.000 tỷ đồng/năm. Các nhà máy trên còn tạo việc làm ổn định cho hàng nghìn lao động, tích cực tham gia đóng góp xây dựng các công trình công ích như giao thông nông thôn, trường học,... trên địa bàn tỉnh. Thủy điện Tuyên Quang, thủy điện Chiêm Hóa, Thủy điện Nho Quế ... là điểm du lịch hấp dẫn, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước tham quan mỗi năm; là môi trường thuận lợi cho phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, góp phần đảm bảo an sinh xã hội của nhân dân trên địa bàn.
	“- Đường dây 110kV: 41 đường dây tài sản ngành điện với tổng chiều dài là 751,17 km (gồm 605,38km mạch đơn và 105,10km mạch kép).” đề nghị chỉnh sửa thành: Tổng chiều dài đường dây 110kV: 865 km.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: Tổng chiều dài đường dây 110kV: 865 km.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tại trang 117, phần II, Mục IV, ý 2.1.3. TBA trung gian: Đề nghị bỏ nội dung này, Lý do: Hiện tại các TBA trung gian đã dừng vận hành.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo bỏ nội dung 2.1.3. TBA trung gian
	Tại trang 119, phần III, Mục VI. Đề nghị sửa cụm từ " Phương án phát triển điện lực" thành cụm từ " Phương án phát triển mạng lưới cấp điện".	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, sửa cụm từ " Phương án phát triển điện lực" thành cụm từ " Phương án phát triển mạng lưới cấp điện".
	Tại trang 320, phần III, mục VI, ý 2.2. Thiết kế sơ đồ phát triển lưới điện 500kV, 220kV và 110kV, đề nghị chỉnh sửa thành: “2.2. Thiết kế sơ đồ phát triển lưới điện 500kV, 220kV và 110kV Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: 2.2.1. Lưới điện 500kV: a) Trạm biến áp: - Trạm biến áp 500kV Hà Giang công suất 1800 MVA; b) Đường dây: - Đường dây 500kV Hà Giang - Rẽ Yên Bái - Thái Nguyên: 2x180 km; - Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên: 2x100 km; 2.2.2. Lưới điện 220kV: a) Trạm biến áp - Cải tạo, nâng công suất Trạm biến áp 220kV Tuyên Quang 500 MV; - Cải tạo, nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Thủy điện Tuyên Quang 250 MVA; - Xây mới Trạm biến áp 220kV Sơn Dương 500 MVA; - Cải tạo, nâng công suất TBA 220kV Hà Giang lên 375 MVA - Cải tạo, nâng công suất TBA 220kV Hà Giang 1 lên 500 MVA - Xây mới TBA 220kV Hà Giang 2 công suất 250 MVA - Cải tạo, nâng công suất Trạm biến áp 220kV Bắc Quang lên 500 MV;	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, sửa thành: “2.2. Thiết kế sơ đồ phát triển lưới điện 500kV, 220kV và 110kV Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: 2.2.1. Lưới điện 500kV: a) Trạm biến áp: - Trạm biến áp 500kV Hà Giang công suất 1800 MVA; b) Đường dây: - Đường dây 500kV Hà Giang - Rẽ Yên Bái - Thái Nguyên: 2x180 km; - Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên: 2x100 km; 2.2.2. Lưới điện 220kV: a) Trạm biến áp - Cải tạo, nâng công suất Trạm biến áp 220kV Tuyên Quang 500 MV; - Cải tạo, nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Thủy điện Tuyên Quang 250 MVA; - Xây mới Trạm biến áp 220kV Sơn Dương 500 MVA; - Cải tạo, nâng công suất TBA 220kV Hà Giang lên 375 MVA - Cải tạo, nâng công suất TBA 220kV Hà Giang 1 lên 500 MVA - Xây mới TBA 220kV Hà Giang 2 công suất 250 MVA - Cải tạo, nâng công suất Trạm biến áp 220kV Bắc Quang lên 500 MV; b) Đường dây:

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	b) Đường dây: - Thủy điện Yên Sơn - rẽ Thủy điện Tuyên Quang- Tuyên Quang 2x8km; - Nâng khả năng tải Yên Bái - Tuyên Quang 2x36 km; - Thủy điện Tuyên Quang mở rộng – Thủy điện Tuyên Quang 1x1km; - Thủy điện Sông Lô 9 - Rẽ Tuyên Quang – Phú Bình 2x2km; - Thủy điện Tuyên Quang – rẽ Hà Giang – Thái Nguyên và Thủy điện Bắc Mê – Thái Nguyên 4x1km; - Sơn Dương – Rẽ Tuyên Quang –Đại Từ 2x2km; - Đường dây 220kV Bắc Quang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc (địa phận tỉnh Hà Giang cũ): 2x55 km; - Đường dây 220kV nâng khả năng tải Hà Giang - Rẽ Thủy điện Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên: 93km - Đường dây 220kV treo dây mạch 2 Hà Giang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc: 1x30 km - Xây mới Đường dây 220kV Bảo Lâm - Bắc Mê: 2x30km - Xây mới Đường dây 220kV Hà Giang 2 - Hà Giang 500kV: 2x10km - Xây mới Đường dây 220kV Hà Giang 500kV - Rẽ Hà Giang - TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên: 4x10km. 2.2.3. Lưới điện 110kV: a) Trạm biến áp: - TBA 110kV Tuyên Quang 2x63 MVA; - TBA 110kV Gò Trầu 2x63 MVA; - TBA 110kV Chiêm Hóa 2x40 MVA; - TBA 110kV Sơn Dương 2x40 MVA; - TBA 110kV Long Bình An 2x63 MVA; - TBA 110kV Hàm Yên 2x40 MVA; - TBA 110kV Lâm Bình 2x25 MVA; - TBA 110kV Na Hang 2x25 MVA; - TBA 110kV Vĩnh Thái 2x40 MVA;	- Thủy điện Yên Sơn - rẽ Thủy điện Tuyên Quang- Tuyên Quang 2x8km; - Nâng khả năng tải Yên Bái - Tuyên Quang 2x36 km; - Thủy điện Tuyên Quang mở rộng – Thủy điện Tuyên Quang 1x1km; - Thủy điện Sông Lô 9 - Rẽ Tuyên Quang – Phú Bình 2x2km; - Thủy điện Tuyên Quang – rẽ Hà Giang – Thái Nguyên và Thủy điện Bắc Mê – Thái Nguyên 4x1km; - Sơn Dương – Rẽ Tuyên Quang –Đại Từ 2x2km; - Đường dây 220kV Bắc Quang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc (địa phận tỉnh Hà Giang cũ): 2x55 km; - Đường dây 220kV nâng khả năng tải Hà Giang - Rẽ Thủy điện Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên: 93km - Đường dây 220kV treo dây mạch 2 Hà Giang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc: 1x30 km - Xây mới Đường dây 220kV Bảo Lâm - Bắc Mê: 2x30km - Xây mới Đường dây 220kV Hà Giang 2 - Hà Giang 500kV: 2x10km - Xây mới Đường dây 220kV Hà Giang 500kV - Rẽ Hà Giang - TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên: 4x10km. 2.2.3. Lưới điện 110kV: a) Trạm biến áp: - TBA 110kV Tuyên Quang 2x63 MVA; - TBA 110kV Gò Trầu 2x63 MVA; - TBA 110kV Chiêm Hóa 2x40 MVA; - TBA 110kV Sơn Dương 2x40 MVA; - TBA 110kV Long Bình An 2x63 MVA; - TBA 110kV Hàm Yên 2x40 MVA; - TBA 110kV Lâm Bình 2x25 MVA; - TBA 110kV Na Hang 2x25 MVA; - TBA 110kV Vĩnh Thái 2x40 MVA; - TBA 110kV Sơn Nam 1x25+1x40 MVA; - TBA 110kV Tân Trào 1x25+1x40 MVA;

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- TBA 110kV Sơn Nam 1x25+1x40 MVA; - TBA 110kV Tân Trào 1x25+1x40 MVA; - TBA 110kV Yên Sơn 1x40+1x63 MVA; - TBA 110kV Tuyên Quang 2 2x40 MVA; - TBA 110kV Chiêm Hóa 2 1x40 MVA; - TBA 110kV Hồng Lạc 2x40 MVA; - TBA 110kV Phú Lâm 2x40 MVA; - TBA 110kV Hàm Yên 2 1x40 MVA; - TBA 110kV Nhữ Khê 2x40 MVA; - TBA 110kV Đội Cấn 2x40 MVA; - TBA 110kV Tam Đa 2x40 MVA; - TBA 110kV Thái Sơn 2x63 MVA; - TBA 110kV Thành Long 2x63 MVA; - TBA 110kV Thủy điện Suối Ba 2 1x16 MVA; - TBA 110kV Điện sinh khối Tuyên Quang 2x63 MVA; - Xây dựng mới TBA Thanh Thủy 2x25 MVA; - Xây dựng mới TBA Bắc Mê 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Việt Lâm 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Mèo Vạc 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Quang Bình 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Hoàng Su Phì 2x40 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Tân Lập 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Mận Thẳng 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Nậm Là - Quảng Nguyên 16 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Xuân Minh 63 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Sông Chảy 3: 55 MVA; - Xây dựng mới TBA Trạm gom Pa Ke: 20 MVA; - Xây dựng mới TBA 110kV Nậm Mu mở rộng gồm 16 MVA (nâng cấp trạm biến áp hiện hữu từ 35kV lên cấp điện áp 110kV) + 20 MVA (của nhà máy thủy điện Nậm Mu mở rộng);	- TBA 110kV Yên Sơn 1x40+1x63 MVA; - TBA 110kV Tuyên Quang 2 2x40 MVA; - TBA 110kV Chiêm Hóa 2 1x40 MVA; - TBA 110kV Hồng Lạc 2x40 MVA; - TBA 110kV Phú Lâm 2x40 MVA; - TBA 110kV Hàm Yên 2 1x40 MVA; - TBA 110kV Nhữ Khê 2x40 MVA; - TBA 110kV Đội Cấn 2x40 MVA; - TBA 110kV Tam Đa 2x40 MVA; - TBA 110kV Thái Sơn 2x63 MVA; - TBA 110kV Thành Long 2x63 MVA; - TBA 110kV Thủy điện Suối Ba 2 1x16 MVA; - TBA 110kV Điện sinh khối Tuyên Quang 2x63 MVA; - Xây dựng mới TBA Thanh Thủy 2x25 MVA; - Xây dựng mới TBA Bắc Mê 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Việt Lâm 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Mèo Vạc 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Quang Bình 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Hoàng Su Phì 2x40 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Tân Lập 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Mận Thẳng 25 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Nậm Là - Quảng Nguyên 16 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Xuân Minh 63 MVA; - Xây dựng mới TBA Gom Sông Chảy 3: 55 MVA; - Xây dựng mới TBA Trạm gom Pa Ke: 20 MVA; - Xây dựng mới TBA 110kV Nậm Mu mở rộng gồm 16 MVA (nâng cấp trạm biến áp hiện hữu từ 35kV lên cấp điện áp 110kV) + 20 MVA (của nhà máy thủy điện Nậm Mu mở rộng); - Xây dựng mới TBA Trạm 110kV Nậm Má 2 16 MVA; - Mở rộng, nâng công suất TBA Bình Vàng 2x40 MVA;

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Xây dựng mới TBA Trạm 110kV Nậm Má 2 16 MVA; - Mở rộng, nâng công suất TBA Bình Vàng 2x40 MVA; - Mở rộng, nâng công suất TBA Bắc Quang 2x40 MVA; - Mở rộng, nâng công suất TBA Sông Chảy 2x63 hoặc 1x40+1x63 MVA; - Mở rộng, nâng công suất TBA Yên Minh 2x25 MVA; - Mở rộng, nâng công suất TBA Hà Giang 40+63 MVA; b) Đường dây: - ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang chuyển tiếp ĐZ Hàm Yên - Điện sinh khối mía đường Tuyên Quang: 36 km; - ĐZ 110kV TBA 220kV Thủy điện Tuyên Quang - Chợ Đồn: 70 km - Rẽ nhánh TBA 110kV Tân Trào: 10 km - Rẽ nhánh TBA 110kV Sơn Nam: 20km - Rẽ nhánh TBA 110kV Vĩnh Thái: 10km - Đường dây 110kV Chiêm Hóa - Suối Ba 2: 7km - Rẽ nhánh TBA 110kV Yên Sơn: 0,5km - ĐZ 110kV Chiêm Hóa - Chiêm Hóa 2: 15km - ĐZ 110kV Sơn Dương - Sơn Nam: 25km - ĐZ 110kV Sơn Nam - Hồng Lạc: 30km - ĐZ 110kV Tuyên Quang 2 - Phú Lâm: 6km - ĐZ 110kV Phú Lâm - Nhữ Khê: 8km - Rẽ nhánh TBA 110kV Hàm Yên 2: 1,5km - Rẽ nhánh TBA 110kV Nhữ Khê; 15km - Rẽ nhánh TBA 110kV Đội Cấn: 12km - Rẽ nhánh TBA 110kV Tam Đa; 5km - Rẽ nhánh TBA 110kV Thái Sơn: 3km - Rẽ nhánh TBA 110kV Thành Long: 3km - ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - Xi măng Tân Quang - Bắc Quang: 95km - ĐZ 110kV Hàm Yên - Chiêm Hóa: 41km	- Mở rộng, nâng công suất TBA Bắc Quang 2x40 MVA; - Mở rộng, nâng công suất TBA Sông Chảy 2x63 hoặc 1x40+1x63 MVA; - Mở rộng, nâng công suất TBA Yên Minh 2x25 MVA; - Mở rộng, nâng công suất TBA Hà Giang 40+63 MVA; b) Đường dây: - ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang chuyển tiếp ĐZ Hàm Yên - Điện sinh khối mía đường Tuyên Quang: 36 km; - ĐZ 110kV TBA 220kV Thủy điện Tuyên Quang - Chợ Đồn: 70 km - Rẽ nhánh TBA 110kV Tân Trào: 10 km - Rẽ nhánh TBA 110kV Sơn Nam: 20km - Rẽ nhánh TBA 110kV Vĩnh Thái: 10km - Đường dây 110kV Chiêm Hóa - Suối Ba 2: 7km - Rẽ nhánh TBA 110kV Yên Sơn: 0,5km - ĐZ 110kV Chiêm Hóa - Chiêm Hóa 2: 15km - ĐZ 110kV Sơn Dương - Sơn Nam: 25km - ĐZ 110kV Sơn Nam - Hồng Lạc: 30km - ĐZ 110kV Tuyên Quang 2 - Phú Lâm: 6km - ĐZ 110kV Phú Lâm - Nhữ Khê: 8km - Rẽ nhánh TBA 110kV Hàm Yên 2: 1,5km - Rẽ nhánh TBA 110kV Nhữ Khê; 15km - Rẽ nhánh TBA 110kV Đội Cấn: 12km - Rẽ nhánh TBA 110kV Tam Đa; 5km - Rẽ nhánh TBA 110kV Thái Sơn: 3km - Rẽ nhánh TBA 110kV Thành Long: 3km - ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - Xi măng Tân Quang - Bắc Quang: 95km - ĐZ 110kV Hàm Yên - Chiêm Hóa: 41km - ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - Thủy điện Thác Bà: 17,5km

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - Thủy điện Thác Bà: 17,5km - ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - TBA 220kV Thái Nguyên: 100km - ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - TBA 110kV Tuyên Quang: 9,3km - ĐZ 110kV mạch kép đầu nối từ trạm biến áp 110kV Điện sinh khối Tuyên Quang chuyển tiếp trên đường dây 110kV Hàm Yên - Xi măng Tân Quang 10km; - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Sơn Dương 1: 5km; - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Sơn Dương 2: 5km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Yên Sơn 1: 7km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Yên Sơn 2: 7km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Phúc Ứng: 3km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Sơn Dương: 2km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời bờ phải Nhà máy Thủy điện Chiêm Hoá: 1km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Sông Lô 8B: 1km - Đường dây 110 KV đầu nối Thủy điện Chiêm Hoá mở rộng: 0,5km. - Đường dây 110 KV đầu nối Thủy điện Sông Lô 8B mở rộng: 0,5km. - 110kV Hà Giang - TC 110kV trạm 220kV Hà Giang: 8km. - TC 110kV trạm 220kV Hà Giang - Bắc Mê: 23km. - Trạm 110kV Bảo Lâm - Bắc Mê: 26,4 km - Nhánh rẽ trạm 110kV Thanh Thủy: 2x1,5km - Nhánh rẽ 110kV Việt Lâm: 2x1,5km - TĐ Sông Lô 2 - TC 110kV Trạm 220kV Hà Giang: 15km - TĐ Sông Lô 3 - TĐ Sông Lô 2: 10km - Sông Chảy - Hoàng Su Phì: 19km	- ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - TBA 220kV Thái Nguyên: 100km - ĐZ 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - TBA 110kV Tuyên Quang: 9,3km - ĐZ 110kV mạch kép đầu nối từ trạm biến áp 110kV Điện sinh khối Tuyên Quang chuyển tiếp trên đường dây 110kV Hàm Yên - Xi măng Tân Quang 10km; - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Sơn Dương 1: 5km; - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Sơn Dương 2: 5km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Yên Sơn 1: 7km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Yên Sơn 2: 7km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Phúc Ứng: 3km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Sơn Dương: 2km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời bờ phải Nhà máy Thủy điện Chiêm Hoá: 1km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Sông Lô 8B: 1km - Đường dây 110 KV đầu nối Thủy điện Chiêm Hoá mở rộng: 0,5km. - Đường dây 110 KV đầu nối Thủy điện Sông Lô 8B mở rộng: 0,5km. - 110kV Hà Giang - TC 110kV trạm 220kV Hà Giang: 8km. - TC 110kV trạm 220kV Hà Giang - Bắc Mê: 23km. - Trạm 110kV Bảo Lâm - Bắc Mê: 26,4 km - Nhánh rẽ trạm 110kV Thanh Thủy: 2x1,5km - Nhánh rẽ 110kV Việt Lâm: 2x1,5km - TĐ Sông Lô 2 - TC 110kV Trạm 220kV Hà Giang: 15km - TĐ Sông Lô 3 - TĐ Sông Lô 2: 10km - Sông Chảy - Hoàng Su Phì: 19km - Hoàng Su Phì - Tân Lập: 2x32km. - Tân Lập - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang: 2x23km. - Trạm 220kV Bắc Quang điểm nối T nhánh rẽ TĐ Sông Chùng, Sông Chảy: 2x29,4km.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Hoàng Su Phì - Tân Lập: 2x32km. - Tân Lập - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang: 2x23km. -Trạm 220kV Bắc Quang điểm nối T nhánh rẽ TĐ Sông Chùng, Sông Chảy: 2x29,4km. - Nhánh rẽ vào trạm 220kV Bắc Quang: 4x13,4km - 110 Yên Minh - Mèo Vạc - TC 110kV trạm 220kV Bảo Lâm: 2x45km - Nhánh rẽ trạm 110kV Quang Bình: 2x2km - Hà Giang - Bình Vàng - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang: 57,7km - Trạm 110kV Bắc Quang - Yên Thế - Lục Yên (Yên Bái): 40km - TC 110kV trạm 220kV Hà Giang - Yên Minh: 2x74,98km - TĐ Sông Chùng - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang: 30km - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang - Sông Chảy: 40,3km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời mặt hồ thủy điện Pake: 1km - Rẽ 110kV trạm gom điện mặt trời hồ thủy điện Sông chảy 3: 5km - Rẽ 110kV trạm 110kV Nậm Mu mở rộng: 2x1km - Rẽ 110kV trạm 110kV Nậm Mả 2: 2x5km. - Các đường dây 110 kV khác theo nhu cầu thực tế;	- Nhánh rẽ vào trạm 220kV Bắc Quang: 4x13,4km - 110 Yên Minh - Mèo Vạc - TC 110kV trạm 220kV Bảo Lâm: 2x45km - Nhánh rẽ trạm 110kV Quang Bình: 2x2km - Hà Giang - Bình Vàng - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang: 57,7km - Trạm 110kV Bắc Quang - Yên Thế - Lục Yên (Yên Bái): 40km - TC 110kV trạm 220kV Hà Giang - Yên Minh: 2x74,98km - TĐ Sông Chùng - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang: 30km - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang - Sông Chảy: 40,3km - Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời mặt hồ thủy điện Pake: 1km - Rẽ 110kV trạm gom điện mặt trời hồ thủy điện Sông chảy 3: 5km - Rẽ 110kV trạm 110kV Nậm Mu mở rộng: 2x1km
	6. Phần phụ lục: Phụ lục 2.1: Quy hoạch nguồn điện trên địa bàn tỉnh tuyên quang đến năm 2030 và sau năm 2030 Phụ lục 2.2: Danh mục lưới điện cập nhật vào quy hoạch tỉnh trên địa bàn tỉnh tuyên quang đến năm 2030 và sau năm 2030 (Có các phụ lục chi tiết kèm theo)	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung phụ lục tương ứng trong Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh
c	Về lĩnh vực thương mại	
	1. Tại trang 66, Phần II, Mục I, ý 4. Thực trạng phát triển thương mại, du lịch và các ngành dịch vụ, đề nghị chỉnh sửa như sau: “4. Thực trạng phát triển thương mại, du lịch và các ngành dịch vụ 4.1. Thực trạng phát triển thương mại	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: 4. Thực trạng phát triển thương mại, du lịch và các ngành dịch vụ 4.1. Thực trạng phát triển thương mại

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tình hình phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh đã đạt được những bước tiến đột phá, duy trì đà tăng trưởng ổn định với cơ cấu dịch vụ và hạ tầng thương mại từng bước hiện đại; đồng thời ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ trong hoạt động xuất nhập khẩu và chuyển đổi số, bước đầu khẳng định vị thế là một trong những đầu mối giao lưu hàng hóa quan trọng trong khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng hàng năm tăng trưởng ổn định, đạt và vượt kế hoạch đề ra; ước năm 2025 đạt 58.708 tỷ đồng. Hệ thống hạ tầng thương mại phát triển theo hướng hiện đại. Số lượng siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi ngày càng tăng về số lượng, quy mô, nâng cao về chất lượng phục vụ. Trên địa bàn tỉnh hiện có 279 chợ, 02 trung tâm thương mại, 05 siêu thị và khoảng 6.250 cửa hàng tạp hóa, 54 cửa hàng Winmart+. Mạng lưới kinh doanh xăng dầu được kiện toàn, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Hạ tầng kỹ thuật khu vực cửa khẩu (Thanh Thủy, Xín Mần, Sầm Pun) và các lối mở (Lũng Làn - Lộng Bình) được ưu tiên đầu tư, đảm bảo lưu thông hàng hóa thông suốt. Công tác cải cách hành chính, vận hành hệ thống hải quan điện tử (VNACCS/VCIS) giúp tối ưu hóa thời gian thông quan. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm tăng trưởng ổn định, năm 2025 ước đạt 1.031,8 triệu USD, tăng 86,4% so với năm 2024. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: Antimon, Antimony thời 99,65%, gỗ dán công nghiệp, tai nghe điện thoại, hàng dệt may, quả sầu riêng, ớt khô, chè vàng khô, tinh bột sắn, ván bóc, hạt lạc nhân khô, chuối xanh, quả thanh long, quả mít,...; Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là: Năng lượng điện, nguyên liệu may, nấm hương, mộc nhĩ khô, than cốc, máy dùng trong sản xuất nông nghiệp, nhôm hợp kim pillet, quả (quýt, mận, đào, nho), hồ điện cực, phôi thép, hạt nhựa, vải làm thú nhồi bông, vải trong sản xuất giày, đai ốc, đinh vít, móc chữ S bằng thép, bánh xe nhựa,... Các loại hình thương mại điện tử dựa trên nền tảng số có xu hướng mở rộng; ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh	Tình hình phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh đã đạt được những bước tiến đột phá, duy trì đà tăng trưởng ổn định với cơ cấu dịch vụ và hạ tầng thương mại từng bước hiện đại; đồng thời ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ trong hoạt động xuất nhập khẩu và chuyển đổi số, bước đầu khẳng định vị thế là một trong những đầu mối giao lưu hàng hóa quan trọng trong khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng hàng năm tăng trưởng ổn định, đạt và vượt kế hoạch đề ra; ước năm 2025 đạt 58.708 tỷ đồng. Hệ thống hạ tầng thương mại phát triển theo hướng hiện đại. Số lượng siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi ngày càng tăng về số lượng, quy mô, nâng cao về chất lượng phục vụ. Trên địa bàn tỉnh hiện có 279 chợ, 02 trung tâm thương mại, 05 siêu thị và khoảng 6.250 cửa hàng tạp hóa, 54 cửa hàng Winmart+. Mạng lưới kinh doanh xăng dầu được kiện toàn, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Hạ tầng kỹ thuật khu vực cửa khẩu (Thanh Thủy, Xín Mần, Sầm Pun) và các lối mở (Lũng Làn - Lộng Bình) được ưu tiên đầu tư, đảm bảo lưu thông hàng hóa thông suốt. Công tác cải cách hành chính, vận hành hệ thống hải quan điện tử (VNACCS/VCIS) giúp tối ưu hóa thời gian thông quan. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm tăng trưởng ổn định, năm 2025 ước đạt 1.031,8 triệu USD, tăng 86,4% so với năm 2024. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: Antimon, Antimony thời 99,65%, gỗ dán công nghiệp, tai nghe điện thoại, hàng dệt may, quả sầu riêng, ớt khô, chè vàng khô, tinh bột sắn, ván bóc, hạt lạc nhân khô, chuối xanh, quả thanh long, quả mít,...; Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là: Năng lượng điện, nguyên liệu may, nấm hương, mộc nhĩ khô, than cốc, máy dùng trong sản xuất nông nghiệp, nhôm hợp kim pillet, quả (quýt, mận, đào, nho), hồ điện cực, phôi thép, hạt nhựa, vải làm thú nhồi bông, vải trong sản xuất giày, đai ốc, đinh vít, móc chữ S bằng thép, bánh xe nhựa,... Các loại hình thương mại điện tử dựa trên nền tảng số có xu hướng mở rộng; ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã trở thành hoạt động phổ biến. Ngành công thương

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	doanh của doanh nghiệp đã trở thành hoạt động phổ biến. Ngành công thương đã áp dụng nhiều giải pháp công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp như: Triển khai xây dựng phần mềm Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc xuất xứ đối với các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Tuyên Quang; Xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế, công nghiệp và thương mại tỉnh Tuyên Quang tại địa chỉ http://csdl.congthuongtuyenquang.vn/, triển khai nâng cấp phần mềm và bổ sung dữ liệu thực tế ảo VR360 các khu, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh vào hệ thống cơ sở dữ liệu kinh tế, công nghiệp và thương mại tỉnh Tuyên Quang; hỗ trợ 14 bộ giải pháp chăm sóc và quản trị khách hàng, 20 bộ giải pháp bán hàng thông minh cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Duy trì hoạt động sàn thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang; tư vấn, hỗ trợ cho 24 doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập Website giới thiệu, quảng bá sản phẩm để liên kết với sàn giao dịch thương mại điện tử; hỗ trợ tạo tài khoản mở bán các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh trên các sàn thương mại điện tử (Postmart, Voso...), đến nay trên 70% sản phẩm OCOP đăng tải trên sàn thương mại điện tử... Công tác xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, triển lãm, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các kênh bán hàng ngày càng được chú trọng; Hỗ trợ xây dựng điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ các đơn vị tham gia gian hàng tại các Hội chợ, hội nghị, chương trình xúc tiến thương mại tại các tỉnh/thành phố như Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, ... Tổ chức phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi, biên giới. Công tác quản lý thị trường được duy trì thường xuyên thông qua việc theo dõi, giám sát chặt chẽ diễn biến giá cả và tình hình cung ứng hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Chủ động triển khai các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường, đặc biệt trong các giai đoạn cao điểm như tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán hàng năm. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát được tăng cường nhằm kịp thời ngăn chặn tình trạng đầu cơ, gian lận thương mại và tăng giá bất hợp lý, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, lương thực, thực phẩm, góp phần ổn định sản xuất và đời sống nhân dân. Song song với đó,	đã áp dụng nhiều giải pháp công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp như: Triển khai xây dựng phần mềm Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc xuất xứ đối với các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Tuyên Quang; Xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế, công nghiệp và thương mại tỉnh Tuyên Quang tại địa chỉ http://csdl.congthuongtuyenquang.vn/, triển khai nâng cấp phần mềm và bổ sung dữ liệu thực tế ảo VR360 các khu, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh vào hệ thống cơ sở dữ liệu kinh tế, công nghiệp và thương mại tỉnh Tuyên Quang; hỗ trợ 14 bộ giải pháp chăm sóc và quản trị khách hàng, 20 bộ giải pháp bán hàng thông minh cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Duy trì hoạt động sàn thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang; tư vấn, hỗ trợ cho 24 doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập Website giới thiệu, quảng bá sản phẩm để liên kết với sàn giao dịch thương mại điện tử; hỗ trợ tạo tài khoản mở bán các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh trên các sàn thương mại điện tử (Postmart, Voso...), đến nay trên 70% sản phẩm OCOP đăng tải trên sàn thương mại điện tử... Công tác xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, triển lãm, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các kênh bán hàng ngày càng được chú trọng; Hỗ trợ xây dựng điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ các đơn vị tham gia gian hàng tại các Hội

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" và các hoạt động xúc tiến thương mại tiếp tục được đẩy mạnh . ”	
	Tại trang 215, phần III, mục IV, ý 4. Phương hướng phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ, đề nghị chỉnh sửa như sau: “4. Phương hướng phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ 4.1. Phương hướng phát triển Phát triển kinh tế cửa khẩu theo hướng hiện đại, chủ động hội nhập quốc tế; đóng vai trò là đầu mối trung chuyển hàng hóa, giao thương xuất nhập khẩu và là cầu nối quan trọng trong giao lưu văn hóa, du lịch, dịch vụ giữa Việt Nam và các nước trong khu vực. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư, xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực và vận hành thông minh. Trong đó, ưu tiên phát triển các chức năng: Logistics, trung chuyển hàng hóa, chế biến, tài chính - ngân hàng và du lịch; hình thành chuỗi cung ứng liên kết chặt chẽ với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, viễn thông) và hạ tầng dịch vụ (kho bãi, cảng cạn ICD, kiểm hóa, bảo hiểm, giám định...) tại các khu vực cửa khẩu. Trọng tâm là phát triển Khu dịch vụ cửa khẩu (bao gồm khu phi thuế quan) tại cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy với quy mô từ 100 – 150 ha. Xây dựng hoàn thiện hạ tầng tại các cửa khẩu Săm Pun, Xín Mần và lối mở Lũng Làn nhằm tạo tính kết nối hệ thống. Giai đoạn 2026-2030, tập trung hoàn thiện nền tảng hạ tầng thiết yếu, tạo động lực để kinh tế cửa khẩu và thương mại biên giới bứt phá mạnh mẽ trong giai đoạn sau năm 2030. Đổi mới các hoạt động xúc tiến thương mại biên giới; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các phương thức kinh doanh và thanh toán hiện đại. Khuyến khích thu hút đầu tư vào các cơ sở gia công, chế biến hàng nông sản tại cửa khẩu nhằm chuyển dịch từ xuất khẩu thô sang xuất khẩu tinh, nâng cao giá trị gia tăng cho địa phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đồng bộ hóa hệ thống công nghệ thông tin trong thủ tục thông quan nhằm tối ưu hóa thời gian và chi phí cho	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: 4. Phương hướng phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ, đề nghị chỉnh sửa như sau: “4. Phương hướng phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ 4.1. Phương hướng phát triển Phát triển kinh tế cửa khẩu theo hướng hiện đại, chủ động hội nhập quốc tế; đóng vai trò là đầu mối trung chuyển hàng hóa, giao thương xuất nhập khẩu và là cầu nối quan trọng trong giao lưu văn hóa, du lịch, dịch vụ giữa Việt Nam và các nước trong khu vực. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư, xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực và vận hành thông minh. Trong đó, ưu tiên phát triển các chức năng: Logistics, trung chuyển hàng hóa, chế biến, tài chính - ngân hàng và du lịch; hình thành chuỗi cung ứng liên kết chặt chẽ với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, viễn thông) và hạ tầng dịch vụ (kho bãi, cảng cạn ICD, kiểm hóa, bảo hiểm, giám định...) tại các khu vực cửa khẩu. Trọng tâm là phát triển Khu dịch vụ cửa khẩu (bao gồm khu phi thuế quan) tại cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy với quy mô từ 100 – 150 ha. Xây dựng hoàn thiện hạ tầng tại các cửa khẩu Săm Pun, Xín Mần và lối mở Lũng Làn nhằm tạo tính kết nối hệ thống. Giai đoạn 2026-2030, tập trung hoàn thiện nền tảng hạ tầng thiết yếu, tạo động lực để kinh tế cửa khẩu và thương mại biên giới bứt phá mạnh mẽ trong giai đoạn sau năm 2030. Đổi mới các hoạt động xúc tiến thương mại biên giới; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các phương thức kinh doanh và thanh toán hiện đại. Khuyến khích thu hút đầu tư vào các cơ sở gia công, chế biến hàng nông sản tại cửa khẩu nhằm chuyển dịch từ xuất khẩu thô sang xuất khẩu tinh, nâng cao giá trị gia tăng cho địa phương.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	doanh nghiệp. Tăng cường phân cấp, ủy quyền cho địa phương trong quản lý thương mại biên giới để đảm bảo tính linh hoạt, thích ứng với chính sách của phía bạn (Trung Quốc); tạo hành lang pháp lý thông thoáng thu hút đầu tư vào hạ tầng logistics và xuất nhập xuất hàng hóa. Triển khai phát triển dịch vụ logistics theo Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2229/QĐ-TTg). Hoàn thiện mạng lưới giao thông đối ngoại kết nối thông suốt với hành lang giao thông biên giới phía Bắc. Đẩy mạnh dịch vụ thương mại với vai trò là đầu mối giao lưu, liên kết trên diện rộng. Nâng cao năng lực sản xuất nội tỉnh, thúc đẩy trao đổi hàng hóa liên vùng và phát triển du lịch biên giới gắn với các vùng tiềm năng lân cận. 4.2. Nhiệm vụ trọng tâm Nghiên cứu, xây dựng đề án báo cáo Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương về việc thành lập Khu thương mại tự do tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy trong giai đoạn 2035-2050. Kiên trì mục tiêu đưa kinh tế cửa khẩu trở thành động lực tăng trưởng dựa trên xu thế mở cửa, hội nhập, giữ vững vai trò đầu mối giao thương quốc tế về kinh tế và văn hóa. Tập trung hóa nguồn lực để đưa Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, có chức năng logistics, trung chuyển, chế biến, xuất nhập khẩu hàng hóa, tài chính - ngân hàng, du lịch, dịch vụ hậu cần và chuỗi cung ứng liên kết với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Đầu tư hạ tầng đồng bộ tại các cửa khẩu song phương và lối mở ngoài khu kinh tế. Đảm bảo quy hoạch không gian hài hòa giữa phát triển công nghiệp, thương mại với đô thị hóa và bảo tồn bản sắc văn hóa, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của địa phương.”	Đẩy mạnh chuyển đổi số, đồng bộ hóa hệ thống công nghệ thông tin trong thủ tục thông quan nhằm tối ưu hóa thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Tăng cường phân cấp, ủy quyền cho địa phương trong quản lý thương mại biên giới để đảm bảo tính linh hoạt, thích ứng với chính sách của phía bạn (Trung Quốc); tạo hành lang pháp lý thông thoáng thu hút đầu tư vào hạ tầng logistics và xuất nhập xuất hàng hóa. Triển khai phát triển dịch vụ logistics theo Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2229/QĐ-TTg). Hoàn thiện mạng lưới giao thông đối ngoại kết nối thông suốt với hành lang giao thông biên giới phía Bắc. Đẩy mạnh dịch vụ thương mại với vai trò là đầu mối giao lưu, liên kết trên diện rộng. Nâng cao năng lực sản xuất nội tỉnh, thúc đẩy trao đổi hàng hóa liên vùng và phát triển du lịch biên giới gắn với các vùng tiềm năng lân cận. 4.2. Nhiệm vụ trọng tâm Nghiên cứu, xây dựng đề án báo cáo Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương về việc thành lập Khu thương mại tự do tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy trong giai đoạn 2035-2050. Kiên trì mục tiêu đưa kinh tế cửa khẩu trở thành động lực tăng trưởng dựa trên xu thế mở cửa, hội nhập, giữ vững vai trò đầu mối giao thương quốc tế về kinh tế và văn hóa. Tập trung hóa nguồn lực để đưa Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, có chức năng logistics, trung chuyển, chế biến, xuất nhập khẩu hàng hóa, tài chính - ngân hàng, du lịch, dịch vụ hậu cần và chuỗi cung ứng liên kết với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Đầu tư hạ tầng đồng bộ tại các cửa khẩu song phương và lối mở ngoài khu kinh tế. Đảm bảo quy hoạch không gian hài hòa giữa phát triển công nghiệp, thương mại với đô thị hóa và bảo tồn bản sắc văn hóa, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của địa phương.”

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tại trang 347, phần III, mục VII, ý 1. Phương hướng phát triển hạ tầng thương mại, đề nghị chỉnh sửa như sau: “1. Phương hướng phát triển hạ tầng thương mại 1.1. Phương hướng phát triển mạng lưới chợ Nâng cấp, cải tạo mở rộng, xây mới và ổn định hoạt động của mạng lưới chợ nhằm tăng cường công năng của chợ, cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng và vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ hoạt động mua bán tại chợ, nhất là các chợ hạng 3. Đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo các dự án chợ khác theo yêu cầu phát triển của địa phương. Bố trí ngân sách địa phương và vốn chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư cải tạo các chợ đang hoạt động nhưng không thu hút được nhà đầu tư ngoài nhà nước vào đầu tư, quản lý. 1.2. Phương hướng phát triển trung tâm thương mại, siêu thị và hạ tầng phục vụ thương mại khác Thu hút đầu tư trung tâm thương mại; phát triển các trung tâm thương mại tại khu vực trung tâm, các điểm đầu mối giao thông, vị trí phù hợp; ưu tiên đầu tư tại khu vực đô thị, khu vực được quy hoạch phát triển đô thị. 100% trung tâm thương mại do các doanh nghiệp đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác; hoạt động tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước. Thu hút đầu tư hình thành hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích và cơ sở thương mại khác trên địa bàn các phường, xã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất kinh doanh. Quy hoạch, thu hút đầu tư khu logistics cấp tỉnh tại đô thị Tuyên Quang, khu vực Sơn Dương, Sơn Thủy, Bắc Quang, Vị Xuyên, Thanh Thủy và 01 số kho logistics tại các xã, phường theo yêu cầu phát triển của địa phương. Quy hoạch xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm tại đô thị Tuyên Quang và đô thị phường Hà Giang 1 (bao gồm cơ sở hạ tầng Trung tâm thông tin thương mại).	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh, theo đó sửa thành: 1. Phương hướng phát triển hạ tầng thương mại 1.1. Phương hướng phát triển mạng lưới chợ Nâng cấp, cải tạo mở rộng, xây mới và ổn định hoạt động của mạng lưới chợ nhằm tăng cường công năng của chợ, cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng và vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ hoạt động mua bán tại chợ, nhất là các chợ hạng 3. Đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo các dự án chợ khác theo yêu cầu phát triển của địa phương. Bố trí ngân sách địa phương và vốn chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư cải tạo các chợ đang hoạt động nhưng không thu hút được nhà đầu tư ngoài nhà nước vào đầu tư, quản lý. 1.2. Phương hướng phát triển trung tâm thương mại, siêu thị và hạ tầng phục vụ thương mại khác Thu hút đầu tư trung tâm thương mại; phát triển các trung tâm thương mại tại khu vực trung tâm, các điểm đầu mối giao thông, vị trí phù hợp; ưu tiên đầu tư tại khu vực đô thị, khu vực được quy hoạch phát triển đô thị. 100% trung tâm thương mại do các doanh nghiệp đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác; hoạt động tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước. Thu hút đầu tư hình thành hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích và cơ sở thương mại khác trên địa bàn các phường, xã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất kinh doanh. Quy hoạch, thu hút đầu tư khu logistics cấp tỉnh tại đô thị Tuyên Quang, khu vực Sơn Dương, Sơn Thủy, Bắc Quang, Vị Xuyên, Thanh Thủy và 01 số kho logistics tại các xã, phường theo yêu cầu phát triển của địa phương. Quy hoạch xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm tại đô thị Tuyên Quang và đô thị phường Hà Giang 1 (bao gồm cơ sở hạ tầng Trung tâm thông tin thương mại).

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.3. Phương hướng phát triển kho xăng dầu, LPG, trạm nạp LPG, trạm sạc điện a) Nguyên tắc xây dựng kết cấu hạ tầng xăng dầu, khí đốt Hệ thống kho, trạm nạp đảm bảo phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ trong tỉnh, đảm bảo số lượng dự trữ tối thiểu trong các tình huống khẩn cấp từ 30 ngày trở lên; đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn nhằm giảm thiểu hao hụt, chất lượng xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, an toàn phòng cháy chữa cháy, ... Vị trí quy hoạch phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, tại các địa bàn, vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, trung tâm các xã thuận lợi việc cung ứng nhiên liệu và kết nối với hệ thống giao thông chính của tỉnh. b) Phương hướng phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu Tiếp tục kế thừa và khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu đã được đầu tư xây dựng và quy hoạch giai đoạn trước, ưu tiên mở rộng cơ sở dự trữ xăng dầu hiện có. - Đầu tư xây dựng tổng kho xăng dầu tại tỉnh Tuyên Quang quy mô khoảng 5.000m³. - Thu hút đầu tư mới 01 kho dự trữ tập trung có dung tích từ 2.000 - 4.000 m³, vị trí dự kiến tại khu vực xã Tân Quang. Giai đoạn sau năm 2030: Căn cứ theo tình hình phát triển thực tế và nhu cầu về xây dựng sân bay của tỉnh có thể tăng thêm kho dự trữ tại địa điểm phù hợp để phục vụ chính cho sân bay và 1 phần cho thị trường xăng dầu ngoài sân bay quy mô từ 8.000-10.000 m³. - Các xã, phường bố trí quỹ đất để xây mới tối thiểu 01 cửa hàng xăng dầu gần với các trạm sạc tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh theo nhu cầu, tình hình thực tế của các địa phương theo từng thời. d) Phương hướng phát triển trạm sạc điện Phát triển hệ thống trạm sạc xe điện rộng khắp nhằm thúc đẩy xanh hóa ngành giao thông. Thu hút đầu tư phát triển hệ thống trạm sạc xe điện dọc các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ, đường địa phương trên địa bàn tỉnh. Cho phép tích hợp trạm sạc điện và trạm xăng tại các trạm đảm bảo đủ điều kiện an toàn kỹ thuật theo quy định. Phát triển trụ sạc tại vị trí phù hợp, đảm bảo an toàn trong các khu dân cư	1.3. Phương hướng phát triển kho xăng dầu, LPG, trạm nạp LPG, trạm sạc điện a) Nguyên tắc xây dựng kết cấu hạ tầng xăng dầu, khí đốt Hệ thống kho, trạm nạp đảm bảo phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ trong tỉnh, đảm bảo số lượng dự trữ tối thiểu trong các tình huống khẩn cấp từ 30 ngày trở lên; đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn nhằm giảm thiểu hao hụt, chất lượng xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, an toàn phòng cháy chữa cháy, ... Vị trí quy hoạch phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, tại các địa bàn, vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, trung tâm các xã thuận lợi việc cung ứng nhiên liệu và kết nối với hệ thống giao thông chính của tỉnh. b) Phương hướng phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu Tiếp tục kế thừa và khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu đã được đầu tư xây dựng và quy hoạch giai đoạn trước, ưu tiên mở rộng cơ sở dự trữ xăng dầu hiện có. - Đầu tư xây dựng tổng kho xăng dầu tại tỉnh Tuyên Quang quy mô khoảng 5.000m³. - Thu hút đầu tư mới 01 kho dự trữ tập trung có dung tích từ 2.000 - 4.000 m³, vị trí dự kiến tại khu vực xã Tân Quang. Giai đoạn sau năm 2030: Căn cứ theo tình hình phát triển thực tế và nhu cầu về xây dựng sân bay của tỉnh có thể tăng thêm kho dự trữ tại địa điểm phù hợp để phục vụ chính cho sân bay và 1 phần cho thị trường xăng dầu ngoài sân bay quy mô từ 8.000-10.000 m³. - Các xã, phường bố trí quỹ đất để xây mới tối thiểu 01 cửa hàng xăng dầu gần với các trạm sạc tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh theo nhu cầu, tình hình thực tế của các địa phương theo từng thời. d) Phương hướng phát triển trạm sạc điện Phát triển hệ thống trạm sạc xe điện rộng khắp nhằm thúc đẩy xanh hoá ngành giao thông. Thu hút đầu tư phát triển hệ thống trạm sạc xe điện dọc các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ, đường địa phương trên địa bàn tỉnh. Cho phép tích hợp trạm sạc điện và trạm xăng tại các trạm đảm bảo đủ điều kiện an toàn kỹ thuật theo quy định. Phát triển trụ sạc tại vị

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	đô thị và nông thôn.”	trí phù hợp, đảm bảo an toàn trong các khu dân cư đô thị và nông thôn.”
	(Bổ sung thêm biểu đề xuất quy hoạch tỉnh về lĩnh vực thương mại giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục kèm theo)	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch tỉnh,
2	Tham gia dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (67 trang)	
a	Về lĩnh vực Công nghiệp	
	1. Tại điểm 1.1 (trang 7) Phát triển ngành công nghiệp trong dự thảo Quyết định "1.1. Phát triển ngành công nghiệp (1) Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. (2) Phát triển một số các cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giấy cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim tạo nền tảng để phát triển các ngành công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới giao đoạn sau năm 2030. (3) Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành sự phân công sản xuất, liên kết, hợp tác tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm. (4) Thực hiện phân bố không gian công nghiệp phù hợp nhằm phát huy lợi thế so sánh của các vùng và tạo điều kiện liên kết có hiệu quả theo hướng: (i) vùng Tây Bắc: Tiếp tục thành lập, mở rộng các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch để đầu tư phát triển các lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm, sản xuất hàng công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ; (ii) vùng Đông Bắc: Phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp thực phẩm, làng nghề quy mô phù hợp gắn với phát triển du lịch; (iii) vùng phía Nam: Tập trung thu hút đầu tư phát triển một số	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của dự thảo quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 "1.1. Phát triển ngành công nghiệp: (1) Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. (2) Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, thực phẩm, dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. (3) Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành sự phân công sản xuất, liên kết, hợp tác tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm. (4) Thực hiện phân bố không gian công nghiệp phù hợp nhằm phát huy lợi thế so sánh của các vùng và tạo điều kiện liên kết có hiệu quả theo hướng: - (i) Vùng Tây Bắc: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, thực phẩm, dược liệu; sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ; - (ii) Vùng Đông Bắc: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	các cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim. (5) Đến năm 2030, ngành công nghiệp phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; hình thành và phát triển một số các cụm liên kết ngành công nghiệp có tính chuyên môn hóa cao, có năng lực cạnh tranh cao, trọng tâm là cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời 8 trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim. (6) Đến năm 2050, hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu, công nghệ cao phát triển hiện đại. Xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế." Căn cứ thực tiễn của hai tỉnh sau sáp nhập và tên các phân ngành công nghiệp. Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "1.1. Phát triển ngành công nghiệp: (1) Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. (2) Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, thực phẩm, dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. (3) Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành sự phân công sản xuất, liên kết, hợp tác tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm. (4) Thực hiện phân bố không gian công nghiệp phù hợp nhằm phát huy lợi thế so sánh của các vùng và tạo điều kiện liên kết có hiệu quả	sản, nông sản, thực phẩm, dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp thực phẩm, làng nghề quy mô phù hợp gắn với phát triển du lịch; - (iii) Vùng phía Nam: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. (5) Đến năm 2030, ngành công nghiệp phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; hình thành và phát triển một số các cụm ngành công nghiệp có tính chuyên môn hóa cao, có năng lực cạnh tranh cao, trọng tâm là cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ. (6) Đến năm 2050, hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu, công nghệ cao phát triển hiện đại. Xây dựng được một số cụm ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế." (Đề nghị cụ ghi cụ thể vùng(i), vùng (ii), vùng (iii) gồm những xã nào để làm căn cứ khi tham gia ý kiến cấp chứng nhận đầu tư sự phù hợp với quy hoạch tỉnh theo điểm a, khoản 7, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ)

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	theo hướng: - (i) Vùng Tây Bắc: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, thực phẩm, dược liệu; sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ; - (ii) Vùng Đông Bắc: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, thực phẩm, dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp thực phẩm, làng nghề quy mô phù hợp gắn với phát triển du lịch; - (iii) Vùng phía Nam: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. (5) Đến năm 2030, ngành công nghiệp phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; hình thành và phát triển một số các cụm ngành công nghiệp có tính chuyên môn hóa cao, có năng lực cạnh tranh cao, trọng tâm là cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ. (6) Đến năm 2050, hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu, công nghệ cao phát triển hiện đại. Xây dựng được một số cụm ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế." (Đề nghị cụ ghi cụ thể vùng(i), vùng (ii), vùng (iii) gồm những xã nào để làm căn cứ khi tham gia ý kiến cấp chứng nhận đầu tư sự phù hợp với quy hoạch tỉnh theo điểm a, khoản 7, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2021 của Chính phủ)	
	Tại điểm (2) Phát triển cụm công nghiệp, điểm b) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp (trang 18), đề nghị điều chỉnh nội dung lại như sau: “Giữ nguyên 24 cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của hai tỉnh Hà Giang (cũ) và Tuyên Quang (cũ), với tổng diện tích là 1.210,3 ha; đưa ra khỏi quy hoạch 10 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 135 ha đã có trong quy hoạch; Điều chỉnh tăng diện tích Cụm công nghiệp Đức Ninh từ 25 ha lên thành 75 ha; Cụm công nghiệp Sơn Nam từ 50 ha lên thành 70 ha; Cụm công nghiệp Nam Quang từ 35 ha lên thành 50 ha; Cụm công nghiệp Phú Thịnh từ 35 ha lên thành 75 ha; điều chỉnh giảm diện tích Cụm công nghiệp Phúc Ứng 2 từ 60 ha xuống thành 48 ha; Cụm công nghiệp Trung Môn từ 30 ha xuống thành 15,8 ha; điều chỉnh giảm diện tích và địa điểm quy hoạch (từ thôn Trung Sơn thành thôn Tân Phong) Cụm công nghiệp Trung Thành từ 50 ha xuống thành 30 ha để bổ sung, tích hợp trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Bổ sung 17 cụm công nghiệp, tổng diện tích 900 ha.”	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của dự thảo quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó sửa thành: Giữ nguyên 24 cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của hai tỉnh Hà Giang (cũ) và Tuyên Quang (cũ), với tổng diện tích là 1.210,3 ha; đưa ra khỏi quy hoạch 10 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 135 ha đã có trong quy hoạch; Điều chỉnh tăng diện tích Cụm công nghiệp Đức Ninh từ 25 ha lên thành 75 ha; Cụm công nghiệp Sơn Nam từ 50 ha lên thành 70 ha; Cụm công nghiệp Nam Quang từ 35 ha lên thành 50 ha; Cụm công nghiệp Phú Thịnh từ 35 ha lên thành 75 ha; điều chỉnh giảm diện tích Cụm công nghiệp Phúc Ứng 2 từ 60 ha xuống thành 48 ha; Cụm công nghiệp Trung Môn từ 30 ha xuống thành 15,8 ha; điều chỉnh giảm diện tích và địa điểm quy hoạch (từ thôn Trung Sơn thành thôn Tân Phong) Cụm công nghiệp Trung Thành từ 50 ha xuống thành 30 ha để bổ sung, tích hợp trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Bổ sung 17 cụm công nghiệp, tổng diện tích 900 ha.”
	Đồng thời điều chỉnh Phụ lục III như sau: Phụ lục III danh mục cụm công nghiệp tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của dự thảo quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
	3. Tại điểm 4, Điều 3 (trang 32). Tổ chức thực hiện "4. Giao Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (nếu có) đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. " Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "Điểm 4, Điều 3 (trang 32). Tổ chức thực hiện "4. Giao Sở Tài Chính chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên	Nội dung này tư vấn xin bảo lưu ý kiến. Đối với quy hoạch chi tiết ngành được quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội “9. Quy hoạch chi tiết ngành là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch được quy định tại mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Luật này về phương án phát triển, sắp xếp, phân bổ không gian phát triển cho các ngành kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên.”. Do đó, quy hoạch này phải do Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tổ chức thực hiện lập, trình phê duyệt theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ngành (nếu có) đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh."	
b	Về lĩnh vực năng lượng	
	Tại Phụ lục V. phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề nghị chỉnh sửa lại theo biểu phụ lục đính kèm.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của dự thảo quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, sửa lại theo biểu phụ lục đính kèm.
c	Về lĩnh vực thương mại	
	1. Tại trang 9, mục 1.3. Phát triển thương mại, kinh tế cửa khẩu, đề nghị sửa lại như sau: Phát triển thương mại, dịch vụ trở thành cầu nối vững chắc giữa sản xuất với tiêu dùng, đóng vai trò then chốt trong việc định hướng, dẫn dắt các ngành sản xuất vận hành linh hoạt theo tín hiệu thị trường. Quá trình phát triển thương mại nội địa phải đảm bảo tính đồng bộ với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường và tuân thủ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển ngành thương mại, dịch vụ của tỉnh Tuyên Quang theo hướng hiện đại, văn minh, hiệu quả, tăng trưởng nhanh và bền vững, là bệ đỡ, điểm tựa vững chắc cho các ngành sản xuất trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển; xây dựng thương hiệu hàng hóa tỉnh Tuyên Quang ngày càng lớn mạnh, uy tín, giá trị. Bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc để tham gia hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và quốc tế. Phát triển kinh tế cửa khẩu theo hướng hiện đại, chủ động hội nhập quốc tế, đầu mối trung chuyển, xuất nhập khẩu hàng hóa, giao lưu phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và văn hóa. Thu hút đầu tư xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, có chức năng logistics, trung chuyển, chế biến, xuất nhập khẩu hàng hóa, tài chính - ngân hàng, du lịch, dịch vụ hậu cần và chuỗi cung ứng liên kết với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của dự thảo quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, theo đó sửa thành: Phát triển thương mại, dịch vụ trở thành cầu nối vững chắc giữa sản xuất với tiêu dùng, đóng vai trò then chốt trong việc định hướng, dẫn dắt các ngành sản xuất vận hành linh hoạt theo tín hiệu thị trường. Quá trình phát triển thương mại nội địa phải đảm bảo tính đồng bộ với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường và tuân thủ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển ngành thương mại, dịch vụ của tỉnh Tuyên Quang theo hướng hiện đại, văn minh, hiệu quả, tăng trưởng nhanh và bền vững, là bệ đỡ, điểm tựa vững chắc cho các ngành sản xuất trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển; xây dựng thương hiệu hàng hóa tỉnh Tuyên Quang ngày càng lớn mạnh, uy tín, giá trị. Bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc để tham gia hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và quốc tế. Phát triển kinh tế cửa khẩu theo hướng hiện đại, chủ động hội nhập quốc tế, đầu mối trung chuyển, xuất nhập khẩu hàng hóa, giao lưu phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và văn hóa. Thu hút đầu tư xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, có chức năng logistics, trung chuyển, chế biến, xuất nhập khẩu hàng hóa, tài chính - ngân hàng, du lịch, dịch vụ hậu cần và chuỗi cung ứng liên kết với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại - dịch vụ tại các cửa khẩu,

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- dịch vụ tại các cửa khẩu, lối mở, như: cửa khẩu Săm Pun, cửa khẩu Xín Mần, lối mở Lũng Làn. Tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các chương trình xúc tiến thương mại biên giới; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các phương thức kinh doanh và thanh toán hiện đại, đặc thù của thương mại biên giới. Khuyến khích thu hút đầu tư vào các cơ sở gia công, chế biến hàng nông sản tại cửa khẩu nhằm chuyển dịch từ xuất khẩu thô sang xuất khẩu tinh, nâng cao giá trị gia tăng cho địa phương.	lối mở, như: cửa khẩu Săm Pun, cửa khẩu Xín Mần, lối mở Lũng Làn. Tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các chương trình xúc tiến thương mại biên giới; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các phương thức kinh doanh và thanh toán hiện đại, đặc thù của thương mại biên giới. Khuyến khích thu hút đầu tư vào các cơ sở gia công, chế biến hàng nông sản tại cửa khẩu nhằm chuyển dịch từ xuất khẩu thô sang xuất khẩu tinh, nâng cao giá trị gia tăng cho địa phương.
	2. Tại trang 23, 24, mục 4. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, hội chợ, triển lãm, đề nghị sửa lại như sau: Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa loại hình truyền thống và hiện đại, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. a) Phương án phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại Phát triển đồng bộ mạng lưới chợ truyền thống trên địa bàn. Thực hiện rà soát, cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới các chợ trên địa bàn tỉnh (từ hạng I, II đến hạng III) đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường, phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của từng địa phương. Ưu tiên xây dựng chợ hạng I tại các trung tâm đô thị, khu du lịch. Thiết lập hệ thống chợ đầu mối tại các vùng sản xuất nông sản tập trung và nút giao thông trọng điểm để thúc đẩy giao thương bán buôn. Chú trọng chợ nông sản tại đô thị và chợ hàng tiêu dùng, chợ phiên, chợ phục vụ du lịch tại các khu vực nông thôn, miền núi. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại các đô thị, khu công nghiệp và khu đô thị mới gắn với các trục động lực kinh tế. Ưu tiên phát triển siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi tại trung tâm các cụm xã, phường hiện chưa có, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn. b) Phát triển hạ tầng hội chợ triển lãm và xúc tiến thương mại Quy hoạch và xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm cấp tỉnh với quy mô hiện đại, đa năng. Đây sẽ là nơi tổ chức các sự kiện kết nối cung	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của dự thảo quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, theo đó sửa thành: Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa loại hình truyền thống và hiện đại, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. a) Phương án phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại Phát triển đồng bộ mạng lưới chợ truyền thống trên địa bàn. Thực hiện rà soát, cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới các chợ trên địa bàn tỉnh (từ hạng I, II đến hạng III) đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường, phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của từng địa phương. Ưu tiên xây dựng chợ hạng I tại các trung tâm đô thị, khu du lịch. Thiết lập hệ thống chợ đầu mối tại các vùng sản xuất nông sản tập trung và nút giao thông trọng điểm để thúc đẩy giao thương bán buôn. Chú trọng chợ nông sản tại đô thị và chợ hàng tiêu dùng, chợ phiên, chợ phục vụ du lịch tại các khu vực nông thôn, miền núi. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại các đô thị, khu công nghiệp và khu đô thị mới gắn với các trục động lực kinh tế. Ưu tiên phát triển siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi tại trung tâm các cụm xã, phường hiện chưa có, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn. b) Phát triển hạ tầng hội chợ triển lãm và xúc tiến thương mại Quy hoạch và xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm cấp tỉnh với quy mô hiện đại, đa năng. Đây sẽ là nơi tổ chức các sự kiện kết nối cung cầu,

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	cầu, giới thiệu sản phẩm OCOP, hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các hoạt động giao lưu kinh tế quốc tế. Phát triển các điểm giới thiệu và bán sản phẩm đặc trưng vùng miền tại các trạm dừng nghỉ, khu du lịch và các cửa ngõ giao thông chính của tỉnh. c) Phát triển hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt Phát triển hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu, mạng lưới cửa hàng xăng dầu, trạm nạp khí hóa lỏng (LPG/LNG) có quy mô và công suất phù hợp với mật độ dân cư và nhu cầu sản xuất theo từng giai đoạn. Đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên hóa lỏng; trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng từ kho đầu nguồn tới các hộ tiêu thụ; đảm bảo an ninh năng lượng, đáp ứng nhu cầu nhiên liệu cho phát triển công nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải và dân dụng. d) Phát triển hạ tầng Logistics và kho bãi Định hướng đến năm 2030, hình thành các khu dịch vụ thương mại tổng hợp và trung tâm logistics. Tối ưu hóa hệ thống kho tàng, bến bãi, kho trung chuyển và dịch vụ tiếp vận để phục vụ lưu thông hàng hóa nhanh chóng, giảm chi phí trung gian, hỗ trợ tối đa cho các khu công nghiệp và hoạt động xuất nhập khẩu tại địa phương và các khu vực lân cận.	giới thiệu sản phẩm OCOP, hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các hoạt động giao lưu kinh tế quốc tế. Phát triển các điểm giới thiệu và bán sản phẩm đặc trưng vùng miền tại các trạm dừng nghỉ, khu du lịch và các cửa ngõ giao thông chính của tỉnh. c) Phát triển hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt Phát triển hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu, mạng lưới cửa hàng xăng dầu, trạm nạp khí hóa lỏng (LPG/LNG) có quy mô và công suất phù hợp với mật độ dân cư và nhu cầu sản xuất theo từng giai đoạn. Đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên hóa lỏng; trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng từ kho đầu nguồn tới các hộ tiêu thụ; đảm bảo an ninh năng lượng, đáp ứng nhu cầu nhiên liệu cho phát triển công nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải và dân dụng. d) Phát triển hạ tầng Logistics và kho bãi Định hướng đến năm 2030, hình thành các khu dịch vụ thương mại tổng hợp và trung tâm logistics. Tối ưu hóa hệ thống kho tàng, bến bãi, kho trung chuyển và dịch vụ tiếp vận để phục vụ lưu thông hàng hóa nhanh chóng, giảm chi phí trung gian, hỗ trợ tối đa cho các khu công nghiệp và hoạt động xuất nhập khẩu tại địa phương và các khu vực lân cận.
	C. DỰ THẢO BÁO CÁO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (33 TRANG) I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP 1. Tại Mục 1 (trang 7) Định hướng phát triển các ngành quan trọng (Công nghiệp) 1. Tập trung phát triển: (i) công nghiệp chế biến, chế tạo; (ii) năng lượng; (iii) tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao; 2. Phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp (chế biến gỗ, nông sản, dược liệu...); 3. Xây dựng Tuyên Quang trở thành trung tâm vùng về công nghiệp	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, theo đó sửa thành: Tập trung phát triển: (i) công nghiệp chế biến, chế tạo; (ii) năng lượng; (iii) tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao; 2. Phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp (chế biến gỗ, nông sản, dược liệu...); 3. Xây dựng Tuyên Quang trở thành trung tâm vùng về công nghiệp chế biến lâm sản, gỗ, giấy và công nghiệp dược liệu, có vị trí trong chuỗi cung ứng ngành gỗ - dược phẩm của cả nước và quốc tế, trong đó phát triển vùng sản xuất dược liệu làm đầu vào để phát triển công nghiệp chiết xuất dược liệu chuyên sâu để sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc sức khỏe có giá trị gia tăng cao;

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	chế biến lâm sản, gỗ, giấy và công nghiệp dược liệu, có vị trí trong chuỗi cung ứng ngành gỗ - dược phẩm của cả nước và quốc tế, trong đó phát triển vùng sản xuất dược liệu làm đầu vào để phát triển công nghiệp chiết xuất dược liệu chuyên sâu để sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc sức khỏe có giá trị gia tăng cao; 4. Tầm nhìn đến 2050: • Công nghiệp chế biến, chế tạo hiện đại ít chất thải (xanh); (ii) Được tổ chức tốt theo chuỗi giá trị; Hình thành được các cụm liên kết về sản xuất chế biến gỗ; dược liệu... hiệu quả" Căn cứ thực tiễn của hai tỉnh sau sáp nhập và tên các phân ngành công nghiệp. Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: Định hướng phát triển các ngành quan trọng (Công nghiệp) 1. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. 2. Phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp (chế biến gỗ, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; 3. Xây dựng Tuyên Quang trở thành trung tâm vùng về công nghiệp chế biến lâm sản, gỗ, giấy và công nghiệp dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ, có vị trí trong chuỗi cung ứng ngành gỗ - dược phẩm của cả nước và quốc tế, trong đó phát triển vùng sản xuất dược liệu làm đầu vào để phát triển công nghiệp chiết xuất dược liệu chuyên sâu để sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc sức khỏe có giá trị gia tăng cao; 4. Tầm nhìn đến 2050: • Công nghiệp chế biến, chế tạo hiện đại ít chất thải (xanh);	4. Tầm nhìn đến 2050: • Công nghiệp chế biến, chế tạo hiện đại ít chất thải (xanh); (ii) Được tổ chức tốt theo chuỗi giá trị; Hình thành được các cụm liên kết về sản xuất chế biến gỗ; dược liệu... hiệu quả" Căn cứ thực tiễn của hai tỉnh sau sáp nhập và tên các phân ngành công nghiệp. Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: Định hướng phát triển các ngành quan trọng (Công nghiệp) 1. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. 2. Phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp (chế biến gỗ, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; 3. Xây dựng Tuyên Quang trở thành trung tâm vùng về công nghiệp chế biến lâm sản, gỗ, giấy và công nghiệp dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ, có vị trí trong chuỗi cung ứng ngành gỗ - dược phẩm của cả nước và quốc tế, trong đó phát triển vùng sản xuất dược liệu làm đầu vào để phát triển công nghiệp chiết xuất dược liệu chuyên sâu để sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc sức khỏe có giá trị gia tăng cao; 4. Tầm nhìn đến 2050: • Công nghiệp chế biến, chế tạo hiện đại ít chất thải (xanh); • Được tổ chức tốt theo chuỗi giá trị; • Hình thành được các cụm liên kết về sản xuất chế biến gỗ, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	• Được tổ chức tốt theo chuỗi giá trị; • Hình thành được các cụm liên kết về sản xuất chế biến gỗ, được liệu sản, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ có hiệu quả"	nhẹ có hiệu quả"
	Tại trang 25, đề nghị điều chỉnh lại như sau: “1. Các CCN đã QH GĐ trước, giữ nguyên trong GĐ này: 24 CCN, tổng DT 1.210,3 ha. 2. CCN mới đưa vào QH GĐ này: 17 CCN DT 900 ha. 3. Các CCN đã QH GĐ trước, điều chỉnh DT: 6 CCN, từ 250 lên 313,8 ha - CCN Đức Ninh: 25 ha lên 75 ha. - CCN Sơn Nam: 50 ha lên 70 ha. - CCN Phú Thịnh: 35 ha lên 75 ha. - CCN Phúc Ứng 2: 25 ha xuống 48 ha. - CCN Trung Môn: 30 ha xuống 15,8 ha. - CCN Trung Thành: 50 ha xuống 30 ha. 4. Các CCN đã QH GĐ trước, đưa ra khỏi QH GĐ này: 135 ha. - CCN Khuôn Phươn - CCN Km 38 thôn Tấn Xà Phìn - CCN Tân Thành - CCN Phúc Sơn 2 - CCN Trung Hòa - CCN Xuân Quang - CCN Thượng Phùng - CCN Tò Đú - CCN Khuôn Lùng - CCN Xín Mần - Thèn Phàng	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030 (33 trang), theo đó sửa thành: 1. Các CCN đã QH GĐ trước, giữ nguyên trong GĐ này: 24 CCN, tổng DT 1.210,3 ha. 2. CCN mới đưa vào QH GĐ này: 17 CCN DT 900 ha. 3. Các CCN đã QH GĐ trước, điều chỉnh DT: 6 CCN, từ 250 lên 313,8 ha - CCN Đức Ninh: 25 ha lên 75 ha. - CCN Sơn Nam: 50 ha lên 70 ha. - CCN Phú Thịnh: 35 ha lên 75 ha. - CCN Phúc Ứng 2: 25 ha xuống 48 ha. - CCN Trung Môn: 30 ha xuống 15,8 ha. - CCN Trung Thành: 50 ha xuống 30 ha. 4. Các CCN đã QH GĐ trước, đưa ra khỏi QH GĐ này: 135 ha. - CCN Khuôn Phươn - CCN Km 38 thôn Tấn Xà Phìn - CCN Tân Thành - CCN Phúc Sơn 2 - CCN Trung Hòa - CCN Xuân Quang - CCN Thượng Phùng - CCN Tò Đú - CCN Khuôn Lùng - CCN Xín Mần - Thèn Phàng
	DỰ THẢO BÁO CÁO TÓM TẮT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 –

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	NĂM 2050 (80 TRANG) I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP 1. Tại nội dung 5.1. Công nghiệp (trang 14), Mục 5. Phương hướng phát triển phát triển các ngành kinh tế chủ yếu "5.1. Công nghiệp (1) Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. (2) Phát triển một số các cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim tạo nền tảng để phát triển các ngành công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới giai đoạn sau năm 2030. (3) Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành sự phân công sản xuất, liên kết, hợp tác tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm. (4) Thực hiện phân bố không gian công nghiệp phù hợp nhằm phát huy lợi thế so sánh của các vùng và tạo điều kiện liên kết có hiệu quả theo hướng: (i) vùng Tây Bắc: Tiếp tục thành lập, mở rộng các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch để đầu tư phát triển các lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm, sản xuất hàng công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ; (ii) vùng Đông Bắc: Phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp thực phẩm, làng nghề quy mô phù hợp gắn với phát triển du lịch; (iii) vùng phía Nam: Tập trung thu hút đầu tư phát triển một số các cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim. (5) Đến năm 2030, ngành công nghiệp phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; hình thành và phát triển một số các cụm liên	2030 (33 trang), theo đó sửa thành: Mục 5. Phương hướng phát triển phát triển các ngành kinh tế chủ yếu "5.1. Công nghiệp (1) Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. (2) Phát triển một số các cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim tạo nền tảng để phát triển các ngành công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới giai đoạn sau năm 2030. (3) Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành sự phân công sản xuất, liên kết, hợp tác tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm. (4) Thực hiện phân bố không gian công nghiệp phù hợp nhằm phát huy lợi thế so sánh của các vùng và tạo điều kiện liên kết có hiệu quả theo hướng: (i) vùng Tây Bắc: Tiếp tục thành lập, mở rộng các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch để đầu tư phát triển các lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm, sản xuất hàng công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ; (ii) vùng Đông Bắc: Phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp thực phẩm, làng nghề quy mô phù hợp gắn với phát triển du lịch; (iii) vùng phía Nam: Tập trung thu hút đầu tư phát triển một số các cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim. (5) Đến năm 2030, ngành công nghiệp phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; hình thành và phát triển một số các cụm liên kết ngành công nghiệp có tính chuyên môn hóa cao, có năng lực cạnh tranh cao, trọng tâm là cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	kết ngành công nghiệp có tính chuyên môn hóa cao, có năng lực cạnh tranh cao, trọng tâm là cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp, các sản phẩm chế tạo sau luyện kim. (6) Đến năm 2050, hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu, công nghệ cao phát triển hiện đại. Xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế." Căn cứ thực tiễn của hai tỉnh sau sáp nhập và tên các phân ngành công nghiệp. Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "5.1. Công nghiệp: (1) Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. (2) Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. (3) Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành sự phân công sản xuất, liên kết, hợp tác tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm. (4) Thực hiện phân bố không gian công nghiệp phù hợp nhằm phát huy lợi thế so sánh của các vùng và tạo điều kiện liên kết có hiệu quả theo hướng: - (i) Vùng Tây Bắc: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp thực phẩm, làng nghề quy mô phù hợp gắn với phát triển du lịch; - (ii) Vùng Đông Bắc: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ,	(6) Đến năm 2050, hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu, công nghệ cao phát triển hiện đại. Xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế." Căn cứ thực tiễn của hai tỉnh sau sáp nhập và tên các phân ngành công nghiệp. Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "5.1. Công nghiệp: (1) Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. (2) Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. (3) Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành sự phân công sản xuất, liên kết, hợp tác tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm. (4) Thực hiện phân bố không gian công nghiệp phù hợp nhằm phát huy lợi thế so sánh của các vùng và tạo điều kiện liên kết có hiệu quả theo hướng: - (i) Vùng Tây Bắc: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ; - (ii) Vùng Đông Bắc: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp thực phẩm, làng nghề quy mô phù hợp gắn với phát triển du lịch; - (iii) Vùng phía Nam: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ,

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp thực phẩm, làng nghề quy mô phù hợp gắn với phát triển du lịch; - (iii) Vùng phía Nam: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. (5) Đến năm 2030, ngành công nghiệp phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; hình thành và phát triển một số các cụm ngành công nghiệp có tính chuyên môn hóa cao, có năng lực cạnh tranh cao, trọng tâm là cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ. (6) Đến năm 2050, hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu, công nghệ cao phát triển hiện đại. Xây dựng được một số cụm ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế." (Đề nghị cụ ghi cụ thể vùng(i), vùng (ii), vùng (iii) gồm những xã nào để làm căn cứ khi tham gia ý kiến cấp chứng nhận đầu tư sự phù hợp với quy hoạch tỉnh theo điểm a, khoản 7, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ)	lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. (5) Đến năm 2030, ngành công nghiệp phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; hình thành và phát triển một số các cụm ngành công nghiệp có tính chuyên môn hóa cao, có năng lực cạnh tranh cao, trọng tâm là cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, dược liệu, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, năng lượng, hoá chất, công nghiệp nhẹ. (6) Đến năm 2050, hình thành được một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu, công nghệ cao phát triển hiện đại. Xây dựng được một số cụm ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế."
	Tại điểm (2) Phát triển cụm công nghiệp, điểm b) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp (trang 25-26), đề nghị điều chỉnh nội dung lại thành như sau: "Giữ nguyên 24 cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của hai tỉnh Hà Giang (cũ) và	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030 (33 trang), theo đó sửa thành: Giữ nguyên 24 cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của hai tỉnh Hà Giang (cũ) và Tuyên Quang (cũ), với tổng diện tích là

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tuyên Quang (cũ), với tổng diện tích là 1.210,3 ha; đưa ra khỏi quy hoạch 10 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 135 ha đã có trong quy hoạch; Điều chỉnh tăng diện tích Cụm công nghiệp Đức Ninh từ 25 ha lên thành 75 ha; Cụm công nghiệp Sơn Nam từ 50 ha lên thành 70 ha; Cụm công nghiệp Nam Quang từ 35 ha lên thành 50 ha; Cụm công nghiệp Phú Thịnh từ 35 ha lên thành 75 ha; điều chỉnh giảm diện tích Cụm công nghiệp Phúc Ứng 2 từ 60 ha xuống thành 48 ha; Cụm công nghiệp Trung Môn từ 30 ha xuống thành 15,8 ha; điều chỉnh giảm diện tích và địa điểm quy hoạch (từ thôn Trung Sơn thành thôn Tân Phong) Cụm công nghiệp Trung Thành từ 50 ha xuống thành 30 ha để bổ sung, tích hợp trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Bổ sung 17 cụm công nghiệp, tổng diện tích 900 ha.” Đồng thời điều chỉnh Phụ lục III như sau:	1.210,3 ha; đưa ra khỏi quy hoạch 10 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 135 ha đã có trong quy hoạch; Điều chỉnh tăng diện tích Cụm công nghiệp Đức Ninh từ 25 ha lên thành 75 ha; Cụm công nghiệp Sơn Nam từ 50 ha lên thành 70 ha; Cụm công nghiệp Nam Quang từ 35 ha lên thành 50 ha; Cụm công nghiệp Phú Thịnh từ 35 ha lên thành 75 ha; điều chỉnh giảm diện tích Cụm công nghiệp Phúc Ứng 2 từ 60 ha xuống thành 48 ha; Cụm công nghiệp Trung Môn từ 30 ha xuống thành 15,8 ha; điều chỉnh giảm diện tích và địa điểm quy hoạch (từ thôn Trung Sơn thành thôn Tân Phong) Cụm công nghiệp Trung Thành từ 50 ha xuống thành 30 ha để bổ sung, tích hợp trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Bổ sung 17 cụm công nghiệp, tổng diện tích 900 ha.”
	II. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG Tại Phụ lục V. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 đề nghị chỉnh sửa lại theo biểu phụ lục đính kèm.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030 (33 trang)
	III. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI 1. Tại trang 16, mục 5.3. Phát triển thương mại và kinh tế cửa khẩu, đề nghị sửa lại như sau: Phát triển thương mại, dịch vụ trở thành cầu nối vững chắc giữa sản xuất với tiêu dùng, đóng vai trò then chốt trong việc định hướng, dẫn dắt các ngành sản xuất vận hành linh hoạt theo tín hiệu thị trường. Quá trình phát triển thương mại nội địa phải đảm bảo tính đồng bộ với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường và tuân thủ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển ngành thương mại, dịch vụ của tỉnh Tuyên Quang theo hướng hiện đại, văn minh, hiệu quả, tăng trưởng nhanh và bền vững, là bệ đỡ, điểm tựa vững chắc cho các ngành sản xuất trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển; xây dựng thương hiệu hàng hóa tỉnh Tuyên Quang ngày càng lớn mạnh, uy tín, giá trị. Bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030 (33 trang), theo đó sửa thành: Phát triển thương mại, dịch vụ trở thành cầu nối vững chắc giữa sản xuất với tiêu dùng, đóng vai trò then chốt trong việc định hướng, dẫn dắt các ngành sản xuất vận hành linh hoạt theo tín hiệu thị trường. Quá trình phát triển thương mại nội địa phải đảm bảo tính đồng bộ với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường và tuân thủ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển ngành thương mại, dịch vụ của tỉnh Tuyên Quang theo hướng hiện đại, văn minh, hiệu quả, tăng trưởng nhanh và bền vững, là bệ đỡ, điểm tựa vững chắc cho các ngành sản xuất trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển; xây dựng thương hiệu hàng hóa tỉnh Tuyên Quang ngày càng lớn mạnh, uy tín, giá trị. Bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về phát

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	càng cao về phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc để tham gia hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và quốc tế. Phát triển kinh tế cửa khẩu theo hướng hiện đại, chủ động hội nhập quốc tế, đầu mối trung chuyển, xuất nhập khẩu hàng hóa, giao lưu phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và văn hóa. Thu hút đầu tư xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, có chức năng logistics, trung chuyển, chế biến, xuất nhập khẩu hàng hóa, tài chính - ngân hàng, du lịch, dịch vụ hậu cần và chuỗi cung ứng liên kết với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại - dịch vụ tại các cửa khẩu, lối mở, như: cửa khẩu Săm Pun, cửa khẩu Xín Mần, lối mở Lũng Làn. Tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các chương trình xúc tiến thương mại biên giới; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các phương thức kinh doanh và thanh toán hiện đại, đặc thù của thương mại biên giới. Khuyến khích thu hút đầu tư vào các cơ sở gia công, chế biến hàng nông sản tại cửa khẩu nhằm chuyển dịch từ xuất khẩu thô sang xuất khẩu tinh, nâng cao giá trị gia tăng cho địa phương.	triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc để tham gia hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và quốc tế. Phát triển kinh tế cửa khẩu theo hướng hiện đại, chủ động hội nhập quốc tế, đầu mối trung chuyển, xuất nhập khẩu hàng hóa, giao lưu phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và văn hóa. Thu hút đầu tư xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, có chức năng logistics, trung chuyển, chế biến, xuất nhập khẩu hàng hóa, tài chính - ngân hàng, du lịch, dịch vụ hậu cần và chuỗi cung ứng liên kết với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại - dịch vụ tại các cửa khẩu, lối mở, như: cửa khẩu Săm Pun, cửa khẩu Xín Mần, lối mở Lũng Làn. Tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các chương trình xúc tiến thương mại biên giới; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các phương thức kinh doanh và thanh toán hiện đại, đặc thù của thương mại biên giới. Khuyến khích thu hút đầu tư vào các cơ sở gia công, chế biến hàng nông sản tại cửa khẩu nhằm chuyển dịch từ xuất khẩu thô sang xuất khẩu tinh, nâng cao giá trị gia tăng cho địa phương.
	Tại trang 16, mục d). Phương án phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, hội chợ, triển lãm, đề nghị sửa lại như sau: Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa loại hình truyền thống và hiện đại, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. (1) Phương án phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại Phát triển đồng bộ mạng lưới chợ truyền thống trên địa bàn. Thực hiện rà soát, cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới các chợ trên địa bàn tỉnh (từ hạng I, II đến hạng III) đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường, phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của từng địa phương. Ưu tiên xây dựng chợ hạng I tại các trung tâm đô thị, khu du lịch. Thiết lập hệ thống chợ đầu mối tại các vùng sản xuất nông sản tập trung và nút giao thông trọng điểm để thúc đẩy giao thương bán buôn.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030 (33 trang), theo đó sửa thành: Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa loại hình truyền thống và hiện đại, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. (1) Phương án phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại Phát triển đồng bộ mạng lưới chợ truyền thống trên địa bàn. Thực hiện rà soát, cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới các chợ trên địa bàn tỉnh (từ hạng I, II đến hạng III) đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường, phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của từng địa phương. Ưu tiên xây dựng chợ hạng I tại các trung tâm đô thị, khu du lịch. Thiết lập hệ thống chợ đầu mối tại các vùng sản xuất nông sản tập trung và nút giao thông trọng điểm để thúc đẩy giao thương bán buôn. Chú trọng

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Chú trọng chợ nông sản tại đô thị và chợ hàng tiêu dùng, chợ phiên, chợ phục vụ du lịch tại các khu vực nông thôn, miền núi. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại các đô thị, khu công nghiệp và khu đô thị mới gắn với các trục động lực kinh tế. Ưu tiên phát triển siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi tại trung tâm các cụm xã, phường hiện chưa có, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn. (2) Phát triển hạ tầng hội chợ triển lãm và xúc tiến thương mại Quy hoạch và xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm cấp tỉnh với quy mô hiện đại, đa năng. Đây sẽ là nơi tổ chức các sự kiện kết nối cung cầu, giới thiệu sản phẩm OCOP, hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các hoạt động giao lưu kinh tế quốc tế. Phát triển các điểm giới thiệu và bán sản phẩm đặc trưng vùng miền tại các trạm dừng nghỉ, khu du lịch và các cửa ngõ giao thông chính của tỉnh. (3) Phát triển hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt Phát triển hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu, mạng lưới cửa hàng xăng dầu, trạm nạp khí hóa lỏng (LPG/LNG) có quy mô và công suất phù hợp với mật độ dân cư và nhu cầu sản xuất theo từng giai đoạn. Đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên hóa lỏng; trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng từ kho đầu nguồn tới các hộ tiêu thụ; đảm bảo an ninh năng lượng, đáp ứng nhu cầu nhiên liệu cho phát triển công nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải và dân dụng. (4) Phát triển hạ tầng Logistics và kho bãi Định hướng đến năm 2030, hình thành các khu dịch vụ thương mại tổng hợp và trung tâm logistics. Tối ưu hóa hệ thống kho tàng, bến bãi, kho trung chuyển và dịch vụ tiếp vận để phục vụ lưu thông hàng hóa nhanh chóng, giảm chi phí trung gian, hỗ trợ tối đa cho các khu công nghiệp và hoạt động xuất nhập khẩu tại địa phương và các khu vực lân cận.	chợ nông sản tại đô thị và chợ hàng tiêu dùng, chợ phiên, chợ phục vụ du lịch tại các khu vực nông thôn, miền núi. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại các đô thị, khu công nghiệp và khu đô thị mới gắn với các trục động lực kinh tế. Ưu tiên phát triển siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi tại trung tâm các cụm xã, phường hiện chưa có, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn. (2) Phát triển hạ tầng hội chợ triển lãm và xúc tiến thương mại Quy hoạch và xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm cấp tỉnh với quy mô hiện đại, đa năng. Đây sẽ là nơi tổ chức các sự kiện kết nối cung cầu, giới thiệu sản phẩm OCOP, hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các hoạt động giao lưu kinh tế quốc tế. Phát triển các điểm giới thiệu và bán sản phẩm đặc trưng vùng miền tại các trạm dừng nghỉ, khu du lịch và các cửa ngõ giao thông chính của tỉnh. (3) Phát triển hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt Phát triển hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu, mạng lưới cửa hàng xăng dầu, trạm nạp khí hóa lỏng (LPG/LNG) có quy mô và công suất phù hợp với mật độ dân cư và nhu cầu sản xuất theo từng giai đoạn. Đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên hóa lỏng; trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng từ kho đầu nguồn tới các hộ tiêu thụ; đảm bảo an ninh năng lượng, đáp ứng nhu cầu nhiên liệu cho phát triển công nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải và dân dụng. (4) Phát triển hạ tầng Logistics và kho bãi Định hướng đến năm 2030, hình thành các khu dịch vụ thương mại tổng hợp và trung tâm logistics. Tối ưu hóa hệ thống kho tàng, bến bãi, kho trung chuyển và dịch vụ tiếp vận để phục vụ lưu thông hàng hóa nhanh chóng, giảm chi phí trung gian, hỗ trợ tối đa cho các khu công nghiệp và hoạt động xuất nhập khẩu tại địa phương và các khu vực lân cận.
III	Sở Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 91/SGDDĐT-KHTC ngày 12/01/2026)	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.1. Tại trang 173 - Nội dung dự thảo: “(2) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học: Mầm non 73%, tiểu học 80%, trung học cơ sở 71%, trung học phổ thông 61%.” - Đề nghị sửa đổi thành: “(2) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học: Mầm non 73%, phổ thông 80%”.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó sửa đổi thành: “(2) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học: Mầm non 73%, phổ thông 80%”.
	2.2. Tại trang 222 - Nội dung dự thảo: “Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo: Sắp xếp mạng lưới trường, điểm trường đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương; sáp nhập các trường phổ thông có quy mô nhỏ, dưới chuẩn; giảm điểm trường lẻ cấp mầm non, tiểu học, THCS phù hợp với điều kiện thực tiễn. Hợp nhất trung tâm GDNN và GDTX thành các trường trung học nghề; thành lập các trung tâm học tập cộng đồng theo địa bàn cấp xã; thành lập 02 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập ở 02 khu vực”. - Đề nghị sửa đổi thành: “Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo: sắp xếp mạng lưới trường, điểm trường đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương (xã, phường); sáp nhập các trường có quy mô nhỏ, dưới chuẩn; giảm điểm trường lẻ cấp mầm non, tiểu học, THCS phù hợp với điều kiện thực tiễn. Sắp xếp, tái cấu trúc một số trung tâm GDNN-GDTX chuyển sang mô hình trường trung học nghề; thành lập các trung tâm học tập cộng đồng theo địa bàn cấp xã; thành lập một số trường THPT trên cơ sở trường THCS hoặc mở rộng quy mô các trường THPT hiện có để từng bước thực hiện PCGD giáo dục THPT và tương đương; thành lập 02 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập ở 02 khu vực”.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó sửa đổi thành: Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo: sắp xếp mạng lưới trường, điểm trường đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương (xã, phường); sáp nhập các trường có quy mô nhỏ, dưới chuẩn; giảm điểm trường lẻ cấp mầm non, tiểu học, THCS phù hợp với điều kiện thực tiễn. Sắp xếp, tái cấu trúc một số trung tâm GDNN-GDTX chuyển sang mô hình trường trung học nghề; thành lập các trung tâm học tập cộng đồng theo địa bàn cấp xã; thành lập một số trường THPT trên cơ sở trường THCS hoặc mở rộng quy mô các trường THPT hiện có để từng bước thực hiện PCGD giáo dục THPT và tương đương; thành lập 02 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập ở 02 khu vực”.
	2.3. Tại trang 223 - Nội dung dự thảo: “Ít nhất 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia từ mức độ 1 trở lên (trong đó: tiểu học 86%; THCS 77%; THPT 72%); hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; phần đầu có từ 70-80% trở lên người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó sửa đổi thành: Ít nhất 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia từ mức độ 1 trở lên; hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; phần đầu có từ 70-80% trở lên người trong độ tuổi hoàn thành cấp THPT

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thông và tương đương”. - Đề nghị sửa đổi thành: “Ít nhất 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia từ mức độ 1 trở lên; hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; phần đầu có từ 70-80% trở lên người trong độ tuổi hoàn thành cấp THPT và tương đương, trong đó, giáo dục THPT tối thiểu từ 60% trở lên”.	và tương đương, trong đó, giáo dục THPT tối thiểu từ 60% trở lên”.
	2.4. Tại trang 353 - Nội dung dự thảo: “Trong giai đoạn 2026-2030, xem xét sắp xếp giảm 77 trường mầm non, phổ thông công lập, sáp nhập những trường có quy mô nhỏ, trường ở gần nhau (mầm non 19 trường, tiểu học 51 trường, THCS 7 trường); giảm 01 trung tâm GDNNGDTX; giảm 286 điểm trường lẻ (mầm non 139 điểm, tiểu học 133 điểm, THCS 14 điểm). Đồng thời thành lập mới, nâng cấp, cải tạo một số trường THPT ở khu vực Đồng Văn, Yên Minh, Quản Bạ, Mèo Vạc theo hướng thay tên trường cho phù hợp địa danh mới”. - Đề nghị sửa đổi thành: “Trong giai đoạn 2026-2030, phần đầu giảm ít nhất 5% cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDTX công lập; sáp nhập các trường có quy mô nhỏ, dưới chuẩn; phần đầu giảm 285 điểm trường lẻ cấp mầm non, tiểu học, THCS phù hợp với điều kiện thực tiễn. Thành lập mới trường THPT ở cụm xã Phố Bàng, Lũng Phìn; cụm xã Niêm Sơn, Tát Ngà; xã Sơn Vĩ; cụm xã Minh Tân, Thuận Hoà. Mở rộng quy mô một số trường THPT: THPT Mèo Vạc, THPT Đồng Văn, THPT Yên Minh, THPT Mậu Duệ, THPT Quyết Tiến, THCS&THPT Xín Mần,...”	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó sửa đổi thành: Trong giai đoạn 2026-2030, phần đầu giảm ít nhất 5% cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDTX công lập; sáp nhập các trường có quy mô nhỏ, dưới chuẩn; phần đầu giảm 285 điểm trường lẻ cấp mầm non, tiểu học, THCS phù hợp với điều kiện thực tiễn. Thành lập mới trường THPT ở cụm xã Phố Bàng, Lũng Phìn; cụm xã Niêm Sơn, Tát Ngà; xã Sơn Vĩ; cụm xã Minh Tân, Thuận Hoà. Mở rộng quy mô một số trường THPT: THPT Mèo Vạc, THPT Đồng Văn, THPT Yên Minh, THPT Mậu Duệ, THPT Quyết Tiến, THCS&THPT Xín Mần,...”
	2.5. Tại trang 353 - Đề nghị bỏ nội dung: “(thành lập mới 09 trường; nâng cấp 7 trường tiểu học, THCS hiện có)”.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó bỏ nội dung: “(thành lập mới 09 trường; nâng cấp 7 trường tiểu học, THCS hiện có)”.
	2.6. Tại trang 353, 354 - Nội dung trùng lặp: “Mở rộng hệ thống đào tạo dự bị đại học cho học sinh người dân tộc thiểu số, miền núi”.	
	2.7. Tại trang 355	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Nội dung dự thảo: “Sáp nhập Trường Cao đẳng kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang và Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật – Công nghệ Tuyên Quang và đổi tên thành Trường Cao đẳng Tuyên Quang. Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Tuyên Quang thành trường chất lượng cao và có một số nghề trọng điểm đạt trình độ ngang tầm các nước phát triển trong khu vực; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cho các cơ sở đào tạo nghề trọng điểm quốc gia và ASEAN, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia, từng bước tiệm cận chuẩn khu vực và quốc tế. Hợp nhất trung tâm GDNN và GDTX thành các trường trung học nghề”. - Đề nghị sửa đổi thành: “Tập trung sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; xây dựng Trường Cao đẳng Tuyên Quang, trường Trung cấp DTNT-GDTX Bắc Quang đạt chuẩn quốc gia, trong đó Trường Cao đẳng Tuyên Quang đáp ứng tiêu chí trường chất lượng cao, có đủ năng lực đào tạo vượt trội ở một số ngành, nghề, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của thị trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Sắp xếp, tái cấu trúc một số trung tâm GDNN-GDTX chuyển sang mô hình trường trung học nghề nhằm thực hiện phân luồng hiệu quả, đồng thời sắp xếp tinh gọn các cơ sở GDTX theo khu vực liên phường, xã để đảm bảo nhu cầu học tập suốt đời của người dân”.	báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó sửa đổi thành: “Tập trung sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; xây dựng Trường Cao đẳng Tuyên Quang, trường Trung cấp DTNT-GDTX Bắc Quang đạt chuẩn quốc gia, trong đó Trường Cao đẳng Tuyên Quang đáp ứng tiêu chí trường chất lượng cao, có đủ năng lực đào tạo vượt trội ở một số ngành, nghề, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của thị trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Sắp xếp, tái cấu trúc một số trung tâm GDNN-GDTX chuyển sang mô hình trường trung học nghề nhằm thực hiện phân luồng hiệu quả, đồng thời sắp xếp tinh gọn các cơ sở GDTX theo khu vực liên phường, xã để đảm bảo nhu cầu học tập suốt đời của người dân”.
	2.8. Tại trang 355 - Nội dung dự thảo: “Tổ chức đào tạo cho 50.000 người học, đến năm 2030 nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 80% trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 40%”. - Đề nghị sửa đổi thành: “Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%. Đến năm 2030, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 72% trở lên, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 30% trở lên”.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó sửa đổi thành: “Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%. Đến năm 2030, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 72% trở lên, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 30% trở lên”.
	3. Đối với Dự thảo Quyết định về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 3.1. Tại trang 4 - Nội dung dự thảo: “(12) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó sửa đổi thành “(2) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học: Mầm non 73%, phổ thông 80%”.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	học: Mầm non 73%, tiểu học 80%, trung học cơ sở 71%, trung học phổ thông 61%”. - Đề nghị sửa đổi thành: “(2) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học: Mầm non 73%, phổ thông 80%”.	
	3.2. Tại trang 12 - Đề nghị bỏ nội dung: “(trong đó: tiểu học 86%; THCS 77%; THPT 72%)”.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó bỏ nội dung: “(trong đó: tiểu học 86%; THCS 77%; THPT 72%)”.
IV	Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Khu kinh tế tỉnh (Văn bản số 32/BQL-QLĐTXDMT ngày 12/01/2026)	
	1. Đề nghị bổ sung Khu công nghiệp Long Bình An mở rộng vào bảng 17 Danh mục các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ưu tiên đầu tư đến năm 2030 (diện tích mở rộng 180ha, địa điểm tại phường Bình Thuận, hình thức đầu tư: lựa chọn theo quy định của pháp luật, tổng mức đầu tư dự kiến 1.500 tỷ đồng)	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó bổ sung Khu công nghiệp Long Bình An mở rộng vào bảng 17 Danh mục các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ưu tiên đầu tư đến năm 2030 (diện tích mở rộng 180ha, địa điểm tại phường Bình Thuận, hình thức đầu tư: lựa chọn theo quy định của pháp luật
	2. Đề nghị bổ sung trạm cấp nước cho khu công nghiệp Yên Sơn quy mô cấp nước dự kiến 5.000m ³ /ngày đêm tại mục 5.2.4 Định hướng đầu tư xây dựng cấp nước công nghiệp.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó bổ sung trạm cấp nước cho khu công nghiệp Yên Sơn quy mô cấp nước dự kiến 5.000m ³ /ngày đêm tại mục 5.2.4 Định hướng đầu tư xây dựng cấp nước công nghiệp.
	3. Bổ sung danh sách các khu chức năng trong khu kinh tế đến năm 2030 sau khi điều chỉnh vào mục 1.2 Phương hướng phát triển KKT cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy (trang 279) như sau: Diện tích, chức năng cụ thể của các phân khu chức năng trong KKTCK Thanh Thủy thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng KKTCK Thanh Thủy do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể:	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó Bổ sung danh sách các khu chức năng trong khu kinh tế đến năm 2030 sau khi điều chỉnh vào mục 1.2 Phương hướng phát triển KKT cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
V	Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 79/SKHCN-TC ngày 12/01/2026)	
	1. Về dự thảo Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh 2. Mục 8. Thực trạng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030,

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tạo (từ trang 93) Tính đến thời điểm ngày 31/12/2025, một số kết quả có thay đổi, do đó Sở KH&CN đề nghị được điều chỉnh lại một số nội dung sau: - Giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang triển khai thực hiện 142 đề tài, dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh (Hà Giang 61 đề tài, dự án; Tuyên Quang 81 đề tài, dự án); Trong đó: 122 đề tài, dự án cấp tỉnh; 05 đề tài cấp quốc gia; 01 dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; 14 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi. Có 65/142 đề tài, dự án khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp (chiếm 45,77%); 31/142 đề tài lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (chiếm 21,83%); còn lại là các lĩnh vực khác. - Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 14 tổ chức khoa học và công nghệ, 05 doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã thực hiện sắp xếp, củng cố đầu tư mới, hiện đại hóa trang thiết bị, nâng cao năng lực hoạt động. Đề nghị bỏ nội dung mục 8.2 (Một số khó khăn, tồn tại) hoặc bổ sung những khó khăn, tồn tại của các ngành, lĩnh vực khác để thống nhất về cách bố cục giữa các ngành, lĩnh vực. Đề nghị chuyển kết quả về hạ tầng viễn thông xuống mục 5, trang 128 để bảo đảm phù hợp giữa nội dung và tiêu đề.	theo đó Tính đến thời điểm ngày 31/12/2025, một số kết quả có thay đổi, do đó Sở KH&CN đề nghị được điều chỉnh lại một số nội dung sau: - Giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang triển khai thực hiện 142 đề tài, dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh (Hà Giang 61 đề tài, dự án; Tuyên Quang 81 đề tài, dự án); Trong đó: 122 đề tài, dự án cấp tỉnh; 05 đề tài cấp quốc gia; 01 dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; 14 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi. Có 65/142 đề tài, dự án khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp (chiếm 45,77%); 31/142 đề tài lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (chiếm 21,83%); còn lại là các lĩnh vực khác. - Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 14 tổ chức khoa học và công nghệ, 05 doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã thực hiện sắp xếp, củng cố đầu tư mới, hiện đại hóa trang thiết bị, nâng cao năng lực hoạt động. Đồng thời bỏ nội dung mục 8.2 (Một số khó khăn, tồn tại) hoặc bổ sung những khó khăn, tồn tại của các ngành, lĩnh vực khác để thống nhất về cách bố cục giữa các ngành, lĩnh vực. Đề nghị chuyển kết quả về hạ tầng viễn thông xuống mục 5, trang 128 để bảo đảm phù hợp giữa nội dung và tiêu đề.
	3. Mục 5 (Hiện trạng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo), trang 128: Đề nghị sửa lại tiêu đề thành “Hiện trạng phát triển hạ tầng bưu chính-viễn thông” để tránh trùng lặp nội dung với mục 8, trang 93, đồng thời sửa lại nội dung của mục 5 như sau: Hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh tiếp tục được đầu tư, xây dựng theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hoạt động mô hình chính quyền địa phương hai cấp. - Duy trì hoạt động ổn định các hệ thống dùng chung của tỉnh, đảm bảo kết nối ổn định 23 CSDL/HTTT của các bộ, ngành, cơ quan trung ương và của tỉnh để các cơ quan, đơn vị, địa phương khai thác, sử	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó sửa lại tiêu đề thành “Hiện trạng phát triển hạ tầng bưu chính-viễn thông” để tránh trùng lặp nội dung với mục 8, trang 93, đồng thời sửa lại nội dung của mục 5 như sau: Hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh tiếp tục được đầu tư, xây dựng theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hoạt động mô hình chính quyền địa phương hai cấp. - Duy trì hoạt động ổn định các hệ thống dùng chung của tỉnh, đảm bảo kết nối ổn định 23 CSDL/HTTT của các bộ, ngành, cơ quan trung ương và của tỉnh để các cơ quan, đơn vị, địa phương khai thác, sử dụng. - Hệ thống mạng nội bộ, mạng internet được đầu tư tại 100% cơ quan

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	dụng. - Hệ thống mạng nội bộ, mạng internet được đầu tư tại 100% cơ quan hành chính; hoàn thành triển khai Mạng diện rộng WAN để kết nối thông suốt; 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính làm việc và kết nối internet. - Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) được duy trì hoạt động ổn định, đảm bảo kết nối liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và với các nền tảng, hệ thống quốc gia. - Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đã được nâng cấp, vận hành, khai thác sử dụng hiệu quả. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh hoạt động ổn định; đảm bảo kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. - Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Cổng dữ liệu dùng chung hoạt động ổn định, bảo đảm cập nhật thông tin kịp thời và kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. - Các hệ thống dùng chung của tỉnh tiếp tục hoạt động hiệu quả phục vụ công tác chỉ đạo điều hành từ cấp tỉnh tới cấp xã, như: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh;... phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đáp ứng các yêu cầu thực tế hiện nay. Toàn tỉnh có 12 doanh nghiệp thuộc đối tượng bắt buộc thực hiện các thủ tục hành chính khi hoạt động tại địa phương và thường xuyên thực hiện các báo cáo hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh; có 472 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính gồm: 287 điểm bưu điện văn hóa xã và 185 Bưu cục (cấp 1, 2, 3), Đại lý và các loại hình cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát khác, đảm bảo 100% các xã, phường trên toàn tỉnh có điểm phục vụ bưu chính công cộng; 100% các điểm phục vụ bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định; 100% các xã có thư báo đến trong ngày; có 3.098 trạm BTS đang hoạt động, trong đó có 593 trạm BTS 5G. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh hoạt động ổn định với 213 điểm cầu từ cấp tỉnh đến cấp xã	hành chính; hoàn thành triển khai Mạng diện rộng WAN để kết nối thông suốt; 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính làm việc và kết nối internet. - Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) được duy trì hoạt động ổn định, đảm bảo kết nối liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và với các nền tảng, hệ thống quốc gia. - Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đã được nâng cấp, vận hành, khai thác sử dụng hiệu quả. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh hoạt động ổn định; đảm bảo kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. - Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Cổng dữ liệu dùng chung hoạt động ổn định, bảo đảm cập nhật thông tin kịp thời và kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. - Các hệ thống dùng chung của tỉnh tiếp tục hoạt động hiệu quả phục vụ công tác chỉ đạo điều hành từ cấp tỉnh tới cấp xã, như: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh;... phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đáp ứng các yêu cầu thực tế hiện nay. Toàn tỉnh có 12 doanh nghiệp thuộc đối tượng bắt buộc thực hiện các thủ tục hành chính khi hoạt động tại địa phương và thường xuyên thực hiện các báo cáo hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh; có 472 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính gồm: 287 điểm bưu điện văn hóa xã và 185 Bưu cục (cấp 1, 2, 3), Đại lý và các loại hình cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát khác, đảm bảo 100% các xã, phường trên toàn tỉnh có điểm phục vụ bưu chính công cộng; 100% các điểm phục vụ bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định; 100% các xã có thư báo đến trong ngày; có 3.098 trạm BTS đang hoạt động, trong đó có 593 trạm BTS 5G. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh hoạt động ổn định với 213 điểm cầu từ cấp tỉnh đến cấp xã (gồm 08 điểm cầu thuộc các cơ quan khối Đảng tỉnh; 21 điểm cầu thuộc UBND tỉnh và các sở, ngành ở hai cơ sở I và II; 184 điểm cầu cấp xã, trong đó có 60 xã đã

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(gồm 08 điểm câu thuộc các cơ quan khối Đảng tỉnh; 21 điểm câu thuộc UBND tỉnh và các sở, ngành ở hai cơ sở I và II; 184 điểm câu cấp xã, trong đó có 60 xã đã được bố trí 02 điểm câu). 100% trung tâm xã, phường trên địa bàn tỉnh đã được phủ sóng băng rộng cáp quang; 100% UBND xã, phường và các cơ quan, đơn vị được kết nối internet băng rộng cáp quang và được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng.	được bố trí 02 điểm câu). 100% trung tâm xã, phường trên địa bàn tỉnh đã được phủ sóng băng rộng cáp quang; 100% UBND xã, phường và các cơ quan, đơn vị được kết nối internet băng rộng cáp quang và được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng.
	4. Tiêu đề mục 8, trang 257, đề nghị sửa lại: 8. Phương án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời sửa tiêu đề, nội dung các tiểu mục thuộc mục 8 cho phù hợp; nhất là nhiệm vụ phát triển thông tin truyền thông (tiểu mục 8.4.1, trang 262), do chức năng “truyền thông” đã được điều chuyển sang Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cụ thể các nội dung đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: - Trên điểm a: Bổ sung tiểu mục 8.2.1. Đến năm 2030; đồng thời rà soát các mức đạt được tại các chỉ tiêu (sử dụng dấu > hoặc $\geq$ theo đúng nội dung báo cáo 422/BC-SKHCN ngày 10/12/2025 Sở Khoa học và Công nghệ đã gửi đến Sở Tài chính). - Tại điểm a) Về phát triển hạ tầng (trang 258): Bổ sung chỉ tiêu Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh đạt 99%. - Sửa điểm g) Tầm nhìn đến năm 2050 thành tiểu mục 8.2.2. Tầm nhìn đến năm 2050. - Tiểu mục 8.4.1, trang 262, đề nghị chỉnh sửa như sau: “8.4.1. Nhiệm vụ Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành khoa học và công nghệ trong giai đoạn đến năm 2030 như sau: (1) Phát triển hạ tầng số đồng bộ: trung tâm dữ liệu, IoT vùng sản xuất, mạng 5G, hạ tầng camera thông minh, nền tảng dữ liệu mở; (2) Hoàn thiện cơ chế chính sách về KH&CN - ĐMST - CDS; xây dựng Chiến lược KH&CN - CDS của tỉnh; (3) Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý nhà nước theo hướng đặt hàng - giao nhiệm vụ - khoán sản phẩm theo kết quả đầu ra; (4) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; thúc đẩy tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; (5) Đào tạo	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, theo đó sửa tiêu đề, nội dung các tiểu mục thuộc mục 8 cho phù hợp; nhất là nhiệm vụ phát triển thông tin truyền thông (tiểu mục 8.4.1, trang 262), do chức năng “truyền thông” đã được điều chuyển sang Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Chỉnh sửa bổ sung các nội dung bổ sung tiểu mục 8.2.1. Đến năm 2030; đồng thời rà soát các mức đạt được tại các chỉ tiêu (sử dụng dấu > hoặc $\geq$ theo đúng nội dung báo cáo 422/BC-SKHCN ngày 10/12/2025 Sở Khoa học và Công nghệ đã gửi đến Sở Tài chính). - Tại điểm a) Về phát triển hạ tầng (trang 258): Bổ sung chỉ tiêu Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh đạt 99%. - Sửa điểm g) Tầm nhìn đến năm 2050 thành tiểu mục 8.2.2. Tầm nhìn đến năm 2050. Bổ sung các nhiệm vụ: Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành khoa học và công nghệ trong giai đoạn đến năm 2030 như sau: (1) Phát triển hạ tầng số đồng bộ: trung tâm dữ liệu, IoT vùng sản xuất, mạng 5G, hạ tầng camera thông minh, nền tảng dữ liệu mở; (2) Hoàn thiện cơ chế chính sách về KH&CN - ĐMST - CDS; xây dựng Chiến lược KH&CN - CDS của tỉnh; (3) Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý nhà nước theo hướng đặt hàng - giao nhiệm vụ - khoán sản phẩm theo kết quả đầu ra; (4) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; thúc đẩy tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; (5) Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt đội ngũ kỹ sư dữ liệu, chuyên gia AI, cán bộ số tại cơ sở; (6) Thúc đẩy phát triển nông nghiệp thông minh, chuỗi giá trị số, truy xuất nguồn gốc, quản lý sản xuất theo

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt đội ngũ kỹ sư dữ liệu, chuyên gia AI, cán bộ số tại cơ sở; (6) Thúc đẩy phát triển nông nghiệp thông minh, chuỗi giá trị số, truy xuất nguồn gốc, quản lý sản xuất theo dữ liệu; (7) Đẩy mạnh du lịch thông minh, triển khai bản đồ số, cổng du lịch thông minh liên thông toàn tỉnh; (8) Khuyến khích liên kết vùng trong nghiên cứu - chuyển giao công nghệ và chia sẻ dữ liệu. Tập trung thực hiện các dự án ưu tiên: (1) Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh; (2) Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; (3) Dự án vùng nông nghiệp thông minh (Na Hang - ATK; Quản Bạ - Bắc Quang); (4) Dự án đô thị thông minh Tuyên Quang - Hà Giang; (5) Dự án số hóa di sản văn hóa, phát triển du lịch thông minh; (6) Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ và chuyển đổi số.”.	dữ liệu; (7) Đẩy mạnh du lịch thông minh, triển khai bản đồ số, cổng du lịch thông minh liên thông toàn tỉnh; (8) Khuyến khích liên kết vùng trong nghiên cứu - chuyển giao công nghệ và chia sẻ dữ liệu. Tập trung thực hiện các dự án ưu tiên: (1) Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh; (2) Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; (3) Dự án vùng nông nghiệp thông minh (Na Hang - ATK; Quản Bạ - Bắc Quang); (4) Dự án đô thị thông minh Tuyên Quang - Hà Giang; (5) Dự án số hóa di sản văn hóa, phát triển du lịch thông minh; (6) Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ và chuyển đổi số.”.
	5.Tiểu mục 4.4.3. Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo (trang 295): Đề nghị sửa tên “Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ” thành “Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo).	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: sửa tên “Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ” thành “Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo).
	6.Trang 328, đề nghị sửa tiêu đề mục 3 (Phương hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, khoa học công nghệ) thành (Phương hướng phát triển hạ tầng bưu chính - viễn thông, khoa học công nghệ) 7.Trang 329, đề nghị sửa số thứ tự mục 3.1 (Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học công nghệ) thành mục 3.4.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, sửa tiêu đề mục 3 (Phương hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, khoa học công nghệ) thành (Phương hướng phát triển hạ tầng bưu chính - viễn thông, khoa học công nghệ) sửa số thứ tự mục 3.1 (Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học công nghệ) thành mục 3.4.
	8.Trang 473, đề nghị tách giải pháp về khoa học - công nghệ và môi trường thành 2 mục riêng (3. Giải pháp về khoa học và công nghệ; 4. Giải pháp về môi trường); đề nghị bổ sung nội dung giải pháp thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó tách giải pháp về khoa học - công nghệ và môi trường thành 2 mục riêng (3. Giải pháp về khoa học và công nghệ; 4. Giải pháp về môi trường); đề nghị bổ sung nội dung giải pháp thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
	II.Về dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Hồ	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh hiện đang trong quá trình hoàn thiện, dự kiến còn có những nội dung tiếp tục được rà soát, điều chỉnh để thống nhất với Báo cáo chi tiết điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; do đó, tại thời điểm này, Sở Khoa học và Công nghệ chưa có ý kiến tham gia.	
VI	Thống kê tỉnh Tuyên Quang (Văn bản số 12/TKT-TKTH ngày 12/01/2026)	
	- Thứ nhất: Khi đánh giá thực trạng kinh tế xã hội giai đoạn 2020 - 2025 số liệu sử dụng ở một số chỉ tiêu chưa thống nhất với số liệu của ngành thống kê. Đề nghị tổ tư vấn phối hợp với Thống kê tỉnh điều chỉnh lại dãy số liệu để từ đó đưa ra những nhận định, đánh giá sát với hiện trạng kinh tế phát sinh, số liệu chênh lệch được tổng hợp theo phụ biểu 01 (đính kèm).	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050,
	- Thứ hai: Tổ tư vấn cần đánh giá rõ hơn các động lực tác động đến tăng trưởng cho giai đoạn 2025-2030 là gì, đặc biệt vai trò của khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Trên cơ sở đó xác định nhu cầu vốn nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng 10,5% cho giai đoạn 2025 - 2030. Nếu trong giai đoạn tới vẫn xác định lấy đầu tư là động lực chính cho tăng trưởng, thì với hệ số ICOR như giai đoạn 2020 - 2025, để đạt tốc độ tăng trưởng như kịch bản 2, tổ tư vấn cần tính toán lại nhu cầu vốn cho cả giai đoạn.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050,
VII	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Văn bản số 90/SVHTTDL-KHTC ngày 13/01/2026)	
	Mục 4. Thực trạng phát triển thương mại, du lịch và các ngành dịch vụ Tiểu mục 4.2. Thực trạng phát triển du lịch - Trang 67... (6) Năm 2025 Tuyên Quang ước đón 3.896.000 lượt du khách. Trong đó ước đón 525.000 lượt khách quốc tế (bao gồm khách mang hộ chiếu và giấy thông hành) khách nội địa là 3.371.000 lượt khách. Điều chỉnh “Năm 2025 Tuyên Quang đón 3.926.057 lượt du khách. Trong đó 546.657 lượt khách quốc tế (bao gồm khách mang hộ chiếu và giấy thông hành) khách nội địa là 3.379.400 lượt khách”.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Điều chỉnh “Năm 2025 Tuyên Quang đón 3.926.057 lượt du khách. Trong đó 546.657 lượt khách quốc tế (bao gồm khách mang hộ chiếu và giấy thông hành) khách nội địa là 3.379.400 lượt khách”.
	- Trang 69... Toàn tỉnh hiện có 172 khu, điểm du lịch đang hoạt động,	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trong đó một số khu, điểm trọng điểm đã được quy hoạch và đầu tư hạ tầng, gồm: Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào; Khu du lịch sinh thái Na Hang - Lâm Bình; suối khoáng Mỹ Lâm; Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn; sông Nho Quế; các trung tâm du lịch Mèo Vạc, Yên Minh, Tam Sơn, Đồng Văn; các phân khu du lịch Mã Pì Lèng, lòng hồ Thái An, Quyết Tiến, Nặm Đăm; (liệt kê các điểm du lịch đã được công nhận) các tuyến du lịch sinh thái dọc sông Gâm, hồ thủy điện Tuyên Quang; các điểm du lịch cộng đồng... Điều chỉnh “Toàn tỉnh hiện có 172 khu, điểm du lịch đang hoạt động, trong đó một số khu, điểm trọng điểm đã được quy hoạch và đầu tư hạ tầng, gồm: Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào; Khu du lịch sinh thái Na Hang - Lâm Bình; suối khoáng Mỹ Lâm; Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn; sông Nho Quế; các trung tâm du lịch Mèo Vạc, Yên Minh, Tam Sơn, Đồng Văn; các phân khu du lịch Mã Pì Lèng, lòng hồ Thái An, Quyết Tiến, Nặm Đăm; các tuyến du lịch sinh thái dọc sông Gâm, hồ thủy điện Tuyên Quang; các điểm du lịch cộng đồng...”	báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Điều chỉnh “Toàn tỉnh hiện có 172 khu, điểm du lịch đang hoạt động, trong đó một số khu, điểm trọng điểm đã được quy hoạch và đầu tư hạ tầng, gồm: Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào; Khu du lịch sinh thái Na Hang - Lâm Bình; suối khoáng Mỹ Lâm; Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn; sông Nho Quế; các trung tâm du lịch Mèo Vạc, Yên Minh, Tam Sơn, Đồng Văn; các phân khu du lịch Mã Pì Lèng, lòng hồ Thái An, Quyết Tiến, Nặm Đăm; các tuyến du lịch sinh thái dọc sông Gâm, hồ thủy điện Tuyên Quang; các điểm du lịch cộng đồng...”
	- Trang 71. Sản phẩm du lịch văn hóa. Về du lịch di tích lịch sử văn hóa: Hệ thống di sản văn hóa - lịch sử của tỉnh hiện có 794 di tích các loại, tập trung khai thác và phát huy giá trị Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu di tích Quốc gia đặc biệt Kim Bình trở thành trung tâm giáo dục truyền thống, lịch sử cách mạng của cả nước gắn với phát triển du lịch; di tích lịch sử chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tại Vị Xuyên (Dự án phát triển không gian Nghĩa trang liệt sĩ quốc gia Vị Xuyên), các di tích cách mạng tại xã Bắc Mê, xã Bắc Quang, xã Quang Bình; các điểm di tích thuộc không gian di sản Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn... Điều chỉnh “Về du lịch lịch sử - văn hóa: Với 794 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó tập trung khai thác và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào; Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng trở thành trung tâm giáo dục truyền thống, lịch sử cách mạng của cả nước gắn với phát triển du lịch và di tích lịch sử Căng Bắc Mê, Tiểu khu Trùng Con, các điểm di tích thuộc không gian di sản Công viên địa chất toàn	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Điều chỉnh “Về du lịch lịch sử - văn hóa: Với 794 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó tập trung khai thác và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào; Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng trở thành trung tâm giáo dục truyền thống, lịch sử cách mạng của cả nước gắn với phát triển du lịch và di tích lịch sử Căng Bắc Mê, Tiểu khu Trùng Con, các điểm di tích thuộc không gian di sản Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn...”

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	câu Cao nguyên đá Đồng Văn...”	
	- Trang 71. Các tour, tuyến du lịch tâm linh được mở rộng, kết nối với các điểm các di tích tâm linh trong tỉnh và liên kết với các tuyến du lịch liên vùng. Điều chỉnh “Các tour, tuyến du lịch tâm linh được mở rộng, kết nối với các điểm di tích tôn giáo, tín ngưỡng trong tỉnh và liên kết với các tuyến du lịch liên vùng”.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Điều chỉnh “Các tour, tuyến du lịch tâm linh được mở rộng, kết nối với các điểm di tích tôn giáo, tín ngưỡng trong tỉnh và liên kết với các tuyến du lịch liên vùng”.
	Mục 7. Thực trạng phát triển văn hoá, thể dục - thể thao Từ trang 82 đến trang 93. Điều chỉnh 7.1. Thực trạng phát triển văn hóa, nghệ thuật Công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người được tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện; nhận thức về vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững ngày càng được nâng cao. Việc triển khai các nghị quyết, đề án, chương trình của Trung ương và của tỉnh về phát triển văn hóa, thể thao được thực hiện đồng bộ, từng bước phát huy hiệu quả.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Từ trang 82 đến trang 93. Điều chỉnh 7.1. Thực trạng phát triển văn hóa, nghệ thuật Công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người được tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện; nhận thức về vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững ngày càng được nâng cao. Việc triển khai các nghị quyết, đề án, chương trình của Trung ương và của tỉnh về phát triển văn hóa, thể thao được thực hiện đồng bộ, từng bước phát huy hiệu quả.
	7.1.1. Thực trạng hoạt động văn nghệ quần chúng Tuyên Quang có cộng đồng các dân tộc đa dạng với kho tàng di sản văn hóa dân gian phong phú. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển rộng khắp, gắn với xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Đến nay, toàn tỉnh có 124 đội văn nghệ quần chúng cấp xã và 3.802 đội cấp thôn, tổ dân phố, hoạt động thường xuyên, góp phần bảo tồn, phát huy các loại hình dân ca, dân vũ, nhạc cụ truyền thống của các dân tộc; đồng thời đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Tuyên Quang có cộng đồng các dân tộc đa dạng với kho tàng di sản văn hóa dân gian phong phú. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển rộng khắp, gắn với xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Đến nay, toàn tỉnh có 124 đội văn nghệ quần chúng cấp xã và 3.802 đội cấp thôn, tổ dân phố, hoạt động thường xuyên, góp phần bảo tồn, phát huy các loại hình dân ca, dân vũ, nhạc cụ truyền thống của các dân tộc; đồng thời đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân.
	7.1.2. Thực trạng nghệ thuật biểu diễn Tỉnh hiện có 01 đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp công lập là Đoàn Nghệ thuật dân tộc tỉnh với 59 viên chức, trong đó có 05 nghệ sĩ ưu tú. Hàng năm, Đoàn tổ chức khoảng 120 buổi biểu diễn, xây dựng trên 30 chương trình nghệ thuật, phục vụ nhiệm vụ chính trị, đồng bào vùng sâu, vùng xa và tham gia các liên hoan, hội diễn trong nước, quốc tế. Bên cạnh đó giai đoạn 2015-2025 tỉnh đã thành lập 11 đoàn	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Tỉnh hiện có 01 đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp công lập là Đoàn Nghệ thuật dân tộc tỉnh với 59 viên chức, trong đó có 05 nghệ sĩ ưu tú. Hàng năm, Đoàn tổ chức khoảng 120 buổi biểu diễn, xây dựng trên 30 chương trình nghệ thuật, phục vụ nhiệm vụ chính trị, đồng bào vùng sâu, vùng xa và tham gia các liên hoan, hội

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nghệ thuật bán chuyên nghiệp, góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận văn hóa cho đồng bào các dân tộc và phục vụ phát triển du lịch. Tuy nhiên, hoạt động nghệ thuật biểu diễn vẫn phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách nhà nước, cơ sở vật chất và đội ngũ diễn viên còn hạn chế.	diễn trong nước, quốc tế. Bên cạnh đó giai đoạn 2015-2025 tỉnh đã thành lập 11 đoàn nghệ thuật bán chuyên nghiệp, góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận văn hóa cho đồng bào các dân tộc và phục vụ phát triển du lịch. Tuy nhiên, hoạt động nghệ thuật biểu diễn vẫn phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách nhà nước, cơ sở vật chất và đội ngũ diễn viên còn hạn chế.
	7.1.3. Thực trạng văn học nghệ thuật Hội Văn học nghệ thuật tỉnh có trên 200 hội viên, hoạt động ở 7 chuyên ngành. Hoạt động sáng tác, bồi dưỡng nghiệp vụ được duy trì, nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân. Công tác bảo tồn, phát huy văn nghệ dân gian, đào tạo lực lượng sáng tác trẻ, nhất là người dân tộc thiểu số, từng bước được quan tâm.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Hội Văn học nghệ thuật tỉnh có trên 200 hội viên, hoạt động ở 7 chuyên ngành. Hoạt động sáng tác, bồi dưỡng nghiệp vụ được duy trì, nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân. Công tác bảo tồn, phát huy văn nghệ dân gian, đào tạo lực lượng sáng tác trẻ, nhất là người dân tộc thiểu số, từng bước được quan tâm.
	7.1.4. Thực trạng hoạt động điện ảnh Toàn tỉnh có 05 đội chiếu phim lưu động, phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, vùng sâu, vùng xa. Hoạt động chiếu phim lưu động góp phần tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nâng cao dân trí. Tuy nhiên, tỉnh chưa có hệ thống rạp chiếu phim hiện đại; trang thiết bị còn thiếu, xuống cấp; nguồn phim chưa phong phú.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Toàn tỉnh có 05 đội chiếu phim lưu động, phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, vùng sâu, vùng xa. Hoạt động chiếu phim lưu động góp phần tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nâng cao dân trí. Tuy nhiên, tỉnh chưa có hệ thống rạp chiếu phim hiện đại; trang thiết bị còn thiếu, xuống cấp; nguồn phim chưa phong phú.
	7.1.5. Thực trạng xây dựng đời sống văn hóa Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục phát triển sâu rộng. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 83,2% hộ gia đình, 83,75% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa; 100% thôn, tổ dân phố có hương ước, quy ước. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từng bước được đầu tư: cấp tỉnh có 05 thiết chế; cấp xã có 96/124 xã có trung tâm văn hóa – thể thao hoặc hội trường nhà văn hóa; cấp thôn có 3.554/3.802 thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa – khu thể thao (59,5% đạt chuẩn).	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục phát triển sâu rộng. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 83,2% hộ gia đình, 83,75% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa; 100% thôn, tổ dân phố có hương ước, quy ước. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từng bước được đầu tư: cấp tỉnh có 05 thiết chế; cấp xã có 96/124 xã có trung tâm văn hóa – thể thao hoặc hội trường nhà văn hóa; cấp thôn có 3.554/3.802 thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa – khu thể thao (59,5% đạt chuẩn).

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	7.2. Thực trạng công tác thư viện, bảo tàng Toàn tỉnh có 02 bảo tàng cấp tỉnh và 01 bảo tàng chuyên đề. Hoạt động bảo tàng tập trung vào sưu tầm, trưng bày, giáo dục truyền thống lịch sử – văn hóa, từng bước gắn với phát triển du lịch. Bảo tàng tỉnh tại Phường Hà Giang 1 được đầu tư thiết bị hiện đại, trở thành điểm tham quan của tỉnh.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Toàn tỉnh có 02 bảo tàng cấp tỉnh và 01 bảo tàng chuyên đề. Hoạt động bảo tàng tập trung vào sưu tầm, trưng bày, giáo dục truyền thống lịch sử – văn hóa, từng bước gắn với phát triển du lịch. Bảo tàng tỉnh tại Phường Hà Giang 1 được đầu tư thiết bị hiện đại, trở thành điểm tham quan của tỉnh.
	7.3. Thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di sản văn hóa Hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hoá, di tích lịch sử được chú trọng, nhiều công trình, dự án lớn được đầu tư, hoàn thành và đưa vào khai thác, gắn với phát triển du lịch, như: Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025, với các hạng mục quan trọng: Khu tưởng niệm các vị tiền bối cách mạng, Bảo tàng ATK Tân Trào và Phòng chiếu phim; Quảng trường Tân Trào; Khu đón tiếp khách tham quan...; Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia Làng Ngòi - Đá Bàn, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Cao Lan, thôn Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang, Dự án Bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Tày, thôn Bản Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích Ban Thường trực Quốc hội, xã Trung Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Tu bổ tôn tạo di tích quốc gia Chiến thắng Khe Lau, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Bảo tồn, tu bổ cấp thiết Di tích phố cổ Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; Dự án Đường vào khu Du lịch Thác Thúy, huyện Bắc Quang; Dự án Bảo tồn Làng Văn hóa truyền thống dân tộc Bô Y, thôn Nậm Lương,	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hoá, di tích lịch sử được chú trọng, nhiều công trình, dự án lớn được đầu tư, hoàn thành và đưa vào khai thác, gắn với phát triển du lịch, như: Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025, với các hạng mục quan trọng: Khu tưởng niệm các vị tiền bối cách mạng, Bảo tàng ATK Tân Trào và Phòng chiếu phim; Quảng trường Tân Trào; Khu đón tiếp khách tham quan...; Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia Làng Ngòi - Đá Bàn, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Cao Lan, thôn Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang, Dự án Bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Tày, thôn Bản Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích Ban Thường trực Quốc hội, xã Trung Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Tu bổ tôn tạo di tích quốc gia Chiến thắng Khe Lau, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Dự án Bảo tồn, tu bổ cấp thiết Di tích phố cổ Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; Dự án Đường vào khu Du lịch Thác Thúy, huyện Bắc Quang; Dự án Bảo tồn Làng Văn hóa truyền thống dân tộc Bô Y, thôn Nậm Lương, xã Quyết Tiến, huyện

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	xã Quyết Tiến, huyện Quán Bạ... Tuyên Quang hiện có 794 di tích, trong đó 215 di tích quốc gia, 308 di tích cấp tỉnh, 03 di tích quốc gia đặc biệt và 04 bảo vật quốc gia. Nhiều dự án bảo tồn, tôn tạo di tích được đầu tư, phát huy hiệu quả, gắn với giáo dục truyền thống và phát triển du lịch. Công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể được ưu tiên; toàn tỉnh có 53 di sản được ghi danh cấp quốc gia và 01 di sản được UNESCO ghi danh (Thực hành Then của người Tày). Việc bảo tồn và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn được triển khai đồng bộ theo các quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, góp phần phát triển du lịch bền vững và tạo sinh kế cho người dân.	Quản Bạ... Tuyên Quang hiện có 794 di tích, trong đó 215 di tích quốc gia, 308 di tích cấp tỉnh, 03 di tích quốc gia đặc biệt và 04 bảo vật quốc gia. Nhiều dự án bảo tồn, tôn tạo di tích được đầu tư, phát huy hiệu quả, gắn với giáo dục truyền thống và phát triển du lịch. Công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể được ưu tiên; toàn tỉnh có 53 di sản được ghi danh cấp quốc gia và 01 di sản được UNESCO ghi danh (Thực hành Then của người Tày). Việc bảo tồn và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn được triển khai đồng bộ theo các quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, góp phần phát triển du lịch bền vững và tạo sinh kế cho người dân.
	7.4. Thực trạng phát triển thể dục thể thao Phong trào TDTT quần chúng phát triển rộng khắp trong các tầng lớp nhân dân, nhất là cán bộ, công chức, thanh thiếu niên, đồng bào vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi và người khuyết tật. Các môn thể thao hiện đại kết hợp với thể thao dân tộc được duy trì, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng. Thể thao thành tích cao từng bước phát triển với 295 vận động viên đào tạo tập trung, thi đấu ở nhiều môn thể mạnh; hàng năm đạt huy chương tại các giải quốc gia, khu vực và quốc tế, dù điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Phong trào TDTT quần chúng phát triển rộng khắp trong các tầng lớp nhân dân, nhất là cán bộ, công chức, thanh thiếu niên, đồng bào vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi và người khuyết tật. Các môn thể thao hiện đại kết hợp với thể thao dân tộc được duy trì, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng. Thể thao thành tích cao từng bước phát triển với 295 vận động viên đào tạo tập trung, thi đấu ở nhiều môn thể mạnh; hàng năm đạt huy chương tại các giải quốc gia, khu vực và quốc tế, dù điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế.
	7.5. Thực trạng mạng lưới báo chí, truyền thông, xuất bản và thông tin cơ sở Hệ thống báo chí, truyền thông của tỉnh hoạt động ổn định, thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền. Tỉnh có 01 cơ quan báo chí địa phương hợp nhất là Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh, cùng mạng lưới phóng viên Trung ương thường trú. Báo chí địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số, đa dạng hóa sản phẩm, lượt truy cập báo điện tử ngày càng tăng. Hệ thống truyền hình cáp phủ sóng 100% xã, phường. Toàn tỉnh có 02 cổng thông tin điện tử cấp tỉnh, 26 trang thông tin điện tử tổng hợp, 124 trang thông tin điện tử cấp xã. Công tác thông tin cơ sở được duy trì với 119/124 xã có đài truyền thanh. Hoạt động xuất bản, in, phát hành chủ yếu phục vụ nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền; quy	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Hệ thống báo chí, truyền thông của tỉnh hoạt động ổn định, thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền. Tỉnh có 01 cơ quan báo chí địa phương hợp nhất là Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh, cùng mạng lưới phóng viên Trung ương thường trú. Báo chí địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số, đa dạng hóa sản phẩm, lượt truy cập báo điện tử ngày càng tăng. Hệ thống truyền hình cáp phủ sóng 100% xã, phường. Toàn tỉnh có 02 cổng thông tin điện tử cấp tỉnh, 26 trang thông tin điện tử tổng hợp, 124 trang thông tin điện tử cấp xã. Công tác thông tin cơ sở được duy trì với 119/124 xã có đài truyền thanh. Hoạt động xuất bản, in, phát hành chủ yếu phục vụ nhiệm vụ chính trị, tuyên

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	mô còn nhỏ, công nghệ chưa đồng bộ. Công tác thông tin đối ngoại của tỉnh Tuyên Quang được quan tâm chỉ đạo, góp phần quảng bá hình ảnh, tiềm năng, môi trường đầu tư của tỉnh. Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử đối ngoại duy trì chuyên trang tiếng Anh, hằng năm cập nhật khoảng 120 tin, bài. Tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối hợp với cơ quan báo chí trung ương quảng bá hình ảnh địa phương; triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, giao lưu văn hóa, du lịch, thể thao và từng bước quan tâm đào tạo đội ngũ làm công tác thông tin đối ngoại.	truyền; quy mô còn nhỏ, công nghệ chưa đồng bộ. Công tác thông tin đối ngoại của tỉnh Tuyên Quang được quan tâm chỉ đạo, góp phần quảng bá hình ảnh, tiềm năng, môi trường đầu tư của tỉnh. Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử đối ngoại duy trì chuyên trang tiếng Anh, hằng năm cập nhật khoảng 120 tin, bài. Tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối hợp với cơ quan báo chí trung ương quảng bá hình ảnh địa phương; triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, giao lưu văn hóa, du lịch, thể thao và từng bước quan tâm đào tạo đội ngũ làm công tác thông tin đối ngoại.
	Trang 131. Tiểu mục 8.2. Hệ thống di tích lịch sử - văn hoá, kiến trúc, danh lam thắng cảnh. Đề nghị cắt bỏ tiểu mục này vì nội dung đã được thể hiện tại tiểu mục 7.3. Thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di sản văn hoá.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: bỏ tiểu mục Tiểu mục 8.2. Hệ thống di tích lịch sử - văn hoá
	Tiết 7.3.1.7. Bảo tồn, bảo tàng -Trang 246. Triển khai thực hiện nhiệm vụ...giai đoạn 2021-2030. Điều chỉnh “Triển khai thực hiện nhiệm vụ...giai đoạn 2021-2030”.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Điều chỉnh “Triển khai thực hiện nhiệm vụ...giai đoạn 2021-2030”.
	-Trang 247. Giai đoạn 2026 - 2030: Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận, xếp hạng di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia. Điều chỉnh “Giai đoạn 2026 - 2030: Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xếp hạng 20 di tích cấp tỉnh, 5 di tích quốc gia”.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Điều chỉnh “Giai đoạn 2026 - 2030: Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xếp hạng 20 di tích cấp tỉnh, 5 di tích quốc gia”.
	Trang 295. Tiểu mục 4.5. Phương án phát triển hệ thống khu thể dục thể thao, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích Lập hồ sơ khoa học Khu di sản thiên nhiên Ba Bể (Bắc Kạn) - Na Hang (Tuyên Quang). Điều chỉnh “Lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình; Địa điểm 07 xã: (1) Thượng Lâm, (2) Lâm Bình, (3) Nà Hang, (4) Hồng Thái, (5) Thượng Nông, (6) Yên Hoa, (7) Côn Lôn”.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Lập hồ sơ khoa học Khu di sản thiên nhiên Ba Bể (Bắc Kạn) - Na Hang (Tuyên Quang). Điều chỉnh “Lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình; Địa điểm 07 xã: (1) Thượng Lâm, (2) Lâm Bình, (3) Nà Hang, (4) Hồng Thái, (5) Thượng Nông, (6) Yên Hoa, (7) Côn Lôn”.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch Trang 174. Gạch đầu dòng thứ tư. Đề nghị sửa lại các tên địa danh, câu từ cho đúng với địa phương. Lưu ý sửa “Khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Bình” thành “Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng”, “Mã Pí Lèng” thành “Mã Pì Lèng” theo đúng Quyết định xếp hạng di tích.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: sửa lại các tên địa danh, câu từ cho đúng với địa phương. Lưu ý sửa “Khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Bình” thành “Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng”, “Mã Pí Lèng” thành “Mã Pì Lèng” theo đúng Quyết định xếp hạng di tích.
	Tiểu mục 2.3. Phương hướng phát triển du lịch. b) Phân vùng không gian phát triển du lịch, định hướng phát triển các tuyến du lịch. Trang 195, Gạch đầu dòng thứ bảy. Đề nghị sửa nội dung “Hoàn thiện hồ sơ công nhận Khu du lịch quốc gia Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và Khu du lịch quốc gia Na Hang – Lâm Bình” thành “Hoàn thiện hồ sơ công nhận Khu du lịch quốc gia Tân Trào và Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn; trình ban hành quy hoạch Khu du lịch quốc gia Na Hang – Lâm Bình”. Lý do: Khu du lịch quốc gia Tân Trào và Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn đã có quy hoạch của Thủ tướng về khu du lịch quốc gia, còn Khu du lịch quốc gia Na Hang – Lâm Bình chưa có quy hoạch khu du lịch quốc gia.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: sửa nội dung “Hoàn thiện hồ sơ công nhận Khu du lịch quốc gia Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và Khu du lịch quốc gia Na Hang – Lâm Bình” thành “Hoàn thiện hồ sơ công nhận Khu du lịch quốc gia Tân Trào và Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn; trình ban hành quy hoạch Khu du lịch quốc gia Na Hang – Lâm Bình”. Lý do: Khu du lịch quốc gia Tân Trào và Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn đã có quy hoạch của Thủ tướng về khu du lịch quốc gia, còn Khu du lịch quốc gia Na Hang – Lâm Bình chưa có quy hoạch khu du lịch quốc gia.
	Trang 239. Tiểu mục 7.1. Quan điểm phát triển văn hoá, thể thao. Đề nghị bổ sung quan điểm phát triển ngành công nghiệp văn hóa để đảm bảo tính thống nhất từ Trung ương (quyết định 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 và định hướng phát triển công nghiệp văn hóa gắn với phát triển du lịch...).	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: bổ sung quan điểm phát triển ngành công nghiệp văn hóa để đảm bảo tính thống nhất từ Trung ương (Quyết định 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 và định hướng phát triển công nghiệp văn hóa gắn với phát triển du lịch...).
	Tiểu mục 7.2. Mục tiêu phát triển văn hoá, thể thao và trang 252 Tiết 7.3.3. Phương hướng phát triển các lĩnh vực văn hoá, mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở đến năm 2030 (đề nghị rà soát lại các nội dung bị trùng lặp).	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó đã rà soát rà soát lại các nội dung bị trùng lặp

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Trang 242. Tiểu mục 7.3. Phương hướng phát triển văn hoá, thể thao đến trang 254. Đơn vị đang lấy toàn bộ dữ liệu của ngành. Đề nghị cô đọng nội dung, giữ lại ý chính, số liệu tiêu biểu, đặc trưng nổi bật, gộp lại thành nhóm nhiệm vụ và giải pháp để tránh trùng lặp.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó đã cô đọng nội dung, giữ lại ý chính, số liệu tiêu biểu, đặc trưng nổi bật, gộp lại thành nhóm nhiệm vụ và giải pháp để tránh trùng lặp.
	Về phụ lục 1. Danh mục các khu, điểm du lịch quy hoạch trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gửi kèm theo phụ lục).	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: Đã cập nhật Danh mục các khu, điểm du lịch quy hoạch trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
VIII	Sở Nội Vụ (Văn bản số 107/SNV-VP ngày 11/01/2026)	
	1. Mục I. Xây dựng kịch bản phát triển Đề nghị bổ sung mục 2.4. Điều kiện mới sau mở rộng địa giới hành chính như sau: - Về đơn vị hành chính: Sau khi hợp nhất, tỉnh Tuyên Quang bao gồm 124 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 7 phường, 117 xã). Tỉnh Tuyên Quang có diện tích tự nhiên là 13.795,50 km², quy mô dân số (tháng 12/2025) là 1.869.824 người. Tỉnh Tuyên Quang giáp các tỉnh Cao Bằng, Lào Cai, Phú Thọ, Thái Nguyên và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. - Về đô thị: sau hợp nhất, kế thừa việc phân loại đô thị từ các đơn vị hành chính cũ. Tỉnh Tuyên Quang có 18 đô thị, trong đó: đô thị Tuyên Quang tạm xác định là đô thị loại III theo thành phố Tuyên Quang cũ (bao gồm toàn bộ khu vực của 5 phường: Minh Xuân, An Tường, Bình Thuận, Mỹ Lâm và Nông Tiến); đô thị Hà Giang tạm xác định là đô thị loại III theo thành phố Hà Giang cũ (bao gồm toàn bộ khu vực của 2 phường: Hà Giang 1, Hà Giang 2).	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: bổ sung mục 2.4. Điều kiện mới sau mở rộng địa giới hành chính như sau: - Về đơn vị hành chính: Sau khi hợp nhất, tỉnh Tuyên Quang bao gồm 124 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 7 phường, 117 xã). Tỉnh Tuyên Quang có diện tích tự nhiên là 13.795,50 km², quy mô dân số (tháng 12/2025) là 1.869.824 người. Tỉnh Tuyên Quang giáp các tỉnh Cao Bằng, Lào Cai, Phú Thọ, Thái Nguyên và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. - Về đô thị: sau hợp nhất, kế thừa việc phân loại đô thị từ các đơn vị hành chính cũ. Tỉnh Tuyên Quang có 18 đô thị, trong đó: đô thị Tuyên Quang tạm xác định là đô thị loại III theo thành phố Tuyên Quang cũ (bao gồm toàn bộ khu vực của 5 phường: Minh Xuân, An Tường, Bình Thuận, Mỹ Lâm và Nông Tiến); đô thị Hà Giang tạm xác định là đô thị loại III theo thành phố Hà Giang cũ (bao gồm toàn bộ khu vực của 2 phường: Hà Giang 1, Hà Giang 2).
	2. Mục II. Quan điểm, mục tiêu phát triển Đối với mục “3. Tầm nhìn đến năm 2050”, đề nghị bổ sung nội dung sau: (1) Nghiên cứu việc quy hoạch xây dựng trung tâm hành chính - chính	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: bổ sung nội dung sau: (1) Nghiên cứu việc quy hoạch xây dựng trung tâm hành chính - chính

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trị của tỉnh tại địa điểm mới (khu vực dọc trục Quốc lộ 2 từ xã Hàm Yên đến xã Bắc Quang hiện nay) để khắc phục sự bất cập về giao thông từ trung tâm tỉnh lỵ đến các địa phương trong tỉnh; những khó khăn, thách thức về kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh đặt ra sau khi sắp xếp; đồng thời, đảm bảo hài hòa mối liên kết vùng giữa các đô thị Tuyên Quang - Phú Thọ - Yên Bái - Thái Nguyên sau sắp xếp (hiện nay đô thị Tuyên Quang và các đô thị liền kề trong vùng có khoảng cách nhỏ, hạn chế du địa phát triển trong tương lai). (2) Trên cơ sở chủ trương của Trung ương, đánh giá kết quả triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025, kết quả vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong giai đoạn 2025-2030, nghiên cứu quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2030-2040, tầm nhìn đến năm 2050 để mở rộng không gian quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đối với cấp xã, trọng tâm là các đơn vị có quy mô nhỏ về diện tích, dân số.	trị của tỉnh tại địa điểm mới (khu vực dọc trục Quốc lộ 2 từ xã Hàm Yên đến xã Bắc Quang hiện nay) để khắc phục sự bất cập về giao thông từ trung tâm tỉnh lỵ đến các địa phương trong tỉnh; những khó khăn, thách thức về kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh đặt ra sau khi sắp xếp; đồng thời, đảm bảo hài hòa mối liên kết vùng giữa các đô thị Tuyên Quang - Phú Thọ - Yên Bái - Thái Nguyên sau sắp xếp (hiện nay đô thị Tuyên Quang và các đô thị liền kề trong vùng có khoảng cách nhỏ, hạn chế du địa phát triển trong tương lai). Trên cơ sở chủ trương của Trung ương, đánh giá kết quả triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025, kết quả vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong giai đoạn 2025-2030, nghiên cứu quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2030-2040, tầm nhìn đến năm 2050 để mở rộng không gian quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đối với cấp xã, trọng tâm là các đơn vị có quy mô nhỏ về diện tích, dân số.
	(3) Mục XIV. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch (1) Về mục 2 “Giải pháp phát triển nguồn nhân lực”: Đề nghị bổ sung các giải pháp sau: - Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án phát triển, đào tạo, nguồn nhân lực; Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng và giáo dục nghề nghiệp; xây dựng Đề án việc làm trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. - Xây dựng cơ chế, chính sách chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia đầu ngành đối với những ngành, nghề tỉnh đang có nhu cầu thu hút nguồn nhân lực về công tác lâu dài tại tỉnh; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại những ngành trọng điểm của tỉnh. - Rà soát, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 5 năm (2026-2030; 2030-2035;...) và hằng để	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: bổ sung các giải pháp sau: - Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án phát triển, đào tạo, nguồn nhân lực; Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng và giáo dục nghề nghiệp; xây dựng Đề án việc làm trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. - Xây dựng cơ chế, chính sách chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia đầu ngành đối với những ngành, nghề tỉnh đang có nhu cầu thu hút nguồn nhân lực về công tác lâu dài tại tỉnh; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại những ngành trọng điểm của tỉnh. - Rà soát, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 5 năm (2026-2030; 2030-2035;...) và hằng để nâng cao

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ các kỹ năng cần thiết đảm bảo đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. - Huy động các nguồn lực, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia đầu ngành gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ	chuyên môn, nghiệp vụ các kỹ năng cần thiết đảm bảo đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. - Huy động các nguồn lực, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia đầu ngành gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ
	(2) Mục 4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển Đối với mục “4.2. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành” đề nghị điều chỉnh, bổ sung: - Hoàn thiện thể chế, kiện toàn tổ chức bộ máy và đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và nâng cao trách nhiệm giải trình; đổi mới quản lý tài chính công, nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số dựa trên nền tảng dữ liệu số, bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả điều hành, quản trị. - Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ: tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số; đẩy mạnh rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính; mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp, liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phấn đấu hằng năm duy trì chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công đạt từ 90% trở lên, xếp hạng trong nhóm 20/34 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	Ý kiến đã được tiếp thu và chỉnh sửa vào nội dung tương ứng của trong báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: bổ sung: - Hoàn thiện thể chế, kiện toàn tổ chức bộ máy và đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và nâng cao trách nhiệm giải trình; đổi mới quản lý tài chính công, nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số dựa trên nền tảng dữ liệu số, bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả điều hành, quản trị. - Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ: tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số; đẩy mạnh rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính; mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp, liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phấn đấu hằng năm duy trì chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công đạt từ 90% trở lên, xếp hạng trong nhóm 20/34 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. - Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, hiện đại: Rà soát, ban hành

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, hiện đại: Rà soát, ban hành và tổ chức thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cấp cơ sở; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu theo từng nhóm vị trí việc làm, gắn với yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và nhiệm vụ thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực. Hoàn thiện, ban hành và áp dụng bộ công cụ đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức định kỳ hằng năm trên cơ sở kết quả, sản phẩm đầu ra và hiệu quả công việc; lấy kết quả cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính làm một trong những tiêu chí trọng tâm để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng văn hóa công vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. - Phấn đấu đến năm 2030, công tác cải cách hành chính của tỉnh đạt được những kết quả rõ nét, thực chất và bền vững: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của tỉnh xếp hạng trong nhóm 15-20/34 tỉnh, thành phố; mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%; tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn đạt từ 95% trở lên. Duy trì 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tối thiểu 80% hồ sơ được xử lý trực tuyến; 100% thủ tục hành chính có nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến với tỷ lệ giao dịch đạt từ 80% trở lên; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh; cắt giảm tối thiểu 50% thời gian và 50% chi phí tuân thủ đối với các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bảo đảm 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử; từng bước hoàn thiện, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia; tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện trên môi trường số. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là ở	và tổ chức thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cấp cơ sở; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu theo từng nhóm vị trí việc làm, gắn với yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và nhiệm vụ thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực. Hoàn thiện, ban hành và áp dụng bộ công cụ đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức định kỳ hằng năm trên cơ sở kết quả, sản phẩm đầu ra và hiệu quả công việc; lấy kết quả cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính làm một trong những tiêu chí trọng tâm để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng văn hóa công vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. - Phấn đấu đến năm 2030, công tác cải cách hành chính của tỉnh đạt được những kết quả rõ nét, thực chất và bền vững: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của tỉnh xếp hạng trong nhóm 15-20/34 tỉnh, thành phố; mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%; tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn đạt từ 95% trở lên. Duy trì 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tối thiểu 80% hồ sơ được xử lý trực tuyến; 100% thủ tục hành chính có nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến với tỷ lệ giao dịch đạt từ 80% trở lên; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh; cắt giảm tối thiểu 50% thời gian và 50% chi phí tuân thủ đối với các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bảo đảm 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử; từng bước hoàn thiện, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia; tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện trên môi trường số. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là ở cấp cơ sở, được chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số trong tình hình mới.”

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	cấp cơ sở, được chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số trong tình hình mới.” - Lý do điều chỉnh, bổ sung: Việc bổ sung một số chỉ tiêu định lượng về cải cách hành chính trong nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thực hiện trên cơ sở cụ thể hóa một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030. Các chỉ tiêu được lựa chọn đều là chỉ tiêu đầu ra, có khả năng đo lường, phản ánh trực tiếp hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; Các chỉ tiêu được lựa chọn đều là chỉ tiêu mang tính định hướng dài hạn, phản ánh kết quả đầu ra của cải cách hành chính; không đưa các chỉ tiêu phục vụ điều hành công việc cụ thể theo từng năm, vốn cần được điều chỉnh linh hoạt trong các kế hoạch, chương trình công tác hằng năm, nhằm bảo đảm đúng vai trò, tính ổn định và tầm nhìn dài hạn của quy hoạch. Việc lồng ghép các chỉ tiêu cải cách hành chính trong quy hoạch nhằm xác định cải cách hành chính là động lực nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, đồng thời tạo cơ sở chính trị - pháp lý thống nhất để tổ chức triển khai đồng bộ các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính trong giai đoạn tới.	
IX	Sở Y tế (Văn bản số 305/SYT-KH ngày 19/01/2026)	
	1. Cơ bản nhất trí với các nội dung về lĩnh vực y tế đã được trình bày trong dự thảo quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; và tại Báo cáo số 489/SYT-BC ngày 17/12/2025 (có Báo cáo gửi kèm). - Giữ nguyên quy hoạch 02 Bệnh viện đa khoa tỉnh đạt 1000 giường bệnh (Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang đã được đầu tư giai đoạn 2021-2030; Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang tiếp tục đầu tư giai đoạn 2030-2035 định hướng đến 2050).	Tiếp thu ý kiến của Sở Y tế, nội dung về quy hoạch 02 bệnh viện đa khoa tỉnh đạt 1000 giường bệnh (Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang đã được đầu tư giai đoạn 2021-2030; Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang tiếp tục đầu tư giai đoạn 2030-2035 định hướng đến 2050) đã được tiếp thu tại nội dung về Phương án phát triển cơ sở hạ tầng y tế. - Đã bổ sung nội dung cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm. - Tiếp thu góp ý của Sở Y tế, đã bỏ chỉ tiêu giường bệnh của các Trung

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm đã được đầu tư xây mới giai đoạn 2021-2030 và đưa vào sử dụng tháng 4 năm 2025; đề nghị bổ sung cải tạo, sửa chữa và nâng cấp (xây thêm 01 khối nhà dịch vụ để triển khai mô hình Khám chữa bệnh kết hợp với nghỉ dưỡng để sử dụng hiệu quả nguồn khoáng nóng đạt chất lượng tốt nhất Việt Nam) - Bỏ quy mô giường bệnh tại các Trung tâm y tế do chỉ thực hiện chức năng dự phòng không điều trị và điều chỉnh quy mô giường bệnh của một số đơn vị cho phù hợp với thực tế tình hình phát triển của đơn vị đảm bảo nâng cao sức khỏe nhân dân cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng sống. Xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở y tế hiện đại, đồng bộ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và công tác dự phòng. <i>(Điều chỉnh phụ lục VIII tại dự thảo theo biểu tại phụ lục 1 gửi kèm)</i> 2. Về đề nghị của các UBND xã: Tiếp thu các ý kiến đề nghị và có giải trình chi tiết tại Phụ lục 2.	tâm y tế cho phù hợp với thực tế. - Đã điều chỉnh phụ lục về Cơ sở y tế tại Phụ lục của Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.
X	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn bản số 381/SNNMT-KH ngày 22/01/2026)	
1	Về lĩnh vực lâm nghiệp: - Tại mục 2.1.2. Thực trạng phát triển ngành lâm nghiệp (trang 54) Báo cáo tổng hợp: + “toàn tỉnh đã có 89.094,14 lượt ha rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững” đề nghị sửa thành “toàn tỉnh có 96.582 lượt ha rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững”; cấp mã số vùng trồng cho 5.227,76 ha rừng trồng của hộ gia đình, cá nhân và các Công ty lâm nghiệp thuộc tỉnh tương ứng với 4.712 mã số (chủ rừng là tổ chức 4.814.83 ha/4.347 mã; chủ rừng hộ gia đình 457,93 ha/365 mã).”	Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu ý kiến của Sở và sẽ chỉnh sửa vào báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.
	+ Đề nghị rà soát nội dung bị trùng lặp đánh giá trong Báo cáo tổng hợp: Tại Bảng 29: Điều chỉnh Quy hoạch Khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030 (trang 296-297); Bảng 37: Quy hoạch Khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030 (trang 375-	Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu ý kiến của Sở và sẽ chỉnh sửa vào báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	376), đề nghị rà soát, điều chỉnh diện tích các khu rừng đặc dụng để phù hợp với định hướng sử dụng đất tại mục 1.4 đất rừng đặc dụng (trang 461) “Đề xuất điều chỉnh diện tích đất rừng đặc dụng của tỉnh đến năm 2030 là 95,500 ha, giảm 4.686 ha so với hiện trạng năm 2024 và giảm 10.544 ha so với chỉ tiêu được duyệt”.	
	- Đề xuất bổ sung nội dung về Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: + Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ và nhân dân về tầm quan trọng của bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, không săn bắt, buôn bán, tiêu thụ các loài động, thực vật hoang dã, quý hiếm. Đồng thời nhân rộng các mô hình bảo vệ tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng nhằm phát huy vai trò của người dân sinh sống gần rừng vào công tác bảo vệ rừng. + Hệ động vật, thực vật rừng tại các khu bảo tồn thiên nhiên rất đa dạng, phong phú, có nhiều loài quý hiếm có giá trị cao về đa dạng sinh học và luôn biến động theo thời gian; để quản lý tốt, cần có các giải pháp quản lý phù hợp đạt hiệu quả cao cần xây dựng kế hoạch điều tra, nghiên cứu, khảo sát đánh giá lại hệ động, thực vật và đa dạng sinh học, đặc biệt là tại các khu rừng đặc dụng nơi lưu giữ nhiều nguồn gen quý, hiếm. + Huy động thêm các nguồn lực cho công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học như: Hỗ trợ nguồn vốn và kỹ thuật để thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học, tiếp tục triển khai các dự án để cải thiện sinh kế người dân sống trong rừng, liền rừng và gần rừng đặc dụng làm giảm thiểu tác động tiêu cực đến các khu bảo tồn thiên nhiên; nâng cao công tác quản lý của các khu bảo tồn thiên nhiên, nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương tại các khu bảo tồn thiên nhiên. + Trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hiện có 02 khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh đã được công nhận có thể đề xuất thành lập mới thành khu bảo vệ cảnh quan theo quy định tại Điều 6 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết	Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu ý kiến của Sở và sẽ chỉnh sửa vào báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, cụ thể: Khu Bảo vệ cảnh quan Cột cờ Lũng Cú, Khu Bảo vệ cảnh quan Thác Tiên - Đèo Gió.	
	- Tại mục 1 dự thảo Quyết định: Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (trang 25-26) đề nghị sửa tỷ lệ che phủ rừng là 62,2%. - Đề nghị xem xét bổ sung một số điểm, tuyến du lịch nghỉ dưỡng trong rừng phòng hộ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí rừng phòng hộ giai đoạn 2021-2030 như: Không gian Pác Chóm, Thác Khuổi Nhi, Thác Khuổi Súng, Hang Khuổi Pín, Thác Nậm Me, Hang Phia Vài, Động Song Long, các tuyến du lịch: Nà Lầu - Nà Phường - Khau Dao, Nà Ráo - Phủng, Lũng Nhò - Phủng - Lũng Chuột thuộc xã Thượng Lâm; Thác Phau Piềng, Thác Song Long, Thác Tát Chiên, Tát Nga - Nà Năm thuộc xã Lâm Bình; Nà Noong (Đảo con thỏ), Hang Nà Chao, Cạm Bể thuộc xã Nà Hang; Nậm Đường thuộc xã Côn Lôn.	Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu ý kiến của Sở và sẽ chỉnh sửa vào báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.
	- Đề nghị bỏ nội dung thành lập mới Khu Bảo tồn loài - sinh cảnh Vọc mũi hếch Cao Tả Tùng, do hiện nay không còn loài Vọc mũi hếch sinh sống tại khu vực trên. Các khu rừng đặc dụng còn lại đề nghị điều chỉnh phù hợp với diện tích đã được đo đạc và rà soát, đưa những diện tích bị chồng lấn, hiện người dân đang sử dụng, canh tác nông nghiệp đưa ra ngoài đất rừng đặc dụng (đưa sang đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và ngoài lâm nghiệp).	Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu ý kiến của Sở và sẽ chỉnh sửa vào báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.
2	Về lĩnh vực môi trường: Đối với nhóm chỉ tiêu về môi trường tại chỉ tiêu số 20 mục 2.2 (trang 4) dự thảo Quyết định, xác định mục tiêu đến năm 2030 “Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95,5%”, đề nghị xem xét điều chỉnh tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị thống nhất với mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 là 95%.	Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu ý kiến của Sở và sẽ chỉnh sửa vào báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.
3	Về lĩnh vực khoáng sản, vật liệu xây dựng: Đề nghị cơ quan chủ trì, đơn vị tư vấn lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh bổ sung danh mục các	Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu ý kiến của Sở và sẽ chỉnh sửa vào báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	mỏ khoáng sản, đề xuất bổ sung, chuyển tiếp sang thời kỳ quy hoạch 2021-2030 (Có các Phụ biểu số 01, số 02, số 03 kèm theo).	
4	Về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với đơn vị tư vấn lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất đối với các chương trình, dự án theo đề nghị của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường vào hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu ý kiến của Sở và sẽ chỉnh sửa vào báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

PHỤ LỤC IV
BIỂU TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN GÓP Ý CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Báo cáo số 77/BC-STC ngày 25/01/2026 của Sở Tài chính)
Số liệu tổng hợp đến ngày 25/01/2026

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	UBND xã Bạch Đích (Văn bản số 06/BC-UBND ngày 11/01/2026)	
	Nội dung đề xuất bổ sung: Bổ sung diện tích đất thuộc loại đất an ninh (CAN) để xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Bạch Đích. Địa chỉ vị trí đề xuất: Thôn Na Ca, xã Bạch Đích, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đề xuất: 5.787,6 m ² . Loại đất đang sử dụng theo hiện trạng: Đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng (Đất chuyên trồng lúa 4.000 m ² ; đất trồng cây hàng năm khác 1.787,6 m ²).	Tiếp thu, ghi nhận nhu cầu sử dụng đất an ninh của xã. Diện tích đất an ninh đến cấp xã sẽ được xác định trên cơ sở phối hợp, cân đối với phương án sử dụng đất an ninh toàn tỉnh do Công an tỉnh là cơ quan đầu mối.
2	UBND xã Lũng Phìn (Văn bản số 22/UBND-PKT ngày 10/01/2026)	
	Phụ lục I. DANH MỤC ĐIỂM DU LỊCH QUY HOẠCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030, Phần Điểm du lịch danh lam thắng cảnh; Đề nghị bổ sung Điểm du lịch ngắm cảnh của M xã Lũng Phìn <i>(Có tiềm năng đề nghị bổ sung)</i> . Phát triển khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng thôn Sùng Trái A, B, Há Chớ <i>(quy mô 30ha)</i>	Đã tiếp thu ý kiến của UBND xã. Điểm du lịch ngắm cảnh của M xã Lũng Phìn đã được bổ sung vào Danh mục quy hoạch điểm du lịch (tại Phụ lục của Báo cáo tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh)
3	UBND xã Khuôn Lùng (Văn bản số 23/CV-UBND ngày 12/01/2026)	
	Tại Bảng 30: Quy hoạch các bến xe chính, đề nghị điều chỉnh diện tích bến xe Nà Chì, xã Khuôn Lùng từ diện tích 500,0 m ² lên diện tích 9.000,0 m ² . Đề xuất bổ sung vào quy hoạch tỉnh đối 02 điểm quy hoạch, gồm: Mỏ cát, sỏi lòng sông Con, thôn Xuân Hòa với diện tích là 1,95ha và Điểm mỏ cát, sỏi lòng sông Con thôn Nà Cai với diện tích là 2,05ha.	Tiếp thu ý kiến của UBND xã. Nội dung Quy hoạch tỉnh đã điều chỉnh nội dung theo hướng diện tích các bến xe được ghi tại bảng Quy hoạch các bến xe chính chỉ là diện tích dự kiến, diện tích xây dựng thực tế của bến xe sẽ được xác định cụ thể trong quá trình đầu tư xây dựng bến xe.
4	UBND xã Niêm Sơn (Văn bản số 14/BC-UBND ngày 12/01/2026)	
	Đề nghị bổ sung 02 công trình, dự án vào quy hoạch tỉnh, gồm: (1) Nâng cấp, mở rộng và giải nhựa tuyến đường từ Niêm Sơn đi Ngọc Long; (2) Trung tâm hội nghị.	Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các tuyến đường tỉnh, đường kết nối liên tỉnh, đường vành đai đô thị trở lên trên cơ sở thống nhất của Sở Xây dựng. Các tuyến đường địa phương, đường liên xã nhưng không được xác định là đường tỉnh sẽ được xác định tại các quy hoạch chi tiết hơn ở địa phương.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
5	UBND xã Mèo Vạc (Văn bản số 56/UBND-KT ngày 12/01/2026)	
	Đối với Phụ lục VI - Phương hướng phát triển mạng lưới cấp nước tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, tại STT 30 - Nhà máy nước Pả Vi, hiện thể hiện: - Phạm vi cấp nước: Đô thị Pả Vi; - Công suất dự kiến đến năm 2030: 500 m³/ngày đêm. UBND xã Mèo Vạc đề nghị điều chỉnh, cập nhật nội dung trên cho phù hợp với tình hình tổ chức đơn vị hành chính và nhu cầu cấp nước thực tế sau sáp nhập, cụ thể: - Tên công trình: Nhà máy nước khu vực Pả Vi; - Phạm vi cấp nước: Khu vực Pả Vi, xã Mèo Vạc; - Công suất dự kiến đến năm 2030: 500 m³/ngày đêm (giữ nguyên).	Tiếp thu, đã sửa đổi tại mục tương ứng của báo cáo Quy hoạch tỉnh.
6	UBND xã Đường Hồng (Văn bản số 15/UBND-KT ngày 12/01/2026)	
	Bổ sung quy hoạch 01 vị trí để quy hoạch xây dựng lại trụ sở trung tâm hành chính UBND xã và khu dân cư, vị trí quy hoạch thuộc khu vực ngã 3 trục đường quốc lộ 280 xã Đường Âm đi xã Đường Hồng cũ (Theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2030 huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang cũ), vị trí quy hoạch thuộc khu vực đất rừng sản xuất của 2 thôn Nà Phiêng, Khuổi Hon, xã Đường Hồng, diện tích dự kiến quy hoạch khoảng 100ha.	Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và kế thừa công trình cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, các công trình cụ thể ở cấp xã sẽ được chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
	Đăng ký bổ sung quy hoạch mỏ khoáng sản (kim loại Vàng) tại địa bàn 03 thôn Bản Loòng, thôn Nà Nôm, thôn Nặm Án xã Đường Hồng	Các mỏ trên địa bàn sẽ được Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, quyết định đưa/không đưa vào Quy hoạch tỉnh.
	Đăng ký bổ sung quy hoạch cửa hàng bán lẻ xăng, dầu tại thôn Nà Phiêng xã Đường Hồng dự kiến khoảng từ Km16-Km17 thuộc QL 280; khu vực dự kiến quy hoạch trung tâm hành chính mới.	Đã bổ sung vào quy hoạch (tại Phụ lục về Hạ tầng thương mại, mục Cửa hàng xăng dầu).
	Bổ sung quy hoạch vùng trồng cây dược liệu (cây Hồi), Bổ sung quy hoạch vùng trồng cây dược liệu (cây gừng trâu ruột vàng, cây nghệ)	Đã tiếp thu, điều chỉnh tại mục về phương hướng phát triển nông nghiệp.
7	UBND xã Bình An (Báo cáo số 241/BC-UBND ngày 09/12/2025 và Văn bản số /UBND-KT ngày /01/2026)	
	Phụ lục số XXXI: Danh mục các công trình an ninh tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030:	Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và kế thừa công trình cấp quốc gia trên

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Trụ sở Công an xã Thổ Bình (cũ) và Trụ sở Công an xã Bình An (cũ): Điều chỉnh tăng tổng diện tích quy hoạch đã phê duyệt cho cả hai xã cũ trước sáp nhập từ 0,24 (ha) lên 1,0 (ha) Điều chỉnh, chuyển nguồn từ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng 08 trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang Ghi chú: Diện tích đã phê duyệt không đủ điều kiện theo Hướng dẫn số 35/HD-BCA-HD02 ngày 30/7/2025 của Bộ Công an về quy mô thiết kế xây dựng Trụ sở Công an cấp xã trực thuộc tỉnh thành phố.	địa bàn tỉnh. Vì vậy, các công trình cụ thể ở cấp xã sẽ được chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
	Phụ lục XXVII: Phân vùng rủi ro thiên tai Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030 Phân vùng trượt lở đất đá xã Bình An: Điều chỉnh quy mô thành Toàn xã Bình An	Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh ghi nhận, tiếp thu.
	Phụ lục số XXIX: Danh mục các công trình quân sự tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030: Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã, diện tích 0,3ha, Giai đoạn 2026-2030	Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và kế thừa công trình cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh. Công trình quốc phòng cấp xã sẽ được chuyển Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
	Phụ lục XXVIII: Danh mục công trình ưu tiên đầu tư tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050: Trụ sở làm việc Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, 1,5ha, Giai đoạn 2026-2030 Trụ sở làm việc của tổ kiểm lâm địa bàn xã: 0,1ha Giai đoạn 2026-2030 Sân vận động xã, 1ha Giai đoạn 2026-2030	Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và kế thừa công trình cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, các công trình cụ thể ở cấp xã sẽ được chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
	Phụ lục VIII: Danh mục công trình đường bộ ưu tiên đầu tư tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030: Nâng cấp trục đường xã (đoạn tuyến đường ĐT.188 đến thôn Nà My): 0,9ha Nâng cấp tuyến đường giao thông ĐT. 188 đoạn đi qua xã Bình An (giai đoạn 2): 20ha Nâng cấp trục đường xã (đoạn tuyến đường ĐT.188 sang khu dân cư Nà Phéc, thôn Nà Cọn): 1,1ha Nâng cấp trục đường xã (đoạn tuyến đường ĐT.188 đến thôn Lũng Piát): 1,2ha	Nội dung về tiêu chuẩn xây dựng đối với đường tỉnh đã được xác định trong nội dung về Phương án phát triển hạ tầng giao thông, bao gồm các đoạn tuyến như văn bản góp ý của Quý UBND xã. Các tuyến đường xã không thuộc phạm vi quy hoạch tỉnh sẽ được chuyển cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
	Phụ lục XIV: Danh mục dự án, công trình giáo dục, đào tạo tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030: Trường mầm non thôn Tống Pu: 0,73ha	Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và kế thừa công trình cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, các công trình cụ thể ở cấp xã sẽ

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Phụ lục XII: Danh mục dự án, công trình mạng lưới cấp nước tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030: Trạm xử lý và cấp nước xã: 0,5ha Phụ lục XIII: Danh mục dự án nghĩa trang, khu xử lý chất thải ưu tiên đầu tư tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030: Khu xử lý chất thải xã: 1ha Trạm xử lý nước thải xã: 1.440 m3/ngày/ đêm Nghĩa trang xã: 10ha	được chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
	Phụ lục số XXX: Danh mục các khu vực ưu tiên cho nhiệm vụ Quốc phòng: Quy hoạch Khu vực ưu tiên cho Quốc phòng (thôn Tân Hoa, xã Bình An): 2ha Phụ lục XXII: Khu vực khoáng sản phân tán nhỏ lẻ Khu vực tiếp tục đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định, công bố: Quặng Antimon: 20ha (Thôn Tân Lập, Nà Cạn, Tổng Pu) Phụ lục X: Danh mục công trình mạng lưới cấp điện tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050: 21,17 CQT, giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất và cải thiện chất lượng điện hạ áp khu vực thị trấn Lãng Can, các xã Hồng Quang, Bình An, Xuân Lập, huyện Lâm Bình và xã Hồng Thái, TT Na Hang, huyện Na Hang năm 2027: 0,08 Xây dựng các xuất tuyến 35 kV TBA 110kV Lâm Bình: 2,17 Đường dây và trạm biến áp cấp điện cho thôn Bản Phước: 0,6 Đường dây và trạm biến áp cấp điện cho thôn Bản Pi át: 0,41 Đường dây và trạm biến áp cấp điện cho thôn Phiêng Luông, Tổng Pu: 0,45 Đường dây trung thế và TBA Xã Bình An (cũ): 8,98 Đường dây trung thế và TBA Xã Thổ Bình (cũ): 8,48 Phụ lục IV: Danh mục dự án, khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử- Văn hóa, danh lam thắng cảnh tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030. Khôi phục, tôn tạo di tích Xeng Đồng tại Lũng Muông: 0,5	Các mỏ trên địa bàn sẽ được Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, quyết định đưa/không đưa vào Quy hoạch tỉnh. Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các công trình điện thuộc cấp tỉnh quản lý và kế thừa công trình điện cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, các công trình có cấp điện áp dưới 110kV cụ thể ở cấp xã sẽ được chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
8	UBND xã Sơn Thủy (Văn bản số 34/UBND-KT ngày 10/01/2026)	
	Đề nghị cập nhật, tổng hợp các nội dung mà Ủy ban nhân dân xã đã đề xuất (tại Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 09/01/2026) vào Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<i>Tại mục IV “Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng”, Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:</i>	
	Đối với nội dung “Điều chỉnh phương án phát triển KCN tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn 2025-2030 tuân thủ quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế”: Tại mục II “KCN đưa vào thực hiện trong giai đoạn 2026- 2030” - Phụ lục II “Danh mục khu công nghiệp tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” Kèm theo Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đề nghị điều chỉnh tên “KCN Nam Sơn Dương” thành “KCN Sơn Thủy”.	Tiếp thu, đã thống nhất với Ban QL KKT đổi tên KCN Sơn Nam thành KCN Sơn Thủy
	Đối với nội dung “Phát triển cụm công nghiệp”: Tại mục III “CCN chưa có trong Quy hoạch tỉnh năm 2023, bổ sung mới vào quy hoạch trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch này” - Phụ lục III Kèm theo Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đề nghị đưa “CCN Ninh Lai - Thiện Kế 2” ra khỏi CCN chưa có trong Quy hoạch tỉnh năm 2023, bổ sung mới vào Quy hoạch trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch này	Danh sách các CCN được xác định trong Quy hoạch tỉnh đã được thống nhất với Sở Công thương. Nội dung kiến nghị sẽ được chuyển Sở Công thương xem xét, quyết định.
9	UBND xã Việt Lâm (Văn bản số 49/UBND-KT ngày 12/01/2026)	
	UBND xã Việt Lâm đề xuất điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất và danh mục các công trình dự án trọng điểm do xã xác định để triển khai thực hiện trên địa bàn (có các phụ lục kèm theo). Đề xuất bổ sung 02 điểm du lịch làng văn hóa du lịch cộng đồng người Tày và làng văn hóa du lịch cộng đồng người Dao trên địa bàn xã Việt Lâm	Hệ thống điểm du lịch làng văn hoá du lịch cộng đồng người Tày, làng văn hoá du lịch cộng đồng người Dao sẽ được chuyển Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xem xét trước khi quyết định đưa vào Quy hoạch tỉnh.
	Đề nghị đơn vị tư vấn tiếp tục rà soát các nội dung đã được phê duyệt tại Quy hoạch tỉnh Hà Giang (cũ) trên địa bàn xã Việt Lâm chuyển tiếp, cập nhật vào Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đặc biệt các nội dung về tài nguyên khoáng sản, đất đai, năng lượng, thương mại dịch vụ, du lịch	Tiếp thu ý kiến của UBND xã. BCTH Quy hoạch tỉnh đang tiếp tục được rà soát trên cơ sở thống nhất với Sở quản lý chuyên ngành.
10	UBND xã Đồng Văn (Văn bản số 36 /UBND-KT ngày 12/01/2026)	
	<i>Về phương án phát triển hạ tầng giao thông và dịch vụ</i>	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Về giao thông: Đề nghị ưu tiên triển khai tuyến Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (CT.15) và nâng cấp các tuyến đường tỉnh kết nối như ĐT.182B để tăng cường khả năng tiếp cận vùng di sản.	BCTH Quy hoạch tỉnh đã tiếp thu ý kiến của UBND xã và chỉnh sửa, hoàn thiện thêm nội dung quy hoạch.
	Về hạ tầng dịch vụ: Đề xuất điều chỉnh lại quy mô quy hoạch bến xe Đồng Văn lên 30.000 m ² theo quy mô của Đồ án Quy hoạch chung đô thị Đồng Văn đến năm 2035, định hướng đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 961/QĐ-UBND, ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh Hà Giang	Tiếp thu ý kiến của UBND xã. Quy hoạch tỉnh đã điều chỉnh nội dung theo hướng diện tích các bến xe được ghi tại bảng Quy hoạch các bến xe chính chỉ là diện tích dự kiến, diện tích xây dựng thực tế của bến xe sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập dự án, đầu tư xây dựng bến xe.
	<i>Về phát triển nông nghiệp và dược liệu: Đề nghị xác định xã Đồng Văn là một trong những địa bàn trọng yếu phát triển cây ăn quả ôn đới (hồng, lê, mận, đào) và vùng trồng dược liệu tập trung đạt tiêu chuẩn GACP-WHO</i>	BCTH Quy hoạch tỉnh đã tiếp thu ý kiến của UBND xã và chỉnh sửa, bổ sung vào nội dung phương hướng phát triển vùng trồng cây dược liệu.
	Về hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường: - Y tế: Đề nghị sớm nâng cấp Trung tâm Y tế khu vực Đồng Văn và Bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Văn lên quy mô 200 giường bệnh để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân và du khách. - Môi trường: Đề nghị đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tại thôn Chính Chứa Lũng, xã Đồng Văn (diện tích khoảng 1,1ha) để đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị bền vững.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung cụ thể sẽ được thống nhất với Sở Y tế trước khi đưa vào quy hoạch trên cơ sở cân đối nguồn lực đầu tư.
	Đề xuất nội dung bổ sung quy hoạch đến năm 2030: - Quy hoạch trung tâm hành chính xã Đồng Văn, tổng diện tích 20,0 ha. - Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai thôn Thiên Hương, tổng diện tích: 2,2 ha. - Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai thôn Tà Làng, tổng diện tích: 1,2 ha. - Quy hoạch khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp thôn Há Đề, xã Đồng Văn tổng diện tích là 18,9 ha. - Quy hoạch Khu du lịch đèo, khu dân cư Mã Pì Lèng 6,0 ha. - Quy hoạch cụm tượng đài Thanh niên xung phong diện tích 2,0 ha. - Quy hoạch Khu du lịch bến thuyền Tà Làng diện tích 2,0 ha	Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và kế thừa công trình cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, các công trình cụ thể ở cấp xã sẽ được chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thể hiện trong Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
11	UBND xã Xín Mần (Báo cáo số 247/BC-UBND ngày 10/12/2025 và Văn bản số 52/UBND-KT ngày 13/01/2026)	
	- Bổ sung chi tiết về phạm vi áp dụng đối với các xã miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. - Bổ sung cơ chế ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các xã biên giới, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao nhằm đảm bảo tính khả thi của Quy hoạch. - Quy mô - phạm vi điều chỉnh: Toàn bộ địa bàn xã Xín Mần, bao gồm 43 thôn, đặc biệt là các thôn có địa hình chia cắt hoặc tiềm năng phát triển du lịch.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung cụ thể sẽ được thống nhất với Sở quản lý chuyên ngành trước khi đưa vào quy hoạch trên cơ sở cân đối nguồn lực đầu tư.
	Bổ sung quy hoạch tuyến đường giao thông trọng điểm kết nối từ đường ĐT.177 đi cửa khẩu Xín Mần – Đô Long theo tiêu chuẩn đường cấp 4, nhằm giảm tải giao thông tuyến đường trục chính đi trung tâm xã và đảm bảo các xe vận tải lớn, container...có thể di chuyển thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế biên mậu cửa khẩu (hiện nay tuyến đường Km90 ĐT.177 đi cửa khẩu Xín Mần – Đô Long có lý trình quanh co, độ dốc và độ cua lớn, các phương tiện vận tải lớn như container không thể di chuyển đến cửa khẩu).	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung cụ thể sẽ được thống nhất với Sở Xây dựng quản lý chuyên ngành trước khi đưa vào quy hoạch trên cơ sở cân đối nguồn lực đầu tư.
	Quy hoạch khu xử lý rác hiện đại, xa khu dân cư, đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, làm cơ sở cho thu gom, vận chuyển rác của cả trung tâm xã và các thôn.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung cụ thể sẽ được thống nhất với Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý chuyên ngành trước khi đưa vào quy hoạch trên cơ sở cân đối nguồn lực đầu tư.
	Điều chỉnh, bổ sung mở rộng quy hoạch các điểm mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã có như: Mỏ đá vôi thôn xóm mới (8,9ha), mỏ cát sỏi thôn Dúi Hạ (10ha), mỏ cát sỏi thôn Cốc Soọc (4ha).	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung cụ thể sẽ được thống nhất với Sở Xây dựng quản lý chuyên ngành trước khi đưa vào quy hoạch trên cơ sở cân đối nguồn lực đầu tư.
	Tại Phần I, Mục I, Điểm 2.4.2 – Khoáng sản nhóm II (Mica), dự thảo nêu: “Phát hiện được 6 điểm mica ở xã Xín Mần, phân bố trong các đai, mạch pegmatic xuyên cắt trong đá granit phức hệ Sông Chảy; các khoáng vật mica có dạng tấm, màu trắng, trong suốt, kích thước vảy 1÷15 cm; đã cấp phép khai thác 3 điểm mỏ, hiện còn mỏ Mica Khâu Lầu, xã Khuôn Lùng, Xín Mần còn hoạt động.” Qua kiểm tra, rà soát và đối chiếu hồ sơ khoáng sản trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã Xín Mần xác định không có điểm mỏ Mica nào nằm trên địa bàn xã Xín Mần. Các điểm mỏ Mica được phát hiện và quy hoạch đều nằm trên địa bàn xã Khuôn Lùng, không thuộc phạm vi quản lý hành chính của xã Xín Mần. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã Xín Mần đề nghị điều chỉnh nội dung Quy hoạch, không đưa các điểm mỏ Mica vào Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung sẽ được thống nhất với Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý chuyên ngành

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với địa bàn xã Xín Mần, nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất giữa quy hoạch và thực tế quản lý địa bàn.	
12	UBND phường Bình Thuận (Văn bản số 30/UBND-KTHT&ĐT ngày 13/01/2026)	
	Đề nghị xem xét, cập nhật lại vị trí Khu công nghiệp Tân Long sang phía bên phải trục đường quy hoạch QL.2D (đường ĐT186 cũ), điểm đầu từ QL.2 đi cầu An Hoà theo sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo diện tích 200 ha theo quy hoạch (<i>vị trí Khu công nghiệp Tân Long trên sơ đồ phương hướng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp nằm bên trái trục đường quy hoạch QL.2D (đường ĐT186 cũ), điểm đầu từ QL.2 đi cầu An Hoà</i>).	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở Xây dựng và Ban Quản lý KCN và KKT để điều chỉnh cho phù hợp.
13	UBND xã Minh Ngọc (Văn bản số 30/UBND-KT ngày 13/01/2026)	
	Qua rà soát hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh nêu trên và đối chiếu với Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, UBND xã Minh Ngọc nhận thấy hồ sơ chưa cập nhật đầy đủ các nội dung liên quan trên địa bàn xã, cụ thể: (1) Chưa cập nhật một số dự án đã có trong điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Mê (VD: Dự án Thủy điện Suối Vây đã được phê duyệt tại Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, được điều chỉnh tại Quyết định số 349/QĐ-UBND, ngày 13/03/2025 của UBND tỉnh).	Thủy điện Suối Vây đã được xác định tại Phụ lục QUY HOẠCH NGUỒN ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG ĐẾN NĂM 2030 VÀ SAU NĂM 2030 kèm theo BCTH Quy hoạch tỉnh.
	(2) Chưa thể hiện một số điểm, khu vực du lịch có tiềm năng mà xã đã đề xuất tại Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 30/12/2025 như: Du lịch trải nghiệm thác nước Tả Luồng, khu du lịch hang Nà Lầu, điểm dừng nghỉ Khâu Lừa, điểm dừng chân ngã ba Quốc lộ 34 - 176b xã Minh Ngọc, Hang Khuổi Nắng,...	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cân nhắc, quyết định.
	Để đảm bảo chất lượng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND xã Minh Ngọc đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch phối hợp với Ủy ban nhân dân xã rà soát, bổ sung các công trình, dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 349/QĐ-UBND, ngày 13/03/2025 của UBND tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập) về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bắc Mê. Đồng thời đề nghị bổ sung thêm 0,17 ha Quy hoạch đất an ninh và bổ sung mới 19 vị trí với tổng diện tích 18,42 ha cụ thể như sau: (Có Văn bản số 30/UBND-KT ngày 13/01/2026 kèm theo)	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để cân nhắc, quyết định.
14	UBND xã Đông Thọ (Văn bản số 20/UBND-KT ngày 12/01/2026)	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Quy hoạch cụm công nghiệp Đông Thọ (tại thôn Sài Lĩnh, xã Đông Thọ) với quy mô diện tích khoảng 75 ha vào phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030;	
	- Quy hoạch xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã diện tích 1,0 ha.	Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và kế thừa công trình cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, các công trình cụ thể ở cấp xã sẽ được chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thể hiện trong Quy hoạch tỉnh.
	- Bổ sung diện tích xây dựng Trụ sở Công an xã trên cơ sở toàn bộ diện tích theo quy hoạch là hiện trạng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đồng Quý cũ diện tích 2,0 ha.	
	- Điều chỉnh quy hoạch Trung tâm hành chính mới của xã: 1,5 ha.	
	- Bổ sung quy hoạch mới chợ Tân An, xã Đông Thọ diện tích 1,0 ha, do vị trí chợ cũ hẹp, không thể mở rộng.	
	- Bổ sung quy hoạch mỏ đá diện tích 2,0 ha, địa điểm tại thôn Làng Hào, xã Đông Thọ.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để cân nhắc, quyết định.
	- Bổ sung quy hoạch khu du lịch sinh thái, kết hợp nuôi cá chất lượng cao diện tích 90,0 ha tại thôn Như Xuyên, thôn Cây Táo, xã Đông Thọ.	Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và kế thừa công trình cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, các công trình cụ thể ở cấp xã sẽ được chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thể hiện trong Quy hoạch tỉnh.
	- Bổ sung quy hoạch khu dân cư hai bên đường ĐT 187, diện tích 9,0 ha.	
	- Xây dựng bến thủy nội địa xã Đông Thọ.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở Xây dựng để cân nhắc, quyết định.
15	UBND xã Pờ Ly Ngài CV Số 21/UBND-KT ngày 13/01/2026	
	Đề xuất bổ sung vào QHT:	
	(1) Dự án Điện mặt trời Hồ thủy điện Sông Chảy 3: Đề xuất nhu cầu sử dụng đất là: 31 ha, trong đó: đất long hồ là 30 ha; đất bên lề lòng hồ (các mố néo, đường thi công, vận hành) là 1,0 ha.	Đã có định hướng về điện mặt trời mặt nước trong Quy hoạch tỉnh. Chi tiết dự án do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
	(2) Dự án Nạo vét, thu hồi khoáng sản lòng hồ thủy điện Sông Chảy 3: Đề xuất nhu cầu sử dụng đất là: 6 ha, trong đó: đất lòng hồ là 4 ha; đất phục vụ bãi khai thác và tập kết vật liệu là 02 ha	Dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
16	UBND phường Mỹ Lâm (Văn bản số 31/UBND-KTHT&ĐT ngày 13/01/2026)	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.1. Về Phương án phát triển hệ thống đô thị và tổ chức không gian (Bản đồ TQ_15, TQ_16):	
	a) Đề nghị xác lập vị thế “Đô thị du lịch - dịch vụ cấp Tỉnh” trong cấu trúc không gian chung: Trên bản đồ TQ_15, phường Mỹ Lâm hiện mới chỉ được thể hiện như một phân khu đô thị vệ tinh thông thường, đề nghị bổ sung vào Thuyết minh Quy hoạch tỉnh mục định hướng phường Mỹ Lâm với vai trò là “Cực tăng trưởng phía Tây Nam” của tỉnh. Lý do: Trong bối cảnh mô hình chính quyền 02 cấp, Mỹ Lâm cần được quy hoạch là một không gian đô thị mở, kết nối trực tiếp với các trục giao thông đối ngoại (Cao tốc, QL37) chứ không chỉ phụ thuộc vào không gian đô thị cũ. Việc xác định rõ vị thế này là cơ sở 2 pháp lý quan trọng để phường thu hút các dự án hạ tầng xã hội cấp vùng (Bệnh viện nghỉ dưỡng, Trường quốc tế...) mà hiện tại trong bản đồ TQ_18, TQ_19 chưa thể hiện rõ.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
	b) Đề nghị bổ sung cấu trúc không gian “Một Trục - Hai Cánh” vào Thuyết minh quy hoạch: Tại Văn bản số 829/UBND-KTHT&ĐT ngày 26/12/2025, Ủy ban nhân dân phường đã đề xuất mô hình phát triển tích hợp không gian của 03 đơn vị hành chính cũ. Tuy nhiên, trên bản đồ TQ_16, không gian phát triển mới chỉ tập trung quanh lõi suối khoáng, vì vậy đề nghị bổ sung định hướng: (1) Trục lõi, là trục Quốc lộ 37 và trục không gian cảnh quan suối khoáng Mỹ Lâm (trung tâm nghỉ dưỡng, chữa bệnh); (2) Cánh Tây (Khu vực xã Mỹ Bằng cũ), cần được quy hoạch là “Vành đai nông nghiệp sinh thái cao cấp gắn với du lịch trải nghiệm” (Farmstay, Glamping), hiện tại bản đồ đang tô màu đất lâm nghiệp đơn thuần, cần bổ sung ký hiệu đất dự trữ phát triển hoặc đất hỗn hợp sinh thái để thu hút nhà đầu tư chiến lược, tránh lãng phí tài nguyên đất đồi chè và cảnh quan núi; (3) Cánh Tây Nam (Khu vực xã Mỹ Bằng cũ), định hướng quy hoạch là “Đô thị thương mại ven sông Chảy”, đề nghị điều chỉnh màu sắc quy hoạch sử dụng đất tại khu vực ven sông từ đất nông nghiệp sang đất ở mật độ thấp kết hợp thương mại dịch vụ, tận dụng lợi thế mặt nước để phát triển kinh tế đêm và du lịch đường thủy.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
	c) Đề nghị điều chỉnh ranh giới phát triển đô thị: Trên bản đồ TQ_15, ranh giới đất xây dựng đô thị tại phường Mỹ Lâm còn bó hẹp, đề nghị mở rộng ranh giới quy hoạch đất đô thị (ODT) lan tỏa sang hai bên tuyến đường kết nối mới (nối từ QL37 đi Mỹ Bằng) và khu vực tiếp giáp sân Golf. Việc này nhằm đảm bảo quỹ đất đối ứng cho các dự án BT (nếu có) và tạo nguồn thu ngân sách bền vững từ đầu giá quyền sử dụng đất, phù hợp với kiến nghị về cơ chế tài chính mà phường đã đề xuất.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.2. Về Phương án quy hoạch sử dụng đất (Bản đồ TQ_25)	
	a) Đề nghị cập nhật chỉ tiêu đất Thương mại - Dịch vụ (TMD) dọc các trục động lực mới: Hiện tại, trên Bản đồ TQ_20 (Giao thông) đã thể hiện các tuyến đường kết nối mới (tuyến từ QL37 đi qua sân Golf sang khu vực Mỹ Bằng; tuyến đường ven sông Chảy khu vực Mỹ Bằng). Tuy nhiên, trên bản đồ sử dụng đất TQ_25, phần lớn diện tích bám dọc hai bên các tuyến đường này vẫn đang được tô màu đất nông nghiệp (LUA, CLN) hoặc đất rừng sản xuất (RSX). Đề nghị điều chỉnh quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất dọc hai bên các trục đường này (chiều sâu tính từ chỉ giới đường đỏ khoảng 50m - 100m) sang Đất ở đô thị (ODT) kết hợp Đất thương mại dịch vụ (TMD). Lý do: Việc này nhằm tạo ra quỹ đất sạch có giá trị thương mại cao để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu ngân sách lớn cho tỉnh và tạo nguồn vốn đối ứng tái đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật cho phường theo cơ chế “lấy đường nuôi đường”, tránh tình trạng đầu tư đường lớn nhưng hai bên vẫn là đất lúa giá trị thấp	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
	b) Đề nghị bổ sung quỹ đất phát triển “Du lịch nông nghiệp” tại phân khu phía Tây (Mỹ Bằng): Tại Văn bản số 829/UBND-KTHT&ĐT ngày 26/12/2025, phường Mỹ Lâm định hướng phát triển khu vực đồi chè Mỹ Bằng thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch trải nghiệm (Farmstay). Tuy nhiên, bản đồ TQ_25 hiện đang khoanh vùng là đất nông nghiệp thuần túy, đề nghị trong Thuyết minh Quy hoạch tỉnh cần có cơ chế “mở”, cho phép chuyển đổi linh hoạt một phần diện tích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đất dịch vụ du lịch) với tỷ lệ phù hợp (khoảng 5-10%) tại các khu vực canh tác đặc thù để phục vụ xây dựng các công trình phụ trợ du lịch (nhà điều hành, khu trung bày, lưu trú homestay...)	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
	c) Rà soát loại bỏ đất Rừng phòng hộ (RPH) tại các vị trí dự kiến phát triển dự án: Đề nghị Sở Tài chính và đơn vị tư vấn rà soát kỹ ranh giới 3 loại rừng trên bản đồ TQ_25 so với thực tế hiện trạng tại các khu vực đồi núi tiếp giáp khu du lịch suối khoáng và khu vực dự kiến mở rộng sân golf. Đối với các diện tích rừng nghèo kiệt hoặc không còn chức năng phòng hộ xung yếu, đề nghị mạnh dạn quy hoạch chuyển đổi sang Đất rừng sản xuất hoặc Đất thương mại dịch vụ để mở rộng không gian phát triển cho các dự án nghỉ dưỡng quy mô lớn, tránh vướng mắc pháp lý về Luật Lâm nghiệp khi triển khai dự án sau này.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung về sơ đồ, bản đồ sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
	1.3. Về Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật (Bản đồ TQ_20, TQ_22)	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	a) Về Giao thông (Bản đồ TQ_20) - Ưu tiên “Kết nối ngang” để liên kết vùng: Trên bản đồ TQ_20, hệ thống giao thông hiện tại chủ yếu tập trung vào các trục dọc (hướng tâm) kết nối về trung tâm thành phố cũ. Các trục kết nối ngang (liên kết nội bộ giữa các phân khu chức năng của phường Mỹ Lâm mở rộng) còn mờ nhạt. Do vậy, đề nghị bổ sung quy hoạch và phân kỳ đầu tư tuyến “Trục ngang chiến lược” nối từ Quốc lộ 37 (khu vực Sân Golf) đi sang phía Tây (khu vực Mỹ Bằng) và kết nối xuống phía Đông Nam (khu vực Kim Phú - ven sông Chảy). Lý do: Tuyến đường này đóng vai trò “xương sống” liên kết 3 không gian: Nghi dưỡng (Suối khoáng) - Trải nghiệm (Mỹ Bằng) - Thương mại (Kim Phú). Đồng thời, đây là tiền đề để mở rộng không gian đô thị, khai thác quỹ đất hai bên đường, tạo nguồn thu ngân sách tỉnh. Đề nghị cập nhật nâng cấp các tuyến đường huyện (ĐH), đường liên xã hiện hữu tại khu vực sáp nhập lên chuẩn Đường đô thị (có vỉa hè, chiếu sáng, thoát nước) ngay trong giai đoạn 2026 - 2030 để xứng tầm với vị thế phường trực thuộc tỉnh.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung về sơ đồ, bản đồ sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
	b) Về Xử lý nước thải và Vệ sinh môi trường (Bản đồ TQ_22) - Bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng nóng: Bản đồ TQ_22 hiện mới chỉ thể hiện trạm xử lý nước thải tại các khu đô thị trung tâm, khu vực dân cư và du lịch mới tại Mỹ 4 Bằng và Kim Phú, chưa bố trí hệ thống thu gom, xử lý tập trung. Đề nghị bổ sung quy hoạch 02 Trạm xử lý nước thải phân tán (công suất dự kiến 2.000 - 5.000 m³ /ngày đêm) đặt tại hạ lưu suối khu vực Mỹ Bằng và Kim Phú. Lý do: Việc phát triển du lịch sinh thái và sân golf sẽ gia tăng áp lực xả thải rất lớn, nếu không quy hoạch trạm xử lý ngay từ đầu, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm (ảnh hưởng trực tiếp đến trữ lượng và chất lượng mỏ nước khoáng Mỹ Lâm) và ô nhiễm sông Chảy là hiện hữu, đây là vấn đề sống còn đối với một đô thị lấy du lịch nghỉ dưỡng làm mũi nhọn	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở Xây dựng để cân nhắc, quyết định.
	c) Về Cấp nước sạch (Bản đồ TQ_22): Đề nghị mở rộng mạng lưới cấp nước sạch từ nhà máy nước thành phố Tuyên Quang cũ vươn tới khu vực Mỹ Bằng (nơi hiện nay người dân vẫn chủ yếu dùng nước giếng khoan). Lý do: Đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cuộc sống đô thị loại IV (tiến tới đô thị loại II) cho toàn bộ cư dân phường Mỹ Lâm sau sáp nhập, đặc biệt là phục vụ nhu cầu lớn của các dự án du lịch Farmstay theo định hướng phát triển về sau	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở Xây dựng để cân nhắc, quyết định.
17	UBND xã Nậm Dịch (Văn bản số 24/UBND-KT ngày 13/01/2026)	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1. Xã Nậm Dịch đề xuất bổ sung quy hoạch khu trung tâm hành chính xã tại thôn Tấn Xà Phìn diện tích 50 ha gồm: Trụ sở đơn vị hành chính, sự nghiệp, công an xã, Ban chỉ huy Quân sự xã	Dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	2. UBND xã Nậm Dịch xin góp ý ở mục 3.4. Phương hướng phát triển nông nghiệp, 3.4.1. Phương hướng phát triển trồng trọt; 3.4.2. Phương hướng phát triển chăn nuôi, từ trang 205 đến trang 208 như sau:	
	- Theo dự thảo: “Vùng chè: Duy trì ổn định diện tích trồng chè (khoảng 28.500 ha) tại các xã Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Na Hang, Lâm Bình, Hàm Yên, Sơn Dương. Mở rộng diện tích sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt; phấn đấu tỷ lệ diện tích chè chất lượng cao đạt trên 90%”; UBND xã đề xuất vùng chè Shan tuyết tập trung tại các xã: Thông Nguyên, Nậm Dịch, Hồ Thầu, Tân Tiến thay cho xã Hoàng Su Phì, lý do: diện tích vùng chè Shan tuyết tập trung chủ yếu tại 04 xã, diện tích trên 3.500 ha.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung về nông nghiệp trong quy hoạch tỉnh.
	- Theo dự thảo: “Phát triển vùng trồng dược liệu dưới tán rừng (Sâm, Hà thủ ô đỏ, Sa nhân, Thảo quả, Khôi nhung, Ba kích tím, Cát sâm, Nghệ đen, Chè hoa đỏ, Cà gai leo, Xạ đen, Hoàn ngọc, Hương nhu, Bạc hà, ...) được tập trung trồng ở các xã Hoàng Su Phì, Xín Mần, Quản Bạ, Vị Xuyên, Quang Bình, Na Hang, Lâm Bình, Sơn Dương, Hàm Yên”. UBND xã đề xuất vùng trồng dược liệu dưới tán rừng tại các xã: Nậm Dịch, Hồ Thầu, Thông Nguyên, Tân Tiến thay cho xã Hoàng Su Phì, lý do: đây là những xã thuộc huyện Hoàng Su Phì cũ có diện tích rừng phòng tự nhiên lớn, với đa dạng phong phú các loài cây dược liệu dưới tán rừng như: Thảo quả, sa nhân, sâm ta...	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung về nông nghiệp trong quy hoạch tỉnh.
	- Đối với phát triển chăn nuôi, đề xuất đưa chăn nuôi trâu vào định hướng phát triển trên địa bàn toàn tỉnh, lý do: tổng đàn trâu hiện nay chiếm tỷ trọng ngành chăn nuôi, phù hợp với nhu cầu chăn nuôi, lấy thịt của người dân vùng miền núi, vùng cao.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, đã bổ sung nội dung về chăn nuôi trâu vào định hướng nông nghiệp.
	3. Tại số thứ tự 26 (phụ lục 1) kèm theo hồ sơ quy hoạch tỉnh “Làng VHDL dân tộc Mông thôn Hóa Chéo, địa điểm xã Tân Tiến” đề nghị đổi thành “Làng VHDL dân tộc Mông thôn Hóa Chéo, địa điểm xã Nậm Dịch”.	Tiếp thu, đã sửa đổi.
	4. Phụ lục 1, tại mục “Tổ hợp du lịch mạo hiểm trên không Bảo Yến địa điểm xã Nậm Ty, xã Thông Nguyên” đề nghị chuyển xã Nậm Ty thành xã Nậm Dịch theo địa giới hành chính mới.	Tiếp thu, đã sửa đổi.
18	UBND xã Thông Nguyên (Văn bản số 14/UBND-KT ngày 13/01/2026)	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1. Đề xuất bổ sung một số nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 1339/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy hoạch đô thị trung tâm xã Thông Nguyên là đô thị loại V.	Hiện nay theo Nghị quyết 111 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn phân loại đô thị, đã không còn đô thị loại V. Các đô thị được định hướng phát triển trong quy hoạch tỉnh đã được thống nhất với Sở Xây dựng.
	2. Đề xuất bổ sung mới một số nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh: - Quy hoạch tuyến đường từ quốc lộ 279 (BQ-QB) đi xã Tiên Nguyên – xã Thông Nguyên nối Km18 ĐT.177 (BQ-XM), có chiều dài 40km thời gian thực hiện giai đoạn 2028 – 2030. Điểm đầu giao QL.279 tại xã Quang Bình; Điểm cuối giao Km18 ĐT.177 (BQ-XM); Quy mô quy hoạch: Tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi. - Quy hoạch khu dân cư mới xã Thông Nguyên tại trung tâm xã, thôn Làng Giang, thôn Nậm Lìn, Thôn Minh Sơn, thôn Bản Giàng, thôn Nậm Môn quy mô tổng diện tích khoảng 12 ha. - Quy hoạch Dự án xây dựng mới 02 cầu cứng Bê tông cốt thép dự ứng lực tại trung tâm xã Thông Nguyên. Quy mô cầu dài trung bình từ 85m đến 125m, khổ cầu rộng 8,0m nhằm phát triển khu dân cư mới xã Thông Nguyên. - Bổ sung quy hoạch đất trụ sở cơ quan công an xã Thông Nguyên 0,8ha, quân sự xã Thông Nguyên 0,3ha đất tại thôn Nậm Lìn. - Bổ sung quy hoạch khu xử lý bãi rác thải tập trung xã Thông Nguyên tại thôn Nậm On, quy mô xây dựng khoảng 1,0ha. - Bổ sung quy hoạch 01 chợ đầu mối xã Thông Nguyên, quy mô 0,65 ha tại trung tâm xã Thông Nguyên phục vụ bà con nhân dân xã Thông Nguyên và các xã lân cận: xã Tiên Nguyên, xã Hồ Thầu, xã Nậm Dịch. - Bổ sung quy hoạch nâng cấp Phòng khám đa khoa khu vực xã Thông Nguyên thành bệnh viện đa khoa khu vực xã Thông Nguyên đặt tại trung tâm xã, phục vụ khám chữa bệnh cho bà con nhân dân xã Thông Nguyên và các xã lân cận: xã Tiên Nguyên, xã Hồ Thầu, xã Nậm Dịch. - Bổ sung quy hoạch nâng cấp 01 trường THCS và THPT xã Thông Nguyên thành Trường PTDT Nội trú THCS & THPT khu vực xã Thông Nguyên phục vụ con em dân tộc thiểu số xã Thông Nguyên và các xã lân cận: xã Tiên Nguyên, xã Hồ Thầu, xã Nậm Dịch.	Quy hoạch tỉnh chỉ xác định các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý và kế thừa công trình cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh. Dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh. Các công trình chợ đầu mối, phòng khám đa khoa sẽ được gửi Sở Xây dựng, Sở Y tế quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định. Nội dung trường học sẽ được gửi Sở Giáo dục và Đào tạo cân nhắc, quyết định. Nội dung về điểm du lịch sẽ được gửi Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cân nhắc, quyết định.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Bổ sung quy hoạch khu liên hợp thể thao xã Thông Nguyên đặt tại thôn Nậm Mon, diện tích khoảng 0,8 ha. - Bổ sung quy hoạch công trình cấp nước sạch cung cấp cho xã Thông Nguyên, Quy mô công suất dự kiến khoảng 1.500m³/ngày đêm. Đầu nguồn lấy tại khe suối Tả Hồ Piên. Chiều dài đường ống dài khoảng 8Km cung cấp nước cho các thôn Làng Giang, thôn Bản Giàng, khu trung tâm xã, thôn Nậm Lìn. - Bổ sung quy hoạch phát triển du lịch nghỉ dưỡng gắn với du lịch trải nghiệm xã Thông Nguyên gồm khu vực thôn Nậm Hồng, thôn Làng Giang, thôn Phìn Hồ, thôn Bản Giàng, thôn Pắc Pèng, thôn Lùng Lý, Xuân Thành. - Bổ sung quy hoạch trồng, phát triển dược liệu xã Thông Nguyên tại các thôn Lùng Lý, Xuân Thành, Phìn Hồ, Giàng Thượng) diện tích 120ha. - Bổ sung quy hoạch khu vực phát triển chuyên canh nông nghiệp xã Thông Nguyên: Khu vực chăn nuôi thôn Sơn Quang, Xuân Thành, Lùng Lý và các thôn khác diện tích 100ha. Nuôi trồng thủy sản ở lòng hồ thủy điện Xuân Minh. - Bổ sung quy hoạch các khu vực thu hút các dự án đầu tư gồm một số địa điểm như sau: (1) Dự án phát triển giá trị chè Shan tuyết gắn với du lịch, thương mại tại thôn Phìn Hồ, thôn Nậm Nghi, thôn Giàng Thượng, thôn Giàng Hạ, thôn Ông Hạ, thôn Xuân Thành, thôn Phìn Trái, thôn Lang Cang, thôn Pắc Pèng, thôn Sơn Quang. (2) Khu vực trồng dược liệu kết hợp thương mại dịch vụ thôn Lùng Lý, Pắc Pèng, Phìn Hồ. (3) Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp xã Thông Nguyên, Địa điểm thực hiện: Thôn Làng Giang (Panhou Retreat); thôn Nậm Hồng, thôn Lùng Lý.	
19	UBND xã Tiên Yên(Văn bản số 12/UBND-KT ngày 13/01/2026)	
	1. Các nội dung đề xuất, điều chỉnh các nội dung Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt: - Bổ quy hoạch cụm Công nghiệp Vĩ Thượng tại thôn Trung Thành (diện tích 50ha, giai đoạn thực hiện 2021-2030). Lý do đề xuất: Trên địa bàn tỉnh còn nhiều khu, cụm công nghiệp chưa được lấp đầy, có đường giao thông thuận tiện hơn, đồng thời trong tương lai xã định hướng phát triển theo hướng sản xuất nông nghiệp xanh, chất lượng cao có áp dụng khoa học công nghệ gắn với bảo vệ môi trường. - Bổ quy hoạch xây dựng mới bến xe Hương Sơn: bến xe loại VI, tại trung tâm xã Hương Sơn. Diện tích 500m². Lý do đề xuất: Do không phải là điểm cuối việc di chuyển của nhân dân trên địa bàn thường với khoảng cách ngắn cũng như giáp với xã Hùng An. Việc xây dựng bến xe sẽ không đạt hiệu quả cao.	Tiếp thu, đã bỏ CCN Vĩ Thượng

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2. Đề xuất các nội dung bổ sung Quy hoạch tỉnh đến năm 2030: - Quy hoạch mới Làng du lịch văn hóa thôn Buông 1, xã Tiên Yên với quy mô 15 ha, duy trì các hoạt động canh tác, sản xuất nông nghiệp chất lượng cao kết hợp với du lịch trải nghiệm và lưu trú. - Quy hoạch mới Làng du lịch văn hóa thôn Hạ Sơn, xã Tiên Yên với quy mô 10 ha, kết hợp du lịch trải nghiệm, khám phá nét văn hóa truyền thống dân tộc La Chí và dân tộc Tày. - Quy hoạch mới khu trung tâm hành chính xã Tiên Yên tại thôn Thượng và Thượng Minh, xã Tiên Yên với diện tích 4,0 ha. Lý do đề xuất: Thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương 02 từ ngày 01/7/2025, việc xây dựng mới trung tâm hành chính xã là việc cần thực hiện giúp tập trung khu hành chính, thuận tiện cho nhân dân đến giao dịch và trong công tác phối hợp giải quyết công việc. - Bổ sung quy hoạch cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tiên Yên đi xã Hùng An với chiều dài 20km. - Bổ sung quy hoạch cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thôn Trung Thành, xã Tiên Yên đi thôn Vĩnh Chúa, xã Đồng Yên, đường nhựa dài 3,7km. - Bổ sung quy hoạch mới quỹ đất dự phòng tạo khu dân cư di dân khỏi vùng nguy cơ sạt lở, lũ ống lũ quét thôn Sơn Thành, thôn Yên Ngoan và thôn Hạ, xã Tiên Yên với diện tích 6 ha. - Bổ sung quy hoạch mới Phòng khám đa khoa Tiên Yên tại thôn Yên Ngoan xã Tiên Yên, diện tích 0,64 ha.	Nội dung về điểm du lịch sẽ được gửi Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cân nhắc, quyết định.
20	UBND xã Tân Thanh (Văn bản số 38/UBND-KT ngày 14/01/2026)	
	1. Đề xuất điều chỉnh các nội dung Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt (1) Đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch tỉnh đối với Dự án Đầu tư xây dựng Dự án sân golf tại xã Tân Thanh và xã Hợp Hòa (cũ). Quy mô 129,28 ha không triển khai thực hiện. Do nhà đầu tư không có nhu cầu thực hiện dự án. Đề nghị điều chỉnh quy hoạch sang đất khu dân cư và đất thương mại, dịch vụ, khu sản xuất tập trung. (2) Điều chỉnh quy hoạch mỏ đá barit Ao Sen – Tân Tiến xã Tân Thanh với diện tích từ 17,69ha lên 23,69 ha.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2. Đề xuất các nội dung bổ sung Quy hoạch tỉnh đến năm 2030 (1) Dự án mở mới tuyến đường từ trung tâm xã Tân Thanh đi sang kết nối với đường QL.2C tại vị trí trung tâm xã Tuân Lộ (cũ) (bao gồm 01 cầu cứng qua sông Phó Đáp) chiều dài tuyến khoảng 6 km, với quy mô đường cấp III miền núi. Nhằm tạo tuyến đường thông suốt phục vụ cho kết nối giao thông phát triển kinh tế. (2) Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tân Thanh, trụ sở Công an xã, Ban Chỉ huy quân sự xã tại thôn Cầu Đá xã Tân Thanh, quy mô 10 ha. Thời gian thực hiện 2026 – 2030. Nguồn vốn thực hiện là Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp. (3) Phát triển du lịch sinh thái gắn với du lịch trải nghiệm tại Tại khu vực Đất Đồng Phai, Hợp Hòa, xã Tân Thanh. Tổng diện tích 50ha. (4) Dự án xây dựng dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng sạt lở thôn Đoàn Kết, xã Tân Thanh sang khu tái định cư thôn Khuôn Phây, xã Tân Thanh, diện tích 3ha. (5) Phát triển khu dân cư, thương mại dịch vụ xã Tân Thanh gồm tại vị trí các thôn: Cầu Đá, Bấu, Cây Thị, Tân Trào, Đồng Chùa 1, Trung Tâm, Vĩnh Sơn. Tổng diện tích 40 ha. (6) Quy hoạch bãi tập kết thu hồi khoáng sản tại thôn Đồng Chùa, Cầu Đá, Đồng Báo, Vĩnh Sơn, Trung Tâm xã Tân Thanh; diện tích 5ha. (7) Dự án trồng rau củ quả sạch thôn: Núi Độc, Đồng Chùa, Khuôn Phây, Đèo Mon, Tân Trào, xã Tân Thanh; diện tích 50ha. (8) Xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung tại thôn: Miền Tây, Lẹm, Đồng Báo, Đồng Giang, Ninh Hòa, xã Tân Thanh; diện tích 25 ha. (9) Quy hoạch mỏ đá tại thôn Tân Tiến và thôn Lầm xã Tân Thanh, với diện tích khoảng 3,6ha. (10) Quy hoạch bãi tập kết xử lý rác thải xã Tân Thanh với diện tích khoảng 5ha tại các thôn: Đồng Chùa, Đồng Báo, Cầu Đá, Vĩnh Sơn, Trung Tâm.	Dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
21	UBND xã Sà Phìn (Văn bản số 09/UBND-KT ngày 13/01/2026)	
	Đề nghị Quy hoạch tỉnh cập nhật rõ khu vực Sà Phìn là không gian di sản – văn hóa – du lịch đặc thù, trong đó lấy khu vực Dinh thự họ Vương và các làng bản truyền thống làm hạt nhân nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý kiến trúc, cảnh quan; Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong đầu tư, cải tạo và chỉnh trang. Ngoài ra, bổ sung các làng văn hóa có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch trên địa bàn như: Làng	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Văn hóa Lao Xa, làng Văn hóa Lũng Thàng, Làng Văn hóa Lũng Hòa.... để xã có căn cứ thu hút đầu tư, định hướng kiến trúc, thúc đẩy du lịch trong khu vực, bổ sung nội dung “các điểm dừng chân, dã ngoại, du lịch mạo hiểm” để xã có cơ sở thu hút đầu tư các điểm du lịch trên địa bàn xã.	
22	UBND xã Hoàng Su Phì (Văn bản số 47/UBND-KT ngày 14/01/2026)	
	Xem xét cập nhật bổ sung nhu cầu sử dụng đất đối với các hạng mục dự án, cụ thể như sau: 1. Bổ sung dự án, công trình: Mở mới đoạn đường tránh ngập (đường tỉnh lộ 177) đoạn qua lòng hồ dự án Thủy điện Sông Chảy 2, địa phận xã Hoàng Su Phì với tổng diện tích đất 4,0ha.	Dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	2. Bổ sung dự án nạo vét, thu hồi khoáng sản (cát, sỏi) lòng hồ Thủy điện Sông Chảy 3, địa phận xã Hoàng Su Phì với tổng diện tích đất 14,0ha (11,0ha lòng hồ và 3,0ha bãi tập kết vật liệu, khu quản lý và đường vận chuyển).	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
23	UBND xã Bạch Đích cv Số 21/UBND-KT ngày 14/01/2026	
	Qua nghiên cứu Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Mạng lưới giao thông), nhận thấy trên địa bàn xã Bạch Đích sau sáp nhập Quy hoạch tỉnh có 02 bến xe cụ thể: Bến xe Phú Lũng và Bến xe Bạch Đích. Để đảm bảo thống nhất quy hoạch tỉnh sau điều chỉnh cũng như công tác quản lý của xã Bạch Đích sau sáp nhập. Đề nghị điều chỉnh Quy hoạch tỉnh xã Bạch Đích để 01 bến xe tại trung tâm xã Bạch Đích, không nhất thiết quy hoạch bến xe Phú Lũng.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
24	UBND xã Thượng Lâm (Văn bản số 47/UBND-KT ngày 13/01/2026)	
	1. Đề nghị xem xét lại tên địa danh, xã Thượng Lâm được thành lập trên cơ sở sáp nhập xã Thượng Lâm và xã Khuôn Hà trước đây thuộc huyện Lâm Bình, một số nội dung trong hồ sơ vẫn đang đề tên xã Khuôn Hà.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	2. Các nội dung khác, kính đề nghị Sở Tài chính tiếp tục xem xét, tổng hợp bổ sung theo Công văn số 792/UBND-TH ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
25	UBND xã Bạch Xa (Văn bản số 39/UBND-KT ngày 13/01/2026)	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đề xuất bổ sung một số hạng mục: 1. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: (1) Nâng cấp tuyến đường kết nối liên vùng giữa các xã Phù Lưu - xã Bạch Xa - xã Bằng Hành (đường ĐH.32 cũ); (2) Xây dựng cầu giao thông qua Sông Lô địa điểm thôn Sơn Thủy, xã Bạch Xa kết nối đường ĐT.189 với Quốc lộ 2, đường Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang tại xã Hùng An. Tạo không gian mới cho phát triển kinh tế - xã hội, thuận tiện cho nhân dân đi lại, lưu thông hàng hóa, liên kết với các vùng sản xuất hàng hóa của các xã: Vĩnh Tuy, Hùng An, Bằng Hành, Bạch Xa,...; (3) Xây dựng bến xe khách xã Bạch Xa (vị trí tại Trung tâm xã Yên Thuận (cũ); (4) Xây dựng kè sạt lở bờ Sông Lô và bờ suối khu dân cư trên địa bàn xã.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	2. Lĩnh vực phát triển mạng lưới cấp nước: Đầu tư xây dựng trạm xử lý và cấp nước sạch xã Bạch Xa.	
	3. Lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao: Đầu tư xây dựng Sân vận động và Khu thể thao, văn hóa xã Bạch Xa.	Dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	4. Lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng y tế: Đầu tư xây dựng mới trạm Y tế xã Bạch Xa.	Dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	5. Lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu dịch vụ thương mại trung tâm xã Bạch xa (vị trí nằm trên trục đường dẫn cầu Bạch Xa và nút giao Cao tốc) và Nâng cấp hệ thống chợ trên địa bàn xã.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	6. Lĩnh vực hạ tầng du lịch: Điểm du lịch tâm linh Đền Thác Con xã Bạch Xa (vị trí đền hiện tại đầu cầu Km 71 Quốc lộ 2, xã Bạch Xa) * Lý do đề xuất, kiến nghị: Việc tích hợp các nội dung đề xuất của xã vào Quy hoạch tỉnh là cần thiết để tạo hành lang pháp lý phát triển du lịch - thương mại - công nghiệp, đảm bảo quốc phòng - an ninh và phù hợp chiến lược phát triển của tỉnh.	Đã có trong Danh mục điểm du lịch tại Phụ lục kèm theo BCTH Quy hoạch tỉnh
26	UBND xã Ngọc Đường (Văn bản số 70/UBND-KT ngày 12/01/2026)	
	Về điều chỉnh	
	Đề nghị xem xét, nghiên cứu bổ sung quy hoạch du lịch, dịch vụ khu vực cầu treo Bản Cườm (đoạn từ đầu cầu treo nối thôn Bản Cườm II với KM7 quốc lộ 4C đi vùng Cao nguyên đá Đồng Văn) dọc theo bờ Sông Miện với diện tích 1,2ha. Hiện trạng về quy	Đã có trong Danh mục điểm du lịch tại Phụ lục kèm theo BCTH Quy hoạch tỉnh

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	hoạch chung, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phân khu là đất ở, trồng cây hằng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất cây xanh chuyên đề và đất sông suối đề nghị điều chỉnh quy hoạch đất thành đất ở kết hợp thương mại dịch vụ. Khu vực này có nhiều tiềm năng, lợi thế trong phát triển du lịch do nằm ở vị trí 'cửa ngõ' trên tuyến du lịch trọng điểm đi Công viên địa chất toàn cầu. Khu vực này hội tụ đủ điều kiện để xây dựng thành điểm dừng chân, trải nghiệm văn hóa và mua sắm sản phẩm địa phương đạt chuẩn, qua đó không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách mà còn tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế cho người dân trong khu vực.	
27	UBND xã Thành Tín (Văn bản số 36/UBND-KT ngày 14/01/2026)	
	(1) Trụ sở xã Thành Tín (cũ), hiện nay là trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thành Tín, thửa đất số 145, tờ bản đồ số 76, Bản đồ địa chính xã Thành Tín (cũ), diện tích 3.965,0 m ² , mục đích sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan, địa chỉ thôn Ngải Thầu, xã Thành Tín. Đề nghị điều chỉnh quy hoạch sang cho trường Mầm Non Thành tín, mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo.	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh, vì vậy các dự án này không đưa vào quy hoạch tỉnh.
	(2) Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Thành Tín, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 76, Bản đồ địa chính xã Thành Tín (cũ), diện tích 4.403,4 m ² , mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, địa chỉ thôn Tả Chải, xã Thành Tín. Đề nghị điều chỉnh quy hoạch sang cho Đội sản xuất và xây dựng cơ sở chính trị số 5 - Đoàn kinh tế Quốc phòng 313, mục đích sử dụng đất Quốc phòng	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh, vì vậy các dự án này không đưa vào quy hoạch tỉnh.
	(3) Trụ sở xã Thèn Chu Phìn (cũ), hiện nay là trụ sở Đảng ủy xã Thành Tín, thửa đất số 696, tờ bản đồ số 22, Bản đồ địa chính xã Thèn Chu Phìn (cũ), diện tích 1.806,7 m ² , mục đích sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan, địa chỉ thôn Nậm Dế, xã Thành Tín; Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Thèn Chu Phìn, thửa đất số 583, tờ bản đồ số 22, Bản đồ địa chính xã Thèn Chu Phìn (cũ), diện tích 1.517,4 m ² , mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, địa chỉ thôn Nậm Dế, xã Thành Tín. Đề nghị điều chỉnh quy hoạch sang cho trường Mầm Non Thèn Chu Phìn, mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh, vì vậy các dự án này không đưa vào quy hoạch tỉnh.
	(4) Trường PTDTBT Tiểu học Pồ Lò, thửa đất số 323 và 336, tờ bản đồ số 65, Bản đồ địa chính xã Pồ Lò cũ, diện tích 3.979,4 m ² (thửa đất 323 diện tích 2.911,5 m ² ; thửa đất 336 diện tích 1.067,9 m ²), mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, địa chỉ thôn Cóc Có, xã Thành Tín. Đề nghị điều chỉnh quy hoạch sang cho Trạm Y tế xã Thành Tín, mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh, vì vậy các dự án này không đưa vào quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Về bổ sung	
	(1) Đề nghị bổ sung quy hoạch trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Thành Tín, diện tích 29.839,0 m ² , mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, địa chỉ thôn Cóc Mui Hạ, xã Thành Tín	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh, vì vậy các dự án này không đưa vào quy hoạch tỉnh.
	(2) Đề nghị bổ sung quy hoạch Sân vận động trung tâm xã, diện tích 8.254,9 m ² , mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao, địa chỉ thôn Cóc Mui Hạ, xã Thành Tín	
	(3) Đề nghị bổ sung quy hoạch Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Thành Tín, diện tích 8.576,0 m ² , mục đích sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan, địa chỉ thôn Cóc Mui Hạ, xã Thành Tín	
	(4) Đề nghị bổ sung quy hoạch Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự và nơi ăn, ở của dân quân thường trực xã Thành Tín, diện tích 6.523,3 m ² , mục đích sử dụng đất quốc phòng, địa chỉ thôn Cóc Mui Hạ, xã Thành Tín	
	(5) Đề nghị bổ sung quy hoạch Chốt trực dân quân (Công trình Quốc phòng), diện tích 58.588,4 m ² , mục đích sử dụng đất quốc phòng, địa chỉ thôn Cáo Phìn, xã Thành Tín	
	(6) Đề nghị bổ sung quy hoạch Trụ sở Công an xã Thành Tín, diện tích 6.022,6 m ² , mục đích sử dụng đất an ninh, địa chỉ thôn Cóc Mui Hạ, xã Thành Tín	
	(7) Đề nghị bổ sung quy hoạch Chợ trung tâm xã Thành Tín, diện tích 4.084,7 m ² , mục đích sử dụng đất chợ, địa chỉ thôn Cóc Mui Hạ, xã Thành Tín	
28	UBND xã Hồng Sơn (Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 14/01/2026)	
	Đề nghị phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh:	
	1. Dự án khai thác khoáng sản mỏ đá cát kết Ao Chùa, xã Hồng Sơn: * Vị trí thuộc thôn Mãn Sơn, xã Hồng Sơn: Phía Bắc: Giáp đất rừng sản xuất. Phía Đông: Giáp đất rừng sản xuất và đất trồng lúa. Phía Nam: Giáp đất ở khu dân cư. Phía Tây: Giáp đất rừng sản xuất. * Tổng diện tích đề nghị đưa vào đất quy hoạch từ đất rừng sản xuất sang đất khoáng sản: 29,8 ha.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	2. Dự án tiếp tục thực hiện quy hoạch bên thủy nội địa:	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	* Vị trí thuộc thôn Khổng, xã Hồng Sơn: Phía Bắc: Giáp đất trồng cây hàng năm khác và đất ở khu dân cư. Phía Đông: Giáp sông Lô. Phía Nam: Giáp sông Lô. Phía Tây: Giáp đất trồng cây hàng năm khác và sông Lô. * Tổng diện tích đề nghị đưa vào đất quy hoạch từ đất trồng cây hàng năm khác và đất sông suối sang đất giao thông và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (bến thủy nội địa): 17,6 ha.	
	3. Dự án xây dựng mở rộng bến thủy nội địa kết hợp đầu tư tổ hợp dây chuyền nghiền sỏi thành cát và sản xuất gạch không nung, sản xuất sản phẩm bê tông tại Km 47 + 560 bờ trái sông Lô thuộc thôn Kim Xuyên, xã Hồng Sơn còn thiếu chưa có trong quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của Công ty cổ phần Hồng Lạc HL: * Vị trí thuộc thôn Kim Xuyên, xã Hồng Sơn: Phía Bắc: Giáp sông Lô. Phía Đông: Giáp đất ở khu dân cư. Phía Nam: Giáp ngòi thủy lợi. Phía Tây: Giáp sông Lô. * Tổng diện tích đề nghị đưa vào đất quy hoạch từ đất trồng cây hàng năm khác và đất sông suối sang đất giao thông và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (bến thủy nội địa): 3,14 ha.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
29	UBND xã Tân Trịnh (Văn bản số 37/UBND-KT ngày 14/01/2026)	
	1. Đề nghị bổ sung các Làng văn hóa du lịch dân tộc Pà Thên: (1) Làng văn hóa du lịch dân tộc Pà Thên thôn Mác Thượng, xã Tân Trịnh; 92) Làng văn hóa du lịch dân tộc Pà Thên thôn Nậm Khảm, xã Tân Trịnh. Việc bổ sung các điểm nêu trên là cần thiết và phù hợp với định hướng phát triển du lịch văn hóa – du lịch cộng đồng của tỉnh; góp phần bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc trưng của dân tộc Pà Thên gắn với phát triển sinh kế bền vững cho người dân địa phương, đồng thời khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch của xã Tân Trịnh trong giai đoạn đến năm 2030 và các năm tiếp theo	Đã có trong Danh sách điểm du lịch tại Phụ lục kèm theo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh.
	2. Đề nghị bổ sung, cập nhật diện tích sân tập kết khoáng sản Đề nghị UBND tỉnh xem xét bổ sung, cập nhật phần diện tích sân tập kết khoáng sản trên địa bàn xã Tân Trịnh vào hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh nhằm: (1) Phù hợp với nhu cầu thực tế trong công tác quản lý, khai thác, vận chuyển khoáng sản theo quy định; (2) Làm cơ sở cho việc quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường; hạn chế tình trạng tập kết tự phát; (3) Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế địa phương gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo đảm trật tự, an toàn và bảo vệ môi trường	Các nội dung quá nhỏ không thuộc phạm vi Quy hoạch tỉnh. Các nội dung này được xác định trong quy hoạch chi tiết.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3. Đề nghị bổ sung bến xe khách xã Tân Trinh tại thôn Năm Sú: Căn cứ hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó định hướng Cụm công nghiệp Tân Bắc đi vào hoạt động trong giai đoạn đến năm 2030, dự báo nhu cầu đi lại của người lao động, nhân dân và nhu cầu vận chuyển hành khách trên địa bàn xã Tân Trinh sẽ gia tăng đáng kể. Do đó, việc bổ sung quy hoạch Bến xe khách xã Tân Trinh tại thôn Năm Sú là cần thiết, nhằm: (1) Phục vụ nhu cầu vận tải hành khách gắn với hoạt động của Cụm công nghiệp Tân Bắc và các khu dân cư lân cận; (2) Tổ chức giao thông hợp lý, an toàn, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có; (3) Góp phần hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông, dịch vụ theo định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và của tỉnh;v (4) Tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển thương mại – dịch vụ trong giai đoạn đến năm 2030	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
30	UBND xã Quang Bình (Văn bản số 27/UBND-KT ngày 12/01/2026)	
	- Sơ đồ Phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật thời kỳ 2021-2030 (mạng lưới giao thông), xác định vị trí bến xe xã Quang Bình nằm giáp địa phận xã Yên Thành không phù hợp với thực tế và quy hoạch vùng huyện Quang Bình đã được phê duyệt trước đây. Đề nghị điều chỉnh về vị trí tại thôn 1, cho đúng với quy hoạch chung của xã Quang Bình đã được phê duyệt.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung về sơ đồ, bản đồ sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
	- Sơ đồ Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật thời kỳ 2021-2030 (mạng lưới cấp điện), xác định vị trí xây dựng thủy điện Mận Thẳng 3 không đúng thực tế vị trí đã được phê duyệt, đề nghị điều chỉnh lại về tại vị trí thôn Lùng Chún, cho đúng thực tế đã được phê duyệt.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung về sơ đồ, bản đồ sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
	- Sơ đồ không gian phương án phát triển tài nguyên khoáng sản có thể hiện điểm mỏ hiện hữu mỏ đá vôi tại thôn 3. Tuy nhiên, trong phụ lục kèm dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch không có tên danh mục điểm mỏ chi tiết bổ sung tại phụ lục X (UBND xã đã có văn bản số 753/UBND ngày 07/12/2025 và số 03/UBND ngày 05/01/2026 đề xuất bổ sung, mở rộng quy hoạch điểm mỏ nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn xã và khu vực).	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung về sơ đồ, bản đồ sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
	- Tại trang 17 dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thể hiện phát triển 22 đô thị (2 đô thị loại II và 20 đô thị loại III). Tuy nhiên tại phụ lục I ban hành kèm theo dự thảo Quyết định thể hiện danh mục 20 đô thị (2 đô thị loại II và 18 đô thị loại III).	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, BCTH đã được chỉnh sửa đồng bộ.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Tại phụ lục III kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch không có danh mục bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp diện tích khoảng 50ha tại Thôn 5 và thôn Nà Rại xã Quang Bình (Ủy ban nhân dân xã đã đề xuất tại văn bản số 475/BC-UBND ngày 17/12/2025 của UBND xã).	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	- Tại phụ lục VII kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đang thể hiện danh mục quy hoạch phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn (khu vực huyện Quang Bình cũ) chưa thể hiện khu xử lý xã Xuân Giang. Tuy nhiên tại xã Tiên Yên đang đề xuất 2 danh mục khu xử lý (khu xử lý xã Tiên Yên và khu xử lý Vĩ thượng).	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	- Tại phụ lục VIII kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đang thể hiện danh mục quy hoạch, quy mô các cơ sở y tế (Trung tâm Y tế khu vực Quang Bình 100 giường; các phòng khám đa khoa khu vực thuộc tỉnh Hà Giang cũ không phù hợp với chủ trương mới về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên đã được chỉnh sửa.
	- Ngoài ra đối với sơ đồ Phương hướng phát triển văn hóa, thể thao, du lịch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cũng như danh mục quy hoạch du lịch, Ủy ban nhân dân xã Quang Bình đề nghị bổ sung thêm dự án “Du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Sông Chừn (Sông Con 2) xã Quang Bình, với tổng diện tích quy hoạch 224 ha”.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung về sơ đồ, bản đồ sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
31	UBND xã Đồng Yên (Văn bản số 57/UBND-KT ngày 15/01/2026)	
	Đối với Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (mạng lưới thủy lợi) 07 TQ_21_PA_ThuyLoi: thể hiện Đập hồ Trùng (Vĩnh Tuy) nhưng tế thuộc địa phân xã Đồng Yên do vậy đề nghị điều chỉnh lại thành Đập hồ Trùng (Đồng Yên).	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung về sơ đồ, bản đồ sẽ được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
32	UBND xã Tân Quang (Văn bản số 38/UBND-KT ngày 15/01/2026)	
	1. Về phát triển đô thị – trung tâm hành chính * Đề nghị cập nhật tại Phần III, Mục V: Phương hướng phát triển đô thị và nông thôn UBND xã đề nghị bổ sung quy hoạch hình thành Trung tâm hành chính xã Tân Quang mới, khu đô thị, khu liên hiệp thể thao và công viên cây xanh tại thôn Mục Lạn, quy mô khoảng 13 ha. Việc bổ sung nội dung này là cần thiết do xã Tân Quang được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba xã, quy mô dân cư và phạm vi quản lý tăng đáng kể, trong khi hạ tầng trung tâm hành chính hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu lâu dài. Khu vực Mục Lạn có vị trí tiếp cận thuận lợi với nút giao cao tốc, có điều kiện hình thành hạt nhân	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phát triển đô thị – dịch vụ mới, phù hợp với định hướng tổ chức lại không gian phát triển sau sắp xếp đơn vị hành chính được nêu trong Quy hoạch tỉnh.	
	2. Về cụm công nghiệp và trung tâm logistics * Đề nghị cập nhật tại Phần III, Mục VI: Phương hướng phát triển các khu chức năng và Phần III, Mục VII: Phương hướng phát triển hạ tầng thương mại - Đề nghị: Bổ sung quy hoạch Cụm công nghiệp hoặc Khu logistics cấp tỉnh tại xã Tân Quang, quy mô khoảng 30 ha - Thay thế Cụm công nghiệp Tân Thành (17 ha) đã đưa ra khỏi quy hoạch. Lý do: Tân Quang là điểm giao cắt của Quốc lộ 2, Tỉnh lộ 177 và có nút giao cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang, cách Cửa khẩu Thanh Thủy khoảng 57–60km, cách Cửa khẩu Xín Mần 100km. Việc hình thành trung tâm logistics tại đây sẽ góp phần giảm tải cho khu vực cửa khẩu, tạo trung tâm trung chuyển hàng hóa trung gian của cả 2 cửa khẩu, thúc đẩy phát triển thương mại – dịch vụ, phù hợp với định hướng phát triển hệ thống logistics của tỉnh đã nêu trong hồ sơ quy hoạch nhưng chưa được cụ thể hóa về vị trí	
	3. Về giao thông và tổ chức bến bãi * Đề nghị cập nhật tại Phần III, Mục VI: Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật – tiểu mục giao thông. Đề nghị bổ sung: Quy hoạch Bến xe Tân Quang, diện tích khoảng 5.000 m², nhằm giải quyết tình trạng mất an toàn giao thông tại khu vực ngã tư Tân Quang và đáp ứng nhu cầu trung chuyển khi nút giao cao tốc đi vào vận hành. Việc bổ sung sớm các nội dung này trong quy hoạch sẽ tạo cơ sở pháp lý để chủ động quản lý không gian, hạn chế phát sinh xung đột quy hoạch trong quá trình triển khai các dự án lớn. Đồng thời Để giải tỏa điểm đen cho khu vực Ngã tư Tân Quang và đón nút giao cao tốc	
	4. Về phát triển du lịch sinh thái – cộng đồng: * Đề nghị cập nhật tại Phần III, Mục IV: Phương hướng phát triển ngành du lịch Đề nghị bổ sung: Quy hoạch Khu du lịch sinh thái – cộng đồng Nậm An – Phìn Hồ. Khu vực này có tiềm năng về cảnh quan tự nhiên, khí hậu, bản sắc văn hóa dân tộc, phù hợp phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng. Việc bổ sung vào quy hoạch sẽ góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch của tỉnh, tạo sinh kế bền vững cho người dân địa phương	
33	UBND xã Trường Sinh (Văn bản số 104/UBND-KT ngày 15/01/2026)	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1. Đề xuất điều chỉnh các nội dung Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt Sau sáp nhập một số nội dung Quyết định cần được điều chỉnh bổ sung: Bỏ quy hoạch 03 vị trí xây dựng trụ sở Công an xã của 3 xã cũ (Đồng Lợi, Hào Phú, Trường Sinh) do sáp nhập xã; điều chỉnh vị trí bến thủy thôn Phan Lương do có đá ngầm tại vị trí cũ	
	2. Đề xuất các nội dung bổ sung Quy hoạch tỉnh đến năm 2030 (1) Quy hoạch đất trụ Đảng ủy, HĐND, UBND xã, diện tích khoảng 4ha; Quy hoạch đất trụ sở Công an xã, diện tích khoảng 1ha, Quy hoạch đất trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã, diện tích khoảng 1ha. Địa điểm tại thôn Trại Mít, xã Trường Sinh, gần trục đường ĐT 186 (Hiện trạng đất: Đất trồng cây hàng năm do công ty Đường Sơn Dương đang quản lý sử dụng giao cho các hộ gia đình trồng mía nguyên liệu).	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	(2) Quy Hoạch xây dựng khu vực chế biến lâm sản thôn Đồng Bừa, xã Trường Sinh, diện tích khoảng 12ha, địa điểm thôn Đồng Bừa, xã Trường Sinh. (Hiện trạng đất: Đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất do hộ gia đình cá nhân đang quản lý sử dụng).	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	(3) Quy hoạch bến thủy nội địa xã Trường Sinh, diện tích khoảng 4ha, địa điểm tại thôn Đồng Tâm 1, (Hiện trạng đất: Đất trồng cây hàng năm do hộ gia đình cá nhân đang quản lý sử dụng), cách địa điểm quy hoạch bến thủy nội địa ở thôn Phan Lương là 4 km. Sau khi dự án được thực hiện việc lưu thông hàng hóa của xã về đường thủy sẽ thuận lợi, giá trị sản xuất hàng hóa sẽ được nâng cao hơn	
	(4) Điều chỉnh vị trí quy hoạch bến thủy nội địa ở thôn Phan Lương dịch chuyển về phía hạ lưu tiếp giáp với tỉnh Phú Thọ, cách vị trí cũ khoảng 300 m (Hiện trạng đất: Đất trồng cây hàng năm do hộ gia đình cá nhân đang quản lý sử dụng và đất trụ sở kiểm lâm cũ), lý do dịch chuyển là do vị trí quy hoạch cũ ở dưới đáy sông có ghềnh đá nên tàu thuyền không ra vào được	
	(5) Quy hoạch khu nhà ở công nhân, khu tái định cư, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp, diện tích 10ha tại thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú xã Trường Sinh. Nhằm phục vụ nhân dân trên địa bàn xã và Khu công nghiệp Tam Đa	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	(6) Quy hoạch Tổ hợp chăn nuôi, giết mổ, chế biến thịt lợn và chế phẩm phân bón, diện tích khoảng 300ha, địa điểm tại khu đội 6 thôn Đào Tiến, Thôn Sùng Lễ, thôn Cu Ri (Hiện trạng đất: Đất trồng cây hàng năm do công ty Đường Sơn Dương đang quản lý sử dụng giao cho các hộ gia đình trồng mía nguyên liệu). Yêu cầu quy trình nuôi khép	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	kín, xử lý chất thải đảm bảo mùi và nước thải với môi trường xung quanh, sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc quản lý, theo dõi và điều chỉnh toàn bộ quá trình từ giai đoạn con giống, chế biến thức ăn, dinh dưỡng, phòng bệnh và chữa bệnh, cung cấp thức ăn tự động, xử lý chất thải vật nuôi ... Dự án tạo việc làm cho khoảng 1.000-1.500 nhân công, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước	
34	UBND xã Hùng Lợi (Văn bản số 18/UBND-KT ngày 15/01/2026)	
	1. Đề xuất điều chỉnh các nội dung Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt: Hợp nhất 02 quy hoạch cũ thành 01 Quy hoạch chung xã Hùng Lợi mới.	
	2. Đề xuất bổ sung các nội dung vào Quy hoạch tỉnh đến năm 2030 (1) Khu vực Trung tâm hành chính xã (trụ sở làm việc ĐU-HĐND - UBND, MTTQ, Công an, quân sự): Quy hoạch chuyển địa điểm lên thôn Lè, quy mô khoảng 11 ha, hiện trạng đất RSX, đất HNK, đất CLN, đất TSN	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	(2) Quy hoạch mới các khu dân: Dọc tuyến đường Hồ Chí Minh mới mở từ trung tâm xã đi thôn Phan, xã Hùng Lợi	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	(3) Quy hoạch chuyển đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang đất ở khu dân cư nông thôn tại các thôn: Vàng On, Khuổi Ma, Bum Kẹn, Tầu Lìn, Phan 220 hộ khoảng 25 ha, hiện nay các hộ đang có nhà ở sinh sống ổn định từ năm 1992 đến nay	
	(4) Quy hoạch mở rộng khu vực khoáng sản tại khu Nùng Lào thôn Minh, xã Hùng Lợi, tỉnh Tuyên Quang - Khu vực 1: Tại khu vực Nùng Lào, thôn Minh Lợi, xã Hùng Lợi, tỉnh Tuyên Quang, diện tích xin mở rộng: 39,46 ha. Hiện trạng là đất rừng sản xuất, đất rừng tự nhiên sản xuất do hộ gia đình, cá nhân và UBND xã quản lý, sử dụng. Trên đất hộ gia đình, cá nhân trồng cây lâm nghiệp. - Khu vực 2: Khu xây dựng xưởng tuyển nổi quặng chì - kẽm và các kim loại màu, diện tích xin mở rộng: 1,10 ha. Hiện trạng là đất ở khu dân cư nông thôn (02 hộ gia đình có nhà ở và đang sinh sống) và đất rừng sản xuất do hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng có trồng cây lâm nghiệp.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(5) Tiếp tục phương án phát triển cơ sở hạ tầng đầu tư, nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 185 từ xã Hùng Lợi đi xã Tri Phú chiều dài địa phận Hùng Lợi 18,9 km, mặt đường 9m để có không gian phát triển kinh tế mới giữa 2 xã	Cấp đường tỉnh đã được xác định trong Phương án phát triển hạ tầng giao thông, bao gồm các đoạn tuyến qua địa bàn xã.
	(6) Quy hoạch bãi tập kết cát sỏi của công ty Công ty TNHH vật liệu xây dựng Hùng Lợi tại thôn Cóoc	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	(7) Quy hoạch mở rộng khu phát sóng di động 4G tại các thôn Tàu Lìn, Khuôn Nà. (8) Quy hoạch các điểm di tích cấp tỉnh chưa được trùng tu gồm có 6 điểm. (9) Điều chỉnh địa giới hành chính với xã Tri Phú: Hiện nay có 15 hộ dân/ 65	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
35	UBND xã Pà Vây Sủ (Văn bản số 31/UBND-KT ngày 15/01/2026)	
	1. Đối với công tác quy hoạch - Đề nghị lập mới Quy hoạch sử dụng đất cấp xã Pà Vây Sủ trên cơ sở kế thừa nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt tại Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Xín Mần về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; giữ nguyên các nội dung còn phù hợp, đồng thời cập nhật các yêu cầu phát triển mới phát sinh do sáp nhập địa giới hành chính và nhu cầu thực tiễn của địa phương. - Đề nghị lập mới Quy hoạch chung xây dựng phát triển không gian xã Pà Vây Sủ trên cơ sở kế thừa và phát triển các nội dung quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 2844/QĐ-UBND ngày 04/9/2008 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ Xín Mần giai đoạn 2007-2020 và các quyết định điều chỉnh liên quan; giữ nguyên các nội dung còn phù hợp, đồng thời bổ sung, cập nhật các yêu cầu phát triển mới phát sinh do sáp nhập địa giới và nhu cầu thực tiễn.	
	2. Đề xuất bổ sung danh mục dự án đầu tư công - Bổ sung Dự án khắc phục sạt lở khẩn cấp thôn Thèn Ván, xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang. - Bổ sung Dự án Bãi xử lý rác thải thôn Chúng Trãi, xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang, quy mô khoảng 3,5 ha.	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Bổ sung Dự án Trường Mầm non thôn Thèn Ván, xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang. - Bổ sung Dự án Trường liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở thôn Thèn Ván, xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang	
	3. Đề xuất điều chỉnh, bổ sung các phụ lục của Quy hoạch tỉnh: - Tại Phụ lục V (Phương án phát triển mạng lưới đường bộ): + Bổ sung Dự án Đường Quốc lộ 4 (đoạn từ xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang đi xã Lũng Phình, tỉnh Lào Cai); + Bổ sung Dự án đường từ xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang đi xã Bản Già, tỉnh Lào Cai. - Tại Phụ lục VIII (Phương án phát triển công trình cấp nước sạch): + Đề nghị điều chỉnh tên dự án “Nâng cấp Nhà máy nước thị trấn Cốc Pài” thành “Nâng cấp Nhà máy nước xã Pà Vây Sủ” cho phù hợp với địa giới hành chính mới	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh. Đã tiếp thu đối với ý kiến điều chỉnh tên nhà máy cấp nước đô thị.
36	UBND xã Hồ Thầu (Văn bản số 55/UBND-KT ngày 15/01/2026)	
	Đối với địa bàn xã Hồ Thầu sau sáp nhập, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan soạn thảo bổ sung một số đầu điểm về Phát triển kinh tế trên địa bàn, về phát triển các công trình trọng điểm và các khu phát triển du lịch. (Có biểu chi tiết kèm theo)	
37	UBND xã Ngọc Đường (Văn bản số 70/UBND-KT ngày 12/01/2026)	
	- UBND xã cơ bản nhất trí với nội dung hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các phương hướng tổ chức không gian phát triển, đặc biệt là việc hình thành các trục động lực và hành lang kinh tế, đã bám sát tiềm năng và thế mạnh thực tế của địa phương	
	- Một số nội dung đề nghị điều chỉnh lại cho đúng hiện trạng: +) Tại Báo cáo thuyết minh trang số 350: Đề nghị điều chỉnh “Nghĩa trang xã Ngọc Đường tại phường Hà Giang” thành “Nghĩa trang xã Ngọc Đường tại xã Ngọc Đường”. +) Tại bản đồ mạng lưới thủy lợi: Tên của một số đập trên địa bàn xã Ngọc Đường chưa chính xác cần điều chỉnh, cụ thể như sau: “đập Nậm Tãi” đề nghị sửa thành “đập Nậm Tãi”; “đập Khuổi Yùn II” sửa thành “đập Khuổi Yển II”; “đập Bắc Bù” sửa thành “đập Bắc Bù”; “đập Nà Tờy” đề nghị sửa thành đập “Nà Cáy”. +) Tại bản đồ mạng lưới cấp nước; khu xử lý chất thải và nghĩa trang: Đề nghị sửa “cấp nước Nà Yún” thành “cấp nước Nà Yển”	Đã tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung tương ứng đã được chỉnh sửa tại BCTH Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đề nghị xem xét, nghiên cứu bổ sung quy hoạch du lịch, dịch vụ khu vực cầu treo Bản Cườm (đoạn từ đầu cầu treo nối thôn Bản Cườm II với KM7 quốc lộ 4C đi vùng Cao nguyên đá Đồng Văn) dọc theo bờ Sông Miện với diện tích 1,2ha. Hiện trạng về quy hoạch chung, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phân khu là đất ở, trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất cây xanh chuyên đề và đất sông suối đề nghị điều chỉnh quy hoạch đất thành đất ở kết hợp thương mại dịch vụ. Khu vực này có nhiều tiềm năng, lợi thế trong phát triển du lịch do nằm ở vị trí 'cửa ngõ' trên tuyến du lịch trọng điểm đi Công viên địa chất toàn cầu. Khu vực này hội tụ đủ điều kiện để xây dựng thành điểm dừng chân, trải nghiệm văn hóa và mua sắm sản phẩm địa phương đạt chuẩn, qua đó không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách mà còn tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế cho người dân trong khu vực.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
38	UBND xã Yên Sơn (Văn bản số 64/UBND-KT ngày 14/01/2026)	
	1. Về thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh - Xem xét bỏ các cụm từ “Khu vực Yên Sơn”, “Khu vực Hàm Yên”,... để bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tránh gây nhầm lẫn đồng thời đề xuất các nội dung quy hoạch theo xã cụ thể thuộc huyện Yên Sơn (trước đây).	Đã tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung tương ứng đã được chỉnh sửa tại BCTH Quy hoạch tỉnh.
	- Tại trang 293: “Xây dựng Khu dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao sân gôn tại xã Yên Sơn (dự kiến khu vực hồ An Khê, xã Nhữ Khê hoặc vị trí thuận lợi khác)”. Đề nghị điều chỉnh xã Yên Sơn thành xã Nhữ Khê	Đã tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung tương ứng đã được chỉnh sửa tại BCTH Quy hoạch tỉnh.
	- Tại trang 298: “Vùng sản xuất lúa ruộng tập trung tại khu vực các xã: Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Thái Sơn, Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Hoàng Su Phì, Xín Mần và Yên Minh”. Đề nghị bỏ xã Yên Sơn do diện tích lúa ruộng tập trung ít, chủ yếu diện tích tập trung là cây ăn quả	Đã tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung tương ứng đã được chỉnh sửa tại BCTH Quy hoạch tỉnh.
	- Tại trang 299: “Phương hướng phát triển sản xuất cây cam, bưởi: Đẩy mạnh phát triển trồng bưởi ở những nơi có điều kiện thích hợp, khoảng 1.000ha tại các xã Chiêm Hoá, Bắc Quang, Quang Bình và Vị Xuyên.” Đề nghị bổ sung thêm xã Yên Sơn do Yên Sơn có diện tích cam, bưởi thuận lợi phát triển hướng theo hướng hàng hóa	Đã tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung tương ứng đã được chỉnh sửa tại BCTH Quy hoạch tỉnh.
	- Tại trang 299-300: “i) Phương hướng phát triển sản xuất cây ăn quả ôn đới:”. Đề nghị bổ sung thêm xây dựng nhà máy chế biến cây ăn quả tại thôn Cây Nhãn, xã Yên Sơn đã có trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện Yên Sơn trước đây	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	- Tại trang 300: “4.2. Phương hướng phát triển vùng chăn nuôi tập trung” đề nghị bỏ xã Yên Sơn do xã có số lượng đàn bò thịt, bò sữa, lợn, gà ít, chủ yếu chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ. Đồng thời nghiên cứu bổ sung vùng chăn nuôi cá lồng trên sông (tận dụng mặt nước sông Lô	Đã tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung tương ứng đã được chỉnh sửa tại BCTH Quy hoạch tỉnh.
	- Tại trang 314: - Định hướng phát triển đường đô thị: Đề nghị bổ sung các tuyến đường đô thị (tại Thị trấn Yên Sơn cũ) và các tuyến đường vành đai trên địa bàn xã Yên Sơn và mục “Hoàn thiện và cải tạo chỉnh trang các tuyến đường đô thị	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.
	- Tại trang 317: Đề nghị bỏ quy hoạch bến xe khách tại xã Yên Sơn ra khỏi quy hoạch, Bến xe vị trí này nằm gần vị trí quy hoạch của Bến xe khách tại phường Minh Xuân. Mặt khác vị trí này đã dự kiến xây dựng khu dịch vụ thương mại tổng hợp (Siêu thị, chợ,...) vì trên địa bàn xã chưa có chợ đạt chuẩn	
	- Tại trang 371: “- Công viên nghĩa trang Thiên Đường khoảng 24,1 ha (xã Yên Sơn) phục vụ cho nhu cầu an táng cho tỉnh và các tỉnh trong khu vực.” Đề nghị xem xét, chỉnh sửa lại diện tích là 73ha (theo Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
	2. Về bản vẽ phương án quy hoạch tỉnh - Đối với bản vẽ sơ đồ phương hướng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Điều chỉnh vị trí Khu công nghiệp Yên Sơn tại vị trí nút giao với đường Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (Vị trí có tọa độ VN 2000: 407706, 2421295; 408802, 2421353; 409321, 2420762; 408399, 2420247	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung sơ đồ, bản đồ sẽ được rà soát, chỉnh sửa lại cho phù hợp.
	- Đối với bản vẽ sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Đề nghị bổ sung vị trí nút giao của Đường cao tốc CT02 Tuyên Quang tại thôn Đèo Hoa, xã Yên Sơn (đã nêu tại trang 309 của thuyết minh quy hoạch); Bổ sung tuyến đường kết nối từ nút giao của Đường cao tốc CT02 Tuyên Quang đi cầu qua Sông Lô - Gâm đi xã Tân Long nối với Quốc lộ 2C	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung sơ đồ, bản đồ sẽ được rà soát, chỉnh sửa lại cho phù hợp.
	- Đối với bản vẽ sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: Đề nghị bổ sung Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực trung tâm xã Yên Sơn và hệ thống thoát nước dọc trục đường phát triển đô thị. Lý do đề xuất: Hiện tại, mật độ dân cư tập trung cao tuy nhiên	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung sơ đồ, bản đồ sẽ được rà soát, chỉnh sửa lại cho phù hợp.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải và thoát nước đồng bộ; nước thải sinh hoạt cùng với nước mưa không được xử lý triệt để, đồng thời trực tiếp phát triển đô thị mới hình thành làm thay đổi khẩu độ tiêu thoát nước, dẫn đến ngập úng ảnh hưởng trực tiếp tới diện tích đất sản xuất của Nhân dân	
	- Xem xét, nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch bến xe khách, trạm dừng chân huyện Yên Sơn vị trí vòng xuyên trục đường Quang Trung kéo dài (tại thôn Nghĩa Trung, xã Yên Sơn) thay thế bằng Khu tổ hợp thương mại, dịch vụ giáp đường trục phát triển. Lý do đề nghị điều chỉnh: Phù hợp với thực tiễn giải thể địa giới hành chính cấp huyện, tạo điều kiện hình thành các tổ hợp Thương mại – Dịch vụ hiện đại trên trục phát triển đô thị, qua đó tối ưu hóa giá trị sử dụng đất và tiềm năng phát triển của địa phương	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	- Đề xuất bổ sung vào Quy hoạch tỉnh khu du lịch dịch vụ sinh thái đập Cánh Tiên với quy mô diện tích khoảng 35 ha (có vị trí tọa độ VN-2000: 412929.93,2419291.92). Lý do đề xuất: Nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng cảnh quan, tài nguyên sinh thái và không gian mặt nước của khu vực, góp phần phát huy lợi thế về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và dịch vụ trải nghiệm. Hiện nay, khu vực đập Cánh Tiên có vị trí thuận lợi, cảnh quan tự nhiên còn nguyên sơ, phù hợp định hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang dịch vụ - du lịch của tỉnh. Việc đưa vào Quy hoạch tỉnh sẽ tạo cơ sở pháp lý để thu hút đầu tư, hoàn thiện hạ tầng du lịch, bảo đảm quản lý tài nguyên bền vững, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương, nâng cao đời sống nhân dân và phù hợp với các chiến lược, đề án phát triển du lịch của tỉnh trong giai đoạn tới	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	- Đề xuất bổ sung vào bản đồ phương án phát triển mạng lưới cấp điện đối với Dự án Nhà máy thủy điện 9A trên Sông Lô, công suất dự kiến 40MW, quy mô diện tích 86 ha. - Đối với bản đồ phương hướng thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên: Đề xuất bổ sung Mỏ sét giàu silic Đèo Hoa, xã Yên Sơn với diện tích 15,5 ha (đã có trong Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) nhằm bảo đảm nguyên liệu cung cấp cho các đơn vị hoạt động sản xuất xi măng. - Đối với bản đồ phương hướng phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất: + Đề xuất bổ sung Quy hoạch đất khu sản xuất kinh doanh tập trung khu vực thôn Đèo Hoa, trên trục đường dẫn lên đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang với diện tích khoảng 30 ha. Lý do đề xuất: Nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển các trục hành lang	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	kinh tế, các tuyến giao thông đối ngoại trọng điểm của tỉnh; đồng thời khai thác hiệu quả quỹ đất, phát huy tối đa giá trị sử dụng đất gắn với hệ thống hạ tầng giao thông huyết mạch. Góp phần tăng cường sự liên kết giữa hạ tầng kỹ thuật với không gian sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng công nghiệp - dịch vụ. Bên cạnh đó, tập trung, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (cơ sở tinh bột sắn, dong giềng...) vào khu vực quy hoạch tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo vệ môi trường. + Đề xuất bổ sung Quy hoạch đất nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã với quy mô diện tích 10,05 ha (có vị trí tọa độ VN2000: 413790, 2420604). + Đề xuất bổ sung Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh, chế biến gỗ tại thôn Khuân Lâm, xã Yên Sơn với diện tích khoảng 12,7ha theo đề xuất của nhà đầu tư (có vị trí tọa độ VN2000: 410946, 2414447).	
39	UBND xã Tân Tiến (Văn bản số 48/UBND-KT ngày 16/01/2026)	
	1. Tại mục 3.4.1 Báo cáo thuyết minh Phương hướng phát triển trồng trọt. Tại mục phương hướng phát triển các vùng trồng lúa, ngô, chè, lạc, đậu tương, rau, cây được liệt...đề nghị chỉnh sửa “tại các xã: Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...” thành các vùng “Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...”. Lý do phạm vi khu vực thực hiện rộng và bao quát, đây là khu vực toàn bộ các xã của huyện cũ trước sáp nhập	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	2. Tại mục 3.4.2 Báo cáo thuyết minh Phương hướng phát triển chăn nuôi. Tại mục phương hướng phát triển đàn dê...đề nghị chỉnh sửa tại “các xã: Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...” thành các vùng “Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...”. Lý do phạm vi khu vực thực hiện rộng và bao quát, đây là khu vực toàn bộ các xã của huyện cũ trước sáp nhập	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	3. Tại mục 4.5.2 Phương hướng phát triển các khu du lịch cấp tỉnh: Đề xuất bổ sung: Khu du lịch Tây Côn Lĩnh - xã Tân Tiến. Lý do đây là khu vực có tiềm năng phát triển	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	4. Tại mục 4.5.3. Phương hướng phát triển các điểm du lịch (Kèm phụ lục 1: Danh mục điểm du lịch quy hoạch trên địa bàn tỉnh). Đề nghị chỉnh sửa:	Tiếp thu, chỉnh sửa

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Tại số TT 27 phụ lục 01: “Làng Văn hoá dân tộc mông thôn Hoá Chéo, xã Tân Tiến”, chỉnh sửa thành “Làng văn hoá dân tộc mông thôn Hoá Chéo Phìn, xã Nậm Dịch. - Đề xuất bổ sung các điểm du lịch để thu hút đầu tư. + Điểm du lịch các thôn 3,4,5,6,7,8 xã Tân Tiến. + Điểm du lịch thôn 1,2 xã Tân Tiến. + Điểm du lịch Tân Tiến 1,2 - Nậm Than - Pắc Ngàm - Thịnh Rầy xã Tân Tiến. + Điểm du lịch Bản Qua 1,2 - Cốc Lầy - Thu Lùng - Bản Chè 1,2 xã Tân Tiến. + Điểm du lịch ruộng bậc thang khu vực Bản Nhùng, xã Tân Tiến. + Điểm du lịch kết hợp bảo tồn - Nghiên cứu giống - Phát triển chè Shan tuyết Cổ thụ nguồn gen động thực vật quý hiếm rừng Tây Côn Lĩnh - xã Tân Tiến	
40	UBND xã Quản Bạ (Văn bản số 44/UBND-KT ngày 16/01/2026)	
	- Đề xuất các nội dung bổ sung Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đến 2030, tầm nhìn đến 2050: Xã Quản Bạ là xã có tiềm năng phát triển về nông nghiệp và thương mại dịch vụ. Để đáp ứng yêu cầu phát triển sau sáp nhập. UBND xã đề xuất cơ quan có thẩm quyền cho chủ trương bổ sung quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Cụ thể: (1) Quy hoạch xây dựng trung tâm xã Quản Bạ trở thành đô thị loại 5. (2) Bổ sung bãi đỗ dự phòng Dự án Taxi Bay eVTOL: vị trí dự kiến tại thôn Nà Khoang diện tích khoảng 1000 m2. - Đề xuất điều chỉnh vào quy hoạch chung của xã Còn lại các nội dung khác đề xuất giữ nguyên theo Quy hoạch tỉnh Hà Giang (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
41	UBND xã Thái Sơn (Văn bản số 37/UBND-KT ngày 15/01/2026)	
	1. Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giúp Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn theo các nội dung đề xuất tại Báo cáo số 348/BC-UBND về đề xuất nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn xã Thái Sơn, tỉnh Tuyên Quang (sau hợp nhất, sáp nhập). 1.1. Đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch dự án “Khu xử lý chất thải Thái Sơn”. Giải pháp xử lý chất thải trên địa bàn xã: Thực hiện việc thu gom, vận chuyển đến khu vực đủ điều kiện để xử lý theo quy định (Khu xử lý rác Nhữ Khê, khu xử lý rác xã Phù Lưu...).	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.2. Đề xuất giữ nguyên các công trình, dự án còn lại đã được phê duyệt tại Quyết định số 325/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị tích hợp thêm các công trình, dự án đã được phê duyệt theo nội dung Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị mới Thái Sơn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2045	
	2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung thêm các nội dung theo đề nghị của các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn xã Thái Sơn: Bổ sung quy hoạch mở rộng 02 dự án khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường: (1) Mỏ Thành Công, xã Thái Sơn, tỉnh tuyên Quang: Đã được cấp Giấy phép khai thác số 06/GP-UBND ngày 10/02/2022, tổng diện tích được phê duyệt dự án là 48,7 ha. Nay đề nghị mở rộng diện tích khai thác thêm 134,1 ha. (2) Mỏ đá vôi An Thạch, xã Thái Sơn: Hiện đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, diện tích đã được UBND tỉnh đồng ý chấp thuận chủ trương đầu tư là 15,01 ha. Nay đề nghị mở rộng diện tích thêm 33,0 ha	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
42	UBND xã Bằng Hành (Văn bản số 72/UBND-KT ngày 16/01/2026)	
	Đề xuất điều chỉnh bổ sung nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã Bằng Hành. - Đất cụm tiểu thủ công nghiệp 05 ha địa chỉ tại thôn Mãng. - Mở mới chợ trung tâm 0,5 ha tại thôn Minh Khai. - Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,5 ha tại Thôn Mãng, thôn Minh Khai, thôn Thia Trường; thôn Kim Tiến. - Đất Thương mại dịch vụ 1,3 ha tại Thôn Minh Khai; Minh Tường. - Đất BCH Quân Sự (Đất Quốc Phòng) lấy vào đất trụ sở công an hiện nay 0,26 ha. - Mở rộng trụ sở xã Bằng Hành 0,5 ha tại thôn Minh Khai. - Đất ở nông thôn 4 ha tại tất cả các thôn. - Mở rộng khu thể thao xã 0,8 ha tại thôn Minh Khai. - Đất giáo dục (chuyển đổi trụ sở xã Vô Điểm cũ sang trường MN Vô Điểm và trụ sở xã Bằng Hành cũ sang trường Mầm Non Bằng Hành) 0,42 ha. - Đất trụ sở làm việc công an xã 0,65 ha tại thôn Mãng. - Đất chăn nuôi tập trung 30ha tại các thôn. - Khu du lịch sinh thái 100 ha thôn Lâm.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Du lịch Lòng hồ thủy điện 112ha thôn Me Hạ, Thia, Thia Trường. - Khu lịch Thủy Lâm viên 11.9ha thôn Linh. - Mở rộng nghĩa trang xã 2ha thôn Minh Tường. - Đất công trình xử lý chất thải 5ha thôn Quý Quốc.	
43	UBND xã Vị Xuyên (Văn bản số 137/UBND-KT ngày 15/01/2026)	
	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụ thể: 1. Quy hoạch chung xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2050 2. Dự án Khu tái định cư tại thôn Làng Vàng quy mô 1,5 đến 2ha. 3. Dự án xây dựng khu thu gom, trung chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tập trung của xã Vị Xuyên. 4. Nghĩa trang nhân dân tập trung xã Vị Xuyên (hoặc quy hoạch mở rộng/quy tập các nghĩa trang nhỏ lẻ). 5. Cụm khai thác vật liệu xây dựng thông thường (đá vôi) tại khu vực phía Tây xã, quy mô khoảng 6,70 ha. 6. Khu thể thao tại phía Đông Nam xã, bao gồm: Sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu thể thao, bãi đỗ xe... quy mô khoảng 4,2 ha. 7. Khu liên hiệp thể thao Tại vị trí km 16 thuộc thôn Làng Vàng, quy mô khoảng 1,0 ha 8. Khu công viên vui chơi giải trí kết hợp hồ điều hoà, vườn hoa đô thị: 5 ha. 9. Khu du lịch thôn Bản Bang. 10. Tu bổ, tôn tạo tổng thể Chùa Sùng Khánh xã Vị Xuyên 11. Dự án tuyến đường nội thị kéo dài giai đoạn 2 12. Trạm biến áp 300–500 MVA tại trung tâm khu hành chính mới gắn ngầm hóa hệ thống dây điện từ Khu công nghiệp Bình Vàng đến Km 23. 13. Kè chống sạt lở hai bên bờ Tây sông Lô đoạn qua trung tâm xã. 14. Dự án tuyến đường ven sông Lô từ km 9 đến km 32 Quốc lộ 2; 15. Dự án tuyến đường đôi kéo dài từ km5 Quốc lộ 2 đến km10 Quốc lộ 2. 16. Dự án xây dựng nhà máy cấp nước sinh hoạt.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
44	UBND xã Chiêm Hóa (Văn bản số 53/UBND-KT ngày 12/01/2026)	
	Tại Phụ lục VII Phương hướng phát triển khu xử lý cấp tỉnh, liên xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phần II Khu vực xử lý vùng liên xã, mục 1 của dự thảo ghi: “Khu vực Sơn Dương và lân cận”, trong đó có khu xử lý Phúc Thịnh xử lý CTR thông thường cho Chiêm Hóa và các xã lân cận. Xuất phát từ đặc điểm địa hình, điều kiện tự nhiên, quy mô dân số và nhu cầu xử lý rác thải riêng của xã Chiêm Hóa, Ủy ban nhân dân xã Chiêm Hóa đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho tách riêng quy hoạch khu xử lý rác thải của xã Chiêm Hóa ra khỏi quy hoạch chung với các xã khác thành “Khu vực Chiêm Hóa và lân cận” nhằm bảo đảm phù hợp với thực tế địa phương, thuận lợi cho công tác đầu tư, quản lý, vận hành và nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường	Tiếp thu, đã chỉnh sửa.
45	UBND phường Mỹ Lâm (Văn bản số 829 /UBND-KTHT&ĐT ngày 26/12/2025 do VP.UBND tỉnh chuyển tiếp)	
	1. Về điều chỉnh phạm vi và ranh giới quy hoạch Cập nhật, điều chỉnh phạm vi và ranh giới trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:	
	- Cập nhật ranh giới hành chính mới: Thay thế các đơn vị hành chính cũ (phường Mỹ Lâm cũ, xã Mỹ Bằng, một phần xã Kim Phú) bằng đơn vị hành chính mới là phường Mỹ Lâm; phạm vi quy hoạch của phường mới cần được xác định lại với tổng diện tích tự nhiên khoảng 80,20 km ² và quy mô dân số khoảng 32.00 người; việc cập nhật này phải được thể hiện đồng bộ trên bản đồ phương án sắp xếp đơn vị hành chính và bản đồ quy hoạch hệ thống đô thị toàn tỉnh.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung sẽ được chỉnh sửa
	- Mở rộng ranh giới phát triển đô thị: Trong Quy hoạch tỉnh cũ, xã Mỹ Bằng và xã Kim Phú được định hướng chủ yếu là khu vực nông thôn và vùng đệm. Tuy nhiên, sau khi sáp nhập vào phường Mỹ Lâm, toàn bộ diện tích 32,72 km ² của xã Mỹ Bằng và 34,15 km ² diện tích sáp nhập từ xã Kim Phú (gồm 15 thôn và một phần 3 thôn khác) đã chính thức trở thành khu vực nội thị. Do đó, cần điều chỉnh mở rộng ranh giới đất xây dựng đô thị về phía Tây Nam, chuyển đổi chức năng sử dụng đất của khu vực này từ “đất nông thôn” sang “đất đô thị” để phù hợp với tính chất đơn vị hành chính mới.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	- Điều chỉnh phân vùng chức năng: Đề nghị điều chỉnh ranh giới các vùng chức năng trong Quy hoạch tỉnh cũ để tích hợp không gian của 3 đơn vị cũ thành một thể thống nhất. Cụ thể, xác định lại ranh giới “Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng và nông nghiệp	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	công nghệ cao Mỹ Lâm” bao trùm lên toàn bộ địa giới phường mới, thay vì bị chia cắt bởi ranh giới hành chính cũ, tạo hành lang pháp lý quan trọng để triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kết nối liên vùng (từ QL37 qua Kim Phú vào khu suối khoáng Mỹ Lâm).	
	2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và điều kiện phát triển: Trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng phường Mỹ Lâm (cũ), xã Mỹ Bằng và khu vực điều chỉnh từ xã Kim Phú, cấu trúc phát triển của địa bàn đã thay đổi căn bản từ mô hình phân tán sang mô hình tích hợp đô thị quy mô lớn, cụ thể: * Đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên phát triển: - Vị trí địa lý và địa hình: Phường Mỹ Lâm mới sở hữu vị thế “Cửa ngõ Tây Nam” chiến lược của tỉnh, tiếp giáp trực tiếp với tỉnh Yên Bái và Phú Thọ. Địa hình khu vực sáp nhập tạo nên một cấu trúc đa dạng và bổ trợ hoàn hảo: Khu vực Mỹ Lâm cũ là vùng đồi núi thấp với thung lũng suối khoáng; khu vực Kim Phú sáp nhập cung cấp quỹ đất bằng phẳng, rộng lớn thuận lợi cho phát triển hạ tầng đô thị; trong khi Mỹ Bằng đóng góp cảnh quan bán sơn địa với hệ thống đồi bát úp và hành lang sông Chảy, sự kết hợp này tạo ra một không gian đô thị sinh thái đa tầng bậc hiếm có. - Tài nguyên du lịch và khoáng sản: Tài nguyên cốt lõi là nguồn nước khoáng nóng Mỹ Lâm, được đánh giá là một trong những mỏ nước khoáng tốt nhất Đông Dương; bên cạnh đó, quỹ đất rừng và vùng chè nguyên liệu tại Mỹ Bằng, cùng hệ sinh thái ven sông Chảy là tài nguyên du lịch sinh thái chưa được khai thác xứng tầm; việc sáp nhập cho phép quy hoạch các quần thể du lịch quy mô lớn (Golf, Resort, Safari...) mà không bị giới hạn bởi ranh giới hành chính cũ. * Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa: - Quy mô và chất lượng dân số: Sau sáp nhập, phường Mỹ Lâm mới có quy mô dân số khoảng 32.000 người, trở thành một trong những phường có tỷ lệ dân số đông của tỉnh; tuy nhiên, chất lượng dân cư không đồng đều, khu vực trung tâm Mỹ Lâm cũ có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp cao (dịch vụ du lịch), trong khi khu vực Mỹ Bằng và Kim Phú chủ yếu là lao động nông nghiệp, điều này đặt ra áp lực nhưng cũng là cơ hội để chuyển dịch cơ cấu lao động tại chỗ sang phục vụ cho khu vực du lịch, dịch vụ đang phát triển mạnh. - Hiện trạng sử dụng đất: Việc sáp nhập đã giải quyết được “điểm nghẽn” lớn nhất của phường Mỹ Lâm cũ là thiếu quỹ đất; với tổng diện tích tự nhiên trên 80 km², phường mới sở hữu quỹ đất dự trữ phát triển rất lớn (đặc biệt là hơn 34 km² từ xã Kim Phú). Tuy nhiên, hiện trạng sử dụng đất còn manh mún, đất ở nông thôn xen kẹt với đất sản	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	xuất, chưa hình thành được các khu chức năng đô thị tách biệt rõ ràng, đòi hỏi phải điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh để chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp với định hướng đô thị loại IV, hướng tới đô thị loại II trong tương lai. * Đánh giá hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội: - Hạ tầng giao thông: Trục xương sống QL37 và đường Tuyên Quang - Yên Bái đóng vai trò huyết mạch. Tuy nhiên, hệ thống giao thông kết nối ngang (đường liên thôn, liên xã cũ) giữa 3 khu vực (Mỹ Lâm - Kim Phú - Mỹ Bằng) còn yếu và thiếu đồng bộ về mặt cắt; các tuyến đường tại khu vực Mỹ Bằng và Kim Phú (phần sáp nhập) chủ yếu là đường nông thôn đã xuống cấp, chưa đáp ứng tiêu chuẩn đường đô thị về vỉa hè, thoát nước và chiếu sáng. - Hạ tầng kỹ thuật khác: Hệ thống cấp nước sạch và xử lý nước thải đang có sự chênh lệch lớn; khu vực du lịch Mỹ Lâm được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tương đối hiện đại, trong khi khu vực dân cư Mỹ Bằng và Kim Phú chủ yếu vẫn tự thấm, việc sáp nhập đòi hỏi phải quy hoạch lại hệ thống thu gom và xử lý chất thải tập trung quy mô lớn cho toàn vùng. * Phân tích tiềm năng, lợi thế và thách thức trong bối cảnh mới: - Tiềm năng và lợi thế: Lợi thế lớn nhất là sự cộng hưởng chuỗi giá trị “Du lịch nghỉ dưỡng (Mỹ Lâm) + Nông nghiệp sinh thái/cảnh quan (Mỹ Bằng) + Quỹ đất đô thị/hậu cần (Kim Phú)”. Phường Mỹ Lâm mới có đủ không gian để phát triển đầy đủ các chức năng như: Lưu trú, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thương mại và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao... - Khó khăn và thách thức: Thách thức lớn nhất là công tác quản lý đô thị trên một địa bàn rộng và đa dạng; việc chuyển đổi từ mô hình quản lý xã (nông thôn) sang phường (đô thị) tại Mỹ Bằng và Kim Phú đòi hỏi nguồn lực đầu tư hạ tầng rất lớn để đạt chuẩn; bên cạnh đó, nguy cơ xung đột giữa phát triển đô thị nóng và bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng nóng, cảnh quan sinh thái hiện hữu nếu không có sự kiểm soát quy hoạch chặt chẽ ngay từ đầu.	
	3. Xây dựng và lựa chọn kịch bản phát triển: Việc sáp nhập phường Mỹ Lâm (cũ), xã Mỹ Bằng và khu vực điều chỉnh từ xã Kim Phú không chỉ đơn thuần là sự mở rộng về địa giới hành chính, mà bản chất là sự tái cấu trúc hoàn toàn không gian kinh tế - xã hội của khu vực phía Tây Nam trung tâm kinh tế của tỉnh. Từ một phường du lịch diện tích nhỏ, Mỹ Lâm mới đã trở thành một	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phường với quy mô diện tích trên 80 km², sở hữu tài nguyên đa dạng từ khoáng nóng, đất đai bằng phẳng đến cảnh quan đồi rừng sinh thái. Dựa trên bối cảnh mới này, cùng với sự phân tích các yếu tố động lực (nguồn lực đất đai, hạ tầng giao thông QL37, cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ) và các rủi ro tiềm ẩn (xung đột môi trường, quy hoạch treo), Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lâm xây dựng 03 kịch bản phát triển cho giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2050 như sau:	
	3.1. Các kịch bản phát triển đề xuất: * Kịch bản 1 (Phát triển theo xu hướng tự nhiên): - Mô hình: Duy trì định hướng phát triển của từng đơn vị hành chính cũ trước khi sáp nhập. Khu vực Mỹ Lâm cũ tập trung khai thác dịch vụ tắm khoáng hiện có; xã Mỹ Bằng tiếp tục phát triển nông - lâm nghiệp là chủ đạo; khu vực sáp nhập từ Kim Phú phát triển dân cư ven các trục đường chính. - Đặc điểm: Tốc độ đô thị hóa ở mức trung bình (khoảng 25-30%); hạ tầng được đầu tư chấp vá, chủ yếu nâng cấp các tuyến đường hiện hữu; sự liên kết kinh tế giữa 3 khu vực lỏng lẻo. - Ưu điểm: Ổn định, ít gây xáo trộn đời sống người dân, nhu cầu vốn đầu tư công không quá lớn. - Nhược điểm: Không khai thác được lợi thế nhờ quy mô sau sáp nhập; quỹ đất vàng tại Kim Phú và Mỹ Bằng không tạo ra giá trị gia tăng cao; về tương lai thì phường Mỹ Lâm khó bứt phá để trở thành đô thị loại II hay trung tâm du lịch quốc gia do thiếu không gian và hạ tầng đồng bộ; nguy cơ phát triển manh mún, phá vỡ cảnh quan chung là rất cao. * Kịch bản 2 (Đô thị hóa nhanh và thâm dụng đất đai): - Mô hình: Tập trung tối đa vào việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang đất ở và thương mại dịch vụ; đẩy mạnh phân lô bán nền, phát triển các khu đô thị mật độ cao dọc trục QL37 và các tuyến đường mới mở tại Kim Phú và Mỹ Bằng. - Đặc điểm: Tốc độ đô thị hóa rất cao (trên 60%); kinh tế tăng trưởng nhanh trong ngắn hạn nhờ nguồn thu từ đất; cảnh quan nông nghiệp và đồi chè bị thay thế nhanh chóng bằng bê tông. - Ưu điểm: Thu ngân sách tăng đột biến, bộ mặt đô thị thay đổi nhanh chóng. - Nhược điểm: Rủi ro môi trường rất lớn, đặc biệt là nguy cơ ô nhiễm nguồn nước khoáng nóng và phá vỡ hệ sinh thái ven sông Chảy; hạ tầng xã hội (trường học, bệnh	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	viện, cây xanh) thường không theo kịp tốc độ gia tăng dân số cơ học, dẫn đến quá tải; đánh mất bản sắc “đô thị sinh thái”, đây yếu tố cốt lõi để thu hút du khách nghỉ dưỡng cao cấp. * Kịch bản 3 (Phát triển đô thị Du lịch - Nghỉ dưỡng - Sinh thái tích hợp): - Mô hình: Phát triển dựa trên cấu trúc “Đa trung tâm - Chuyên môn hóa - Kết nối xanh”, xem xét toàn bộ phường Mỹ Lâm mới là một quần thể thống nhất, trong đó: Lõi Du lịch (Mỹ Lâm cũ) phát triển chiều sâu, nâng cấp dịch vụ lên chuẩn 5 sao quốc tế, hạn chế xây dựng mật độ cao để bảo vệ nguồn khoáng; vành đai nông nghiệp và trải nghiệm (Mỹ Bằng) giữ gìn các đồi chè, rừng trồng làm “lá phổi xanh”, phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch Farmstay, Wellness tourism (du lịch chữa lành); cực đô thị dịch vụ (Kim Phú sáp nhập) là nơi tập trung các khu đô thị mới, trung tâm thương mại, dịch vụ logistics, sân golf,... đóng vai trò hậu cần cho khu du lịch và giải dân cho nội đô tại trung tâm kinh tế của tỉnh. - Đặc điểm: Tốc độ đô thị hóa hợp lý (45 - 50%); ưu tiên hạ tầng xanh và giao thông kết nối; kinh tế phát triển dựa trên chuỗi giá trị: Du lịch - Dịch vụ - Nông nghiệp sạch.	
	3.2. Phân tích, lựa chọn kịch bản tối ưu: Dựa trên quan điểm phát triển của tỉnh Tuyên Quang là “Phát triển xanh, bền vững”, phường Mỹ Lâm đề xuất lựa chọn Kịch bản 3 làm kịch bản phát triển chính thức để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh điều chỉnh, giải trình cơ sở lựa chọn như sau: - Phù hợp với xu thế: Kịch bản này đáp ứng đúng xu hướng du lịch nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe (Wellness) đang lên ngôi toàn cầu, tận dụng lợi thế rất lớn từ nguồn nước khoáng chỉ có tại Mỹ Lâm. - Khai thác hiệu quả quỹ đất: Giải quyết được bài toán mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển; khu vực Kim Phú (địa hình bằng phẳng) sẽ gánh vác chức năng đô thị hóa, để dành khu vực Mỹ Lâm và Mỹ Bằng (đồi núi, suối khoáng) cho chức năng sinh thái và du lịch; sự phân công chức năng rõ ràng này chỉ có thể thực hiện được sau khi sáp nhập. - Tính bền vững: Đảm bảo sinh kế lâu dài cho người dân bản địa (tại Mỹ Bằng) thông qua việc tham gia vào chuỗi cung ứng du lịch nông nghiệp, thay vì bị mất đất sản xuất như Kịch bản 2. - Khả thi về nguồn lực: Kịch bản này thu hút được các nhà đầu tư chiến lược lớn (như Vingroup, Sun Group, Flamingo, Danco,...), vì các nhà đầu tư cần quỹ đất lớn và cảnh quan đẹp để phát triển các đại dự án nghỉ dưỡng phức hợp, điều mà Kịch bản 1 không đáp ứng được.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3.3. Định hướng tổ chức không gian theo kịch bản lựa chọn: Để hiện thực hóa Kịch bản 3, cấu trúc không gian phường Mỹ Lâm mới sẽ được tổ chức theo mô hình “Một trục - Hai cánh - Ba trung tâm”, cụ thể như sau: - Một trục xương sống: Là trục Quốc lộ 37 nâng cấp và tuyến đường mới nối từ trung tâm của tỉnh qua Kim Phú vào khu suối khoáng, đây là trục thương mại - dịch vụ sầm uất nhất. - Hai cánh sinh thái: Cánh phía Bắc (Mỹ Bằng) sẽ được bảo tồn vùng đồi chè, rừng phòng hộ, phát triển du lịch sinh thái dưới tán rừng; cánh phía Nam (ven sông Chảy) được quy hoạch hành lang xanh, công viên ngập nước, bến thuyền du lịch kết nối với Yên Bái. - Ba trung tâm chuyên biệt: (1) Trung tâm nghỉ dưỡng quốc tế (Mỹ Lâm cũ), tập trung các resort, khu onsen, bệnh viện phục hồi chức năng; (2) Trung tâm thương mại và đô thị mới (khu vực giáp ranh Kim Phú - Mỹ Lâm) xây dựng các khu phố mua sắm (shophouse), quảng trường lễ hội, trung tâm hành chính phường mới; (3) Trung tâm nông nghiệp công nghệ cao (Mỹ Bằng) là khu vực nghiên cứu, sản xuất, chế biến và trải nghiệm nông nghiệp.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	4. Xác định quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu và tầm nhìn phát triển: 4.1. Quan điểm phát triển: * Phát triển tích hợp và đa giá trị: Chuyển từ tư duy phát triển đơn ngành (Du lịch tại Mỹ Lâm cũ, Nông nghiệp tại Mỹ Bằng, Đô thị tại Kim Phú) sang tư duy tích hợp; lấy Du lịch nghỉ dưỡng - Chăm sóc sức khỏe làm hạt nhân lan tỏa; lấy Nông nghiệp sinh thái làm nền tảng cảnh quan và lấy Đô thị dịch vụ làm động lực hỗ trợ. * Phát triển Bền vững dựa trên bảo tồn: Tuyệt đối không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng nóng; ưu tiên bảo vệ nghiêm ngặt nguồn tài nguyên nước khoáng Mỹ Lâm và hệ sinh thái ven sông Chảy; phát triển đô thị theo hướng “nuơng tựa vào thiên nhiên”, mật độ xây dựng thấp, tỷ lệ cây xanh cao. - Phát huy tối đa nguồn lực đất đai: Tận dụng quỹ đất sáp nhập từ xã Kim Phú và Mỹ Bằng để thu hút các dự án động lực quy mô lớn (Sân golf, Tổ hợp vui chơi giải trí, Resort 5 sao...) mà không gian đô thị cũ không đáp ứng được. 4.2. Mục tiêu phát triển: * Mục tiêu tổng quát: Xây dựng phường Mỹ Lâm trở thành “Đô thị du lịch - nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế”, là cực tăng trưởng kinh tế quan trọng của tỉnh, có kết cấu hạ tầng	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	đồng bộ, hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao, tiệm cận với mức sống của cư dân đô thị loại II. * Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026-2030: Hoàn thành việc khớp nối hạ tầng giao thông, thoát nước giữa 3 khu vực sáp nhập; đưa vào vận hành các dự án trọng điểm như Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm, Sân Golf Vinpearl, tuyến đường kết nối từ trung tâm của tỉnh qua Kim Phú vào khu du lịch,...; chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp (du lịch, dịch vụ). 4.3. Các chỉ tiêu chủ yếu (dự kiến đến năm 2030): - Về Kinh tế: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 15- 16%/năm; tỷ trọng Thương mại - Dịch vụ - Du lịch chiếm trên 65% cơ cấu kinh tế; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 100 triệu đồng/năm. - Về Xã hội: Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 80% (trọng tâm là đào tạo nghề du lịch, khách sạn); giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 1% theo chuẩn đa chiều mới. - Về Hạ tầng và Môi trường: 100% đường trục chính và đường liên tổ dân phố được nhựa hóa/bê tông hóa và có điện chiếu sáng; tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đạt 100%; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt đạt 100%. 4.4. Tầm nhìn đến năm 2050: Phường Mỹ Lâm phấn đấu trở thành trung tâm du lịch chăm sóc sức khỏe hàng đầu khu vực Đông Nam Á, trở thành hình mẫu về sự hài hòa giữa cuộc sống hiện đại tiện nghi và thiên nhiên trong lành, là điểm đến không thể bỏ qua trên bản đồ du lịch Việt Nam.	
	5. Xác định các định hướng lớn tạo đột phá: * Đột phá về Cơ cấu kinh tế: Chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình du lịch tắm khoáng truyền thống sang mô hình “Hệ sinh thái Du lịch nghỉ dưỡng - Chăm sóc sức khỏe (Wellness Tourism) đẳng cấp quốc tế”, đây là định hướng đột phá nhằm khai thác độc quyền nguồn tài nguyên nước khoáng Mỹ Lâm; không chỉ giới hạn ở khu vực phường Mỹ Lâm cũ, định hướng này sẽ mở rộng không gian du lịch sang khu vực Mỹ Bằng, quy hoạch các tổ hợp nghỉ dưỡng biệt lập (Private Resort) tại các đồi chè và ven sông Cháy (Mỹ Bằng) để phục vụ phân khúc khách hàng cao cấp cần sự riêng tư và trị liệu chuyên sâu; đồng thời, phát triển các mô hình “Farm-to-Table” (Từ nông trại đến bàn ăn), sử dụng nông sản sạch của Mỹ Bằng cung cấp trực tiếp cho chuỗi nhà hàng, khách sạn tại khu trung tâm, tạo ra chuỗi giá trị khép kín ngay tại địa phương.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	* Đột phá về Không gian và Hạ tầng: Xây dựng trục giao thông kết nối từ trung tâm tỉnh đi qua khu vực sáp nhập từ xã Kim Phú, xuyên qua trung tâm phường Mỹ Lâm cũ và kết nối với Quốc lộ 37 đi Lào Cai thành “Trục động lực phát triển kinh tế”; ưu tiên nguồn lực mở rộng mặt cắt ngang các tuyến đường trục chính, đồng bộ hóa hệ thống vỉa hè, chiếu sáng và thoát nước giữa khu vực Kim Phú (mới sáp nhập) và Mỹ Lâm cũ để xóa nhòa ranh giới nông thôn - đô thị; tập trung phát triển các khu thương mại, dịch vụ, shophouse mật độ cao dọc theo trục đường này để tạo sầm uất, thay vì phát triển dàn trải; khu vực phía sau các trục đường chính sẽ được quy hoạch thành các khu đô thị sinh thái mật độ thấp, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. * Đột phá về quản lý đất đai: Tận dụng triệt để quỹ đất bằng phẳng và rộng lớn (hơn 34 km²) sáp nhập từ xã Kim Phú và quỹ đất đồi rừng sản xuất kém hiệu quả tại Mỹ Bằng để chuyển đổi mục đích sử dụng, thu hút các nhà đầu tư chiến lược; đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cho phép chuyển đổi linh hoạt các diện tích đất nông nghiệp năng suất thấp sang đất Thương mại - Dịch vụ và đất ở đô thị tại các vị trí đắc địa; tạo lập quỹ đất sạch quy mô lớn (từ 50 - 100 ha) sẵn sàng bàn giao cho nhà đầu tư để thực hiện các dự án trọng điểm như: Công viên chuyên đề, Sân Golf mở rộng (Giai đoạn 2) và Trung tâm Logistics.	
	6. Phương hướng tổ chức không gian phát triển: * Mô hình cấu trúc không gian tổng thể “Một Trục - Hai Vành đai - Ba Phân vùng”: Thay vì phát triển dàn trải, không gian phường Mỹ Lâm mới được định hướng phát triển theo mô hình tập trung - phân tán linh hoạt, bao gồm: - Một Trục động lực trung tâm: Xác định trục Quốc lộ 37 (nâng cấp) và tuyến đường mới kết nối từ trung tâm của tỉnh qua Kim Phú vào Khu du lịch suối khoáng là “Trục xương sống đô thị”; đây là trục giao thông huyết mạch, nơi tập trung các hoạt động thương mại sầm uất, các công trình điểm nhấn và hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính, mọi hoạt động phát triển đô thị mật độ cao sẽ bám dọc theo trục này. - Hai Vành đai sinh thái: (1) Vành đai xanh bảo vệ (phía Bắc) bao gồm hệ thống đồi núi, rừng phòng hộ và các vùng đồi chè tại Mỹ Bằng, vành đai này đóng vai trò là lá phổi xanh, điều hòa vi khí hậu và tạo phong nền cảnh quan cho đô thị; (2) vành đai xanh cảnh quan (phía Nam) là hành lang sinh thái dọc sông Chảy; khu vực này được quy hoạch là không gian mở, hạn chế xây dựng kiên cố, ưu tiên phát triển công viên ngập nước, bến thuyền du lịch và nông nghiệp sạch ven sông.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Ba Phân vùng phát triển chuyên biệt: Không gian phường được chia thành 3 phân khu chức năng dựa trên lợi thế đặc thù của từng đơn vị hành chính cũ, được kết nối chặt chẽ với nhau. * Định hướng quy hoạch chi tiết các Phân vùng phát triển: - Phân vùng 1 (Khu đô thị Cửa ngõ và Dịch vụ thương mại, phân diện tích sáp nhập từ xã Kim Phú và một phần Mỹ Lâm cũ). - Phân vùng 2 (Khu đô thị Du lịch - Nghi dưỡng - Chăm sóc sức khỏe, lõi Mỹ Lâm cũ và vùng đệm). - Phân vùng 3 (Khu đô thị Nông nghiệp sinh thái và Trải nghiệm văn hóa (xã Mỹ Bằng cũ). * Tổ chức hệ thống Trung tâm và Không gian công cộng: - Trung tâm hành chính - chính trị mới: Đề xuất quy hoạch xây dựng khu trung tâm hành chính tập trung của phường Mỹ Lâm mới tại vị trí Mỹ Lâm (cũ), đây là vị trí trọng tâm địa lý, thuận tiện cho người dân từ cả 3 khu vực (Kim Phú sáp nhập, Mỹ Lâm, Mỹ Bằng) tiếp cận giao dịch hành chính. - Hệ thống Quảng trường và Công viên: Xây dựng Quảng trường Lễ hội tại khu vực trung tâm du lịch suối khoáng để tổ chức các sự kiện văn hóa, lễ hội đường phố, quảng bá du lịch; quy hoạch Công viên trung tâm tại vùng đệm giữa Kim Phú và Mỹ Lâm, đóng vai trò là không gian giao lưu cộng đồng, thể dục thể thao cho cư dân.; hình thành các tuyến phố đi bộ, phố ẩm thực đêm dọc theo suối và các trục đường nội bộ khu du lịch, tạo không gian thư giãn, mua sắm an toàn cho du khách. * Định hướng tổ chức không gian cảnh quan và thiết kế đô thị: - Về kiến trúc: Khuyến khích ngôn ngữ kiến trúc “Xanh - Bản địa - Hiện đại”, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường (gỗ, đá, tre, kính), mái dốc, hạn chế bê tông hóa bề mặt; các công trình tại khu vực Mỹ Bằng cần tôn trọng địa hình tự nhiên, hạn chế san gạt lớn làm phá vỡ cảnh quan đồi bát úp. - Về cảnh quan: Tạo lập các hành lang nhìn (View corridors) hướng về phía núi và sông; bảo vệ hệ thống mặt nước (suối, ao hồ) hiện có, cải tạo thành các hồ cảnh quan, hồ điều hòa trong lòng các khu đô thị mới.	
7.	Phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực và khu chức năng a) Phương hướng phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn:	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	* Ngành Du lịch và Dịch vụ: Ngành du lịch được xác định là động lực tăng trưởng chính, tận dụng lợi thế về nguồn nước khoáng nóng Mỹ Lâm. Tuy nhiên, định hướng mới không chỉ dừng lại ở khai thác tài nguyên sẵn có mà hướng tới việc kiến tạo một hệ sinh thái “Du lịch và Nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế”, gồm: - Tổ hợp Du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng Mỹ Lâm: Đây là trái tim của nền kinh tế dịch vụ trong khu vực; quy hoạch định hướng phát triển khu vực này vượt ra khỏi mô hình tắm khoáng truyền thống để trở thành một quần thể nghỉ dưỡng “All-in-one” (tất cả trong một); Dự án Vinpearl Mỹ Lâm - Tuyên Quang được xác định là dự án hạt nhân, định hướng phát triển cho dự án này bao gồm việc xây dựng sân golf 18 lỗ tiêu chuẩn quốc tế, hệ thống khách sạn 5 sao, biệt thự nghỉ dưỡng và khu Onsen - Spa cao cấp,...; chuyển dịch từ du lịch bình dân sang phân khúc cao cấp và siêu cao cấp; quy hoạch nhấn mạnh việc bảo vệ nghiêm ngặt nguồn khoáng nóng, sử dụng công nghệ dẫn nước hiện đại để phục vụ trực tiếp các khu biệt thự và khách sạn, tạo ra sản phẩm du lịch độc đáo “biệt thự khoáng nóng” chưa từng có tại khu vực miền núi phía Bắc. - Du lịch Sinh thái và Trải nghiệm Nông nghiệp (Agri-Tourism): Sự sáp nhập xã Mỹ Bằng vào phường Mỹ Lâm mở ra cơ hội to lớn để phát triển du lịch trải nghiệm; Mỹ Bằng sở hữu những đồi chè bát ngát và cảnh quan hồ nước, đồi núi hùng vĩ; kết nối tour du lịch “Nghỉ dưỡng khoáng nóng Mỹ Lâm” với “Tham quan đồi chè Mỹ Bằng”; du khách sau khi trị liệu tại Mỹ Lâm có thể di chuyển sang Mỹ Bằng để trải nghiệm hái chè, chế biến chè và thưởng thức văn hóa ẩm thực địa phương; phát triển các mô hình Farmstay, Homestay cao cấp nằm giữa các đồi chè; khuyến khích các hợp tác xã mở rộng chức năng đón tiếp khách du lịch, biến vùng nguyên liệu thành điểm check-in và trải nghiệm văn hóa độc đáo, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. - Thương mại và Dịch vụ Đô thị: Khu vực Kim Phú (phần sáp nhập) và dọc các trục giao thông lớn (QL37, QL2D) được quy hoạch thành các hành lang thương mại sầm uất; định hướng phát triển hình thành các tuyến phố thương mại (shophouse) sầm uất, cung cấp dịch vụ mua sắm, giải trí, ẩm thực cho cả cư dân đô thị và khách du lịch; khu vực này đóng vai trò “tiền sảnh” đón tiếp, cung cấp các dịch vụ hậu cần, logistics và thương mại. * Ngành Nông nghiệp: Định hướng chuyển đổi sang Nông nghiệp Đô thị và Công nghệ cao; mặc dù tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế sẽ giảm, nhưng giá trị tuyệt đối và chất lượng sản phẩm phải tăng lên để phục vụ du lịch và xuất khẩu tại chỗ, cụ thể:	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Vùng chuyên canh chè đặc sản Mỹ Bằng: Cây chè tiếp tục là cây trồng chủ lực, những thay đổi về phương thức sản xuất; duy trì diện tích chè khoảng 466 ha, nhưng đẩy mạnh áp dụng 100% tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ; định hướng phát triển các sản phẩm chè chế biến sâu (bột trà xanh, mỹ phẩm từ chè, trà uống liền) thay vì chỉ bán chè thô, khuyến khích đầu tư dây chuyền đóng gói chân không, mẫu mã bao bì sang trọng để làm quà tặng du lịch. - Chăn nuôi công nghệ cao: Mỹ Bằng hiện có trang trại bò sữa của Công ty Cổ phần Hồ Toàn với quy mô trên 2.700 con, đạt chuẩn GlobalGAP, định hướng phát triển mô hình chăn nuôi khép kín, tuần hoàn; xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm sạch (sữa, thịt) cung cấp trực tiếp cho hệ thống khách sạn, nhà hàng tại khu du lịch Vinpearl và Danko,... giảm chi phí vận chuyển và đảm bảo nguồn gốc thực phẩm. * Ngành Công nghiệp và Xây dựng: Phát triển công nghiệp tại khu vực này phải tuân thủ nguyên tắc “Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng”, do tính nhạy cảm của nguồn nước khoáng và cảnh quan du lịch, cụ thể: - Công nghiệp chế biến và thủ công mỹ nghệ: Quy hoạch các điểm, cụm công nghiệp quy mô vừa và nhỏ tại Mỹ Bằng, tách biệt với khu du lịch; ưu tiên các ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản (chè, gỗ rừng trồng) sử dụng công nghệ sạch, ít phát thải. Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống (dệt thổ cẩm, mây tre đan) của đồng bào dân tộc (Tày, Cao Lan) tại Mỹ Bằng và Kim Phú để phục vụ hàng lưu niệm cho khách du lịch tại Mỹ Lâm. - Công nghiệp xây dựng và vật liệu: Trong giai đoạn 2021-2030, ngành xây dựng sẽ bùng nổ để phục vụ quá trình đô thị hóa và xây dựng các siêu dự án, vì vậy việc quy hoạch các khu vực khai thác vật liệu xây dựng (đất san lấp, cát sỏi) phải được kiểm soát chặt chẽ để không phá vỡ cảnh quan đồi núi và dòng chảy sông suối; khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng không nung, vật liệu xanh trong các công trình du lịch để hài hòa với thiên nhiên. b) Quy hoạch các khu chức năng trọng tâm: Việc tổ chức không gian lãnh thổ phải được cụ thể hóa thành các phân khu chức năng rõ rệt, đảm bảo tính chuyên biệt hóa nhưng vẫn kết nối đồng bộ, gồm: - Khu Chức năng 1: Đô thị du lịch và nghỉ dưỡng (lõi Mỹ Lâm cũ). - Khu Chức năng 2: Nông nghiệp sinh thái và trải nghiệm (vùng Mỹ Bằng). - Khu Chức năng 3: Đô thị thương mại và cửa ngõ (vùng Kim Phú sáp nhập).	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Khu Chức năng 4: Trung tâm Hành chính - Chính trị mới (với việc mở rộng địa giới, phường Mỹ Lâm cần một trung tâm hành chính mới xứng tầm). c) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật kết nối: - Về giao thông: Nâng cấp Quốc lộ 37 và Quốc lộ 2D đạt tiêu chuẩn đường đô thị (mặt cắt 26 - 42m), đây là trục xương sống kết nối Khu du lịch Mỹ Lâm với trung tâm của tỉnh và đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang; xây dựng tuyến đường “Trục phát triển đô thị” kết nối trực tiếp từ Danko Center (Kim Phú) xuyên qua vùng nông nghiệp Mỹ Bằng đến sân Golf Mỹ Lâm, tuyến đường này không chỉ phục vụ giao thông mà còn là tuyến đường cảnh quan du lịch; quy hoạch các bãi đỗ xe lớn tại các cửa ngõ, khuyến khích sử dụng xe điện nội khu để bảo vệ môi trường. - Về cấp thoát nước và môi trường: Thiết lập hành lang bảo vệ nghiêm ngặt (Vùng 1) quanh các mỏ nước khoáng nóng, nghiêm cấm các hoạt động khoan giếng trái phép hoặc xả thải trong bán kính bảo vệ; xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng biệt cho khu du lịch và khu dân cư; nước thải từ các khu resort, sân golf phải được xử lý đạt chuẩn A trước khi tái sử dụng tưới cây hoặc xả ra môi trường; đầu tư nhà máy nước sạch Mỹ Lâm công suất 2.000 - 3.800 m³/ngày đêm, lấy nguồn nước mặt từ sông hoặc các hồ chứa lớn, đảm bảo không khai thác nước ngầm làm ảnh hưởng đến địa tầng chứa khoáng.	
	8. Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn - Định vị và tính chất đô thị: Xác định phường Mỹ Lâm là “Cực tăng trưởng đô thị du lịch - sinh thái phía Tây Nam” của tỉnh; chuyển đổi mô hình phát triển từ đơn vị hành chính cấp xã/phường đơn lẻ sang mô hình “Đô thị xanh tích hợp quy mô lớn” với diện tích trên 80 km² và dân số khoảng 32.000 người; định hướng du lịch nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe (Wellness Tourism) - Dịch vụ thương mại cửa ngõ - Nông nghiệp đô thị công nghệ cao. - Định hướng tổ chức không gian đô thị và nông thôn (trong lòng phường): Do đặc thù sáp nhập từ các đơn vị có trình độ phát triển khác nhau, đề xuất phân vùng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn phường thành 03 khu vực để có chính sách quản lý phù hợp: (1) Khu vực Lõi đô thị hóa (phường Mỹ Lâm cũ và phần sáp nhập từ Kim Phú): Định hướng phát triển mật độ cao, tập trung các công trình dịch vụ, thương mại, khách sạn, nhà ở đô thị hiện đại; đây là bộ mặt khang trang của đô thị, ưu tiên đầu tư hạ tầng ngầm hóa và hiện đại hóa;	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(2) Khu vực đô thị sinh thái (Khu vực trung tâm xã Mỹ Bằng cũ dọc QL37): Phát triển theo mô hình “Phổ trong vườn”, mật độ xây dựng trung bình và thấp; khuyến khích kiến trúc xanh, hài hòa với cảnh quan đồi núi; (3) Khu vực Làng đô thị xanh (các thôn vùng sâu của Mỹ Bằng và ven sông Chảy): Duy trì cấu trúc làng xóm truyền thống nhưng được nâng cấp hạ tầng đạt chuẩn đô thị (chiếu sáng, vỉa hè, thoát nước); phát triển mô hình “Làng văn hóa du lịch”, bảo tồn kiến trúc nhà sàn và cảnh quan đồi chè, hạn chế tối đa việc san gạt địa hình. - Lộ trình chuyển đổi và kết nối Nông thôn - Đô thị: Đề xuất lộ trình chuyển đổi toàn bộ các thôn “Thôn” thuộc xã Mỹ Bằng và xã Kim Phú (phần sáp nhập) thành “Tổ dân phố” ngay trong năm 2026; rà soát, sắp xếp lại quy mô các tổ dân phố mới đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích và dân số đô thị, tránh manh mún; ưu tiên nguồn lực trong Quy hoạch tỉnh để đầu tư các trục giao thông kết nối ngang “xương cá” từ Quốc lộ 37 và đường Tuyên Quang – Lào Cai vào các khu dân cư nông thôn cũ nhằm xóa bỏ khoảng cách về hạ tầng giữa khu vực trung tâm và vùng ven; quy hoạch bổ sung các không gian công cộng (công viên, quảng trường, nhà văn hóa liên tổ) tại các khu vực chuyển đổi từ xã lên phường để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của cư dân đô thị mới, thay thế cho các thiết chế văn hóa thôn bản cũ không còn phù hợp. - Đề nghị tích hợp nội dung “Xây dựng phường Mỹ Lâm trở thành đô thị kiểu mẫu về phát triển du lịch gắn với bảo tồn sinh thái và bản sắc văn hóa dân tộc” vào phương hướng phát triển hệ thống đô thị chung của tỉnh trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh điều chỉnh.	
	9. Phương hướng phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật: Sau khi sáp nhập, hệ thống hạ tầng của phường Mỹ Lâm mới đang trong tình trạng “đa tốc độ”: Khu vực Mỹ Lâm cũ có hạ tầng du lịch khá hiện đại; khu vực Kim Phú sáp nhập đang đô thị hóa mạnh; trong khi Mỹ Bằng vẫn mang đặc thù hạ tầng nông thôn. Để đồng bộ hóa, phường Mỹ Lâm đề xuất điều chỉnh phương hướng phát triển hạ tầng trong Quy hoạch tỉnh như sau: * Về hạ tầng giao thông: - Giao thông đối ngoại: Đề xuất quy hoạch nâng cấp đoạn tuyến Quốc lộ 37 và Quốc lộ 2D đi qua địa bàn phường thành đường trục chính đô thị với lộ giới quy hoạch từ 30m - 42m, đầu tư hoàn chỉnh hệ thống vỉa hè, cây xanh, thoát nước và hào kỹ thuật; ưu tiên đẩy nhanh tiến độ tuyến đường kết nối từ trung tâm của tỉnh (nút giao Lê Lợi) qua khu vực Kim Phú sáp nhập vào thẳng Khu du lịch suối khoáng.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Giao thông đối nội: Bổ sung quy hoạch các tuyến đường liên khu vực (trục ngang) kết nối từ QL37 sang QL2D và các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Mỹ Bằng; quy hoạch mới các bãi đỗ xe tĩnh quy mô lớn (3-5 ha) tại các cửa ngõ vào khu du lịch và khu vực trung tâm hành chính mới để giảm tải áp lực giao thông mùa lễ hội. * Về hạ tầng cấp điện và chiếu sáng: Đề xuất quy hoạch hạ ngầm toàn bộ hệ thống lưới điện trung, hạ thế và cáp viễn thông tại khu vực trung tâm phường (Mỹ Lâm cũ), khu vực dọc QL37 và các khu đô thị mới tại phần đất sáp nhập từ Kim Phú để đảm bảo mỹ quan cho đô thị du lịch; nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng tại các tuyến đường trục thôn, xóm của xã Mỹ Bằng cũ đạt tiêu chuẩn ánh sáng đô thị loại IV. * Về hạ tầng cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường: - Cấp nước: Quy hoạch mở rộng mạng lưới cấp nước sạch từ Nhà máy nước thành phố Tuyên Quang cũ và Nhà máy nước Mỹ Lâm phủ kín 100% địa bàn phường (bao gồm cả các thôn vùng sâu của Mỹ Bằng), thay thế dần nguồn nước giếng khoan không đảm bảo. - Thoát nước: “Đây là vấn đề cấp bách nhất”, đề xuất quy hoạch hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt cho toàn bộ phường; ưu tiên xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung công suất lớn (dự kiến 3.000 - 5.000 m³/ngày đêm) để thu gom, xử lý nước thải từ khu du lịch và các khu dân cư mới, tuyệt đối không xả thải trực tiếp ra sông Chảy và suối khoáng. - Nghĩa trang: Đề xuất đóng cửa, dừng hưng táng tại các nghĩa trang nhỏ lẻ nằm xen kẹt trong khu dân cư; quy hoạch mở rộng nghĩa trang tập trung tại vị trí phù hợp (xa khu du lịch) hoặc đầu nối về Nghĩa trang Thiên đường. * Về hạ tầng thương mại: Quy hoạch xây dựng 01 Trung tâm thương mại - Dịch vụ tổng hợp hạng II tại khu vực ngã ba trung tâm (nút giao kết nối 3 khu vực sáp nhập) để làm đầu mối giao thương và cung cấp dịch vụ hậu cần cho khách du lịch khi đến thăm quan.	
	10. Phương hướng phát triển hạ tầng xã hội: Sau khi sáp nhập, quy mô dân số phường Mỹ Lâm tăng lên gần 32.000 người, tương đương với quy mô của một đô thị loại IV. Để đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ mục tiêu phát triển du lịch, phường Mỹ Lâm đề xuất điều chỉnh phương hướng phát triển hạ tầng xã hội trong Quy hoạch tỉnh như sau:	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Về Y tế và chăm sóc sức khỏe: Xác định Mỹ Lâm là “Trung tâm y tế, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi” của tỉnh, đề xuất quy hoạch quỹ đất khoảng 10-20 ha tại khu vực lõi du lịch (Mỹ Lâm cũ) để thu hút đầu tư xây dựng Bệnh viện nghỉ dưỡng, Trung tâm điều dưỡng lão khoa cao cấp và các cơ sở vật lý trị liệu sử dụng nguồn khoáng nóng; quy hoạch xây dựng mới Trạm Y tế phường đạt chuẩn Quốc gia tại vị trí trung tâm hành chính để đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân cả 3 khu vực sáp nhập cũng như khu vực lân cận. - Về Giáo dục và Đào tạo: Rà soát, quy hoạch lại mạng lưới trường học trên địa bàn theo hướng sáp nhập các điểm trường lẻ (của xã Mỹ Bằng cũ) về các trường trung tâm để đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ; ưu tiên quỹ đất xây dựng mới các trường Mầm non, Tiểu học chất lượng cao tại khu vực đô thị hóa nhanh (phần sáp nhập từ Kim Phú) để giảm tải sĩ số; đề xuất thành lập hoặc liên kết mở các Trung tâm đào tạo nghề du lịch - dịch vụ ngay trên địa bàn phường; chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động nông nghiệp tại Mỹ Bằng và Kim Phú sang làm nhân lực chất lượng cao (buồng, bàn, bar, lễ tân, trị liệu viên,...) cho các khu nghỉ dưỡng Vinpearl,... - Về Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Quy hoạch xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường quy mô lớn (3-5 ha) bao gồm sân vận động, nhà thi đấu đa năng và quảng trường sự kiện; đây sẽ là nơi tổ chức các lễ hội văn hóa du lịch cấp tỉnh và là không gian sinh hoạt cộng đồng chung, giúp xóa nhòa khoảng cách văn hóa giữa cư dân đô thị cũ và cư dân nông thôn mới sáp nhập; quy hoạch bảo tồn các không gian văn hóa làng bản của đồng bào Cao Lan, Tày tại Mỹ Bằng; tu bổ các di tích lịch sử cách mạng Lào để phát triển thành các điểm tham quan giáo dục truyền thống kết hợp du lịch. - Về Nhà ở và An sinh xã hội: Quy hoạch các khu nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân viên chức lao động tại khu vực vùng đệm (Kim Phú sáp nhập) để phục vụ lực lượng lao động lớn làm việc trong các khu du lịch; bố trí quỹ đất tái định cư tại chỗ với hạ tầng đồng bộ cho các hộ dân bị thu hồi đất phục vụ các dự án phát triển đô thị và du lịch.	
	11. Định hướng sử dụng đất Việc sáp nhập và mở rộng địa giới hành chính phường Mỹ Lâm đã tạo ra một quỹ đất tự nhiên lên tới hơn 80 km². Để biến tiềm năng đất đai thành nguồn lực phát triển, phường Mỹ Lâm đề xuất điều chỉnh phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh như sau: * Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển đổi mục đích sử dụng đất:	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Tăng chỉ tiêu đất phi nông nghiệp: Đề nghị điều chỉnh tăng chỉ tiêu đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất ở đô thị và đất thương mại, dịch vụ cho giai đoạn 2026 - 2030; tập trung chuyển đổi mục đích sử dụng khoảng 300 - 500 ha đất nông nghiệp kém hiệu quả, đất đồi gò thấp tại khu vực sáp nhập từ xã Kim Phú và dọc trục Quốc lộ 37 (thuộc xã Mỹ Bằng cũ) sang đất phát triển đô thị, dịch vụ để đón đầu các dự án đầu tư. - Giữ ổn định quỹ đất lúa và đất rừng phòng hộ trọng yếu: Tuyệt đối tuân thủ quy hoạch bảo vệ đất rừng phòng hộ đầu nguồn để giữ gìn nguồn sinh thủy cho suối khoáng; đối với đất chuyên trồng lúa nước, chỉ cho phép chuyển đổi tại các khu vực đã được quy hoạch phát triển hạ tầng khung và các khu đô thị động lực đã được phê duyệt chủ trương. * Định hướng phân khu chức năng sử dụng đất: - Khu vực phát triển đất Thương mại - Du lịch (Trọng tâm là Mỹ Lâm cũ và Mỹ Bằng): Quy hoạch các quỹ đất lớn, liền khoảnh (từ 50ha trở lên) tại các vị trí có cảnh quan đẹp, ven sông Chảy, đồi chè để thu hút các nhà đầu tư chiến lược thực hiện các dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng phức hợp, Sân Golf (giai đoạn 2); ưu tiên quỹ đất hỗn hợp để phát triển mô hình “Farmstay” và du lịch trải nghiệm nông nghiệp. - Khu vực phát triển đất ở đô thị (Trọng tâm là phần sáp nhập từ Kim Phú): Định hướng quy hoạch khu vực này thành quỹ đất dự trữ phát triển các Khu đô thị mới, Khu tái định cư hiện đại; chuyển đổi chức năng đất ở nông thôn hiện hữu sang đất ở đô thị, đi kèm với việc áp dụng các quy chuẩn quản lý quy hoạch kiến trúc chặt chẽ hơn (về mật độ, tầng cao, khoảng lùi). - Khu vực đất công trình công cộng và hạ tầng: Dành quỹ đất sạch tại vị trí trung tâm mới (khu vực giáp ranh giữa 3 đơn vị cũ) để xây dựng Trung tâm hành chính phường, quảng trường, công viên cây xanh và các công trình phúc lợi xã hội, đảm bảo bán kính phục vụ tốt nhất cho người dân. * Giải pháp quản lý đất đai sau sáp nhập: Phường Mỹ Lâm đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện sớm việc chỉnh lý bản đồ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo đơn vị hành chính mới; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết thu hồi các dự án “treo”, dự án chậm tiến độ để giải phóng nguồn lực đất đai; kiểm soát chặt chẽ việc tách thửa, phân lô bán nền tự phát tại khu vực Mỹ Bằng và Kim Phú để tránh tình trạng phá vỡ quy hoạch chung trước khi các dự án lớn được triển khai; việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cần được thực hiện đồng bộ với Quy hoạch chung	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	đô thị điều chỉnh, đảm bảo tính pháp lý để phường Mỹ Lâm triển khai các thủ tục thu hồi đất, giao đất cho các nhà đầu tư ngay trong nhiệm kỳ tới.	
	12. Phương hướng bảo vệ môi trường: - Phân vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt (Vùng lõi khoáng nóng): Xác định khu vực mỏ nước khoáng Mỹ Lâm và vùng phụ cận là “Vùng bảo vệ đặc biệt”: Đề nghị trong Quy hoạch tỉnh phải thể hiện rõ chỉ đạo, định hướng nghiêm cấm tuyệt đối các hoạt động khoan giếng nước ngầm trái phép, các hoạt động xây dựng ngầm sâu hoặc xả thải công nghiệp trong bán kính bảo vệ mỏ khoáng để tránh làm ô nhiễm hoặc đứt gãy địa tầng chứa nước; mọi dự án đầu tư tại khu vực này phải sử dụng công nghệ xây dựng xanh, vật liệu thân thiện môi trường và có hệ thống xử lý chất thải đạt chuẩn cao nhất trước khi tái sử dụng hoặc xả thải. - Bảo vệ môi trường nước và hành lang xanh sông Chảy: Thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước dọc hai bờ sông Chảy (đoạn qua xã Mỹ Bằng cũ); nghiêm cấm các hoạt động khai thác cát sỏi trái phép, lấn chiếm lòng sông hoặc xây dựng công trình kiên cố sát mép nước gây sạt lở; quy hoạch hệ thống công viên sinh thái, rừng ngập nước ven sông để tạo vùng đệm lọc nước tự nhiên và không gian cảnh quan cho đô thị, đồng thời tăng khả năng thoát lũ trong bối cảnh biến đổi khí hậu. - Quản lý chất thải rắn và nước thải trong đô thị mở rộng: Chấm dứt hoàn toàn tình trạng xử lý rác thải tự phát (đốt, chôn lấp tại vườn) ở khu vực nông thôn cũ (Mỹ Bằng, Kim Phú); thiết lập mạng lưới thu gom rác thải sinh hoạt tập trung phủ kín 100% địa bàn phường, vận chuyển về khu xử lý tập trung của tỉnh; đối với các khu đô thị mới và khu du lịch, bắt buộc xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung tách biệt với nước mưa; đối với các cụm dân cư phân tán (vùng đồi chè Mỹ Bằng), khuyến khích áp dụng các mô hình xử lý nước thải sinh học tại chỗ, không xả thải trực tiếp ra suối, khe tự thủy. - Bảo vệ cảnh quan và thích ứng biến đổi khí hậu: Kiểm soát chặt chẽ việc san gạt, hạ cốt nền tại các khu vực đồi núi (đặc biệt là các đồi chè tại Mỹ Bằng) để phát triển đô thị; việc san gạt phải tuân thủ quy hoạch cốt nền, đảm bảo không phá vỡ địa hình tự nhiên, gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa bão; bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất hiện có trên địa bàn để duy trì nguồn sinh thủy và vi khí hậu mát mẻ đặc trưng cho khu du lịch.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	13. Giải pháp thực hiện quy hoạch: * Giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý quy hoạch: - Công bố và quản lý quy hoạch: Ngay sau khi Quy hoạch tỉnh điều chỉnh được phê duyệt, phường Mỹ Lâm kiến nghị tỉnh sớm tổ chức công bố công khai quy hoạch, cấm mốc giới ngoài thực địa, đặc biệt là các mốc giới hành lang an toàn giao thông, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ nguồn khoáng nóng; kiên quyết xử lý các trường hợp lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép trên đất quy hoạch ngay từ giai đoạn đầu sáp nhập để tránh hệ lụy về sau. - Cơ chế đặc thù cho vùng lõi du lịch: Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, ban hành cơ chế quản lý đặc thù cho “Vùng bảo vệ nguồn khoáng Mỹ Lâm”; áp dụng các tiêu chuẩn môi trường và xây dựng khắt khe hơn so với mặt bằng chung; đồng thời có chính sách ưu đãi về thuế, phí để khuyến khích các hộ dân trong vùng lõi chuyển đổi sang sử dụng các công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, thân thiện với môi trường. - Cải cách hành chính: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý đất đai và xây dựng tại phường; xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa về quy hoạch, đất đai của 3 khu vực sáp nhập (Mỹ Lâm cũ, Mỹ Bằng, Kim Phú) để tích hợp vào hệ thống chung của tỉnh, giúp người dân và doanh nghiệp tra cứu thông tin quy hoạch thuận lợi, minh bạch. * Giải pháp về huy động và sử dụng nguồn lực đầu tư: Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 cho các dự án hạ tầng khung (trục giao thông kết nối, hệ thống thoát nước tập trung, công trình kè chống sạt lở sông Chảy); đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút các tập đoàn kinh tế lớn (như Vingroup, Sun Group...) tham gia đầu tư vào các dự án du lịch, nghỉ dưỡng, sân golf theo hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” hoặc đối tác công tư; thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu đô thị mới và các quỹ đất thương mại dịch vụ đã được quy hoạch để tạo nguồn thu tái đầu tư cho hạ tầng, xác định danh mục dự án ưu tiên đầu tư hợp lý. Trong giai đoạn đầu (2026- 2028), tập trung hoàn thiện hạ tầng kết nối và các công trình xử lý môi trường cấp bách; giai đoạn sau (2029-2030) tập trung phát triển các khu đô thị mới và các công trình điểm nhấn kiến trúc. * Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực và chuyển đổi nghề nghiệp: - Đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp: Phối hợp với các trường nghề và doanh nghiệp du lịch trên địa bàn (Vinpearl, các khách sạn) tổ chức các khóa đào tạo nghề ngắn hạn (buồng, bàn, bar, lễ tân, chăm sóc cây cảnh...) cho lao động địa phương, đặc biệt là con em các hộ dân bị thu hồi đất.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Hỗ trợ chuyển đổi sinh kế: Xây dựng Đề án hỗ trợ nông dân xã Mỹ Bằng cũ chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang làm du lịch cộng đồng (Homestay), sản xuất nông nghiệp công nghệ cao phục vụ du lịch; tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng làm du lịch, văn hóa ứng xử cho người dân để mỗi người dân trở thành một hướng dẫn viên du lịch thân thiện. * Giải pháp về Khoa học, Công nghệ và Môi trường: Khuyến khích, yêu cầu các dự án đầu tư mới trong khu du lịch phải sử dụng vật liệu xây dựng không nung, năng lượng mặt trời, công nghệ xử lý nước thải tuần hoàn; lắp đặt hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải, khí thải tại các điểm nóng (khu du lịch, cụm công nghiệp, bãi rác,...) để giám sát và cảnh báo sớm các nguy cơ ô nhiễm môi trường. * Giải pháp về tuyên truyền và vận động nhân dân: Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ lợi ích của việc sáp nhập và lập điều chỉnh quy hoạch mới, từ đó tạo sự đồng thuận trong công tác giải phóng mặt bằng; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc giám sát thực hiện quy hoạch, vận động nhân dân xây dựng nếp sống văn minh đô thị, giữ gìn vệ sinh môi trường chung.	
	14. Danh mục các dự án, công trình ưu tiên đầu tư: Trên cơ sở định hướng phát triển không gian và mục tiêu xây dựng phường Mỹ Lâm trở thành đô thị du lịch - sinh thái kiểu mẫu, phường đề xuất danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030 để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh điều chỉnh, lựa chọn dựa trên nguyên tắc tăng cường kết nối hạ tầng giữa 3 khu vực sáp nhập (Mỹ Lâm - Mỹ Bằng - Kim Phú); khơi thông nguồn lực du lịch và đảm bảo an sinh xã hội cho cư dân đô thị mới, cụ thể: * Nhóm dự án Hạ tầng giao thông khung (Đột phá kết nối): - Dự án 1 (Tuyến đường trục chính đô thị kết nối trung tâm tỉnh - Mỹ Lâm thuộc đoạn qua khu vực Kim Phú sáp nhập): Đây là dự án quan trọng số 1, cần ưu tiên đẩy nhanh tiến độ; tuyến đường trên sẽ phá vỡ thế “độc đạo” của QL37, mở ra không gian phát triển đô thị dịch vụ sầm uất tại khu vực cửa ngõ (phần đất từ xã Kim Phú), rút ngắn thời gian di chuyển của du khách. - Dự án 2 (Nâng cấp, chỉnh trang QL37 và QL2D đoạn qua phường Mỹ Lâm): Đầu tư mở rộng mặt đường, xây dựng đồng bộ hệ thống vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng và hào kỹ thuật ngầm; dự án nhằm chuyển đổi tính chất tuyến đường từ “quốc lộ đi qua khu dân cư” thành “đại lộ đô thị”, tạo bộ mặt khang trang cho phường.	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Dự án 3 (Tuyến đường vành đai du lịch sinh thái Mỹ Bằng): Xây dựng mới/nâng cấp tuyến đường kết nối từ khu du lịch suối khoáng đi sâu vào vùng đồi chè và ven sông Chảy (xã Mỹ Bằng cũ); dự án này tạo điều kiện để mở rộng không gian du lịch, phát triển các mô hình Farmstay và vận chuyển nông sản. * Nhóm dự án Hạ tầng Đô thị và Thương mại - Du lịch (Động lực kinh tế): - Dự án 4 (Khu trung tâm hành chính - chính trị phường Mỹ Lâm mới): Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, hội trường và quảng trường trung tâm tại vị trí trung tâm để thuận tiện cho công tác quản lý địa bàn rộng hơn 80 km² và phục vụ người dân giao dịch. - Dự án 5 (Tổ hợp Thương mại - Dịch vụ tổng hợp cửa ngõ): Kêu gọi đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, siêu thị, khu vui chơi giải trí trong nhà tại khu vực ngã ba kết nối (giáp ranh Kim Phú - Mỹ Lâm) để cung cấp dịch vụ hậu cần cho khu nghỉ dưỡng và người dân địa phương. - Dự án 6 (Mở rộng Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm - Giai đoạn 2): Tiếp tục thu hút các nhà đầu tư chiến lược triển khai các tổ hợp nghỉ dưỡng, sân golf, công viên chủ đề theo quy hoạch phân khu đã được phê duyệt. * Nhóm dự án Hạ tầng Kỹ thuật và Môi trường (Phát triển bền vững): - Dự án 7 (Hệ thống cấp nước sạch và xử lý nước thải tập trung): Đầu tư mạng lưới đường ống cấp nước sạch phủ kín khu vực Mỹ Bằng; xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất lớn (3.000 - 5.000 m³/ngày đêm) và hệ thống cống thu gom tách biệt nước mưa/nước thải cho toàn bộ khu vực nội thị và khu du lịch; đây là dự án đặc biệt quan trọng để bảo vệ nguồn khoáng nóng. - Dự án 8 (Kè chống sạt lở và Công viên ven sông Chảy): Xây dựng kè bảo vệ bờ sông kết hợp đường dạo bộ, công viên cây xanh, bến thuyền du lịch, tạo cảnh quan sinh thái và chống biến đổi khí hậu. * Nhóm dự án Hạ tầng Xã hội: - Dự án 9 (Bệnh viện nghỉ dưỡng và Phục hồi chức năng): Kêu gọi đầu tư tư nhân hoặc đối tác công – tư, xây dựng cơ sở y tế chất lượng cao gắn với liệu pháp khoáng nóng. - Dự án 10 (Trường Mầm non và Tiểu học chất lượng cao): Xây dựng mới tại khu vực đô thị hóa nhanh (Kim Phú sáp nhập) để giảm tải cho các trường hiện hữu và đáp ứng nhu cầu của cư dân mới.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	15. Nguồn lực thực hiện quy hoạch: Để triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung, yêu cầu và nhiệm vụ nêu trên, phường Mỹ Lâm xác định chiến lược huy động nguồn lực dựa trên 4 trụ cột chính gồm: - Một là, nguồn lực từ đất đai: Đây là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phường sau sáp nhập; tận dụng quỹ đất sáp nhập từ xã Kim Phú và các khu vực ven trục QL37 (thuộc xã Mỹ Bằng cũ) để quy hoạch các khu đô thị, khu dân cư mới; thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất bài bản đối với các quỹ đất sạch đã được quy hoạch để tạo nguồn thu lớn cho ngân sách, từ đó tái đầu tư lại cho hệ thống hạ tầng giao thông và thoát nước đang còn thiếu đồng bộ; rà soát, chuyển đổi hàng trăm héc ta đất rừng sản xuất hiệu quả thấp và đất nông nghiệp manh mún sang đất thương mại, dịch vụ, du lịch để thu hút các nhà đầu tư chiến lược thực hiện các dự án nghỉ dưỡng sinh thái quy mô lớn. - Hai là, nguồn lực tài chính (đa dạng hóa nguồn vốn): (1) Vốn đầu tư công (vốn môi), kiến nghị tỉnh ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công trung hạn (giai đoạn 2026-2030) cho Mỹ Lâm để hoàn thiện các công trình hạ tầng khung mang tính kết nối liên vùng (đường trục chính đô thị, hệ thống xử lý nước thải tập trung); nguồn vốn này đóng vai trò “vốn môi” để dẫn dắt và tạo niềm tin cho tư nhân. (2) Vốn xã hội hóa (động lực chính), xác định nguồn vốn từ các tập đoàn kinh tế tư nhân là động lực chính thay đổi diện mạo đô thị; tiếp tục đồng hành, tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân của các dự án lớn như Vinpearl Mỹ Lâm, Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm; đồng thời, xúc tiến đầu tư để thu hút thêm các dự án mới vào lĩnh vực y tế, giáo dục chất lượng cao và dịch vụ vui chơi giải trí. - Ba là, nguồn lực con người (chìa khóa của sự bền vững): Nâng cao năng lực bộ máy, tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức phường (đặc biệt là cán bộ từ các xã sáp nhập) về kỹ năng quản lý đô thị, quản lý quy hoạch và chuyển đổi số; xây dựng bộ máy chính quyền “kiên tạo, phục vụ” để đáp ứng yêu cầu quản lý một địa bàn đô thị phức hợp; chuyển đổi cơ cấu lao động, phối hợp với các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn xây dựng chiến lược đào tạo nghề cho người dân địa phương. Mục tiêu là chuyển đổi hàng nghìn lao động nông nghiệp tại Mỹ Bằng và Kim Phú trở thành nhân lực chuyên nghiệp trong ngành du lịch, dịch vụ (nhân viên khách sạn, hướng dẫn viên, kỹ thuật viên trị liệu...), đảm bảo người dân “ly nông bất ly hương”. - Bốn là, nguồn lực văn hóa và xã hội: Khơi dậy nguồn lực từ sự đồng thuận của nhân dân trong công tác giải phóng mặt bằng và xây dựng nếp sống văn minh đô thị; coi bản sắc văn hóa các dân tộc (Cao Lan, Tày) và truyền thống cách mạng là một dạng “tài	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nguyên mềm” để phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế bền vững và độc đáo cho Mỹ Lâm.	
46	UBND xã Linh Hồ (Văn bản số 408/BC-UBND ngày 11/12/2025)	
	I. Tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt	
	1 Thuỷ Điện Sông Lô 3, Công trình cấp 2, công suất lắp máy 18,5M Đang triển khai 2 Mở khai thác khoáng sản Thôn Đội 5 (Cty Khoáng sản Ngọc Linh), Diện tích 5,08ha, trữ lượng 199,433m³ Đang triển khai 3 Mỏ Đá vôi Trung Sơn (Cty Sơn Lâm) Diện tích 4,5ha, trữ lượng 25000m³ Đang triển khai 4 Mỏ đá vôi Noong 2, Thôn Lũng Loét (HTX Lâm Thành), Diện tích 5,17ha, trữ lượng 50,000m³ Đang triển khai	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	II. Đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tỉnh	
	1. Đề xuất điều chỉnh các nội dung Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt	
	1. Khu Du lịch sinh thái Lũng Chang, Thôn Lũng Chang, xã Linh Hồ, từ 32ha tăng lên 100ha, thời gian thực hiện: 2026-2030 2. Cụm Công nghiệp Trung Thành, Thôn Trung Sơn, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang giảm từ 50 ha thành 30ha, thời gian thực hiện: 2026-2030	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở quản lý chuyên ngành để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.
	2. Đề xuất các nội dung bổ sung Quy hoạch tỉnh đến năm 2030	
	1. Khu trung chuyển hàng hoá, Thôn Lũng Loét, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang, thời gian thực hiện 2026 - 2030, 17,2 ha 2. Khu Trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp, Thôn Nậm Dầu, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang, thời gian thực hiện 2026 - 2030, 8,5 ha. 3. Khu Chăn nuôi tập trung, Thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang thời gian thực hiện 2026 - 2030, 95 ha 4. Vùng trồng Chất lượng cao, Thôn Nà Qua - Xuân Phong - Bản Sáng - Nà Lách, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang, thời gian thực hiện 2026 - 2030, 205 ha 5. Khu tái định cư cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang: 1. Khu TĐC Hai Luồng, 1,2 ha, Thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang 2026 - 2030	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2. Khu TĐC Khuổi Khai, 1,1 ha, Thôn Khuổi Khai, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang 2026 - 2030 3. Khu TĐC Ngọc Hà , 0,5 ha, Thôn Ngọc Hà, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang 2026 - 2030 4. Khu TĐC Nậm Thanh, 6,2 ha, Thôn Nậm Thanh, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang 2026 - 2030 Tổng 4 khu: 9ha	
47	UBND xã Linh Hồ (Văn bản số 37/UBND-KT ngày 10/01/2026)	
	(1) Điều chỉnh cụm Công nghiệp Trung Thành từ thôn Trung Sơn sang thôn Tân Phong, xã Linh Hồ (theo Nội dung Báo cáo số 408/BC-UBND ngày 11/12/2025 của UBND xã Linh Hồ) (2) Điều chỉnh quy mô, diện tích Khu du lịch sinh thái Lũng Chang diện tích từ 32 ha lên 100ha (theo Nội dung Báo cáo số 408/BC-UBND ngày 11/12/2025 của UBND xã Linh Hồ) (3) Bổ sung Quy hoạch Khu trung chuyển hàng hóa, quy mô dự án 17,2 ha (theo Nội dung Báo cáo số 408/BC-UBND ngày 11/12/2025 của UBND xã Linh Hồ) (4) Bổ sung Quy hoạch khu trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp, quy mô 8,5ha (theo Nội dung Báo cáo số 408/BC-UBND ngày 11/12/2025 của UBND xã Linh Hồ) (5) Bổ sung Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung quy mô 95 ha (theo Nội dung Báo cáo số 408/BC-UBND ngày 11/12/2025 của UBND xã Linh Hồ) (6) Bổ sung Quy hoạch vùng trồng chất lượng cao, quy mô 205 ha (theo Nội dung Báo cáo số 408/BC-UBND ngày 11/12/2025 của UBND xã Linh Hồ) (7) Bổ sung Quy hoạch Khu tái định cư Cao Tốc Tuyên Quang - Hà Giang quy mô 9ha (theo Nội dung Báo cáo số 408/BC-UBND ngày 11/12/2025 của UBND xã Linh Hồ) (8) Đưa ra khỏi quy hoạch tỉnh danh mục dự án Khu đô thị Linh Hồ do không phù với điều kiện thực tế (tại trang số 334 của Báo cáo thuyết minh gửi kèm) (9) Đưa ra khỏi quy hoạch tỉnh danh mục dự án Khu xử rác thải tại Ngọc Linh (tại trang số 347 của Báo cáo thuyết minh gửi kèm) vì vị trí này đã đề nghị Quy hoạch Khu trung chuyển hàng hóa nêu trên. (10) Đề nghị tích hợp điều chỉnh hướng tuyến Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn tuyến qua địa bàn xã Linh Hồ để phù hợp hướng tuyến thực tế hiện nay.	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý. Các dự án cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(11) Đề nghị kiểm tra, rà soát lại các vị trí Quy hoạch đất hoạt động khoáng sản giữa bản đồ phương án sử dụng đất với bản đồ phương án tài nguyên khoáng sản do chưa đồng bộ nhau (bản đồ PA khoáng sản thiếu đầu điểm so với bản đồ PA sử dụng đất).	
48	UBND xã Tân Tiến (Văn bản số 48/UBND-KT ngày 16/01/2026)	
	1. Tại mục 3.4.1 Báo cáo thuyết minh Phương hướng phát triển trồng trọt. Tại mục phương hướng phát triển các vùng trồng lúa, ngô, chè, lạc, đậu tương, rau, cây dược liệu... đề nghị chỉnh sửa “tại các xã: Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...” thành các vùng “Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...”. Lý do phạm vi khu vực thực hiện rộng và bao quát, đây là khu vực toàn bộ các xã của huyện cũ trước sáp nhập. 2. Tại mục 3.4.2 Báo cáo thuyết minh Phương hướng phát triển chăn nuôi. Tại mục phương hướng phát triển đàn dê... đề nghị chỉnh sửa tại “các xã: Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...” thành các vùng “Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...”. Lý do phạm vi khu vực thực hiện rộng và bao quát, đây là khu vực toàn bộ các xã của huyện cũ trước sáp nhập. 3. Tại mục 4.5.2 Phương hướng phát triển các khu du lịch cấp tỉnh: Đề xuất bổ sung: Khu du lịch Tây Côn Lĩnh - xã Tân Tiến. Lý do đây là khu vực có tiềm năng phát triển. 4. Tại mục 4.5.3. Phương hướng phát triển các điểm du lịch (Kèm phụ lục 1: Danh mục điểm du lịch quy hoạch trên địa bàn tỉnh). Đề nghị chỉnh sửa: - Tại số TT 27 phụ lục 01: “Làng Văn hoá dân tộc mông thôn Hoá Chéo, xã Tân Tiến”, chỉnh sửa thành “Làng văn hoá dân tộc mông thôn Hoá Chéo Phìn, xã Nậm Dịch. - Đề xuất bổ sung các điểm du lịch để thu hút đầu tư. + Điểm du lịch các thôn 3,4,5,6,7,8 xã Tân Tiến. + Điểm du lịch thôn 1,2 xã Tân Tiến. + Điểm du lịch Tân Tiến 1,2 - Nậm Than - Pắc Ngàm - Thịnh Rầy xã Tân Tiến. + Điểm du lịch Bản Qua 1,2 - Cốc Lầy - Thu Lùng - Bản Chè 1,2 xã Tân Tiến. + Điểm du lịch ruộng bậc thang khu vực Bản Nhùng, xã Tân Tiến. + Điểm du lịch kết hợp bảo tồn - Nghiên cứu giống - Phát triển chè Shan tuyết Cổ thụ nguồn gen động thực vật quý hiếm rừng Tây Côn Lĩnh - xã Tân Tiến.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đề xuất các nội dung bổ sung Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đến 2030, tầm nhìn đến 2050: Xã Quản Bạ là xã có tiềm năng phát triển về nông nghiệp và thương mại dịch vụ. Đề đáp ứng yêu cầu phát triển sau sáp nhập. UBND xã đề xuất cơ quan có thẩm quyền cho chủ trương bổ sung quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Cụ thể: (1) Quy hoạch xây dựng trung tâm xã Quản Bạ trở thành đô thị loại 5. (2) Bổ sung bãi đỗ dự phòng Dự án Taxi Bay eVTOL: vị trí dự kiến tại thôn Nà Khoang diện tích khoảng 1000 m2. - Đề xuất điều chỉnh vào quy hoạch chung của xã Còn lại các nội dung khác đề xuất giữ nguyên theo Quy hoạch tỉnh Hà Giang (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
49	UBND xã Tân Tiến (Văn bản số 48/UBND-KT ngày 16/01/2026)	
	1. Tại mục 3.4.1 Báo cáo thuyết minh Phương hướng phát triển trồng trọt. Tại mục phương hướng phát triển các vùng trồng lúa, ngô, chè, lạc, đậu tương, rau, cây dược liệu...đề nghị chỉnh sửa “tại các xã: Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...” thành các vùng “Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...”. Lý do phạm vi khu vực thực hiện rộng và bao quát, đây là khu vực toàn bộ các xã của huyện cũ trước sáp nhập. 2. Tại mục 3.4.2 Báo cáo thuyết minh Phương hướng phát triển chăn nuôi. Tại mục phương hướng phát triển đàn dê...đề nghị chỉnh sửa tại “các xã: Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...” thành các vùng “Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh...”. Lý do phạm vi khu vực thực hiện rộng và bao quát, đây là khu vực toàn bộ các xã của huyện cũ trước sáp nhập. 3. Tại mục 4.5.2 Phương hướng phát triển các khu du lịch cấp tỉnh: Đề xuất bổ sung: Khu du lịch Tây Côn Lĩnh - xã Tân Tiến. Lý do đây là khu vực có tiềm năng phát triển. 4. Tại mục 4.5.3. Phương hướng phát triển các điểm du lịch (Kèm phụ lục 1: Danh mục điểm du lịch quy hoạch trên địa bàn tỉnh). Đề nghị chỉnh sửa: - Tại số TT 27 phụ lục 01: “Làng Văn hoá dân tộc mông thôn Hoá Chéo, xã Tân Tiến”, chỉnh sửa thành “Làng văn hoá dân tộc mông thôn Hoá Chéo Phìn, xã Nậm Dịch. - Đề xuất bổ sung các điểm du lịch để thu hút đầu tư.	Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của UBND xã. Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của UBND xã. Đối với đề xuất quy hoạch khu trung du lịch sẽ được gửi Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để xem xét, quyết định.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	+ Điểm du lịch các thôn 3,4,5,6,7,8 xã Tân Tiến. + Điểm du lịch thôn 1,2 xã Tân Tiến. + Điểm du lịch Tân Tiến 1,2 - Nậm Than - Pắc Ngàm - Thịnh Rây xã Tân Tiến. + Điểm du lịch Bản Qua 1,2 - Cốc Lầy - Thu Lùng - Bản Chè 1,2 xã Tân Tiến. + Điểm du lịch ruộng bậc thang khu vực Bản Nhùng, xã Tân Tiến. + Điểm du lịch kết hợp bảo tồn - Nghiên cứu giống - Phát triển chè Shan tuyết Cổ thụ nguồn gen động thực vật quý hiếm rừng Tây Côn Lĩnh - xã Tân Tiến.	
50	UBND xã Quản Bạ (Công văn số 44/UBND-KT ngày 16/01/2026)	
	- Đề xuất các nội dung bổ sung Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang đến 2030, tầm nhìn đến 2050: Xã Quản Bạ là xã có tiềm năng phát triển về nông nghiệp và thương mại dịch vụ. Đáp ứng yêu cầu phát triển sau sáp nhập. UBND xã đề xuất cơ quan có thẩm quyền cho chủ trương bổ sung quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Cụ thể: (1) Quy hoạch xây dựng trung tâm xã Quản Bạ trở thành đô thị loại 5. (2) Bổ sung bãi đỗ dự phòng Dự án Taxi Bay eVTOL: vị trí dự kiến tại thôn Nà Khoang diện tích khoảng 1000 m2. - Đề xuất điều chỉnh vào quy hoạch chung của xã Còn lại các nội dung khác đề xuất giữ nguyên theo Quy hoạch tỉnh Hà Giang (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của UBND xã. Hiện nay tiêu chuẩn đô thị đã thực hiện theo Nghị quyết 111/NQ-UBTVQH 15 năm 2025.
51	UBND xã Thái Sơn (Công văn số 37/UBND-KT ngày 15/01/2026)	
	1. Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giúp Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn theo các nội dung đề xuất tại Báo cáo số 348/BC-UBND về đề xuất nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn xã Thái Sơn, tỉnh Tuyên Quang (sau hợp nhất, sáp nhập). 1.1. Đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch dự án “Khu xử lý chất thải Thái Sơn”. Giải pháp xử lý chất thải trên địa bàn xã: Thực hiện việc thu gom, vận chuyển đến khu vực đủ điều kiện để xử lý theo quy định (Khu xử lý rác Nhữ Khê, khu xử lý rác xã Phù Lưu...). 1.2. Đề xuất giữ nguyên các công trình, dự án còn lại đã được phê duyệt tại Quyết định số 325/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị tích hợp thêm các công trình, dự án đã được phê duyệt theo nội dung Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày	Tiếp thu ý kiến của Quý Ủy ban, nội dung trên sẽ được gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng để cân nhắc, quyết định trước khi điều chỉnh nội dung trong quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	20/12/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị mới Thái Sơn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2045. <i>(Chi tiết tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 10/12/2025 kèm theo)</i> 2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung thêm các nội dung theo đề nghị của các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn xã Thái Sơn: Bổ sung quy hoạch mở rộng 02 dự án khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường: (1) Mỏ Thành Công, xã Thái Sơn, tỉnh tuyên Quang: Đã được cấp Giấy phép khai thác số 06/GP-UBND ngày 10/02/2022, tổng diện tích được phê duyệt dự án là 48,7 ha. Nay đề nghị mở rộng diện tích khai thác thêm 134,1 ha. (2) Mỏ đá vôi An Thạch, xã Thái Sơn: Hiện đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, diện tích đã được UBND tỉnh đồng ý chấp thuận chủ trương đầu tư là 15,01 ha. Nay đề nghị mở rộng diện tích thêm 33,0 ha.	
52	UBND xã Bằng Hành (Công văn số 72/UBND-KT ngày 16/01/2026)	
	Đề xuất điều chỉnh bổ sung nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã Bằng Hành. - Đất cụm tiêu thụ công nghiệp 05 ha địa chỉ tại thôn Mãng. - Mở mới chợ trung tâm 0,5 ha tại thôn Minh Khai. - Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,5 ha tại Thôn Mãng, thôn Minh Khai, thôn Thia Trường; thôn Kim Tiến. - Đất Thương mại dịch vụ 1,3 ha tại Thôn Minh Khai; Minh Tường. - Đất BCH Quân Sự (Đất Quốc Phòng) lấy vào đất trụ sở công an hiện nay 0,26 ha. - Mở rộng trụ sở xã Bằng Hành 0,5 ha tại thôn Minh Khai. - Đất ở nông thôn 4 ha tại tất cả các thôn. - Mở rộng khu thể thao xã 0,8 ha tại thôn Minh Khai. - Đất giáo dục (chuyển đổi trụ sở xã Vô Điểm cũ sang trường MN Vô Điểm và trụ sở xã Bằng Hành cũ sang trường Mầm Non Bằng Hành) 0,42 ha. - Đất trụ sở làm việc công an xã 0,65 ha tại thôn Mãng. - Đất chăn nuôi tập trung 30ha tại các thôn. - Khu du lịch sinh thái 100 ha thôn Lâm. - Du lịch Lòng hồ thủy điện 112ha thôn Me Hạ, Thia, Thia Trường. - Khu lịch Thủy Lâm viên 11.9ha thôn Linh.	Nội dung quy hoạch tỉnh chỉ xác định công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý như quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trường THPT... . Các dự án, công trình, cụ thể ở cấp xã do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy hoạch tỉnh.

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Mở rộng nghĩa trang xã 2ha thôn Minh Tường. - Đất công trình xử lý chất thải 5ha thôn Quý Quốc.	
53	UBND xã Xuân Vân (Văn bản số 51/UBND- KT ngày 16/01/2026)	
	1. Đề nghị xem xét, rà soát bổ sung đầy đủ các nội dung Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân đã báo cáo, đề xuất tại Văn bản số 548/UBND-KT ngày 23/12/2025 (Có văn bản kèm theo). 1. Đề nghị Sở Tài chính cập nhật các hạng mục công trình, dự án trên địa bàn các xã: Xuân Vân, Trung Trực và Phúc Ninh (trước sáp nhập) đã được phê duyệt tại Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị mới Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Trung Trực, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2035 và các quy hoạch khác có liên quan. 2. Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số công trình, dự án như sau: (1) Điều chỉnh vị trí quy hoạch trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân sang vị trí mới (tại thôn An Lạc 1, An Lạc 2 xã Xuân Vân - gần tuyến đường dẫn cầu Xuân Vân); diện tích dự kiến xây dựng: 02 ha. (2) Bổ sung diện tích xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Vân trên cơ sở toàn bộ diện tích theo quy hoạch là hiện trạng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân hiện tại. (3) Điều chỉnh vị trí xây dựng Trụ sở Công an xã Xuân Vân, tỉnh Tuyên Quang sang vị trí mới (tại thôn An Lạc 1, An Lạc 2 xã Xuân Vân - gần tuyến đường dẫn cầu Xuân Vân); diện tích dự kiến xây dựng: 01ha. (4) Bổ sung diện tích quy hoạch Quảng trường trung tâm xã tại thôn An Lạc 1, An Lạc 2 xã Xuân Vân - gần tuyến đường dẫn cầu Xuân Vân; diện tích dự kiến 02 ha. (5) Bổ sung quy hoạch Khu du lịch sinh thái - văn hóa truyền thống; diện tích 5,5 ha tại thôn Soi Đất, xã Xuân Vân.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(6) Bổ sung quy hoạch Dự án nhà máy bia tại thôn Đô Thượng 6; diện tích dự kiến 3,6 ha. (7) Bổ sung quy hoạch diện tích thực hiện Dự án Thủy điện Sông Lô 9, diện tích sử dụng đất trên địa bàn xã Xuân Vân là 29,55ha. (8) Bổ sung quy hoạch diện tích mở rộng quy mô Dự án Khai thác đá và đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến vật liệu xây dựng Phúc Ninh, tổng diện tích sau khi điều chỉnh mở rộng là 29,8ha (trong đó, diện tích khai thác là 21,9ha, Diện tích các công trình phụ trợ và đường vào mỏ là 7,9ha). (9) Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng chì - kẽm tại mỏ khu vực Sơn Đô, xã Xuân Vân, tỉnh Tuyên Quang, diện tích sau khi điều chỉnh là 19,5 ha. (10) Bổ sung Dự án hệ thống thoát nước và cấp nước của Nhà máy điện sinh khối EREX và cụm công nghiệp Xuân Vân, diện tích dự kiến là 05 ha. (11) Bổ sung diện tích quy hoạch chợ Xuân Vân mới (đối diện với chợ Xuân Vân hiện tại); diện tích dự kiến 0,4 ha. (12) Điều chỉnh vị trí chợ Xuân Vân hiện tại thành đất thương mại dịch vụ. (13) Bổ sung vị trí thực hiện Dự án khu dịch vụ thể thao, thương mại dịch vụ tại thôn Soi Đất; diện tích dự kiến 1,3 ha. 2. Đề nghị xem xét bổ sung quy hoạch tuyến đường kết nối từ đường ĐT 188 kết nối với đường Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang để phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, trong đó có Cụm công nghiệp Xuân Vân.	
54	UBND xã Phú Lương (Văn bản số 42/UBND- KT ngày 19/01/2026)	
	1. Ngày 10/12/2025, Ủy ban nhân dân xã Phú Lương có Báo cáo số 209/BC-UBND về việc rà soát kết quả thực hiện và đề xuất nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (nội dung báo cáo của UBND xã Phú Lương đã được đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phụ trách theo dõi xã cho ý kiến nhất trí). Đề nghị Sở Tài chính quan tâm có ý kiến đề nghị đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh tham khảo để tích hợp các nội dung đề xuất của xã vào Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. 2. Đối với hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được gửi kèm văn bản số 140/UBND-KTTH ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân xã Phú Lương cơ bản đồng tình với hồ sơ quy hoạch, đề nghị Sở Tài chính có ý kiến đề nghị đơn vị tư vấn cập nhật đầy đủ hiện trạng các đơn vị hành chính cấp xã sau sáp nhập; cập nhật quy hoạch sử dụng đất đồng bộ với các bản đồ quy hoạch các ngành, lĩnh vực; một số phần thuyết minh tổng hợp nên mở rộng đến tên các xã mới sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (trong thuyết minh đa số chỉ nói tới xã trung tâm nên không bao quát được đặc điểm các xã khác...); đồng thời đề nghị Sở Tài chính có ý kiến yêu cầu đơn vị tư vấn nghiên cứu cập nhật, báo cáo tỉnh một số nội dung quy hoạch liên quan đến địa bàn xã Phú Lương, cụ thể như sau: 2.1. Về quy hoạch hạ tầng giao thông: - Đề nghị điều chỉnh quy mô tuyến đường kết nối liên vùng (ĐT 187) từ trung tâm hành chính tỉnh đến xã Phú Lương kết nối đến IC5, IC6 cao tốc Nội 2 Bài - Lào Cai từ 02 làn xe theo thuyết minh tổng hợp lên 4 làn xe theo kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi khảo sát ngày 05/12/2025 (tại trang 310 của Báo cáo thuyết minh tổng hợp đang đề quy mô 2 làn xe). - Đề nghị bổ sung quy hoạch 01 tuyến đường nối từ Tuyến đường từ Trung tâm hành chính tỉnh đến xã Phú Lương kết nối đến nút giao IC5, IC6 đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đường ĐT 187) đi qua địa phận xã Phú Lương nối đến xã Sơn Thủy kết nối vào tuyến đường tránh Quốc lộ 2C (tuyến đường từ nút giao IC5 (Cao tốc Nội Bài - Lào Cai) đến tỉnh Tuyên Quang), nội dung này đã có trong Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) và Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang (cũ) về việc thực hiện Biên bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh Tuyên Quang và UBND tỉnh Vĩnh Phúc về thống nhất các nội dung kết nối, liên kết phát triển kinh tế - xã hội. - Đề nghị quy hoạch bổ sung trạm dừng nghỉ và bến xe tại xã Phú Lương gần với tuyến đường kết nối liên vùng từ Trung tâm hành chính tỉnh đến xã Phú Lương kết nối đến nút giao IC5, IC6 đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai. 2.2. Về quy hoạch các khu, cụm công nghiệp: - Đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu điều chỉnh bổ sung 01 Khu công nghiệp Phú Lương theo đề xuất của UBND xã tại Báo cáo số 209/BC-UBND ngày 10/12/2025 theo hướng: + Điều chỉnh diện tích Khu Công nghiệp Tam Đa từ 75 ha lên 150 ha (tăng thêm khoảng 75 ha, theo hồ sơ điều chỉnh đang đề tăng 275 ha thành 350 ha, tuy nhiên khu vực này không có khả năng mở rộng thành 350ha);	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	+ Thành lập mới 01 Khu Công nghiệp Phú Lương - Trường Sinh (diện tích khoảng 400-500 ha) gần với tuyến đường từ Trung tâm hành chính tỉnh đến xã Phú Lương kết nối đến nút giao IC5, IC6 đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai để thu hút các nhà đầu tư lớn. 2.3. Về quy hoạch thương mại, dịch vụ: Đề nghị nghiên cứu quy hoạch bổ sung Chợ đầu mối (diện tích khoảng 3 ha) và Trung tâm Logistics (cảng ICD) tại xã Phú Lương (diện tích khoảng 20-30 ha). 2.4. Về quy hoạch phát triển nông nghiệp: Đề nghị bổ sung quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ (cây ăn quả dứa, ổi, chanh khoảng 500 ha; cây dược liệu tại xã Phú Lương diện tích khoảng 500 - 1.000 ha bao gồm cả dưới tán rừng) để gần với các nhà máy chế biến trong các khu, cụm công nghiệp phía Nam tỉnh Tuyên Quang. 2.5. Về quy hoạch khoáng sản: Đề nghị bổ sung quy hoạch 02 điểm mỏ khai thác đá granit làm vật liệu xây dựng thông thường tại các thôn Phú Nhiêu, Phú Sơn (diện tích khoảng 180 ha). 2.6. Về quy hoạch khu xử lý nước thải, chất thải: (1) Đề nghị bổ sung thêm Khu xử lý nước thải gần với Khu Công nghiệp Phú Lương (mở mới); (2) Bổ sung Khu xử lý chất thải rắn tại thôn An Lạc xã Phú Lương (diện tích khoảng 5 ha); (3) Bổ sung Trạm cấp nước cho các Khu công nghiệp trên địa bàn xã Phú Lương (lấy nước từ sông Lô), dự kiến đặt tại thôn An Lạc, xã Phú Lương (bổ sung trong bản đồ, đã có trong thuyết minh). 2.7. Về quy hoạch các khu, điểm du lịch: + Đề nghị bổ sung 01 Khu du lịch nghỉ dưỡng gần với trải nghiệm nông nghiệp tại Núi Bàu (thuộc địa phận xã Phú Lương, diện tích khoảng 70 ha (khu vực này đã có trong Quy hoạch chung và Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Sơn Dương (cũ). + Đối với quy hoạch Khu du lịch lâm viên Hồ Hoa Lũng, đề nghị mở rộng diện tích quy hoạch cho phù hợp với thực tế và bổ sung vào khu vực bảo tồn thiên nhiên rừng phòng hộ khoảng 500 ha. + Đề nghị bổ sung quy hoạch Làng văn hóa du lịch cộng đồng Cao Lan tại các thôn Mãn Hóa, Tân Phú 1, Đồng Xay... (diện tích khu vực khoảng 200 ha, trong đó khu trung tâm chính khoảng 50 ha). Lý do đề xuất: Xã Phú Lương theo thống kê sơ bộ có cộng đồng người Cao Lan sinh sống đông nhất tỉnh Tuyên Quang với trên 13.000 người (chiếm khoảng 35% toàn tỉnh và khoảng 8% toàn quốc) với nhiều nét văn hóa đặc trưng.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.8. Về quy hoạch Giáo dục và Đào tạo: Đề nghị bổ sung quy hoạch 01 trường THPT tại khu vực xã Phú Lương. Lý do: Hiện tại khu vực các xã phía Nam tỉnh (trên địa bàn các xã thuộc trung, hạ huyện Sơn Dương cũ) có 02 trường THPT tại xã Sơn Thủy và Hồng Sơn, khoảng cách từ trung tâm xã Phú Lương đến các trường học này khoảng 15-16km dẫn đến việc đi lại, học tập của các cháu học sinh gặp nhiều khó khăn, nhất là mùa đông, mùa mưa bão, (đối với số học sinh hiện tại của các trường trên địa bàn xã đủ điều kiện mở trường THPT theo quy định của Luật Giáo dục).	
55	UBND phường Nông Tiến (Văn bản số 28/UBND- KTHT ngày 13/01/2026)	
	(1) Về phương án phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu: Tại mục giải pháp công trình phòng chống thiên tai (thuộc Phần II mục 4.5 của Báo cáo tổng hợp), dự thảo có đề cập đến danh mục "Công trình khắc phục khẩn cấp tình trạng sạt lở bờ sông Lô thuộc địa bàn phường Nông Tiến". Ủy ban nhân dân phường hoàn toàn thống nhất và đề nghị tỉnh quan tâm, ưu tiên nguồn lực để triển khai sớm dự án trong giai đoạn 2026-2030. Hiện nay, tình trạng sạt lở bờ sông Lô đoạn qua địa bàn phường diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến đất sản xuất và an toàn của các hộ dân ven sông. (2) Về phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản: Qua rà soát Báo cáo tổng hợp (Phần I mục 2.4 - Tài nguyên khoáng sản), ghi nhận thông tin về điểm quặng vàng sa khoáng/gốc phân bố tại khu vực Nông Tiến. Với tính chất là địa bàn phường nội thành thuộc đô thị Tuyên Quang, mật độ dân cư đông đúc, Ủy ban nhân dân phường đề nghị cơ quan lập quy hoạch xem xét không đưa vào quy hoạch khai thác mới các điểm mỏ khoáng sản kim loại trên địa bàn phường để đảm bảo cảnh quan đô thị và vệ sinh môi trường. (3) Về phương án phát triển hệ thống đô thị: Phường Nông Tiến nằm trong vùng lõi của Đô thị Tuyên Quang (Cực phát triển phía Nam của tỉnh mới). Để đảm bảo tiêu chí đô thị loại II và hướng tới hiện đại hóa, đề nghị bổ sung vào quy hoạch các dự án nâng cấp hệ thống thoát nước thải đô thị và giao thông kết nối từ phường sang các khu vực lân cận (đặc biệt là kết nối với các trục phát triển mới ven sông Lô).	
56	UBND xã Bắc Mê (Văn bản số 42/UBND- KT ngày 19/01/2026)	
	Ủy ban nhân dân xã Bắc Mê đề nghị điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch tỉnh với một số nội dung sau: 1.1. Điểm du lịch làng văn hoá du lịch cộng đồng.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Phụ lục I: Phương án phát triển các khu du lịch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tại mục III các điểm du lịch, A điểm du lịch làng VHDL cộng đồng, số thứ tự 21: Làng VHDL dân tộc tày thôn Bản Lạn đề xuất sửa đổi địa điểm từ xã Yên Phú thành xã Bắc Mê. - Bổ sung 03 làng văn hoá du lịch cộng đồng có tiềm năng phát triển gồm: (1) Làng văn hoá du lịch cộng đồng thôn Nà Phia; (2) Làng văn hoá du lịch cộng đồng thôn Bản Noong; (3) Làng văn hoá du lịch cộng đồng thôn Bản Khén. - Phụ lục VI: Danh mục dự án, công trình ưu tiên đầu tư của tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tại mục I Dự án phục vụ du lịch, số thứ tự 13: Khu du lịch sinh thái Phia Dầu đề xuất sửa đổi địa điểm từ xã Bắc Mê thành xã Ngọc Đường. 1.2. Điểm du lịch di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, du lịch tâm linh. - Điểm du lịch di tích lịch sử: Bổ sung vào quy hoạch tỉnh điểm di tích lịch sử có tiềm năng con đường đá cổ của người pháp và Kho Muối của người pháp. Được xây dựng vào khoảng thời gian 1938 nơi phân phối lương thực, thực phẩm, muối, vũ khí cho tổng Yên Định, Tổng Yên Phú và “Cảng” Bắc Mê. Đây là địa điểm có tiềm năng đề nghị bổ sung. - Điểm du lịch tâm linh: Chùa cũ (Chùa Ba Tự) tại thôn Bó Củng xã Bắc Mê: Dấu tích của chùa được phát hiện và khai quật bước đầu xác định đây là một ngôi chùa cổ, khởi dựng từ thời nhà Trần, đây là địa điểm có tiềm năng đề nghị bổ sung. - Điểm du lịch danh lam thắng cảnh: (1) Bổ sung điểm du lịch tiềm năng thác đổ tại thôn Bản Noong xã Bắc Mê; (2) Bổ sung điểm du lịch lòng hồ thủy điện Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang.	
57	UBND xã Phố Bả (Văn bản số 38/CV- UBND ngày 20/01/2026)	
	1. Bổ sung Quy hoạch điểm mở khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường Đề xuất bổ sung quy hoạch 01 điểm mở khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Há Đề, xã Phố Bả. Hiện nay trên địa bàn xã Phố Bả chưa có điểm mở khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường; toàn bộ đá xây dựng phục vụ các công trình, dự án trên địa bàn phải vận chuyển từ các xã lân cận như Yên Minh, Đồng Văn với cự ly xa, làm tăng chi phí đầu tư, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả triển khai các công trình xây dựng cơ bản. Việc bổ sung điểm mỏ là cần thiết, phù hợp nhu cầu thực tế và định hướng phát triển hạ tầng của địa phương.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2. Bổ sung quy hoạch cửa hàng bán lẻ xăng, dầu Đề xuất bổ sung quy hoạch cửa hàng bán lẻ xăng, dầu tại thôn Xóm Mới, xã Phố Bàng, dự kiến tại khu vực ngã ba trung tâm Phố Bàng cũ, gần tuyến đường liên xã đi Phố Là – Sùng Là. Hiện nay, người dân và các phương tiện giao thông trên địa bàn xã phải di chuyển đến cửa hàng xăng dầu Phố Cáo để mua nhiên liệu, quãng đường đi lại xa hơn khoảng 12 km, gây tốn kém chi phí và thời gian. Việc quy hoạch cửa hàng xăng, dầu tại vị trí nêu trên là cần thiết, đáp ứng nhu cầu dân sinh, bảo đảm an toàn giao thông và phù hợp định hướng phát triển mạng lưới thương mại – dịch vụ trên địa bàn. 3. Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch khu trung tâm hành chính xã Phố Bàng Đề xuất điều chỉnh quy hoạch khu trung tâm hành chính xã theo hướng mở rộng khu trung tâm hiện tại, bổ sung khoảng 10.000 m² đất nông nghiệp tiếp giáp với trụ sở UBND xã để tạo quỹ đất quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính xã tập trung, bao gồm: Trụ sở Đảng ủy; Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trụ sở Ủy ban MTTQ và các đoàn thể; Trụ sở Công an xã. Việc quy hoạch tập trung các cơ quan hành chính trong cùng một khu vực giúp tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi đến giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của xã, góp phần xây dựng nông thôn mới nâng cao và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật – xã hội đồng bộ. 4. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất khu chợ Phố Cáo Đề xuất điều chỉnh đất chợ Phố Cáo hiện tại sang đất thể dục, thể thao để xây dựng 01 Quảng trường trung tâm với diện tích khoảng 6.682,2 m². Mục đích: Tạo không gian công cộng phục vụ tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa, lễ hội; đáp ứng nhu cầu vui chơi, sinh hoạt cộng đồng, luyện tập thể dục thể thao của Nhân dân trên địa bàn. 5. Quy hoạch chi tiết các khu vực trung tâm xã và các điểm có tiềm năng phát triển du lịch Đề xuất bổ sung nội dung quy hoạch chi tiết khu vực trung tâm xã Phố Bàng mới và các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch, bao gồm: Khu vực Dốc Thảm Mã; Khu vực Dốc Chín Khoanh; Khu vực Ngã ba Phố Bàng. Định hướng quy hoạch: Phát triển các tuyến dừng chân, điểm check-in, điểm ngắm cảnh an toàn, gắn với dịch vụ du lịch cơ bản (bãi đỗ xe, điểm nghỉ chân, thông tin du lịch, sản phẩm đặc trưng địa phương); Bảo đảm quản lý thống nhất không gian kiến trúc – cảnh quan, hạn chế xây dựng tự phát, không phá vỡ kiến trúc truyền thống và cảnh quan tự nhiên; Khai thác hợp lý tiềm năng du lịch, tạo sinh kế, tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư bản địa, góp phần phát triển kinh tế – xã hội bền vững.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	6. Quy hoạch chi tiết các khu vực phát triển làng du lịch cộng đồng Đề xuất quy hoạch chi tiết các khu vực có tiềm năng phát triển làng du lịch cộng đồng, gồm các thôn: Lán Xi A, Lán Xi B, Chúng Chải. Mục tiêu: Bảo tồn không gian văn hóa truyền thống, kiến trúc bản địa; kết hợp phát triển du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với sinh hoạt, sản xuất và đời sống của Nhân dân. 7. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Địa điểm 1: Đề xuất điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất điểm trường mầm non (cũ) thôn Chúng Pả A với diện tích 322,1 m² sang đất Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã, đồng thời thu hồi bổ sung khoảng 495,5 m² đất liền kề để bảo đảm tổng diện tích theo quy định. Địa điểm 2: Đề xuất điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất Văn hóa thôn Sủa Pả A với diện tích 256,9 m² sang đất Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã, đồng thời thu hồi bổ sung khoảng 1.276,9 m² đất liền kề để bảo đảm tổng diện tích theo quy định. 8. Điều chỉnh diện tích đất chốt dân quân Theo quy hoạch đã được phê duyệt, diện tích đất chốt dân quân là 18.022 m². Đề xuất điều chỉnh, bổ sung thêm khoảng 32.000 m² để bảo đảm tổng diện tích đạt từ 50.000 m² trở lên, đáp ứng yêu cầu về quốc phòng – an ninh trong tình hình mới.	
58	UBND xã Yên Minh (Văn bản số 96/UBND- KT ngày 19/01/2026)	
	1. Đối với chất thải rắn: - Tại dự thảo Phụ lục VII Phương hướng phát triển khu xử lý cấp tỉnh, liên xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Khu vực Yên Minh dự kiến bố trí 03 khu xử lý (KXL) chất thải rắn gồm Bản Vàng xã Yên Minh, KXL Na Khê xã Bạch Đích, KXL Ngam La xã Mậu Duệ. Việc bố trí các KXL chất thải rắn theo dự thảo là chưa phù hợp do khu vực xã Du Già, xã Đường Thượng, xã Thắng Mố sẽ phải vận chuyển rất xa, gây khó khăn trong công tác thu gom, xử lý rác thải rắn. - Đề nghị điều chỉnh như sau: Bố trí 03 khu xử lý (KXL) chất thải rắn gồm Bản Vàng xã Yên Minh, KXL trung tâm xã Bạch Đích, KXL Lũng Hồ xã Đường Thượng. Việc bố trí các khu vực theo đề xuất sẽ đảm bảo việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn là ngắn nhất, giảm thiểu dự toán chi phí vận chuyển cho các xã. 2. Đối với các nội dung khác của xã Yên Minh: Ủy ban nhân dân xã Yên Minh đã có Báo cáo số 436/BC-UBND ngày 10/12/2025, báo cáo kết quả rà soát, đề xuất điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: 2.1. Về định hướng đô thị và quy hoạch đô thị: Đề nghị khi cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh giai đoạn sau năm 2025, nội dung sắp xếp, phân loại ĐVHC phải bám sát	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	hệ thống tiêu chí, cách tính điểm quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính đối với từng cấp (tỉnh, xã, phường). Xem xét lại tiêu chí nâng thị trấn Yên Minh (xã Yên Minh) lên đô thị loại IV phải đồng bộ với tiêu chí chuẩn phân loại đơn vị hành chính theo Nghị định 307. Quy hoạch (hoặc phụ lục kèm theo) bảng tổng hợp dự kiến phân loại của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp, làm cơ sở để đánh giá sau này. Xem xét, ghi nhận vai trò trung tâm vùng của xã Yên Minh trong Quy hoạch tỉnh và Đề án phân loại ĐVHC để áp dụng các tiêu chí ưu tiên về vị trí, vai trò theo Điều 9 Nghị định 307, tạo cơ sở pháp lý để huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, dịch vụ đô thị, du lịch. 2.2. Về ranh giới xã Yên Minh: Xã Yên Minh được thành lập trên cơ sở sáp nhập của 01 thị trấn và 04 xã gồm: Thị trấn Yên Minh, Lao Và Chải, Hữu Vinh, Đông Minh và xã Văn Chải thuộc huyện Đồng Văn cũ. Đề nghị điều chỉnh địa giới hành chính xã Yên Minh theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. 2.3. Quy hoạch vùng huyện: Đề nghị điều chỉnh mục XI - Quy hoạch vùng huyện cho phù hợp chuyển thành quy hoạch theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. 2.4. Quy hoạch đô thị và nông thôn: Đề nghị điều chỉnh mục V - Quy hoạch đô thị và nông thôn cho phù hợp theo Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ. 2.5. Đề xuất các nội dung bổ sung Quy hoạch tỉnh đến 2030: (1) Điều chỉnh quy hoạch hạ tầng giao thông nông thôn - Bổ sung các tuyến đường nối từ đường Quốc lộ, tỉnh lộ vào trung tâm các xã. - Bổ sung các tuyến đường nối kết nối điểm du lịch – khu sản xuất. (2) Các khu nghỉ dưỡng, làng văn hóa tại xã Yên Minh: Đề nghị bổ sung làng văn hóa du lịch trải nghiệm “Làng Sảo Há” thuộc xã Văn Chải cũ nay là xã Yên Minh vào định hướng phát triển du lịch, dịch vụ, quy mô 27,0ha. 2.6. Các nội dung khác: (1) Bổ sung Kho dự trữ Quốc gia tại trung tâm xã Yên Minh (thôn Thành Minh) quy mô 2,2ha. - Xem xét, bổ sung mục ưu tiên nguồn lực cho các xã động lực để đầu tư xây dựng công trình hạ tầng theo quy hoạch, cụ thể: Đề nghị ưu tiên nguồn lực cho các dự án: Cụm Công nghiệp Hữu Vinh, các khu du lịch Lao Và Chải, Bục Bản, Đông Minh. Đề nghị ưu tiên nguồn lực và lồng ghép các dự án hạ tầng giao thông, điện, nước, viễn thông, xử lý chất thải... đối với xã trung tâm là xã Yên Minh của huyện Yên Minh (cũ).	
59	UBND phường Minh Xuân (Văn bản số 171/UBND-KTHT&ĐT ngày 20/01/2026)	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đề nghị Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang giao đơn vị tư vấn lập hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân tại Báo cáo số 402/BC-UBND ngày 10/12/2025 về kết quả rà soát, đề xuất điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. (Chi tiết theo văn bản số 402/BC-UBND ngày 10/12/2025)	
60	UBND xã Tân Trào (Văn bản số 45/UBND- TH ngày 17/01/2026)	
	I. Ủy ban nhân dân xã Tân Trào đề xuất một số nội dung quy hoạch được giữ nguyên theo Quyết định số 325/QĐ-TTg, ngày 30/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ 1. Phương án phát triển hệ thống đô thị giai đoạn 2026-2030: Đô thị loại V; tầm nhìn 2050: đô thị loại IV. 2. Phương án phát triển khu du lịch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Đầu tư hạ tầng Khu du lịch Quốc gia Tân Trào; - Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu du lịch sinh thái Đồng Man - Lũng Tầu. 3. Phương án phát triển khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 3.1. Di tích quốc gia đặc biệt: Di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào 3.2. Di sản văn hóa phi vật thể: Khảo sát, lập hồ sơ đề nghị công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. 3.3. Bảo tồn không gian văn hóa truyền thống: Không gian văn hóa truyền thống Dân tộc Tày, Dao, Cao Lan, Sán Dìu, Mông, Nùng,... 3.4. Xây dựng Làng văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch. 3.5. Bảo tồn không gian văn hóa truyền thống: Không gian văn hóa truyền thống Dân tộc Tày, Dao, Cao Lan, Sán Dìu, Mông, Nùng, ...; Xây dựng Làng văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch. 4. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Lưới điện: (1) TBA 110KV: Xây dựng mới và nâng cấp công suất TBA 110KV xã Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang. (2) Đường dây 110KV: Rẽ nhánh TBA 110KV chiều dài 10km. 5. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Công trình cấp nước đô thị đến năm 2030: Trạm xử lý và cấp nước Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa tỉnh tuyên quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Dự án bảo quản tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Khu Di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào 7. Phương án phát triển hạ tầng khu đô thị, dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao sân golf tỉnh tuyên quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Làng văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào. - Khu đất Thương mại, dịch vụ tại thôn Bòng (tiếp giáp với tuyến đường Thị trấn Sơn Dương - xã Tân Trào), có diện tích khoảng 20,0 ha. 8. Phương án phân vùng môi trường tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu bảo vệ cảnh quan Tân Trào trên địa bàn các xã: Tân Trào, Trung Yên, Minh Thanh, Bình Yên, Lương Thiện, huyện Sơn Dương - Vùng hạn chế phát thải: Khu dân cư tập trung thuộc khu vực nội thị của các đô thị: Sơn Dương, Vĩnh Lộc, Na Hang, Tân Yên, Yên Sơn, Lãng Can; khu dân cư tập trung nội thị của các đơn vị hành chính: Mỹ Bằng, Trung Môn, Xuân Vân, Trung Sơn, Phú Lư, Thái Sơn, Hồng Lạc, Sơn Nam, Tân Trào, Hòa Phú, Kim Bình, Trung Hà, Ngọc Hội, Đà Vĩ, Yên Hoa, Thượng Lâm, Phúc Sơn, Khuôn Hà, Hồng Thái khi được công nhận là đô thị. 9. Phương án Quy hoạch xây dựng các khu dân cư. 9.1. Xây dựng khu dân cư các thôn Cả, Vĩnh Tân, Thia, Bòng, Lũng Búng với diện tích 14,2 ha. 9.2. Xây dựng khu dân cư các thôn Khuôn Đào, Hoàng Lâu, Trung long, Quan Hạ, Ao Búc, Yên Thượng, Đồng Mả với diện tích 1,45 ha. 9.3. Quy hoạch khu dân cư thôn Khuôn Hẻ, diện tích 0,2 ha; Quy hoạch khu dân cư thôn Làng Hân, diện tích 0,4 ha; Quy hoạch khu dân cư các thôn: Khuôn Quại, Làng Phát, Làng Nhà, Khuôn Diễn, Kim Thu Ngà với diện tích 0,8 ha. II. Ủy ban nhân dân xã Tân Trào đề xuất các nội dung bổ sung quy hoạch 1. Phương án phát triển mạng lưới đường bộ tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đường Kết nối liên vùng đề nghị bổ sung như sau: 1.1. Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ xã Tân Trào đi xã Minh Thanh, tỉnh Tuyên Quang đến xã Yên Lãng, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể: - Quy mô: Đường giao thông cấp	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	IV, miền núi chiều dài khoảng 15,0km - Diện tích thu hồi đất giải phóng mặt bằng khoảng 7,0 ha. 1.2. Dự án đầu tư công khẩn cấp cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng Từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên, tỉnh Tuyên Quang (Đoạn từ đầu tuyến tại Ngã ba Lán Nà Nưa đi qua các điểm di tích, kết thúc tại nút giao ngã tư đường tròn trung tâm cổng Ủy ban nhân dân xã Tân Trào). - Quy mô đường giao thông cấp IV miền núi chiều rộng nền đường 20,0m, phần đường dành cho xe chạy chính 02 làn có chiều rộng 7,0m, phần dành cho xe điện có chiều rộng 4,5m, chiều dài 3,8km. - Diện tích thu hồi đất giải phóng mặt bằng khoảng 8,77 ha. 2. Phương án phát triển các khu nghĩa trang, khu xử lý chất thải tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 Bổ sung Quy hoạch chi tiết và xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Cả, xã Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang, diện tích khoảng 3,0 ha. 3. Phương án phát triển hạ tầng khu dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển các khu Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao khi tỉnh được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất. 3.1. Bổ sung quy hoạch 07 khu Tổ hợp thương mại dịch vụ xã Tân Trào (1) Khu thương mại dịch vụ thôn Bòng (Đổi diện Flamingo), diện tích khoảng 10,0 ha. (2) Khu Du lịch sinh thái Tân Trào (Đổi diện Đình Hồng Thái), diện tích khoảng 9,0 ha. (3) Khu thương mại dịch vụ tại thôn Cả (Khu HTX chè Vĩnh Tân), diện tích khoảng 5,0 ha. (4) Khu Thương mại dịch vụ tại thôn Cả, Thia, Tân Lập, diện tích khoảng 0,3 ha. (5) Khu thương mại dịch vụ thôn Ao Búc, diện tích khoảng 15,0 ha. (6) Mở rộng Làng văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử đặc biệt tại thôn Thia: 5,5 ha (vị trí đổi diện cổng Flamingo); (7) Khu vực khuôn viên cây xanh, vườn hoa, điểm công cộng đổi diện phòng khám Đa khoa khu vực Tân Trào, diện tích khoảng 2,0 ha. 3.2 Bổ sung quy hoạch khu dân cư (1) Khu dân cư thôn Lũng Búng, diện tích khoảng 2,0 ha. (2) Khu dân cư thôn Thia, diện tích khoảng 1,5 ha. 3.3 Quy hoạch trụ sở làm việc: (1) Trụ sở làm việc Công an xã: Tại thôn Cả, (Khu HTX chè Vĩnh Tân) diện tích 1,0 ha. (2) Trụ sở làm việc của Ban chỉ huy Quân sự xã tại thôn Cả, diện tích 0,5 ha (Khu HTX chè Vĩnh Tân) 3.4 Quy hoạch vị trí mở đất đắp công trình - Quy hoạch điểm lấy đất đắp cho công trình, dự án trên địa bàn xã Tân Trào tại các thôn: + Thôn thôn Làng Nhà, diện tích khoảng 10,0 ha.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	+ Trung Long, diện tích khoảng 10,0 ha. 4. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục - đào tạo tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 Đề nghị bổ sung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường học đã được đầu tư từ năm 1995, đã xuống cấp không đảm bảo tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia, cụ thể: - Đầu tư xây dựng công trình Trường THCS Trung Yên (Chưa đạt chuẩn quốc gia). - Đầu tư xây dựng công trình Trường THCS Tân Trào. - Đầu tư xây dựng công trình Trường Tiểu học Tân Trào. 5. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. - Đề nghị bổ sung như sau: Khu vực rủi ro do thiên tai, xói lở bờ sông Phó Đáy đoạn qua địa phận xã Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang. - Khu vực: Thôn Làng Hãn, thôn Ao Búc, thôn Quan Hạ, thôn Cả, thôn Vĩnh Tân, thôn Bồng xã Tân Trào. - Quy mô: Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông, đường giao thông trên địa bàn xã Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang.	
61	UBND xã Mậu Duệ (Văn bản số 43/UBND- PKT ngày 20/01/2026)	
	- Về tổ chức không gian phát triển: Đề nghị làm rõ hơn vai trò, vị trí của cấp xã trong các vùng kinh tế, hành lang phát triển; có định hướng cụ thể đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nhằm bảo đảm phát triển hài hòa, bền vững giữa các khu vực. - Về phát triển nông nghiệp, nông thôn: Đề nghị quan tâm hơn đến các giải pháp hỗ trợ cấp xã trong tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, kinh tế hợp tác và liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm; Ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, giao thông nông thôn, thủy lợi nhỏ và hạ tầng thiết yếu tại các xã. - Về phát triển du lịch và bảo tồn văn hóa: Đề nghị bổ sung định hướng phát triển du lịch cộng đồng gắn với cấp xã, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, tạo sinh kế bền vững cho người dân; Quan tâm đầu tư hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại chỗ. - Về hạ tầng và an sinh xã hội: Đề nghị tiếp tục ưu tiên nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông kết nối xã – liên xã, hạ tầng số, viễn thông phục vụ chuyển đổi số ở cơ sở; Quan tâm đầu tư cơ sở y tế, giáo dục, thiết chế văn hóa – thể thao cấp xã, góp phần nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. - Về tổ chức thực hiện Quy hoạch: Đề nghị sau khi Quy hoạch được phê duyệt, sớm ban hành kế hoạch triển khai và hướng dẫn cụ thể để UBND cấp xã có cơ sở tổ chức thực hiện, lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm và giai đoạn.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
62	UBND xã Yên Nguyên (Văn bản số 74/UBND- KT ngày 19/01/2026)	
	Sau khi nghiên cứu hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ủy ban nhân dân xã Yên Nguyên đề nghị điều chỉnh địa điểm quy hoạch cụm công nghiệp Yên Nguyên đã được quy hoạch 30 ha phê duyệt năm 2023, tại thôn Cầu Mạ, về thôn Cầu Cả, xã Yên Nguyên (vì địa điểm quy hoạch tại thôn Cầu Mạ trong những năm 2024, năm 2025 khi mưa bão thường xuyên bị ngập lụt).	
63	Công ty TNHH xây dựng và vận tải Hoàng Sơn (Văn bản số 03/CV-CTHS ngày 06/01/2026)	
	Báo cáo và đề nghị cập nhật thông tin các dự án do Công ty TNHH xây dựng và vận tải Hoàng Sơn triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh vào hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh (Có văn bản và các nội dung chi tiết kèm theo)	Tiếp thu ý kiến, Sở Tài chính phối hợp với các Sở ngành có liên quan và chỉ đạo đơn vị tư vấn tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh.
64	UBND xã Minh Tân (Văn bản số 42/UBND- KT ngày 19/01/2026)	
	UBND xã Minh Tân đề xuất điều chỉnh và nhu cầu sử dụng đất, danh mục các công trình dự án trọng điểm do xã xác định để triển khai thực hiện trên địa bàn. Đề nghị điều chỉnh: (1) Theo phụ lục 1. Danh mục điểm du lịch quy hoạch trên địa bàn tỉnh năm 2030. Tại mục B, Điểm du lịch danh lam thắng cảnh. (2) Đề nghị điều chỉnh lại điểm du lịch dốc Thâm Mã do không thuộc địa phận xã Minh Tân. Đề xuất nhu cầu. Phát triển mạng lưới điện nông thôn: (1) Bổ sung quy hoạch sử dụng đất dự án: Công trình điện thôn Hoàng Lý Pả, Mã Hoàng Phìn xã Minh Tân giai đoạn (2) Bổ sung quy hoạch sử dụng đất dự án: Công trình điện thôn Xín Chải, xã Minh Tân. Hạ tầng thương mại: (3) Bổ sung quy hoạch sử dụng đất chợ Trung tâm xã Minh Tân, tỉnh Tuyên Quang. Quy hoạch sử dụng đất: (4) Bổ sung quy hoạch thương mại dịch vụ, kết hợp du lịch tại khu vực dọc tuyến đường QL4C đoạn từ km 30+100 đến km 33 thôn Tân Sơn, thôn Bản Phố. (5) Bổ sung quy hoạch đất ở dọc 2 bên đường QL4C từ km 28 đến km 30 thuộc thôn Tân Sơn. (6) Bổ sung quy hoạch đất khu Tái định cư tại xóm 4 thôn Tân Sơn, xã Minh Tân với diện tích 1ha. (7) Bổ sung quy hoạch sử dụng đất Giáo dục và đào tạo (xây dựng trường nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Minh Tân). (8) Bổ sung quy hoạch sử dụng đất Trụ sở công an xã. (9) Bổ sung quy hoạch sử dụng đất Trụ sở quân sự xã. (10) Bổ sung quy hoạch sử dụng đất Thể dục thể thao. (11) Bổ sung quy hoạch sử dụng đất Khu vui chơi giải trí, công cộng. (12) Bổ sung quy hoạch sử dụng đất Trụ sở cơ quan UBND xã. (13) Bổ sung quy hoạch sử dụng đất Trạm y tế xã.	

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
65	UBND xã Hồng Thái (Văn bản số 53/UBND- KT ngày 20/01/2026)	
	1. Đề nghị sửa nội dung tại thứ tự số 10, bảng số 26. Danh sách các khu du lịch cấp tỉnh: Từ Khu du lịch nghỉ dưỡng Khau Tràng, Nà Mạ, Pắc Khoang thành Khu du lịch nghỉ dưỡng Hồng Thái. 2. Đề nghị bổ sung mỏ đá vôi Bản Lục, xã Hồng Thái vào danh mục mỏ tiếp tục khai thác trong thời kỳ 2021-2030 và thời kỳ 2031-2050. 3. Các nội dung khác nhất trí với dự thảo hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	
66	UBND xã Tân Long (Văn bản số 49/UBND- KT ngày 22/01/2026)	
	1. Về phương án quy hoạch quản lý địa chất khoáng sản: Đề nghị quy hoạch bổ sung thêm điểm mỏ khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng tại khu Suối 3, xã Tân Long, tỉnh Tuyên Quang (Khu Đèo Lảnh) với diện tích dự kiến khoảng 195,86ha vào phương án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang. Lý do: Thực hiện quy hoạch để cung ứng nguồn vật liệu cho thị trường trong và ngoài tỉnh góp phần tăng thu ngân sách, tạo việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. 2. Về định hướng sử dụng đất: - Đề xuất điều chỉnh diện tích đất rừng phòng hộ của xã đến năm 2030 là 749,41 ha, giảm 300 ha so với hiện trạng năm 2024. Lý do: Diện tích rừng phòng hộ trên do dân tại địa phương tự bỏ vốn trồng rừng, hiện nay khả năng phòng hộ không cao so với yêu cầu của rừng phòng hộ. Ngoài ra việc điều chỉnh diện tích đất rừng phòng hộ nhằm góp phần cải thiện kinh tế, sản xuất Lâm nghiệp, ổn định đời sống và giảm nghèo. - Đề xuất điều chỉnh diện tích đất rừng sản xuất của xã đến năm 2030 là 6.261,56 ha, tăng 300 ha so với hiện trạng năm 2024. Lý do đề xuất: Để thực hiện việc điều chỉnh diện tích đất rừng phòng hộ do dân tự trồng.	Tiếp thu ý kiến, Sở Tài chính phối hợp với các Sở ngành có liên quan và chỉ đạo đơn vị tư vấn tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh.
67	UBND xã Lâm Bình (Văn bản số 68/UBND- KT ngày 22/01/2026)	
	Về cơ bản, Ủy ban nhân dân xã Lâm Bình nhất trí với các nội dung trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (lần 2). Đề nghị Sở Tài chính tổng hợp, xem xét chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau (Chi tiết theo biểu đính kèm)	Tiếp thu ý kiến, Sở Tài chính chỉ đạo đơn vị tư vấn tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh.